UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11592/TB-SYT

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2020

THÔNG BÁO
Về việc kiểm tra dữ liệu đăng ký tuyển dụng viên chức năm 2019

Thực hiện các Quyết định số 5019/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch Thi tuyển viên chức vào việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế năm 2019 và Quyết định số 4650/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 5019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2019.

Để việc xét tuyển vòng 1 đảm bảo yêu cầu, tránh sai sót, Sở Y tế thông báo danh sách thí sinh dự tuyển trên Website của Sở Y tế Hà Nội *http://soyte.hanoi.gov.vn*, tại các đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng và yêu cầu thí sinh dự tuyển, đơn vị tuyển dụng thực hiện một số yêu cầu sau:

1. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển: Rà soát lại dữ liệu, các thông tin cá nhân của thí sinh đăng ký dự tuyển, đặc biệt là các nội dung: Vị trí dự tuyển; ngành hoặc chuyên ngành đào tạo; trình độ ngoại ngữ; trình độ tin học, diện ưu tiên.

2. Đối với các đơn vị tuyển dụng: Thông báo đến từng thí sinh đăng ký dự tuyển vào đơn vị mình để rà soát lại các thông tin cá nhân của thí sinh trong danh sách dự tuyển.

Nếu cần bổ sung làm rõ thông tin trong danh sách dự tuyển đính kèm thông báo này, thí sinh dự tuyển làm đơn theo mẫu và mang theo bản sao giấy tờ minh chứng đến Sở Y tế (số 4 Sơn Tây, Ba Đình, Hà Nội) để đề nghị bổ sung.

Thời gian đề nghị bổ sung: Trong giờ hành chính từ ngày 11/11/2020 đến 17 giờ ngày 16/11/2020 tại Sở Y tế (qua phòng Tổ chức cán bộ).

Hết thời hạn nêu trên, các thí sinh đăng ký dự tuyển viên chức năm 2019 vào các đơn vị sự nghiệp công lập của Sở Y tế hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin liên quan đến điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển.

Sở Y tế trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ (để báo cáo);
- Ban giám đốc Sở (để chỉ đạo);
- Các đơn vị trong ngành (để thực hiện);
- Các thí sinh đăng ký dự tuyển (để thực hiện);
- TT KSBT TP Hà Nội (để đăng tải trên Website của Sở Y tế);
- Lưu VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Khắc Hiền

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2019 CỦA SỞ Y TẾ HÀ NỘI

(Kèm theo Thông báo số 4591/TB-SYT ngày 11/11/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
		1. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP BÁC SĨ (HẠNG III) - V.08.01.03													
1	1	Thành Xuân	Anh	05/12/1987	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2	2	Phạm Đức	Anh	19/11/1992	Nam	Nguyễn Thái Học, Yên Bái	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Văn phòng B	Anh C		
3	3	Trần Bảo	Châu	02/10/1988	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)	Văn phòng B	Anh B		
4	4	Lê Thị Kim	Chính	11/09/1990	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5	5	Nguyễn Thị	Dung	12/09/1982	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Sản phụ khoa)		Anh C		
6	6	Trần Văn	Dũng	02/04/1988	Nam	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
7	7	Đỗ Xuân	Hai	12/03/1985	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)	Ứng dụng B	Anh B1		
8	8	Đào Xuân	Hải	02/09/1992	Nam	Văn Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Ths, BSNT	Bác sỹ đa khoa (Bác sỹ nội trú Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toeic 450	CĐCĐ	
9	9	Đặng Thị Thu	Hiền	06/06/1983	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
10	10	Trần Thùy	Linh	06/10/1987	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Sản phụ khoa)	Văn phòng B	Anh B		
11	11	Phạm Quỳnh	Ly	17/09/1991	Nữ	Đông Kinh, Lạng Sơn, Lạng Sơn	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Văn phòng B	Anh B		
12	12	Nguyễn Thành Sao	Mai	14/09/1991	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng B	Anh C	CTB	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
13	13	Nguyễn Thị	Nga	11/03/1988	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
14	14	Phạm Văn	Nguyên	13/06/1994	Nam	Tiến Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
15	15	Nguyễn Thị	Nguyệt	15/08/1989	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
16	16	Nguyễn Thanh	Phương	05/07/1994	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2 (IELTS)		
17	17	Nguyễn Khắc	Toàn	23/06/1989	Nam	Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Văn phòng B	IELTS 7.5/9.0	**CTB**	
18	18	Đồng Thu	Trang	17/10/1986	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
19	19	Vũ Thị	Trúc	01/07/1987	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C; TOFEL 367		
20	20	Đinh Quang	Trung	13/04/1994	Nam	Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, Hải Dương	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
21	21	Phạm Xuân	Trường	14/12/1983	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)	Văn phòng C	Anh A2		
22	22	Đinh Trần	Vũ	18/08/1990	Nữ	Thanh Quang, Nam Sách, Hải Dương	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Văn phòng B	Anh B		
23	23	Phạm Khương	Vũ	12/03/1992	Nam	Hoa Lư, Pleiku, Gia Lai	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
24	24	Nguyễn Ngọc	Anh	14/11/1992	Nữ	Chiềng Sinh, Thành phố Sơn La, Sơn La	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
25	25	Thiều Thị Thanh	Vân	31/08/1991	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Văn phòng B	Anh C		
26	26	Lê Ngọc	Anh	01/01/1990	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
27	27	Nguyễn Hoàng	Anh	19/03/1990	Nam	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 1		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
28	28	Lê Thành	Chung	23/09/1991	Nam	Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 1		
29	29	Nguyễn Hoàng	Dương	20/08/1991	Nam	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
30	30	Phạm Đắc	Đông	21/12/1991	Nam	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
31	31	Trịnh Thu	Hà	25/08/1992	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
32	32	Trần Thanh	Hà	18/10/1988	Nữ	Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 483		
33	33	Trần Thị Diệu	Huyền	17/10/1992	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
34	34	Vũ Thị Minh	Hương	14/06/1991	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
35	35	Đinh Thị Lan	Hương	04/07/1993	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
36	36	Nguyễn Văn	Khải	01/01/1987	Nam	Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 410		
37	37	Nguyễn Duy	Khoa	29/06/1989	Nam	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
38	38	Lê Phương	Linh	29/12/1981	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
39	39	Phan Thị Diệu	Linh	09/04/1991	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 400		
40	40	Hồ Hoàng	Nam	12/03/1991	Nam	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
41	41	Phùng Ngọc	Nam	10/04/1990	Nam	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
42	42	Đỗ Minh	Ngọc	05/12/1991	Nữ	Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 447		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
43	43	Ngô Minh	Phúc	18/09/1993	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
44	44	Đinh Việt	Phúc	02/09/1991	Nam	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
45	45	Phạm Hoài	Phương	04/09/1992	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS _ 417		
46	46	Nguyễn Quang	Tuấn	05/01/1990	Nam	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp 1 Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 515		
47	47	Nguyễn Văn	Thắng	17/08/1993	Nam	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2	**CĐCĐ**	
48	48	Nguyễn Nguyên	Thủy	02/11/1988	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
49	49	Chử Quốc	Công	22/11/1982	Nam	Quang Trung, Sơn Tây, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Chẩn đoán hình ảnh)	Văn phòng B	Anh bậc 1		
50	50	Lê Đỗ	Đạt	01/12/1992	Nam	Đông Cương, Thanh Hóa, Thanh Hóa	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
51	51	Trần Hiệp	Hòa	23/12/1991	Nam	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
52	52	Đỗ Thị Phương	Lan	02/06/1991	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
53	53	Nguyễn Văn	Quân	12/01/1991	Nam	Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
54	54	Nguyễn Văn	Thiệu	25/05/1992	Nam	Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 397		
55	55	Mầu Thị	Tuyến	01/11/1991	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Huyết học truyền máu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Huyết học truyền máu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
56	56	Nguyễn Thị	Hải	01/11/1991	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Giải phẫu bệnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Giải phẫu bệnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
57	57	Trần Thị Giang	Anh	14/02/1992	Nữ	Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
58	58	Lê Thị Ngọc	Diệp	16/01/1992	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
59	59	Trần Ngọc	Hưng	13/10/1987	Nam	Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Nhãn khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
60	60	Phạm Nhật	Minh	06/07/1991	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhãn khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
61	61	Đào Ngọc	Mai	10/09/1992	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	IELTS 7.0		
62	62	Trần Thị Như	Ngọc	10/03/1994	Nữ	Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
63	63	Phạm Văn	Nguyên	23/07/1984	Nam	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhãn khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
64	64	Trần Hồng	Nhung	02/03/1992	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 975		
65	65	Vũ Thị	Thúy	21/12/1989	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhãn khoa)	Văn phòng B	Anh C		
66	66	Nguyễn Văn	Giáp	03/09/1986	Nam	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
67	67	Trần Vương	Hải	11/09/1987	Nam	Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
68	68	Lê Thị	Dịu	31/05/1990	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhãn khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
69	69	Tôn Việt	Dũng	30/03/1991	Nam	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
70	70	Lê Phi	Hoàng	04/10/1991	Nam	Hải Nam, Hải Hậu, Nam Định	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	BSNT	Bác sỹ đa khoa (Bác sỹ nội trú Nhãn khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 490 (B1)		
71	71	Vũ Dương	Hồng	17/12/1991	Nam	Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
72	72	Vũ Đình	Nho	18/10/1993	Nam	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
73	73	Vũ Tạ Hồng	Quân	06/08/1994	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
74	74	Nguyễn Ngọc	Sơn	26/01/1979	Nam	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Nhãn khoa)	Văn phòng B	Bằng thạc sĩ tại nước ngoài		Có bằng tốt nghiệp sau đại học ở nước ngoài
75	75	Trương Thị Thanh	Thảo	21/11/1988	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Nhãn khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 600 (B1)		
76	76	Nguyễn Thị Hà	Trang	12/05/1993	Nữ	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
77	77	Nguyễn Thị Thu	Uyên	12/06/1991	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
78	78	Nguyễn Thế	Vinh	19/10/1986	Nam	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Nhãn khoa)	Văn phòng B	Anh B1	CBB	
79	79	Phạm Quỳnh	Anh	20/10/1992	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung HSK 5		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
80	80	Trương Thị Lan	Anh	10/07/1991	Nữ	Bà Triệu, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung HSK 5		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
81	81	Lê Thúy	Ngân	18/06/1989	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
82	82	Nguyễn Long	Quân	11/11/1984	Nam	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Văn phòng B	Anh A2		
83	83	Lương Thị Trà	Giang	17/12/1987	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Xét nghiệm**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Xét nghiệm)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	DTTS	
84	84	Vũ Xuân	Ánh	28/11/1989	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	B	Anh A2		
85	85	Trần Mạnh	Hùng	17/05/1993	Nam	Hữu Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
86	86	Vũ Thị Mai	Huyền	19/12/1994	Nữ	Diễn Hồng, Diễn Châu, Nghệ An	BV Da liễu Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
87	87	Đỗ Thùy	Linh	17/09/1992	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	IELTS 6.0		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
88	88	Cao Xuân	Linh	27/12/1990	Nam	Ngô Quyền, Sơn Tây, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
89	89	Lê Hải	Yến	09/10/1994	Nữ	Thượng Trưng, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	BV Da liễu Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
90	90	Nguyễn Thị Phúc	An	10/10/1983	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội ...	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
91	91	Nguyễn Thị Bích	Hường	11/05/1971	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
92	92	Nghiêm Thọ	Thông	04/10/1976	Nam	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Văn phòng B	TOEFLS 537		
93	93	Nguyễn Thị	Hương	10/06/1990	Nữ	Thanh Hương, Thanh Liêm, Hà Nam	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Ths	Bác sỹ Y học cổ truyền (thạc sỹ Y học cổ truyền)	Ứng dụng B	Anh B		
94	94	Phạm Thanh	Huyền	20/11/1982	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
95	95	Nguyễn Thị	Thảo	12/04/1977	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
96	96	Phan Thị Thu	Thảo	28/02/1990	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
97	97	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	19/08/1987	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
98	98	Chu Thị	Nết	27/10/1984	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
99	99	Nguyễn Trung	Nghĩa	13/09/1988	Nam	Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Nha khoa	Văn phòng B	Pháp Anh B1		
100	100	Đỗ Thị Lan	Anh	20/05/1995	Nữ	Đồi Ngô, Lục Nam, Bắc Giang	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
101	101	Bùi Thị Bông	Hồng	17/02/1994	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
102	102	Nguyễn Hồng	Nhung	18/02/1994	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C1		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
103	103	Bùi Trí	Thức	01/11/1993	Nam	Xuân Trường, Xuân Trường, Nam Định	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
104	104	Nguyễn Huyền	Trang	21/04/1995	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
105	105	Vũ Phương	Thanh	25/01/1989	Nữ	Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
106	106	Lê Huy	Thành	20/06/1986	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Gây mê hồi sức)	Văn phòng A	Anh A2		
107	107	Lê Thu	Trang	24/11/1987	Nữ	Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Xét nghiệm**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Xét nghiệm)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
108	108	Tăng Đức	Cương	03/12/1981	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ chuyên khoa Sản**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
109	109	Lý Việt	Hải	06/10/1981	Nam	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
110	110	Đỗ Thị	Huế	04/07/1994	Nữ	Hưng Nhân, Hưng Hà, Thái Bình	BVĐK Hòe Nhai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
111	111	Đặng Thị Thư	Linh	17/08/1993	Nữ	Thanh Châu, Phủ Lý, Hà Nam	BVĐK Hòe Nhai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
112	112	Phạm Ngọc	Thanh	14/10/1994	Nam	Ninh Hòa, Hoa Lư, Ninh Bình	BVĐK Hòe Nhai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
113	113	Đỗ Tiến	Thuận	12/10/1981	Nam	Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
114	114	Vũ Anh	Tuấn	28/11/1981	Nam	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
115	115	Lê Bá	Đạt	07/11/1988	Nam	Đồng Tâm, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 360		
116	116	Vũ Thu	Hoài	22/05/1991	Nữ	Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng B	Anh B		
117	117	Ngô Thị	Huê	02/12/1992	Nữ	Tam Giang, Yên Phong, Bắc Ninh	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	BSNT	Bác sỹ Gây mê hồi sức	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
118	118	Lê Thị	Nguyệt	04/06/1982	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
119	119	Hoàng Văn	Ban	08/06/1991	Nam	Liên Phương, Hưng Yên, Hưng Yên	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
120	120	Đào Nguyên	Chính	22/08/1993	Nam	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Tin học văn phòng			
121	121	Nguyễn Trí	Cương	19/04/1991	Nam	Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Pháp delf b2		
122	122	Lê Xuân	Hiếu	18/02/1990	Nam	Phú Sơn, Thanh Hóa, Thanh Hóa	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
123	123	Nguyễn Hoàng	Hòa	03/05/1972	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ngoại)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
124	124	Trần Việt	Hoàng	04/06/1990	Nam	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
125	125	Cấn Duy	Hùng	28/07/1991	Nam	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
126	126	Nguyễn Hữu	Hùng	27/06/1991	Nam	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C1		
127	127	Phạm Xuân	Hưng	28/09/1991	Nam	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
128	128	Hồ Ngọc	Minh	05/10/1992	Nam	Tân Sơn, Thanh Hóa, Thanh Hóa	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2 (IELTS 5.5)		
129	129	Lương Minh	Quang	30/03/1986	Nam	Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	B	Anh B1		
130	130	Trần	Quyết	10/09/1987	Nam	Tam Quan, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
131	131	Nguyễn Trọng	Quỳnh	10/11/1982	Nam	Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Pháp B2		
132	132	Lê Khánh	Trình	22/02/1990	Nam	Minh Hợp, Quỳ Hợp, Nghệ An	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Văn phòng B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
133	133	Phạm Sơn	Tùng	01/10/1992	Nam	Nông Tiến, Tuyên Quang, Tuyên Quang	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
134	134	Nguyễn Hữu	Viện	17/10/1992	Nam	Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Văn phòng B	TOEIC 735		
135	135	Đỗ Thị Trâm	Anh	27/06/1988	Nữ	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
136	136	Đào Trường	Giang	16/10/1989	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
137	137	Nguyễn Đăng	Hải	01/06/1992	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
138	138	Nguyễn Đăng	Hoàn	29/05/1989	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Pháp delf b2		
139	139	Nguyễn Hoài	Nam	30/11/1989	Nam	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
140	140	Quách Văn	Nam	16/12/1992	Nam	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
141	141	Kiều Thúy	Ngân	05/11/1990	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
142	142	Đặng Quang	Nhật	25/10/1991	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
143	143	Nguyễn Thị	Nhung	06/11/1992	Nữ	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	BSNT	Bác sỹ đa khoa (Bác sỹ nội trú Nhi khoa)		Anh B1		
144	144	Phạm Hồng	Nhung	10/07/1990	Nữ	Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	CN tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
145	145	Nguyễn Thị	Thảo	30/07/1989	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
146	146	Lê Thị	Thúy	01/02/1993	Nữ	Phú Phúc, Lý Nhân, Hà Nam	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
147	147	Nguyễn Viết	Đăng	06/02/1987	Nam	Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
148	148	Trần Đăng	Huân	21/03/1993	Nam	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
149	149	Hoàng Thanh	Huyền	17/08/1992	Nữ	Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Ths	Bác sỹ Hồi sức cấp cứu	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 605		
150	150	Lê Thị	Nhài	22/10/1991	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
151	151	Ngô Thị Thu	Trang	06/09/1985	Nữ	Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nội**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Nội chung)	B	Anh B1	CBB	
152	152	Phương Văn	Sơn	15/04/1992	Nam	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nội**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nội khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
153	153	Trần Duy	Thanh	09/11/1994	Nam	Mỹ Xá, Nam Định, Nam Định	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nội soi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nội soi tiêu hóa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
154	154	Trần Văn	Thanh	10/09/1990	Nam	Vĩnh Ninh, Vĩnh Lộc, Thanh Hóa	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nội soi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nội soi tiêu hóa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
155	155	Bùi Tuấn	Vũ	10/01/1991	Nam	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 390	CTB	
156	156	Võ Hải	Yến	12/03/1993	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
157	157	Đàm Thanh	Hương	07/12/1993	Nữ	Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sinh hóa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hóa sinh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 560		
158	158	Đặng Thị	Nga	20/04/1992	Nữ	Vũ Lạc, Thái Bình, Thái Bình	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sinh hóa**	BSNT	Bác sỹ đa khoa (Bác sỹ nội trú Hóa sinh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 665		
159	159	Hà Danh	Đạo	01/06/1980	Nam	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Pháp delf b2		
160	160	Vũ Thuận Thanh	Trà	16/10/1992	Nữ	Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	IELTS 6.0		
161	161	Lưu Hồng	Hạnh	22/11/1992	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 805		
162	162	Trương Thị	Ngà	03/05/1989	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
163	163	Phạm Phương	Thảo	09/06/1982	Nữ	Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Răng hàm mặt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 366		
164	164	Hà Mạnh	Hồng	05/01/1991	Nam	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
165	165	Hoàng Huy	Tùng	30/12/1991	Nam	Đông Hưng, Thanh Hóa, Thanh Hóa	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 407		
166	166	Nguyễn Thị	Hà	06/03/1992	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Tin học văn phòng	Anh A2		
167	167	Võ Thị Thanh	Nga	30/10/1992	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Tin học văn phòng	Anh C		
168	168	Dương Thúy	Quỳnh	04/07/1993	Nữ	Tiên Hưng, Lục Nam, Bắc Giang	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Tin học văn phòng	Anh A2		
169	169	Đỗ Phương	Thảo	06/12/1989	Nữ	Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Văn phòng B	Anh B		
170	170	Trần Văn	Tuấn	17/08/1993	Nam	Hải Hòa, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
171	171	Vũ Thị Quỳnh	Anh	06/10/1993	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
172	172	Nguyễn Thị Lan	Anh	20/03/1989	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Tin học văn phòng	Pháp delf B1		
173	173	Nguyễn Thị Vân	Anh	31/07/1992	Nữ	Chu Văn An, Vĩnh Trại, Lạng Sơn	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa				
174	174	Phạm Văn	Biên	06/09/1992	Nam	Vĩnh Lộc, Chiêm Hóa, Tuyên Quang	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
175	175	Nguyễn Đình	Công	10/03/1991	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh C		
176	176	Nguyễn Tài	Đạt	07/11/1994	Nam	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
177	177	Bùi Minh	Đạt	05/05/1992	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
178	178	Lê Thị Mỹ	Dung	11/01/1995	Nữ	Hải Triều, Tiên Lữ, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
179	179	Lê Thị Thùy	Dương	14/10/1992	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
180	180	Vũ Thị	Giang	30/08/1995	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 645		
181	181	Nguyễn Văn	Giang	27/05/1989	Nam	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	Anh B		
182	182	Dương Thị Hương	Giang	24/06/1992	Nữ	Phượng Cách, Quốc Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
183	183	Đỗ Khánh	Hà	25/11/1993	Nữ	Bình Minh, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
184	184	Nguyễn Đình Hoàng	Hà	30/07/1994	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
185	185	Nguyễn Thị Thu	Hằng	19/02/1992	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
186	186	Đặng Thị	Hằng	04/02/1988	Nữ	Vân Nam, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
187	187	Đinh Thị Hồng	Hạnh	08/01/1994	Nữ	Dĩnh Kế, Bắc Giang, Bắc Giang	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
188	188	Ngô Thị	Hiền	13/10/1992	Nữ	Tri Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
189	189	Ngô Thị	Hoa	04/10/1988	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh A2		
190	190	Đinh Văn	Hoàng	25/08/1989	Nam	Tăng Tiến, Việt Yên, Bắc Giang	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
191	191	Nguyễn Minh	Hoàng	04/11/1993	Nam	Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
192	192	Nguyễn Thị	Hợp	04/02/1992	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Tin học văn phòng	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
193	193	Trần Quốc	Khánh	03/09/1991	Nam	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
194	194	Nguyễn Thị	Linh	11/03/1988	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
195	195	Trương Vinh	Long	17/05/1991	Nam	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
196	196	Nguyễn Hùng	Nam	30/09/1993	Nam	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
197	197	Nguyễn Hoài	Nam	10/04/1992	Nam	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 400		
198	198	Lê Đoàn	Ngọc	25/03/1992	Nam	Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Tin học văn phòng	Anh A2		
199	199	Hà Viết	Ngọc	01/09/1991	Nam	Mai Đình, Hiệp Hòa, Bắc Giang	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ giảng dạy Tiếng Nga		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
200	200	Nguyễn Thị Như	Ngọc	15/04/1993	Nữ	Việt Hòa, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
201	201	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	18/07/1990	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
202	202	Đỗ Thị	Nhâm	03/07/1991	Nữ	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
203	203	Trần Thị Hồng	Nhung	27/10/1992	Nữ	Tiên Cát, Việt Trì, Phú Thọ	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
204	204	Nguyễn Thị	Nhung	25/09/1995	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 485		
205	205	Phạm Thị	Oanh	02/11/1995	Nữ	Thanh Hải, Thanh Hà, Hải Dương	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
206	206	Nguyễn Tuấn	Phong	24/07/1992	Nam	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Pháp Delf A2		
207	207	Tô Lan	Phương	06/12/1992	Nữ	Bắc Lệnh, Lào Cai, Lào Cai	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
208	208	Nguyễn Trọng	Quyền	10/09/1995	Nam	Thạch Lưu, Thạch Hà, Hà Tĩnh	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
209	209	Hoàng Anh	Tài	24/04/1991	Nam	Chính Nghĩa, Kim Động, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	Anh C		
210	210	Dương Văn	Tân	05/01/1991	Nam	Tân Lãng, Lương Tài, Bắc Ninh	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
211	211	Vũ Hồng	Thái	03/01/1991	Nam	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Pháp Delf B1		
212	212	Chu Đức	Thắng	28/05/1993	Nam	Đồng Than, Yên Mỹ, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
213	213	Nguyễn Thị	Thảo	14/11/1994	Nữ	Vĩnh Hồng, Bình Giang, Hải Dương	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Tin học văn phòng	TOEFLS 363		
214	214	Lê Hương	Thảo	14/06/1989	Nữ	Minh Nông, Việt Trì, Phú Thọ	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	Anh B		
215	215	Lại Việt	Thịnh	13/11/1993	Nam	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
216	216	Nguyễn Văn	Thuyên	03/07/1992	Nam	Văn Tảo, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa				
217	217	Lê Minh	Tiến	23/11/1993	Nam	Hải Triều, Tiên Lữ, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	Anh B		
218	218	Trần Thanh	Trà	10/11/1993	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 500		
219	219	Ngô Thị	Trang	16/01/1994	Nữ	Nghĩa Hội, Nghĩa Đàn, Nghệ An	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	Anh A2		
220	220	Nguyễn Ngọc	Trung	19/04/1991	Nam	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Tin học văn phòng			
221	221	Bùi Anh	Tuấn	06/05/1994	Nam	Lộc Hòa, Nam Định, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
222	222	Lê Thị	Tuyến	09/10/1993	Nữ	Hợp Lý, Triệu Sơn, Thanh Hóa	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
223	223	Dương Thị	Tuyết	02/05/1995	Nữ	Trung Hòa, Yên Mỹ, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Tin học văn phòng	TOEIC 205		
224	224	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	18/10/1989	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh bậc 2		
225	225	Lê Thị Hương	Chà	26/02/1993	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 413 (Anh A2)		
226	226	Trần Thị	Hằng	07/11/1987	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
227	227	Trịnh Thị Hoàng	Anh	25/08/1991	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
228	228	Trương Quý	Hoàng	15/11/1990	Nam	Đông Ninh, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	B	Anh B		
229	229	Phạm Thị Kim	Huệ	16/08/1989	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
230	230	Nguyễn Hữu	Quân	02/01/1993	Nam	Hoằng Đồng, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
231	231	Đoàn Quang	Tuệ	25/12/1990	Nam	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
232	232	Phạm Thị	Biển	10/08/1989	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
233	233	Nguyễn Ngọc	Quân	08/09/1989	Nam	Phú Cường, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	B	Anh bậc 2		
234	234	Ngô Thị	Thảo	03/12/1991	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
235	235	Phạm Thị	Liên	23/03/1991	Nữ	Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Huyết học truyền máu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Huyết học truyền máu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 350	CTB	
236	236	Vũ Khang	Ninh	29/11/1990	Nam	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Tin học văn phòng	Anh C		
237	237	Nguyễn Hương	Giang	29/06/1993	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
238	238	Lê Xuân	Hưng	03/09/1991	Nam	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	B	Anh B		
239	239	Vũ Thị	Mai	13/11/1992	Nữ	Nam Cường, Nam Trực, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
240	240	Lê Thanh	Tùng	27/07/1992	Nam	Thúy Lĩnh, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
241	241	Nguyễn Quang	Bình	13/09/1991	Nam	Bồ Xuyên, Thái Bình, Thái Bình	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Pháp Delf B2		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
242	242	Bùi Thế	Hà	22/04/1993	Nam	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
243	243	Phùng Văn	Hiếu	01/03/1992	Nam	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Răng miệng, định hướng Hàm mặt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
244	244	Nguyễn Đức	Khương	16/10/1993	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 810		
245	245	Lê Thị	Thanh	17/07/1981	Nữ	Hồng Vân, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Răng hàm mặt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
246	246	Nguyễn Thị Bích	Thảo	11/10/1995	Nữ	Trung Hà, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
247	247	Nguyễn Thị	Hằng	10/11/1991	Nữ	Đức Long, Quế Võ, Bắc Ninh	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)				
248	248	Nguyễn Văn	Long	06/04/1990	Nam	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		Anh bậc 2		
249	249	Nguyễn Thị Kim	Ngân	06/07/1991	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Pháp Delf A2		
250	250	Đặng Anh	Dũng	01/01/1988	Nam	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 370		
251	251	Bàn Thị	Dần	25/09/1987	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Vi sinh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Vi sinh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**DTTS**	
252	252	Nguyễn Thị Hải	Anh	14/07/1993	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
253	253	Nguyễn Trung	Anh	30/01/1995	Nữ	Trường Minh, Bắc Cường, Lào Cai	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
254	254	Trương Văn	Cường	21/10/1980	Nam	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
255	255	Lê Anh	Dũng	12/10/1989	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản			
256	256	Nguyễn Thị Mai	Hạnh	07/05/1993	Nữ	Cầu Gồ, Yên Thế, Bắc Giang	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS 393)		
257	257	Nguyễn Thị	Hoa	19/11/1991	Nữ	Cao Thượng, Tân Yên, Bắc Giang	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
258	258	Nguyễn Thị Phương	Hoa	06/02/1992	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung HSK 5		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
259	259	Nguyễn Thị	Hương	29/05/1994	Nữ	Yên Phú, Yên Mỹ, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
260	260	Lê Thị Thu	Hương	22/05/1993	Nữ	Tuân Chính, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung HSK 4		
261	261	Lương Như	Khôi	10/07/1983	Nam	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng B	Anh B		
262	262	Nguyễn Thị Phương	Lan	20/12/1987	Nữ	Minh Tân, Kinh Môn, Hải Dương, Hải Dương	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	Trung B		
263	263	Đỗ Thị Thùy	Liên	23/02/1994	Nữ	Cổ Lễ, Trực Ninh, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
264	264	Lê Thúy	Linh	24/11/1993	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
265	265	Trần Mỹ	Linh	26/11/1994	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
266	266	Lê Xuân	Lực	06/09/1990	Nam	Tây Hồ, Thọ Xuân, Thanh Hóa	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
267	267	Trần Thị Thúy	Ngân	14/05/1991	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Tiếng Trung		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
268	268	Nguyễn Hữu	Tân	30/03/1991	Nam	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
269	269	Nguyễn Thị	Thảo	18/09/1994	Nữ	Phương Khoan, Sông Lô, Vĩnh Phúc	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	Anh B		
270	270	Nguyễn Đình	Tới	04/01/1992	Nam	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 395		
271	271	Phạm Văn	Tuân	03/01/1992	Nam	Tân Khánh, Vụ Bản, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng C	Anh C		
272	272	Lê Thị Ánh	Tuyết	15/10/1983	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
273	273	Dương Minh	Ngọc	28/05/1992	Nữ	Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
274	274	Nguyễn Tiến	Dũng	09/03/1994	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức tích cực**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
275	275	Nguyễn Thị	Hạnh	13/09/1991	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Xét nghiệm**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Xét nghiệm)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
276	276	Lê Thị	Ngọc	27/11/1992	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Vi sinh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Vi sinh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
277	277	Nguyễn Hồng	Hạnh	06/12/1994	Nữ	Đa Lộc, Ân Thi, Hưng Yên	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
278	278	Nguyễn Thị	Liệu	08/04/1995	Nữ	Yên Cường, Ý Yên, Nam Định	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 360		
279	279	Trần Thị Tuyết	Mai	07/01/1992	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
280	280	Quách Văn	Thảo	05/12/1991	Nam	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
281	281	Tiêu Thị Thu	Trang	14/12/1991	Nữ	Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
282	282	Nguyễn Đình	Tuyên	14/09/1995	Nam	Đào Mỹ, Lạng Giang, Bắc Giang	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
283	283	Phạm Thị Cẩm	Vân	09/09/1991	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
284	284	Hoàng Thị	Sen	03/11/1992	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tim mạch**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tim mạch)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
285	285	Nguyễn Anh	Tuấn	31/05/1987	Nam	Lương Châu, Sông Công, Thái Nguyên	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Ths	Bác sỹ Răng hàm mặt (thạc sỹ Răng hàm mặt)		Anh B1		
286	286	Trần Thị	Hiền	21/09/1992	Nữ	Tiến Đức, Hưng Hà, Thái Bình	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
287	287	Nguyễn Thị Minh	Hoài	12/02/1990	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
288	288	Hoàng Cao	Tân	09/05/1991	Nam	Nguyên Lý, Lý Nhân, Hà Nam	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng B	Anh B		
289	289	Hoàng Thị	Anh	04/03/1993	Nữ	Thanh Thủy, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
290	290	Quách Thị	Lan	20/01/1988	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông , Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
291	291	Trần Đức	Anh	01/11/1986	Nam	Ngô Thì Nhậm, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
292	292	Ngô Thị	Phương	08/10/1994	Nữ	An Khê, Quỳnh Phụ, Thái Bình	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
293	293	Nguyễn Đức	Hiếu	10/09/1992	Nam	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
294	294	Đặng Thị	Hạnh	24/06/1994	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
295	295	Nguyễn Đức Quang	Huy	07/12/1994	Nam	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
296	296	Nguyễn Thị Thùy	Linh	08/01/1994	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
297	297	Nguyễn Thị Hồng	Vân	06/12/1991	Nữ	Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
298	298	Kiều Vân	Anh	20/12/1991	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
299	299	Đào Hải	Anh	11/12/1993	Nữ	Ngô Quyền, Bắc Giang, Bắc Giang	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
300	300	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/1995	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
301	301	Nguyễn Đức	Cường	26/03/1993	Nam	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
302	302	Ngô Minh	Đạt	23/04/1993	Nam	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
303	303	Nguyễn Thị	Dung	25/05/1992	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
304	304	Nguyễn Văn	Dũng	02/12/1994	Nam	Văn Cầm, Hưng Hà, Thái Bình	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
305	305	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/12/1993	Nữ	Chăm Mát, Hòa Bình, Hòa Bình	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
306	306	Bùi Thanh	Hải	20/03/1995	Nam	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 235		
307	307	Trần Thị	Hòa	09/07/1991	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
308	308	Nguyễn Vũ	Hoàn	26/03/1983	Nam	Đức Chính, Cẩm Giàng, Hải Dương	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
309	309	Vũ Quốc	Hùng	04/09/1994	Nam	Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 435		
310	310	Nguyễn Thu	Hương	28/10/1987	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Pháp delf B2		
311	311	Phạm Thị	Hương	25/11/1995	Nữ	Chí Hòa, Hưng Hà, Thái Bình	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 403		
312	312	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	26/12/1993	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
313	313	Nguyễn Văn Tuấn	Khang	28/11/1994	Nam	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
314	314	Nguyễn Phương	Linh	26/09/1994	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
315	315	Vũ Thị	Lý	26/07/1994	Nữ	Toàn Thắng, Tiên Lãng, Hải Phòng	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
316	316	Ngô Thị	Phượng	28/12/1991	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
317	317	Lê Hồng	Quân	09/10/1994	Nam	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
318	318	Phạm Văn	Thanh	10/02/1992	Nam	Phù Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
319	319	Nguyễn Thị	Thòa	07/09/1993	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
320	320	Nguyễn Thị	Thuần	16/03/1992	Nữ	Thanh Thủy, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 360		
321	321	Nguyễn Thu	Thủy	04/11/1992	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
322	322	Dương Thị Thu	Thủy	02/06/1990	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
323	323	Phùng Huyền	Trang	24/11/1994	Nữ	Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
324	324	Đào Quỳnh	Trang	15/10/1993	Nữ	Nguyễn Huy Tưởng, Thanh – Xuân, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
325	325	Nguyễn Thu	Trang	11/06/1993	Nữ	Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
326	326	Vũ Thị	Trang	26/07/1991	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
327	327	Hoàng Bá Xuyên	Trường	07/10/1992	Nam	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
328	328	Đỗ Sơn	Tùng	16/03/1994	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
329	329	Nguyễn Xuân	Việt	30/09/1995	Nam	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
330	330	Nguyễn Đôn	Dũng	10/10/1992	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
331	331	Nguyễn Duy	Hiệp	20/11/1991	Nam	Đại Hưng, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
332	332	Nguyễn Đức	Mạnh	10/03/1992	Nam	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
333	333	Nguyễn Trọng	Nghĩa	22/06/1992	Nam	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
334	334	Phạm Văn	Thắng	13/09/1993	Nam	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
335	335	Trần Quyết	Tiến	29/05/1994	Nam	Phú Phúc, Lý Nhân, Hà Nam	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
336	336	Nguyễn Xuân	Trường	01/09/1994	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại chung)	Ứng dụng B	TOEIC 180		
337	337	Hoàng Văn	Vạn	09/02/1992	Nam	Thanh Thủy, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại chung)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
338	338	Nguyễn Đình	Duy	15/06/1994	Nam	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 393		
339	339	Lưu Thị Phương	Thảo	27/09/1993	Nữ	Thái Long, TP Tuyên Quang, Tuyên Quang	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	ĐTTS	
340	340	Nguyễn Thị Vân	Trang	15/07/1991	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4		
341	341	Nguyễn Thị Hà	Trang	10/03/1991	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
342	342	Vũ Thị Hồng	Duyên	08/12/1993	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
343	343	Nguyễn Thiện Thanh	Thúy	02/07/1991	Nữ	Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 855		
344	344	Trần Duy	Hoàng	26/07/1993	Nam	Hợp Thành, Cao Lộc, Lạng Sơn	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**DTTS**	
345	345	Đỗ Minh	Thu	28/08/1991	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1	**CTB**	
346	346	Bùi Bích	Ngân	12/09/1992	Nữ	Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		
347	347	Nguyễn Thị	Thúy	13/05/1994	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 360		
348	348	Nguyễn Thị Huyền	Trang	22/06/1993	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 335		
349	349	Vũ Nhật	Tuấn	10/09/1990	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung bướu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung bướu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
350	350	Mai Thùy	Dung	16/04/1993	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
351	351	Trần Đình	Thăng	02/04/1992	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
352	352	Nguyễn Thị Diệu	Liên	20/12/1993	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nội tiết**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nội tiết đái tháo đường)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
353	353	Lưu Việt	Cường	18/10/1982	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa trung Y**	TS	Trung y (tiến sỹ Ngoại khoa trung y)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bằng đại học ở nước ngoài		Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài
354	354	Đinh Kim	Chi	27/10/1991	Nữ	Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
355	355	Nguyễn Thị Hương	Giang	10/11/1991	Nữ	Hoa Thành, Yên Thành, Nghệ An	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 625		
356	356	Nguyễn Thị Mai	Hương	09/07/1994	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
357	357	Phùng Thị Mai	Hương	01/12/1993	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
358	358	Đỗ Thị	Hường	29/04/1992	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bằng đại học ở nước ngoài		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
359	359	Đinh Lê	Huy	20/11/1987	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bằng đại học ở nước ngoài		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
360	360	Trần Phương	Linh	16/01/1995	Nữ	Phường II, Thị xã Quảng Trị, Quảng Trị	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 470		
361	361	Hoàng Ngọc	Minh	07/10/1987	Nam	Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bằng đại học ở nước ngoài		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
362	362	Lê Thị	Ngoan	08/10/1993	Nữ	Thanh Thùy, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
363	363	Nguyễn Thị	Thảo	08/07/1988	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
364	364	Nguyễn Thị Thu	Trang	09/09/1993	Nữ	Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
365	365	Trần Thị Thảo	Uyên	16/05/1993	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 745		
366	366	Trần Thị Vân	Anh	02/02/1994	Nữ	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 363	**ĐTTS**	
367	367	Nguyễn Tiến	Anh	11/05/1992	Nam	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
368	368	Phạm Khắc	Cẩn	20/10/1982	Nam	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 240		
369	369	Nguyễn Thành	Chí	02/11/1993	Nam	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
370	370	Vũ Văn	Đại	23/08/1991	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
371	371	Nguyễn Hải	Đăng	11/08/1993	Nam	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
372	372	Nguyễn Mạnh	Đạt	11/12/1992	Nam	Đại Hùng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
373	373	Đặng Mạnh	Hà	21/03/1991	Nam	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
374	374	Hoàng Thị	Hiền	03/03/1993	Nữ	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
375	375	Hoàng Thị Hồng	Hoa	15/03/1993	Nữ	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**DTTS**	
376	376	Quách Trọng	Huế	18/05/1995	Nam	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 370		
377	377	Phạm Văn	Huế	10/01/1993	Nam	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
378	378	Nguyễn Việt	Hùng	17/04/1995	Nam	Cao Thành, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367		
379	379	Nguyễn Diệu	Hương	25/04/1992	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
380	380	Trần Xuân	Khải	08/01/1991	Nam	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB**	
381	381	Lưu Thị	Nhàn	06/02/1994	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
382	382	Bùi Thị Hạnh	Quyến	13/02/1995	Nữ	Đông Lai, Tân Lạc, Hòa Bình	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**DTTS**	
383	383	Nguyễn Thế	Thiên	29/07/1992	Nam	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
384	384	Đinh Thúy	Thơm	05/12/1992	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB**	
385	385	Nguyễn Thị Bích	Thụy	07/04/1993	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
386	386	Nguyễn Văn	Toàn	01/05/1987	Nam	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB**	
387	387	Lê Thanh	Tuyền	19/09/1995	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
388	388	Hoàng Thị Thanh	Hương	22/11/1994	Nữ	Xuy Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
389	389	Phạm Thị Kim	Chi	08/07/1991	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Ths	Bác sỹ Y học cổ truyền (thạc sỹ Y học cổ truyền)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
390	390	Dương Thị	Diệp	26/08/1992	Nữ	Vạn Kim, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
391	391	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	04/11/1994	Nữ	Hòa Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 195		
392	392	Đoàn Thị Thu	Hằng	30/08/1993	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 363	CTB	
393	393	Nguyễn Thị	Phương	03/06/1993	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
394	394	Trịnh Thị Thanh	Tâm	21/04/1995	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
395	395	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	11/03/1992	Nữ	Hồng An, Hưng Hà, Thái Bình	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
396	396	Lưu Thị	Chinh	26/09/1991	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
397	397	Nguyễn Chí	Công	08/01/1989	Nam	Nguyên Lý, Lý Nhân, Hà Nam	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	Anh B		
398	398	Nguyễn Việt	Cường	23/05/1994	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toefl 393 (A2)		
399	399	Nguyễn Tiến	Đạt	09/11/1994	Nam	Ngô Đồng, Giao Thủy, Nam Định	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
400	400	Ngô Văn	Duy	20/09/1990	Nam	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B1		
401	401	Trần Thị	Hiền	20/12/1995	Nữ	Chấn Đông, Hoàn Long, Yên Mỹ, Hưng Yên	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản			
402	402	Nguyễn Thị	Hưng	20/06/1991	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
403	403	Chu Thị	Huyền	26/08/1992	Nữ	Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
404	404	Nguyễn Thị Phương	Loan	01/11/1992	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
405	405	Nguyễn Thị	Ngân	23/02/1988	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
406	406	Hoàng Công	Nghĩa	27/03/1983	Nam	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
407	407	Trần Thị Bích	Phương	01/11/1992	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 665		
408	408	Phạm Thu	Phương	07/05/1987	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	IELTS 6.0		
409	409	Đoàn Thị Ngọc	Quyên	14/07/1989	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	DH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
410	410	Hoàng Văn	Quỳnh	13/01/1995	Nam	Đoàn Tùng, Thanh Miện, Hải Dương	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
411	411	Đỗ Anh	Sơn	01/10/1990	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	Anh A2		
412	412	Mai Hương	Thảo	14/04/1993	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
413	413	Trần Thị Thu	Thảo	12/02/1994	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
414	414	Hoàng Thị	Thoa	07/03/1992	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
415	415	Phan Thị	Thu	25/02/1993	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
416	416	Trần Đình	Thuận	24/12/1992	Nam	Châu Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
417	417	Nguyễn Thị	Thủy	17/03/1991	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
418	418	Lê Thị	Thủy	17/12/1994	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
419	419	Ngô Thị Lan	Trang	26/10/1988	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
420	420	Trịnh Thị Linh	Trang	08/09/1993	Nữ	Phú Yên, Thọ Xuân, Thanh Hóa	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
421	421	Nguyễn Mạnh	Tường	06/07/1991	Nam	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
422	422	Nguyễn Thu	Yên	30/09/1987	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Dị ứng miễn dịch lâm sàng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Dị ứng miễn dịch lâm sàng)	B	Anh C		
423	423	Nguyễn Thị Cẩm	Hà	20/02/1989	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Thần kinh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Thần kinh)	B	Anh B1		
424	424	Phan Hà	Oanh	31/10/1992	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Thần kinh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Thần kinh)	B	Anh B1		
425	425	Cao Văn	Thu	16/08/1979	Nam	Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
426	426	Đỗ Thị Bích	Thủy	30/03/1987	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Đông y (định hướng Y học cổ truyền)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bằng đại học ở nước ngoài		Có bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài
427	427	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/1991	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
428	428	Nguyễn Thị	Nhung	12/09/1993	Nữ	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Phục hồi chức năng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Phục hồi chức năng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toefl 360 (A2)		
429	429	Nguyễn Hoàng	Hải	09/06/1993	Nam	Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toefl 393 (A2)		
430	430	Doãn Vũ	Linh	12/10/1988	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
431	431	Đào Công	Thường	20/04/1991	Nam	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
432	432	Nguyễn Trọng	Đạt	14/10/1990	Nam	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
433	433	Nguyễn Văn	Khước	06/08/1991	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
434	434	Trần Hoài	Nam	08/09/1990	Nam	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	HTNV	
435	435	Phan Tiến	Dũng	09/06/1994	Nam	Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
436	436	Trịnh Thị Phương	Hạnh	12/04/1989	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	B	Anh B		
437	437	Nguyễn Thị	Mai	11/06/1994	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
438	438	Phan Thị	Phương	26/05/1994	Nữ	Liên Khê, Khoái Châu, Hưng Yên	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
439	439	Lê Mạnh	Trường	17/06/1991	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 335		
440	440	Nguyễn Chí	Hiếu	07/04/1990	Nam	Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Phẫu thuật tạo hình**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bằng đại học ở nước ngoài		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
441	441	Phạm Duy	Linh	09/06/1991	Nam	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Phẫu thuật tạo hình**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Phẫu thuật tạo hình)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
442	442	Phạm Văn	Nghĩa	17/08/1992	Nam	Diễn Tháp, Diễn Châu, Nghệ An	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Phẫu thuật tạo hình**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Phẫu thuật tạo hình)	Ứng dụng B	Anh C		
443	443	Đặng Thùy	Linh	23/10/1992	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Huyết học truyền máu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Huyết học truyền máu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
444	444	Lê Tuấn	Anh	27/07/1986	Nam	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Giải phẫu bệnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Giải phẫu bệnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
445	445	Phạm Kim	Dung	28/07/1981	Nữ	Thuỵ Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1	CTB	
446	446	Tô Thanh	Tâm	17/06/1995	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
447	447	Hà Thị Kiều	Trang	25/11/1992	Nữ	Đông Dương, Đông Hưng,Thái Bình	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
448	448	Đặng Tiến	Anh	03/07/1991	Nam	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
449	449	Lê	Bách	22/01/1993	Nam	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2 (TOEIC)		
450	450	Bùi Thị	Nhung	10/12/1993	Nữ	Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
451	451	Trần Thị Kim	Hoa	27/10/1989	Nữ	Đại Cường, Ứng Hoà, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
452	452	Trần Minh	Thu	22/10/1993	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
453	453	Phạm Thị Thanh	Bình	12/12/1991	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	IC 3	Anh A2		
454	454	Chu Thị Khánh	Chi	18/02/1994	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
455	455	Hà Minh	Đức	22/11/1995	Nam	Thái Thịnh, Thái Thuỵ, Thái Bình	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
456	456	Trần Tuyết	Dung	03/10/1995	Nữ	Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
457	457	Nguyễn Thị	Hà	28/10/1987	Nữ	Thuỵ Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 170		
458	458	Nguyễn Thị Việt	Hà	18/08/1993	Nữ	Diễn Phúc, Diễn Châu, Nghệ An	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung HSK 3	CĐCĐ	
459	459	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	27/10/1995	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 357		
460	460	Nguyễn Thị Thu	Hiền	03/10/1995	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung HSK 3		
461	461	Hồ Thị	Hoa	15/04/1994	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEIC)		
462	462	Bùi Thị Kim	Hoa	23/11/1988	Nữ	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEIC)		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
463	463	Ngô Thị	Hòa	10/05/1995	Nữ	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
464	464	Ngô Quỳnh	Hương	10/10/1992	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C1 (TOEIC)		
465	465	Trần Thị Thanh	Huyền	16/08/1985	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
466	466	Lê Trung	Kiên	12/09/1994	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4		
467	467	Trịnh Thị Mai	Liên	23/11/1984	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Văn phòng B	Cử nhân Tiếng Trung		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
468	468	Nguyễn Thị	Liễu	09/04/1994	Nữ	Phố Ràng, Bảo Yên, Lào Cai	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		Anh A2		
469	469	Trần Diệu	Linh	14/11/1993	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	Anh B1		
470	470	Nguyễn Thị Thùy	Linh	15/06/1995	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
471	471	Lại Phú Tâm	Linh	15/02/1985	Nam	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bằng đại học ở nước ngoài		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
472	472	Chu Thị Hà	Ly	16/08/1992	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hoà, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
473	473	Phạm Thị Thái	Minh	11/11/1993	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
474	474	Trần Thị Hồng	Minh	03/02/1980	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
475	475	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	24/09/1994	Nữ	Móng Cái, Quảng Ninh	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		Có bằng tốt nghiệp đại học bằng tiếng nước ngoài
476	476	Phạm Minh	Ngọc	27/09/1994	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
477	477	Trương Xuân	Nhận	24/08/1994	Nam	Hoằng Phụ, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
478	478	Trần Thị Hồng	Nhung	11/10/1994	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
479	479	Vũ Thị	Phương	10/08/1995	Nữ	Yên Kiện, Đoan Hùng, Phú Thọ	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
480	480	Nguyễn Thị	Phương	05/11/1994	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
481	481	Lê Minh	Phương	26/12/1994	Nam	Vực Trường, Tam Nông, Phú Thọ	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
482	482	Trần Như	Quỳnh	04/12/1993	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
483	483	Hoàng Văn	Sĩ	06/06/1991	Nam	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
484	484	Lê Kim	Thoa	19/07/1992	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
485	485	Bùi Minh	Thuận	12/12/1980	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bằng đại học ở nước ngoài		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
486	486	Nguyễn Hồng	Trang	21/07/1995	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 700		
487	487	Trần Thị Thùy	Trang	11/12/1990	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
488	488	Vũ Thị	Trang	20/10/1991	Nữ	Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEIC)		
489	489	Phan Thị Thục	Trinh	16/06/1995	Nữ	Diễn Thành, Diễn Châu, Nghệ An	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
490	490	Nguyễn Xuân	Trường	21/03/1988	Nam	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
491	491	Lê Mạnh	Tường	01/04/1989	Nam	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bằng đại học ở nước ngoài		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
492	492	Vũ Thị Ánh	Tuyết	26/09/1995	Nữ	Tam Sơn, Sông Lô, Vĩnh Phúc	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
493	493	Nguyễn Thị Lê	Uyên	19/10/1995	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
494	494	Phạm Thị	Xuân	01/04/1993	Nữ	Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
495	495	Ngô Thế	Cường	11/11/1994	Nam	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
496	496	Nguyễn Như	Đức	13/06/1995	Nam	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367		
497	497	Nguyễn Phương	Dũng	16/09/1994	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
498	498	Ngô Thanh	Hùng	05/01/1994	Nam	Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 385		
499	499	Nguyễn Thanh	Huyền	11/04/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	TOEIC 350		
500	500	Nguyễn Thị	Lan	26/05/1993	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
501	501	Phạm Diệu	Linh	02/03/1994	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
502	502	Nguyễn Thị Hoàng	Linh	31/05/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
503	503	Nguyễn Văn	Ngọc	16/11/1991	Nam	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
504	504	Đào Thị Mai	Ngọc	20/10/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
505	505	Nguyễn Văn	Nguyên	14/03/1993	Nam	Yên Thường, Gia Lâm,Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
506	506	Phạm Thanh	Nhan	08/04/1991	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh A2		
507	507	Cao Thị Kim	Oanh	06/04/1993	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh,Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
508	508	Nguyễn Thạch	Phong	30/04/1990	Nam	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
509	509	Hoàng Thị	Phương	20/12/1991	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh,Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
510	510	Chu Hoàng	Sơn	04/11/1995	Nam	Cổ Loa, Đông Anh,Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 467		
511	511	Lê Thế	Thành	06/10/1994	Nam	Sơn Dương, Sơn Dương,Tuyên Quang	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
512	512	Nguyễn Phương	Thảo	14/10/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
513	513	Bùi Trọng	Thượng	25/06/1995	Nam	Chi Lăng Nam, Thanh Miện, Hải Dương	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
514	514	Nguyễn Thu	Thủy	17/10/1995	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
515	515	Nguyễn Thị Thu	Trang	11/09/1991	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
516	516	Ngô Thùy	Trang	09/10/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 370		
517	517	Đặng Hữu	Tùng	20/09/1989	Nam	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
518	518	Nguyễn Thị	Tươi	16/11/1991	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
519	519	Hoàng Hải	Vân	20/12/1994	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C1 (IELTS)		
520	520	Dương Thị Hải	Yến	15/08/1994	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 330		
521	521	Trịnh Đắc	Chung	27/04/1989	Nam	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
522	522	Nguyễn Thu	Giang	28/10/1990	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
523	523	Đồng Thị	Phương	26/04/1989	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
524	524	Nguyễn Minh	Vương	01/04/1983	Nam	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	CKI	Bác sỹ Răng hàm mặt (chuyên khoa cấp I Răng hàm mặt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 235		
525	525	Ngô Văn	Hải	11/08/1986	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
526	526	Nguyễn Đức	Hùng	16/11/1994	Nam	Hưng Yên	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
527	527	Nguyễn Hồng	Quân	01/11/1994	Nam	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 285		
528	528	Tạ Văn	An	04/11/1989	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1	CTB	
529	529	Vương Thị Thủy	Chung	06/03/1995	Nữ	Tân Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
530	530	Nguyễn Mạnh	Dũng	18/05/1986	Nam	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
531	531	Nguyễn Thị	Hảo	12/05/1995	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
532	532	Nguyễn Thị	Hậu	09/06/1990	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
533	533	Nguyễn Tùng	Lâm	02/10/1995	Nam	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 353	CBB	
534	534	Danh Thị	Lan	14/03/1995	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
535	535	Nguyễn Thị Phương	Liên	23/10/1993	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
536	536	Bùi Thị Thùy	Linh	01/05/1995	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		Phiếu khai chứng chỉ tiếng anh, đăng ký thi tiếng Trung
537	537	Nguyễn Quang	Mạnh	04/11/1994	Nam	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
538	538	Nguyễn Thị	Tâm	12/10/1983	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
539	539	Nông Thị Thanh	Tần	22/03/1991	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	DTTS	
540	540	Nguyễn Thị Hồng	Anh	09/06/1991	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
541	541	Nguyễn Thị Lan	Anh	28/05/1994	Nữ	Đông Xuân, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	DTTS	
542	542	Dương Ngọc	Bích	27/07/1991	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
543	543	Nguyễn Đức	Cường	25/06/1983	Nam	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	SQQN	
544	544	Phạm Thế	Giang	12/02/1987	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
545	545	Phan Thị	Hà	18/11/1994	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bậc 4		
546	546	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	03/08/1991	Nữ	Cẩn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
547	547	Đào Văn	Minh	21/05/1993	Nam	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
548	548	Tạ Thị	Phương	14/08/1993	Nữ	Cẩn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
549	549	Nguyễn Thùy	Linh	15/02/1992	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ chuyên khoa Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
550	550	Nguyễn Thị	Oanh	09/12/1993	Nữ	Cẩn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ chuyên khoa Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
551	551	Kiều Văn	Hảo	03/02/1982	Nam	Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
552	552	Nguyễn Đình	Quyền	04/09/1993	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ chuyên khoa Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
553	553	Chu Hồng Ngọc	Linh	05/12/1993	Nữ	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ chuyên khoa Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
554	554	Nguyễn Thị Hải	Yến	30/10/1991	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ chuyên khoa Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
555	555	Dương Nam	Thắng	17/11/1989	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
556	556	Nguyễn Bá	Anh	26/09/1990	Nam	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
557	557	Nguyễn Thị	Anh	05/11/1988	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	Anh B	**DTTS**	
558	558	Vũ Thị Ngọc	Ánh	10/12/1994	Nữ	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 390 (A2)		
559	559	Nguyễn Mạnh	Cường	15/08/1992	Nam	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 410	**DTTS**	
560	560	Nguyễn Đức	Đa	12/07/1992	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
561	561	Trần Xuân	Điệp	05/09/1989	Nam	Khánh Thượng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
562	562	Nguyễn Thị	Dung	26/05/1992	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	Anh B1		
563	563	Phùng Hương	Giang	19/08/1993	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
564	564	Nguyễn Ngân	Hà	01/10/1991	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**DTTS**	
565	565	Phương Thị	Hà	23/12/1994	Nữ	Yên Bài, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
566	566	Vũ Thị	Hạnh	22/08/1994	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
567	567	Trương Cộng	Hòa	24/06/1993	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
568	568	Đào Thị Mai	Hương	30/03/1992	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
569	569	Nguyễn Thị Thu	Hương	20/11/1993	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367		
570	570	Phan Tiến	Lăng	26/04/1991	Nam	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
571	571	Nguyễn Thế	Quân	17/11/1992	Nam	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373	DTTS	
572	572	Đỗ Hồng	Quang	18/10/1989	Nam	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
573	573	Nguyễn Minh	Quyền	19/04/1992	Nam	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
574	574	Nguyễn Tiến	Sang	29/09/1992	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
575	575	Lê Hữu	Sỹ	09/03/1985	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	CBB	
576	576	Lê Minh	Thuần	22/06/1994	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
577	577	Phạm Thu	Trang	31/08/1995	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
578	578	Phùng Công	Trang	13/09/1992	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh A2		
579	579	Hoàng Mạnh	Trung	15/01/1994	Nam	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 417		
580	580	Trần Thanh	Tùng	24/10/1994	Nam	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
581	581	Nguyễn Thị Tuyết	Vân	20/02/1995	Nữ	Dậu Dương, Tam Nông, Phú Thọ	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373 (A2)		
582	582	Vũ Thị	Vân	15/09/1994	Nữ	Khánh Thượng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Điện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
583	583	Phan Kim	Long	20/11/1991	Nam	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung HSK 5		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
584	584	Nguyễn Thị Thu	Hà	20/05/1988	Nữ	Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	Anh B		
585	585	Ngô Hoàng	Sơn	06/04/1991	Nam	Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bậc 4		
586	586	Lê Minh	Thắng	24/07/1992	Nam	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	Anh B1		
587	587	Nguyễn Thị Mai	Anh	20/09/1991	Nữ	Xuân Tảo, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
588	588	Nguyễn Tiến	Chung	21/09/1991	Nam	Cổ nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
589	589	Nguyễn Việt	Hà	29/09/1995	Nữ	Tuần Giáo, Tuần Giáo, Điện Biên	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 430		
590	590	Hà Thu	Hương	04/09/1990	Nữ	Đồng Tiến- Quỳnh Phụ, Thái Bình	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
591	591	Phạm Thị	Lan	19/10/1993	Nữ	Khu 5, Tiên Lãng, Hải Phòng	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
592	592	Nguyễn Thị Thùy	Liên	22/09/1994	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3	CTB	
593	593	Phạm Thị Kim	Ngân	16/04/1994	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
594	594	Đặng Việt	Phong	19/01/1994	Nam	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 385		
595	595	Vũ Minh	Phương	29/01/1990	Nam	Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
596	596	Trần Thị	Thúy	28/03//1992	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
597	597	Trần Bảo	Trung	16/10/1991	Nam	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
598	598	Nguyễn Thị	Đào	19/02/1972	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
599	599	Nguyễn Khắc	Ba	04/04/1987	Nam	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
600	600	Lê Hồng	Chung	12/09/1990	Nam	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
601	601	Trịnh Thị	Huệ	20/12/1982	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
602	602	Nguyễn Việt	Hùng	10/10/1989	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
603	603	Đào Văn	Hướng	19/11/1991	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
604	604	Lê Văn	Kiên	25/06/1995	Nam	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 370		
605	605	Trần Trọng	Tường	27/07/1989	Nam	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
606	606	Lê Công	Định	30/11/1984	Nam	Vạn Kim, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
607	607	Nghiêm Thị	Ngân	06/04/1991	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	Anh B		
608	608	Chu Như	Viên	02/06/1990	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		
609	609	Nguyễn Thùy	Linh	26/11/1993	Nữ	Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tâm thần**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tâm thần)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 920		
610	610	Phùng Ngọc	Thương	20/04/1992	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tâm thần**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tâm thần)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
611	611	Đỗ Quang	Vinh	23/02/1993	Nam	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tâm thần**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tâm thần)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
612	612	Trần Đức	Cường	29/09/1969	Nam	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
613	613	Nguyễn Thị Huyền	My	14/01/1995	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	IELTS 6.0		
614	614	Võ Hằng	Nga	02/01/1995	Nữ	Tân Thịnh, Hòa Bình, Hòa Bình	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 580		
615	615	Lê Thị Thu	Nguyệt	17/09/1995	Nữ	Thọ Xuân, Thọ Xuân, Thanh Hóa	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 500	**CTB**	
616	616	Lê Thị	Phượng	29/01/1995	Nữ	Phú Hòa, Lương Tài, Bắc Ninh	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 965		
617	617	Nguyễn Văn	Trọng	26/06/1988	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	Anh B		
618	618	Nguyễn Xuân	Tú	14/10/1989	Nam	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	Anh C		
619	619	Vũ Thị Thùy	Tươi	06/06/1994	Nữ	Đông Kết, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 375		
620	620	Lê Quang	Đại	05/12/1982	Nam	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
621	621	Nguyễn Thị	Gấm	06/03/1991	Nữ	Thượng Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
622	622	Nguyễn Chí	Tâm	17/09/1985	Nam	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB**	
623	623	Trần Thị	Sáu	17/02/1988	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
624	624	Bùi Phương	Thảo	18/12/1993	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm,Hà Nội	BV Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
625	625	Nguyễn Trọng	Quyết	17/01/1994	Nam	Đông Hưng, Đông Hưng, Thái Bình	BV 09	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
626	626	Phạm Thị	Trang	16/06/1989	Nữ	Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV 09	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
627	627	Nguyễn Ngọc	Văn	18/05/1976	Nam	Xuân Ninh, Xuân Trường, Nam Định	BV 09	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
628	628	Nguyễn Huy	Vinh	20/12/1992	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	BV 09	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
629	629	Dương Việt	Anh	28/09/1984	Nam	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh B		
630	630	Nguyễn Trọng	Bình	25/10/1972	Nam	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
631	631	Hoàng Đức	Chính	13/07/1991	Nam	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
632	632	Nguyễn Văn	Công	29/08/1990	Nam	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367		
633	633	Nguyễn Văn	Dũng	10/03/1991	Nam	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
634	634	Lê Bá	Duy	01/11/1992	Nam	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
635	635	Nguyễn Việt	Hà	15/03/1995	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
636	636	Đào Thúy	Hằng	18/06/1994	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
637	637	Nguyễn Thị Thu	Huyền	25/11/1993	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
638	638	Nguyễn Thị	Huyền	08/04/1990	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	Anh A2		
639	639	Hoàng Ngọc	Lâm	23/08/1993	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
640	640	Kim Thị	Lụa	19/02/1991	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
641	641	Nguyễn Thị	Ly	05/09/1993	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	**DTTS**	
642	642	Nguyễn Thành	Nam	21/11/1993	Nam	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
643	643	Hoàng Đình	Ngọc	22/01/1993	Nam	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 400		
644	644	Nguyễn Thị Bích	Nguyệt	19/03/1995	Nữ	Xuân Lôi, Lập Thạch, Vĩnh Phúc	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 380		
645	645	Trần Hương	Quỳnh	16/10/1994	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
646	646	Đàm Thị Thanh	Tâm	03/03/1992	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
647	647	Nguyễn Thọ	Thành	15/08/1995	Nam	Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
648	648	Đỗ Quang	Thiết	01/12/1992	Nam	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
649	649	Nguyễn Quang	Trung	03/03/1972	Nam	Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
650	650	Lương Đức	Tuyến	05/09/1990	Nam	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
651	651	Triệu Thị	Xuân	16/01/1991	Nữ	Cao Sơn, Bạch Thông, Bắc Kạn	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh A2	**DTTS**	
652	652	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	09/08/1995	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367		
653	653	Đàm Thận	Dũng	20/04/1983	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Ngoại khoa)	Văn phòng B	Anh A2		
654	654	Nguyễn Thế	Tuyên	17/11/1983	Nam	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	CKI	Bác sỹ Y học lâm sàng (chuyên khoa cấp I - Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bằng đại học ở nước ngoài		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
655	655	Phạm Thị	Liên	17/05/1993	Nữ	Thịnh Đức, Thái Nguyên, Thái Nguyên	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
656	656	Lê Nhật	Linh	24/10/1995	Nam	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
657	657	Lê Thị	An	22/12/1993	Nữ	Vạn Xuân, Thường Xuân, Thanh Hóa	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1	**DTTS**	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
658	658	Võ Thị Lan	Anh	30/01/1973	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1	CTB	
659	659	Nguyễn Khánh	Linh	19/12/1984	Nữ	Hoàng Hoa Thám, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
660	660	Nguyễn Thị	Mười	13/11/1993	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
661	661	Nguyễn Đình	Phòng	30/07/1979	Nam	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
662	662	Nguyễn Bá	Phổ	10/09/1979	Nam	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
663	663	Nguyễn Thị	Phương	23/10/1994	Nữ	Liễu Đề, Nghĩa Hưng, Nam Định	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
664	664	Đoàn Minh	Quang	12/06/1987	Nam	An Đức, Ninh Giang, Hải Dương	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toefls 383 (bậc 2)	CBB	
665	665	Hoàng Đặng An	Sinh	07/06/1992	Nam	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
666	666	Phạm Thị	Thọ	05/11/1987	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
667	667	Trần Thị	Nga	10/07/1979	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
668	668	Trần Thị	Hương	07/08/1988	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toefls 357 (A2)		
669	669	Phùng Hải	Yến	11/05/1995	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toefls 347 (A2)		
670	670	Phạm Thị Hồng	Loan	10/09/1991	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
671	671	Tạ Đình	Hiếu	29/08/1985	Nam	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Truyền nhiễm**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Truyền nhiễm)	Ứng dụng B	Bằng đại học ở nước ngoài		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
672	672	Trần Ngọc	Anh	20/05/1990	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Văn phòng B	Anh C		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
673	673	Nguyễn Đức	Phú	22/10/1986	Nam	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Văn phòng B	Anh B		
674	674	Ngô Doãn Trung	Anh	27/10/1995	Nam	Tương Giang, Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
675	675	Đoàn	Anh	07/11/1994	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
676	676	Lưu Thế	Anh	17/04/1994	Nam	Phú Sơn, Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
677	677	Tạ Văn	Cường	07/10/1992	Nam	Hùng Sơn, Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
678	678	Mai Thị	Duyên	21/07/1994	Nữ	Yên Lâm, Yên Mô, Ninh Bình	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	Anh A2		
679	679	Đỗ Thị Thu	Hà	13/08/1994	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 387		
680	680	Nguyễn Thị	Hậu	21/02/1994	Nữ	Châu Quế Hạ, Văn Yên, Tỉnh Yên Bái	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
681	681	Đoàn Huy	Hoàng	18/06/1993	Nam	Đức Xuân, Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 397		
682	682	Tống Khánh	Linh	23/12/1995	Nữ	Tiền An, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
683	683	Lê Văn	Quang	01/01/1991	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
684	684	Nguyễn Trung	Sơn	01/10/1995	Nam	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
685	685	Nguyễn Phúc	Sơn	01/04/1995	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 655		
686	686	Lê Minh	Sơn	25/10/1994	Nam	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 410		
687	687	Đàm Thị	Thảo	14/10/1993	Nữ	An Lạc, Sơn Động, Bắc Giang	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
688	688	Ngô Thị Hải	Yến	15/05/1992	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
689	689	Lương Trung	Kiên	05/05/1983	Nam	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
690	690	Đào Thị Mai	Hương	24/07/1990	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
691	691	Nguyễn Xuân	Trường	21/12/1985	Nam	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		Phiếu khai chứng chỉ tiếng anh, đăng ký thi tiếng Trung
692	692	Trần Thanh	Minh	21/06/1987	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
693	693	Phạm Thị Thanh	Thủy	22/08/1993	Nữ	Thị trấn Phát Diệm, Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Văn phòng B	Anh B		
694	694	Lại Thị Kiều	Trang	19/08/1992	Nữ	Đồng Tiến, Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng B			
695	695	Khuất Duy Đức	Anh	02/06/1993	Nam	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
696	696	Khuất Thị Thu	Hương	14/06/1991	Nữ	Ngô Quyền, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
697	697	Khuất Văn	Phúc	20/03/1994	Nam	Than Uyên, Than Uyên, Lai Châu	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
698	698	Hoàng Tiến	Quyền	31/07/1991	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
699	699	Chu Hòa	Sơn	06/07/1991	Nam	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
700	700	Lương Thị	Thơm	20/08/1994	Nữ	Minh Tiến, Phú Cừ, Hưng Yên	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
701	701	Nguyễn Đức	Thụ	25/01/1992	Nam	Thanh Mỹ, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CĐCĐ	
702	702	Hà Thị	Vân	03/01/1991	Nữ	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	DTTS	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
703	703	Nguyễn Đức	Việt	30/04/1985	Nam	Tân Cương, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
704	704	Nguyễn Anh	Tuấn	24/11/1995	Nam	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEIC)		
705	705	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	25/01/1995	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
706	706	Lê Thị	Thủy	14/12/1995	Nữ	Hải Thanh, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
707	707	Nguyễn Thị	Xuân	11/06/1992	Nữ	Ngô Quyền, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
708	708	Đỗ Đình	Đăng	20/01/1993	Nam	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thận HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 357		
709	709	Chẩu Quỳnh	Giang	01/10/1992	Nữ	Na Hang, Na Hang, Tuyên Quang	BV Thận HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	A	Anh A2	**ĐTTS**	
710	710	Tô Thị	Loan	06/11/1994	Nữ	Khánh Thủy, Yên Khánh, Ninh Bình	BV Thận HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 625		
711	711	Nguyễn Huy	Tiến	18/10/1993	Nam	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BV Thận HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	Anh A2		
712	712	Lê Thị	Thương	20/01/1992	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BV Thận HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
713	713	Nguyễn Thị Thùy	Trang	27/02/1994	Nữ	Trường Thị, Thanh Hóa, Thanh Hóa	BV Thận HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
714	714	Vũ Thị Vân	Anh	19/09/1995	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
715	715	Đỗ Xuân	Cát	23/09/1995	Nam	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
716	716	Nguyễn Thị Mai	Châm	12/03/1993	Nữ	Trực Thái, Trực Ninh, Nam Định	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
717	717	Nguyễn Thị Phương	Duy	11/09/1993	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	A	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
718	718	Lê Đoàn	Dũng	06/10/1990	Nam	Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
719	719	Nguyễn Thùy	Dương	29/10/1991	Nữ	Vạn Phúc,Thanh Trì, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Văn phòng B	Anh B		
720	720	Trần Thanh	Duy	28/08/1992	Nam	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
721	721	Nguyễn Thái	Dũng	05/04/1991	Nam	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
722	722	Vương Đắc	Giang	05/07/1987	Nam	Cộng Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
723	723	Lê Thị Hồng	Gấm	15/02/1985	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CĐCĐ	
724	724	Nguyễn Thị	Hòa	15/02/1994	Nữ	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
725	725	Bùi Thị	Huệ	06/03/1990	Nữ	Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1 (VSTEP)		
726	726	Phạm Thị Hồng	Hạnh	22/06/1992	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
727	727	Nguyễn Thị	Hiệp	12/02/1994	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
728	728	Lương Thị Thu	Huyền	18/03/1995	Nữ	Long Xuyên, Kinh Môn, Hải Dương	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung HSK 3		
729	729	Hà Thị	Hương	30/10/1993	Nữ	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
730	730	Nguyễn Thị	Hằng	12/04/1989	Nữ	Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung B1		
731	731	Trần Thị Thu	Hà	27/10/1993	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
732	732	Phạm Ngọc	Hân	27/11/1994	Nữ	Thị Trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
733	733	Nguyễn Việt	Hùng	28/08/1991	Nam	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung HSK 5		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
734	734	Phùng Huy	Hùng	04/11/1995	Nam	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung HSK 4		
735	735	Phạm Quang	Huy	25/05/1992	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung HSK 3		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
736	736	Ngô Thọ	Huy	18/05/1987	Nam	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung HSK 3	CTB	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
737	737	Trần Thu	Hiền	01/11/1987	Nữ	Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Trung y (định hướng Y học cổ truyền)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bằng đại học ở nước ngoài		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
738	738	Phạm Thị	Hải	27/12/1987	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Ths	Bác sỹ Y học cổ truyền (thạc sỹ Y học cổ truyền)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung B1		
739	739	Vũ Việt	Ký	29/10/1992	Nam	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng C	Anh C		
740	740	Lê Việt	Linh	19/08/1992	Nam	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
741	741	Trần Diệu	Linh	27/10/1989	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bằng đại học ở nước ngoài		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
742	742	Vũ Thị	Linh	06/09/1993	Nữ	Chương Dương, Thường Tín, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
743	743	Hoàng Thị Ly	Ly	24/06/1995	Nữ	Sơn Dương, Sơn Dương, Tuyên Quang	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	DTTS	
744	744	Nguyễn Thị Như	Mai	29/10/1986	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
745	745	Nguyễn Thị	My	09/5/1994	Nữ	Thanh Thủy, Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
746	746	Nguyễn Thị Thúy	Nga	16/6/1993	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
747	747	Kiều Thị Thủy	Nguyên	12/04/1995	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung HSK 4		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
748	748	Đào Thiện	Quang	04/12/1992	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung HSK 3		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
749	749	Nguyễn Đắc	Sơn	27/01/1993	Nam	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
750	750	Nguyễn Hồng	Phương	14/08/1995	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
751	751	Nguyễn Thị Thu	Phương	31/03/1995	Nữ	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
752	752	Nguyễn Thị Hồng	Thảo	25/10/1995	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
753	753	Trần Thị Thu	Thảo	19/11/1991	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
754	754	Trần Phương	Thảo	20/11/1993	Nữ	Đề Thám, Cao Bằng, Cao Bằng	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
755	755	Vi Thị	Thảo	25/07/1994	Nữ	Quảng Lạng, Lạng Sơn, Lạng Sơn	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
756	756	Cao Phương	Thảo	04/10/1994	Nữ	Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
757	757	Dương Thu	Trang	13/02/1995	Nữ	Quỳnh Trang, Quỳnh Phụ, Thái Bình	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
758	758	Nguyễn Thị	Thái	09/11/1991	Nữ	Trung Tú, Ứng Hoà, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
759	759	Dương Thị Thanh	Trà	19/10/1992	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
760	760	Nguyễn Trung	Tuấn	03/11/1992	Nam	Dị Nậu,Thạch Thất, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
761	761	Ngô Đức	Thịnh	10/11/1992	Nam	Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
762	762	Từ Thị	Thuần	20/12/1993	Nữ	Liên Phương,Thường Tín, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
763	763	Vũ Văn	Thắng	10/01/1993	Nam	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
764	764	Nguyễn Thị	Út	15/10/1993	Nữ	Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
765	765	Lê Thanh	Xuân	10/5/1991	Nữ	Thị trấn Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
766	766	Nguyễn Thị Diệu	Xuân	04/02/1993	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
767	767	Hà Văn	Chiến	26/01/1994	Nam	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 370		
768	768	Phí Mạnh	Đạt	19/05/1991	Nam	Tân Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 387		
769	769	Kiều	Loan	19/12/1992	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
770	770	Đoàn Văn	Phú	07/02/1993	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
771	771	Phùng Thanh	Phương	06/04/1990	Nam	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
772	772	Nguyễn Văn	Qúy	18/08/1992	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
773	773	Nguyễn Văn	Tùng	03/07/1990	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 410		
774	774	Khuất Duy	Thành	01/06/1977	Nam	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
775	775	Nguyễn Thạc	Thụ	18/07/1992	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
776	776	Nguyễn Quốc	Trường	13/06/1994	Nam	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
777	777	Đoàn Thị Thanh	Thư	18/04/1994	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
778	778	Đỗ Thị	Hồng	18/09/1993	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
779	779	Nguyễn Thị	Cảnh	13/09/1989	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
780	780	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/06/1993	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
781	781	Nguyễn Thị Thu	Hà	04/12/1992	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
782	782	Bùi Thị	Thơ	03/01/1994	Nữ	Nuông Dăm, Kim Bôi, Hòa Bình	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
783	783	Cao Thị	Lan	11/12/1995	Nữ	Long Thành, Yên Thành, Nghệ An	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
784	784	Lê Thị Kim	Dung	16/11/1988	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
785	785	Nguyễn Thị	Duyên	29/11/1994	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
786	786	Nguyễn Thị	Thanh	10/06/1991	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
787	787	Nguyễn Quang	Huynh	14/02/1992	Nam	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
788	788	Lê Thị Thanh	Mến	28/02/1993	Nữ	Bản Ngoại, Đại Từ, Thái Nguyên	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toefls 370		
789	789	Nguyễn Thị Kim	Trí	06/06/1995	Nữ	Bắc Phong, Cao Phong, Hòa Bình	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
790	790	Nguyễn Văn	Vĩnh	25/07/1991	Nam	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
791	791	Nguyễn Đức	Tìm	07/11/1994	Nam	Thạch Xá, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
792	792	Lê Ngọc	Ánh	02/03/1993	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
793	793	Phan Thị	Thành	20/02/1990	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
794	794	Nguyễn Thị	Thanh	25/07/1990	Nữ	Canh Nâu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
795	795	Nguyễn Thị Anh	Thư	26/01/1994	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
796	796	Kiều Thanh	Quang	28/08/1986	Nam	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
797	797	Nguyễn Thị Vũ	Hường	25/06/1993	Nữ	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
798	798	Khuất Thị Thúy	My	06/10/1994	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
799	799	Chu Quỳnh	Trang	15/09/1990	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
800	800	Đặng Đức	Tâm	16/09/1991	Nam	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	Anh B	CTB	
801	801	Nguyễn Nhật	Lệ	17/08/1991	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Văn phòng B	Anh bậc 3		
802	802	Nguyễn Thị	Thúy	17/11/1991	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
803	803	Nguyễn Hữu	Dũng	23/07/1988	Nam	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
804	804	Nguyễn Ngọc	Tiến	13/05/1985	Nam	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
805	805	Nguyễn Văn	Ân	12/01/1989	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
806	806	Đào Thị Vân	Anh	03/12/1993	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
807	807	Nguyễn Lan	Anh	14/01/1995	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 407		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
808	808	Nguyễn Văn	Chính	20/11/1992	Nam	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
809	809	Lê Trần	Diễm	07/01/1984	Nam	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
810	810	Nguyễn Đức	Hải	03/12/1983	Nam	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
811	811	Đỗ Thu	Hiền	23/11/1992	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
812	812	Chu Thị	Huyền	10//02/1992	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 337		
813	813	Lê Văn	Minh	14/04/1993	Nam	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
814	814	Trần Thị	Nữ	19/04/1992	Nữ	Xã Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
815	815	Nguyễn Thị	Oanh	08/05/1991	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
816	816	Đỗ Thị	Phương	15/08/1995	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 387		
817	817	Nguyễn Văn	Tuấn	29/07/1992	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
818	818	Nguyễn Thạc	Vũ	06/11/1992	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
819	819	Đào Thị	Xuê	02/04/1992	Nữ	Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
820	820	Nguyễn Phú	Cường	17/05/1989	Nam	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
821	821	Nguyễn Thu	Hà	18/09/1990	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
822	822	Nguyễn Trung Hồng	Hạnh	28/11/1990	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
823	823	Nguyễn Trọng	Hòa	19/12/1987	Nam	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
824	824	Nguyễn Thị	Lương	12/10/1988	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
825	825	Đỗ Văn	Tuấn	29/05/1984	Nam	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Văn phòng B	Anh A2		
826	826	Phi Thúy	An	10/09/1990	Nữ	Tân Bình, Tam Điệp, Ninh Bình	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
827	827	Nguyễn Thị	Bích	29/06/1993	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
828	828	Nguyễn Quang	Cận	04/06/1988	Nam	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
829	829	Nguyễn Thị	Hà	08/11/1992	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
830	830	Lê Thị Thu	Hằng	29/07/1995	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
831	831	Nguyễn Thị Bích	Hằng	11/12/1990	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
832	832	Trần Lê Thùy	Linh	07/08/1991	Nữ	Ba Hàng, Phổ Yên, Thái Nguyên	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
833	833	Trần Khánh	Ly	19/12/1991	Nữ	Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
834	834	Lưu Ngọc	Mai	26/07/1992	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
835	835	Nguyễn Văn	Thắng	13/02/1993	Nam	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
836	836	Bá Thị	Thảo	12/01/1990	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
837	837	Nguyễn Quang	Tích	20/09/1991	Nam	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
838	838	Nguyễn Thị Hà	Trang	27/03/1994	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 410		
839	839	Nguyễn Văn	Trường	28/12/1995	Nam	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
840	840	Đặng Thị	Tâm	30/08/1993	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
841	841	Dương Thị Huyền	My	16/08/1995	Nữ	TT Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản			
842	842	Phùng Minh	Nhật	19/09/1992	Nam	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
843	843	Vi Thị Hương	Thanh	16/06/1992	Nữ	Thanh Bình, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	Anh A2	**DTTS**	
844	844	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20/11/1989	Nữ	TT Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Toeic 205	**CTB**	
845	845	Đào Thị	Thư	23/03/1994	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
846	846	Nguyễn Duy	Tuyền	02/06/1991	Nam	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
847	847	Trịnh Đình	An	15/02/1989	Nam	Cự Khê, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Tin học văn phòng	Anh A2		
848	848	Phạm Công	Anh	14/10/1993	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
849	849	Nguyễn Trung	Đức	12/07/1992	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
850	850	Nguyễn Chính	Đường	02/03/1992	Nam	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
851	851	Nguyễn Thị	Huệ	16/07/1993	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
852	852	Phạm Thị Ngọc	Huyền	26/07/1993	Nữ	Phương Trung Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
853	853	Nguyễn Thị	Nghĩa	15/06/1993	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
854	854	Trương Như	Sáng	28/02/1994	Nam	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
855	855	Lê Quỳnh	Trang	20/08/1992	Nữ	TT Ngọc Lặc, Ngọc Lặc, Thanh Hóa	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
856	856	Lê Quang	Tú	19/07/1983	Nam	Xuân Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
857	857	Nguyễn Văn	Cao	21/03/1988	Nam	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
858	858	Phạm Huyền	Chang	04/05/1986	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
859	859	Đào Quang	Hướng	22/10/1991	Nam	Liên Châu, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
860	860	Nguyễn Thị	Quyên	26/07/1993	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
861	861	Trần Văn	Tuấn	10/08/1982	Nam	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
862	862	Phạm Thị	Xuân	12/02/1994	Nữ	Quang Trung, Thái Bình, Thái Bình	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
863	863	Lưu Thị Thu	Hà	27/11/1994	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
864	864	Nguyễn Thị Khánh	Linh	09/03/1994	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
865	865	Lương Thị	Luyên	16/07/1993	Nữ	Thư Phú, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
866	866	Trần Thị Mai	Hương	28/10/1989	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
867	867	Đồng Thị Diệu	Thu	01/06/1994	Nữ	Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
868	868	Lê Thái	Thành	07/08/1991	Nam	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
869	869	Phạm Thị	Phương	11/02/1995	Nữ	Xuân Ninh, Xuân Trường, Nam Định	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
870	870	Phạm Lý	Thành	24/09/1990	Nam	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
871	871	Vũ Thị Ánh	Nguyệt	04/05/1995	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
872	872	Trần Vũ	Thắng	11/02/1992	Nam	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
873	873	Nguyễn Thị	Thủy	14/10/1985	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
874	874	Nguyễn Bảo	Linh	20/01/1990	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
875	875	Nguyễn Thị Thanh	Hà	03/09/1990	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
876	876	Nguyễn Thị	Hiền	30/06/1993	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
877	877	Vũ Kim	Khánh	20/09/1994	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
878	878	Nguyễn Đắc	Long	02/10/1989	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
879	879	Vũ Văn	Sáng	20/05/1995	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
880	880	Nguyễn Tuấn	Tú	03/12/1987	Nam	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
881	881	Phạm Văn	Vinh	09/05/1990	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
882	882	Lưu Thị Hải	Anh	10/08/1993	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
883	883	Tô Yến	Chi	25/02/1990	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
884	884	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	22/11/1991	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
885	885	Phạm Quang	Hảo	02/11/1995	Nam	Văn Hoàng, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
886	886	Nguyễn Thị Bích	Liên	03/01/1995	Nữ	Tân Dân, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
887	887	Phạm Thị Thanh	Loan	19/08/1990	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
888	888	Nguyễn Văn	Tới	10/04/1990	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
889	889	Nguyễn Văn	Đông	08/03/1990	Nam	Bình Sơn, Lục Nam, Bắc Giang	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
890	890	Phạm Thị	Duyên	15/08/1993	Nữ	Cẩm Liên, Cẩm Thủy, Thanh Hóa	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		TOEFLS 343	**DTTS**	
891	891	Lăng Thị	Hảo	15/02/1993	Nữ	Xuân Hòa, Hà Quảng, Cao Bằng	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**DTTS**	
892	892	Bùi Thị	Hồng	28/03/1993	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	**DTTS**	
893	893	Tạ Khắc	Lâm	19/10/1994	Nam	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEIC 340 (A2)		
894	894	Đặng Thanh	Nhàn	30/12/1994	Nữ	Cẩm Bình, Cẩm Thủy, Thanh Hóa	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
895	895	Trần Thị	Nụ	20/04/1990	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
896	896	Phạm Thanh	Sơn	15/08/1990	Nam	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
897	897	Trần Thanh	Toàn	24/10/1993	Nam	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	TOEFLS 377 (A2)	**DTTS**	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
898	898	Lê Hà	Trang	08/03/1994	Nữ	Ngọc Trung, Ngọc Lặc, Thanh Hóa	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 403		
899	899	Hồ Thị	Vân	11/11/1994	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
900	900	Nguyễn Tiến	Hiệp	01/04/1994	Nam	Tiền Châu, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
901	901	Nguyễn Tiến	Mạnh	14/03/1986	Nam	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
902	902	Nguyễn Thị	Mùa	04/06/1992	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
903	903	Nguyễn Thị	Oanh	28/10/1995	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFLS 350 (A2)		
904	904	Lê Khắc	Quảng	03/11/1983	Nam	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng B	Anh A2		
905	905	Trương Văn	Quý	05/03/1993	Nam	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
906	906	Đỗ Văn	Thuận	19/03/1995	Nam	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
907	907	Lê Thị	Thủy	02/09/1994	Nữ	Chí Đám, Đoan Hùng, Phú Thọ	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFLS 380 (A2)		
908	908	Đặng Duy	Trai	04/11/1994	Nam	Mê Linh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
909	909	Nguyễn Quỳnh	Anh	10/11/1992	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
910	910	Trịnh Tuấn	Dương	13/06/1990	Nam	Phú Sơn, TP Thanh Hóa, Thanh Hóa	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
911	911	Nguyễn Viết	Hùng	14/12/1986	Nam	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
912	912	Nguyễn Hà	Phương	20/12/1993	Nữ	Thăng Bình, Nông Cống, Thanh Hóa	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
913	913	Nguyễn Phúc	Thành	15/08/1992	Nam	Bình Hàn, TP Hải Dương, Hải Dương	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
914	914	Đặng Thị	Thúy	13/03/1993	Nữ	TT Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
915	915	Nguyễn Thị Minh	Thúy	08/05/1993	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
916	916	Nguyễn Thị	Tuyết	12/01/1995	Nữ	An Phượng, Thanh Hà, Hải Dương	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
917	917	Nguyễn Thị Thu	Hà	22/12/1991	Nữ	TT Quất Lâm, Giao Thủy, Nam Định	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
918	918	Đoàn Ngọc	Trung	24/05/1992	Nam	Quang Trung, TP Hưng Yên, Hưng Yên	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
919	919	Đinh Thị	Khuyên	12/12/1991	Nữ	Yên Lộc, Ý Yên, Nam Định	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
920	920	Trần Văn	Nam	17/11/1992	Nam	Hải Thanh, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
921	921	Đỗ Thị	Thoa	02/10/1994	Nữ	Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
922	922	Phạm Chu Long	Gia	02/09/1993	Nam	TT Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 445		
923	923	Nguyễn Đăng	Tùng	08/08/1981	Nam	Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
924	924	Hoàng Thị	Thu	07/03/1993	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
925	925	Nguyễn Quang	Minh	30/12/1991	Nam	Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	Anh B	**HTNV**	
926	926	Nguyễn Đức	Quý	20/03/1993	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
927	927	Nguyễn Anh	Tuấn	24/04/1977	Nam	Khu 10, Tân Bình, Hải Dương	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Tin học văn phòng	Anh A2 (TOEFLS)		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
928	928	Đào Công	Giang	26/05/1993	Nam	Nông Tiến, Tuyên Quang, Tuyên Quang	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
929	929	Nguyễn Thị	Hoa	11/08/1995	Nữ	Xuân Lộc, Thanh Thủy, Phú Thọ	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	Anh A2		
930	930	Nguyễn Thị Hải	Yến	14/10/1992	Nữ	Văn Yên, Hà Tĩnh, Hà Tĩnh	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
931	931	Hà Mạnh	Cường	07/05/1995	Nam	Quảng Hà, Hải Hà, Quảng Ninh	TT Giám định y khoa Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1	DTTS	
932	932	Nguyễn Thu	Hường	13/06/1986	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	TT Giám định y khoa Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh B1		
933	933	Phạm Ngọc	Toàn	10/02/1982	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Giang, Hà Giang	TT Giám định y khoa Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
934	934	Nguyễn Thị Yến	Ly	28/03/1995	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Pháp A2		
935	935	Nguyễn Khánh	Toàn	22/05/1995	Nam	Hòa Vượng, Lộc Hòa, Nam Định	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEIC 830		
936	936	Đặng Thị Thu	Trang	15/03/1981	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
937	937	Nguyễn Huy	Tú	29/03/1994	Nam	Tú Thịnh, Sơn Dương, Tuyên Quang	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
938	938	Nguyễn Thúy	Hằng	01/01/1978	Nữ	Biên Giang, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp 1 Sản phụ khoa)	Văn phòng B	Anh B		
939	939	Nguyễn Thị	Hoa	05/01/1983	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2	CTB	
940	940	Nguyễn Minh	Hương	22/03/1993	Nữ	Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
941	941	Trần Quang	Khánh	27/12/1989	Nam	Võng La, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
942	942	Nguyễn Thị Huyền	Trang	01/10/1992	Nữ	Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
943	943	Phạm Thị	Hà	28/03/1993	Nữ	Tân Trào, Thanh Miện, Hải Dương	TTYT Ba Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
944	944	Nguyễn Văn	Khiêm	09/06/1994	Nam	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
945	945	Trịnh Ngọc	Diệp	05/7/1982	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng A	Anh B		
946	946	Đỗ Duy	Thắng	25/07/1994	Nam	Thiệu Tân, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
947	947	Lê Thị Quỳnh	Trang	29/12/1993	Nữ	Xuân Trường, Xuân Trường, Nam Định	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
948	948	Phạm Thị Hồng	Anh	28/08/1990	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
949	949	Nguyễn Văn	Ánh	26/10/1994	Nam	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	IC 3	Anh B1		
950	950	Nguyễn Thị Thu	Hương	29/06/1991	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
951	951	Nguyễn Thị	Huyền	20/7/1990	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
952	952	Nguyễn Thị Thanh	Loan	31/07/1986	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Đông y (định hướng Y học cổ truyền)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
953	953	Lê Thị	Phượng	18/07/1990	Nữ	Hoằng Anh, Thanh Hóa, Thanh Hóa	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
954	954	Nguyễn Đức	Tâm	18/09/1990	Nam	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
955	955	Trần Thị	The	07/3/1983	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
956	956	Nguyễn Huyền	Trang	14/01/1988	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	Anh A2		
957	957	Ngô Xuân	Tú	22/05/1986	Nam	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
958	958	Đặng Thiên	Hương	08/03/1991	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
959	959	Lê Thị Thùy	Trinh	06/03/1993	Nữ	Tân Quang, Bắc Giang, Hà Giang	TTYT Hai Bà Trưng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
960	960	Hồ Trọng	Hân	04/06/1987	Nam	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
961	961	Nguyễn Đức	Hiệp	29/01/1981	Nam	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB, CĐCĐ	
962	962	Lã Thị Cẩm	Ngọc	11/04/1989	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	CKI	Bác sỹ Y học cổ truyền (chuyên khoa cấp I Y học cổ truyền)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367		
963	963	Nguyễn Tiến	Vui	17/09/1981	Nam	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
964	964	Hà Phương	Uyên	15/8/1975	Nữ	Phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
965	965	Hoàng Thái	Hà	06/10/1992	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
966	966	Nguyễn Đắc	Lộc	01/02/1992	Nam	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
967	967	Lê Tuấn	Dũng	08/10/1993	Nam	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
968	968	Lê Mỹ	Hạnh	26/08/1994	Nữ	Nam Toàn, Nam Trực, Nam Định	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 397		
969	969	Nguyễn Thị Thu	Hoài	27/04/1995	Nữ	Cao Kỳ Vân, Thọ Xuân, Bắc Giang	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 387		
970	970	Đỗ Minh	Luân	11/11/1994	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
971	971	Phạm Công	Bình	24/10/1972	Nam	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh B		
972	972	Cù Ngọc	Hà	22/12/1988	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
973	973	Trần Văn	Cường	14/08/1982	Nam	Trung Hà, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	TTYT Hoàng Mai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
974	974	Phạm Thị	Nguyệt	15/10/1983	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
975	975	Nguyễn Hằng	Nga	06/11/1992	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung HSK 5		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
976	976	Đỗ Thị	Ngọc	07/09/1980	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
977	977	Đỗ Văn	Hiếu	01/11/1986	Nam	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Long Biên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
978	978	Lê Quyết	Thắng	08/09/1978	Nam	Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Long Biên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Pháp B1		
979	979	Nguyễn Thanh	Thủy	20/01/1989	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Long Biên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
980	980	Nguyễn Linh	Hà	14/10/1993	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ**	ĐH	Bác sỹ y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
981	981	Nguyễn Thị	Lụa	31/03/1991	Nữ	Đại Đồng, Tiên Du, Bắc Ninh	TTYT Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ**	ĐH	Bác sỹ y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
982	982	Bùi Thị Thúy	Anh	01/05/1995	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
983	983	Nguyễn Thị	Hậu	10/12/1992	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
984	984	Trần Thị	Nga	27/01/1983	Nữ	Thị Trấn Đông Anh,Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
985	985	Đinh Thị Hương	Thảo	04/03/1991	Nữ	Thị Trấn Đông Anh,Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh B		
986	986	Đỗ Hà	Châu	28/09/1993	Nữ	Lam Sơn, Ngọc Lặc, Tỉnh Thanh Hóa	TTYT Bắc Từ Liêm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 337 (A2)		
987	987	Đồng Thế	Dũng	14/07/1991	Nam	Cát Thành, Trực Ninh, Tỉnh Nam Định	TTYT Bắc Từ Liêm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
988	988	Trần Phan	Giang	27/02/1989	Nam	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Đông y (định hướng Y học cổ truyền)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bằng đại học ở nước ngoài		Có bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài.
989	989	Nguyễn Thị Thùy	Dương	25/06/1995	Nữ	Cốc Lếu, Lào Cai, Lào Cai	TTYT Nam Từ Liêm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	Anh B1		
990	990	Bùi Thị Kim	Liên	17/10/1995	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
991	991	Trần Thu	Phương	19/02/1991	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
992	992	Nguyễn Vân	Anh	30/01/1994	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung HSK 4		
993	993	Nguyễn Công	Đạt	29/11/1986	Nam	Vạn Phúc -Thanh Trì-Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
994	994	Lê Thị Vân	Anh	25/06/1988	Nữ	Hùng Quan, Đoan Hùng, Phú Thọ	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
995	995	Hoàng Thị	Hương	30/08/1987	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
996	996	Đinh Thị	Huyền	08/04/1991	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh B1		
997	997	Bùi Thành	Long	10/10/1988	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
998	998	Nguyễn Thị Thu	Phương	20/10/1985	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
999	999	Lê Đức	Thắng	01/10/1990	Nam	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1000	1000	Nguyễn Thị	Yến	09/05/1990	Nữ	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1001	1001	Nguyễn Thị Thùy	Chi	07/05/1993	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1002	1002	Hoàng Thanh	Bình	04/08/1991	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung HSK 5 (C1)		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1003	1003	Trần Thị Thu	Hoài	12/12/1993	Nữ	Hòa Hậu, Lý Nhân, Hà Nam	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1004	1004	Nguyễn Thị	Lâm	05/11/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1005	1005	Nguyễn Ngọc	Linh	14/08/1993	Nam	Hạ Hòa, Hạ Hòa, Phú Thọ	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1006	1006	Vương Ngọc	Mừng	06/04/1994	Nam	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1007	1007	Phan Ngọc	Nam	27/01/1993	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1008	1008	Nguyễn Thị	Ngọc	05/04/1992	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1009	1009	Nguyễn Đức	Nhân	03/07/1992	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung HSK 3 (B1)		
1010	1010	Nguyễn Thị	Oanh	27/09/1993	Nữ	Ninh Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1011	1011	Đỗ Thành	Tâm	26/03/1993	Nam	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1012	1012	Nguyễn Văn	Thịnh	10/10/1985	Nam	Mê Linh, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	CĐCĐ	
1013	1013	Nguyễn Thu	Trang	30/08/1992	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1014	1014	Nguyễn Văn	Tuấn	20/10/1995	Nam	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1015	1015	Hoàng Duy	Tùng	01/06/1986	Nam	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1016	1016	Phạm Thị Bích	Xuân	11/04/1992	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1017	1017	Phùng Tuấn	Anh	14/07/1990	Nam	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1018	1018	Nguyễn Hoàng	Duyệt	26/01/1990	Nam	Yên Bài, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1019	1019	Nguyễn Thị	Hằng	20/04/1991	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1020	1020	Nguyễn Thị	Hòa	29/08/1988	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1021	1021	Đào Thị	Hoạt	17/01/1989	Nữ	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh A2	DTTS	
1022	1022	Nguyễn Quang	Huy	01/06/1986	Nam	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1023	1023	Phí Ngọc Yến	Nhi	11/04/1994	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1024	1024	Đỗ Anh	Quyền	18/12/1992	Nam	Yên Bài, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
1025	1025	Phạm Kiên	Trung	23/05/1993	Nam	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
1026	1026	Khuất Duy	Tùng	06/10/1990	Nam	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh A2		
1027	1027	Cao Hải	Yến	03/05/1992	Nữ	Yên Bài, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	DTTS	
1028	1028	Nguyễn Mạnh	Cường	31/01/1995	Nam	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1029	1029	Nguyễn Thị Thu	Hoài	02/09/1992	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
1030	1030	Đặng Thị	Huyền	12/10/1995	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
1031	1031	Lê Thị Thanh	Loan	26/01/1995	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	CBB	
1032	1032	Hoàng Thị	Tươi	07/07/1994	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 387 (A2)		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1033	1033	Nguyễn Văn	Huy	07/06/1977	Nam	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Văn phòng B	Anh B		
1034	1034	Nguyễn Ngọc	Tiến	15/02/1984	Nam	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Văn phòng B	Trung HSK 5		Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
1035	1035	Phùng Văn	Hưởng	22/11/1985	Nam	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1036	1036	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/05/1993	Nữ	Đại Thành, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	IC 3	Anh A2		
1037	1037	Nguyễn Huyền	Trang	25/11/1988	Nữ	Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1038	1038	Lê Xuân	Bách	08/10/1995	Nam	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
1039	1039	Nguyễn Thị	Hồng	26/01/1994	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1040	1040	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	07/03/1994	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1041	1041	Nguyễn Trí Khánh	Linh	27/08/1994	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
1042	1042	Nguyễn Thị Phương	Mai	14/04/1995	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 370		
1043	1043	Nguyễn Thị Mai	Ngọc	04/10/1993	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1044	1044	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	17/04/1994	Nữ	Thanh Long, Yên Mỹ, Hưng Yên	TTYT Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		Anh B		gọi đơn vị lên làm rõ
1045	1045	Lê Thị	Ngoan	02/01/1988	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1046	1046	Nguyễn Xuân	Sà	15/03/1976	Nam	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1047	1047	Đinh Công	Toản	25/10/1982	Nam	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1048	1048	Phạm Thị Ngọc	Mai	16/06/1993	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1049	1049	Phùng Thế	Tài	12/05/1987	Nam	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1050	1050	Nguyễn Hồng	Tiến	06/09/1988	Nam	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1051	1051	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	29/05/1985	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
		2. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG (HẠNG III) - V.08.02.06													
1052	1	Đinh Việt	Anh	15/05/1994	Nam	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C1		
1053	2	Nguyễn Việt	Anh	31/07/1993	Nam	Thanh Miếu, Việt Trì, Phú Thọ	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 413		
1054	3	Mai Thị Hồng	Ánh	23/11/1994	Nữ	Xuân Trường, Xuân Trường, Nam Định	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1055	4	Trần Thị Thủy	Dung	16/04/1990	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**DTTS**	
1056	5	Nguyễn Đức	Dũng	08/07/1991	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 565		
1057	6	Hoàng Thu	Giang	02/11/1995	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 570		
1058	7	Nguyễn Thu	Hà	13/11/1995	Nữ	Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
1059	8	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	27/01/1993	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 415		
1060	9	Nguyễn Hòa	Hiệp	22/07/1995	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 635		
1061	10	Nguyễn Bá	Hoàn	21/09/1995	Nam	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 340		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1062	11	Nguyễn Công	Huy	26/08/1989	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Văn phòng B	Anh B1		
1063	12	Nguyễn Ngọc	Huy	06/04/1994	Nam	Khắc Niệm, Bắc Ninh, Bắc Ninh	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 450		
1064	13	Nguyễn Thị Thanh	Hương	25/12/1995	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
1065	14	Bùi Thiên	Hương	04/10/1994	Nữ	Chí Nê, Lạc Thủy, Hòa Bình	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 670		
1066	15	Lâm Hùng	Khoa	15/07/1993	Nam	Chi Lăng, Lạng Sơn, Lạng Sơn	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	IC 3	Anh B1	**DTTS**	
1067	16	Nguyễn Văn	Khiêm	09/08/1989	Nam	Hải Toàn, Hải Hậu, Nam Định	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1068	17	Nguyễn Thị Mai	Lan	12/07/1992	Nữ	Yên Nhân, Ý Yên, Nam Định	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 495		
1069	18	Phùng Thảo	Linh	14/10/1995	Nữ	Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 655		
1070	19	Nguyễn Thị Phương	Linh	23/09/1994	Nữ	Kênh Dương, Lê Chân, Hải Phòng	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1071	20	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/06/1994	Nữ	Nam Hải, Nam Trực, Nam Định	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1072	21	Phạm Thị Kiều	Loan	24/09/1995	Nữ	Yên Mạc, Yên Mô, Ninh Bình	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 407		
1073	22	Đỗ Hồng	Lữ	26/08/1993	Nữ	Hồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	IC 3	Anh B1		
1074	23	Đỗ Thị	Nga	23/01/1995	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1075	24	Vũ Trung	Nghĩa	03/12/1994	Nam	Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
1076	25	Nguyễn Thị Như	Ngọc	20/09/1995	Nữ	An Bài, Quỳnh Phụ, Thái Bình	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toeic 840		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1077	26	Nguyễn Bích	Nguyệt	12/01/1994	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
1078	27	Đỗ Thị	Nhung	07/02/1991	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1079	28	Đinh Văn	Quý	01/08/1995	Nam	Giao Thịnh, Giao Thủy, Nam Định	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1080	29	Hoàng Ngọc	Sơn	18/06/1992	Nam	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 195		
1081	30	Nguyễn Tiến	Toàn	10/03/1988	Nam	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 360		
1082	31	Nguyễn Anh	Tuấn	11/11/1993	Nam	Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1083	32	Trần Văn	Tuấn	31/08/1995	Nam	Đoàn Đào, Phù Cừ, Hưng Yên	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1084	33	Trần Thị	Thanh	06/08/1995	Nữ	Phương Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	IC 3	TOEFLS 407		
1085	34	Nguyễn Thị Phương	Thảo	02/05/1991	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	Ths	Bác sỹ Y học dự phòng (thạc sỹ y học dự phòng)		Anh B1		
1086	35	Hoàng Thị Kim	Thi	03/02/1992	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	IC 3	Anh A2		
1087	36	Phạm Thị	Thơm	20/07/1993	Nữ	Xuân Thủy, Xuân Trường, Nam Định	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	IC 3	Anh A2		
1088	37	Vũ Thị	Thu	05/08/1995	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 720		
1089	38	Nguyễn Thị	Trang	05/01/1995	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 455		
1090	39	Phạm Ngọc	Trâm	26/05/1989	Nữ	Thủy Lai, Thạch Thất, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
1091	40	Danh Thị	Vân	28/03/1993	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1092	41	Đinh Thị Mỹ	Hương	11/08/1995	Nữ	Giếng Đáy, Hạ Long, Quảng Ninh	TTYT Ba Đình	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1093	42	Vũ Hồng	Quân	02/09/1993	Nam	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 390		
1094	43	Phạm Thị Thùy	Dương	28/05/1994	Nữ	An Vinh, Quỳnh Phụ, Thái Bình	TTYT Đống Đa	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1095	44	Nguyễn Thị	Nhung	28/11/1993	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1096	45	Bùi Phương	Thảo	03/04/1995	Nữ	Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1097	46	Phạm Quang	Trung	04/08/1989	Nam	Trương Định, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1098	47	Nguyễn Thị	Linh	24/10/1994	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1099	48	Trần Nguyệt	Quỳnh	10/08/1990	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1100	49	Đỗ Mạnh	Hùng	19/10/1994	Nam	Khoái Châu, Khoái Châu, Hưng Yên	TTYT Long Biên	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1101	50	Nguyễn Hữu	Hiệp	07/06/1995	Nam	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1102	51	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	18/02/1990	Nữ	Mỹ Đình I, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Long Biên	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1103	52	Bùi Văn	Quân	10/01/1995	Nam	Đồng Minh, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	TTYT Long Biên	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1104	53	Lê Thị	Dung	21/03/1990	Nữ	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1105	54	Trịnh Thị	Kiện	15/03/1983	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1106	55	Triệu Thị	Hồng	26/08/1995	Nữ	Mỹ Phương, Ba Bể, Bắc Kạn	TTYT Đông Anh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	DTTS	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1107	56	Nguyễn Thị Lệ	Thu	18/08/1995	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1108	57	Lê Đàm Hải	Yến	04/03/1994	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1109	58	Lê Thị Hoàng	Anh	13/11/1995	Nữ	Trường Thịnh, Phú Thọ, Phú Thọ	TTYT Nam Từ Liêm	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1110	59	Vũ Thị	Hoài	13/06/1995	Nữ	Kim Thái, Vụ Bản, Nam Định	TTYT Thanh Trì	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1111	60	Trần Thu	Phương	10/07/1992	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1112	61	Nguyễn Thị Thu	Hà	11/09/1993	Nữ	Bắc Sơn, Bắc Sơn, Lạng Sơn	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	IC 3	Anh B		
1113	62	Dương Thị Thanh	Hải	24/11/1995	Nữ	Vũ Xá, Lục Nam, Bắc Giang	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1114	63	Nguyễn Thị	Hiền	03/10/1991	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1115	64	Hoàng Hà	My	17/06/1995	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1116	65	Lường Thành	Nhơn	13/12/1994	Nam	Điền Mặc, Định Hóa, Thái Nguyên	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**DTTS**	
1117	66	Nguyễn Thái	Sơn	24/01/1995	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1118	67	Hoàng Thị	Toàn	20/02/1992	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1119	68	Nguyễn Đức	Tuấn	24/01/1991	Nam	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Văn phòng B	Anh A2		
1120	69	Phạm Thị	Hiếu	23/05/1990	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	B	Anh A2		
1121	70	Đồng Thị Thúy	Hương	29/07/1994	Nữ	Trung Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	TTYT Ba Vì	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản			T/

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1122	71	Ngô Thị Thùy	Dung	10/10/1993	Nữ	Diễn Thắp, Diễn Châu, Nghệ An	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1123	72	Nguyễn Trung	Dũng	10/09/1993	Nam	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1124	73	Nguyễn Thị	Liên	31/05/1995	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1125	74	Nguyễn Thị	Nhàn	10/11/1995	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	**CTB**	
1126	75	Trần Thị Thanh	Tâm	20/04/1995	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1127	76	Vương Công	Thắng	10/09/1994	Nam	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1128	77	Đỗ Hồng	Ngọc	17/05/1991	Nữ	Đồng Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1129	78	Bùi Phương	Nhung	04/04/1995	Nữ	Bình Sơn, Kim Bôi, Hòa Bình	TTYT Chương Mỹ	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	**DTTS**	
1130	79	Phạm Thủy	Liên	29/03/1995	Nữ	Đống Đa, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	TTYT Mê Linh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1131	80	Nguyễn Thị	Mai	28/10/1994	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
		3. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP Y SỸ (HẠNG IV) - V.08.03.07													
1132	1	Nguyễn Văn	Cầu	28/06/1993	Nam	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1133	2	Nguyễn Quốc	Đại	15/05/1990	Nam	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1134	3	Nguyễn Hoàng	Hải	17/11/1992	Nam	Đồng Tiến, Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
1135	4	Nguyễn Văn	Giáng	01/06/1994	Nam	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1136	5	Nguyễn Văn	Lâm	19/10/1991	Nam	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1137	6	Lưu Đình	Sơn	10/08/1989	Nam	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1138	7	Ngô Văn	Toản	03/09/1977	Nam	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1139	8	Trần Nắng	Mai	20/09/1992	Nam	Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1140	9	Hoàng Văn	Sơn	17/03/1991	Nam	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1141	10	Trịnh Việt	Đức	26/06/1989	Nam	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1142	11	Nguyễn Văn	Khải	10/10/1987	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1143	12	Nguyễn Thị Khánh	Linh	08/08/1995	Nữ	Đông Ninh, Khoái Châu, Hưng Yên	TT Pháp y Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1144	13	Phạm Đăng	Quảng	10/02/1987	Nam	Thống Nhất, Gia Lộc, Hải Dương	TT Pháp y Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1145	14	Đào Đức	Anh	09/02/1993	Nam	Yên phụ, Tây Hồ , Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1146	15	Nguyễn Xuân	Bách	18/08/1996	Nam	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1147	16	Nguyễn Tiến	Lực	28/01/1986	Nam	Trương Định, Hai Bà trưng, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
1148	17	Phạm Văn	Nhân	21/07/1990	Nam	Khánh Dương, Yên Mô, Ninh Bình	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh B		
1149	18	Phạm Thị	Nhung	24/08/1996	Nữ	Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1150	19	Nguyễn Minh	Thúy	31/01/1994	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1151	20	Trần Minh	Toàn	19/04/1993	Nam	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1152	21	Dương Thị Thu	Phương	16/02/1989	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1153	22	Nguyễn Minh	Đức	01/06/1996	Nam	Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1154	23	Lê Đức	Hoàng	16/11/1994	Nam	Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1155	24	Phạm Ánh	Ngọc	15/11/1992	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1156	25	Lê Thị Ngọc	Dung	26/10/1972	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ Sản nhi	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 185		
1157	26	Kiều Hải	Hồ	21/04/1994	Nam	Đội Bình, Ứng Hoà, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1158	27	Nguyễn Thị	Huyền	09/12/1986	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ	B	Anh B		
1159	28	Hoàng Đức	Anh	26/11/1995	Nam	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1160	29	Nguyễn Thị	Dung	01/11/1992	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1161	30	Đặng Thị Minh	Giang	15/08/1992	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1162	31	Nguyễn Hải	Hưng	25/07/1998	Nam	Hải Minh, Hải Hậu, Nam Định	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1163	32	Ngô Hùng	Sơn	25/06/1983	Nam	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh B	**HTNV**	
1164	33	Nguyễn Vũ Thanh	Thảo	22/07/1978	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1165	34	Hoàng Thị Lệ	Thu	10/02/1992	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1166	35	Nguyễn Thúy	Phương	10/08/1991	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1167	36	Phạm Thị	Lan	10/11/1996	Nữ	Tây Tựu, Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1168	37	Nguyễn Thị	Nụ	12/10/1993	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1169	38	Dương Minh	Việt	12/07/1992	Nam	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1170	39	Trần Thị Thanh	Bình	02/10/1994	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1171	40	Phạm Sơn	Hải	18/11/1994	Nam	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1172	41	Nguyễn Thị	Huyền	17/08/1995	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1173	42	Nguyễn Mai	Linh	14/07/1992	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1174	43	Cung Thanh	Tân	15/11/1988	Nam	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1175	44	Phạm Phương	Thảo	02/08/1999	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1176	45	Nguyễn Thị	Hòa	18/03/1997	Nữ	Đại Cường, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Long Biên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1177	46	Triệu Thị	Chi	21/06/1990	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Long Biên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1178	47	Nguyễn Thị	Hoan	24/11/1980	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1179	48	Nguyễn Quân	Hoàng	11/03/1995	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1180	49	Nguyễn Văn	Mạnh	18/09/1991	Nam	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Long Biên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1181	50	Đoàn Thị Nhật	Nga	02/07/1990	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1182	51	Phạm Hồng	Trang	26/09/1986	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Long Biên	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1183	52	Nguyễn Thành	Đạt	30/10/1992	Nam	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1184	53	Đinh Thị Hương	Giang	27/08/1993	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1185	54	Ngô Ngọc	Hà	18/10/1997	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1186	55	Vũ Xuân	Hải	07/11/1986	Nam	Thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1187	56	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12/07/1993	Nữ	Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1188	57	Bùi Huy	Hoàng	01/02/1991	Nam	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ	Tin học văn phòng	Anh B		
1189	58	Nguyễn Văn	Hùng	05/07/1991	Nam	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1190	59	Hà Thị Thanh	Hương	19/06/1991	Nữ	Đông Dư, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1191	60	Nguyễn Thị	Hương	27/06/1996	Nữ	Long Hưng, Văn Giang, Hưng Yên	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1192	61	Lê Thị	Lan	03/03/1994	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ		Anh B		
1193	62	Nguyễn Minh	Phương	30/10/1993	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1194	63	Nguyễn Phương	Thúy	29/12/1988	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1195	64	Dương Thị Thu	Trang	11/09/1989	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1196	65	Trần Đức	Anh	22/09/1997	Nam	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1197	66	Tái Phương	Hòa	22/11/1997	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1198	67	Nguyễn Văn	Minh	03/01/1990	Nam	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1199	68	Phạm Thị Anh	Đào	25/09/1994	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1200	69	Nguyễn Đình	Dũng	16/02/1995	Nam	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1201	70	Trần Thu	Hương	16/11/1993	Nữ	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1202	71	Đinh Ngọc	Lan	20/11/1993	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1203	72	Nguyễn Đức	Phong	07/10/1993	Nam	Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	HTNV	
1204	73	Trần	Phương	20/10/1994	Nam	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1205	74	Trần Thị Thanh	Tâm	10/03/1995	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1206	75	Lê Thị	Tình	13/03/1985	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Trung cấp Tin học	Cử nhân TA		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
1207	76	Trần Thị Hồng	Xiêm	19/11/1989	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1208	77	Trần Thị	Yến	26/06/1987	Nữ	Mê Linh, Đông Hưng, Thái Bình	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh B		
1209	78	Phạm Thúy	Quỳnh	20/09/1993	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1210	79	Nguyễn Đình	Thành	04/01/1991	Nam	Liên Mạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1211	80	Trần Thị	Ánh	25/06/1996	Nữ	Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1212	81	Đỗ Thị	Dung	01/11/1993	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1213	82	Đinh Thành	Hiển	28/02/1991	Nam	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1214	83	Nguyễn Mạnh	Hùng	06/11/1992	Nam	Nghiêm Xuyên, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1215	84	Phí Thị Thu	Huyền	26/03/1999	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1216	85	Nguyễn Khắc	Lợi	08/01/1991	Nam	Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1217	86	Nguyễn Thành	Nam	22/10/1981	Nam	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1218	87	Nguyễn Kiều Tố	Nga	31/05/1990	Nữ	Võng Xuyên, Phúc thọ, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1219	88	Vũ An	Ninh	'16/08/1988	Nam	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1220	89	Bùi Thị	Oanh	18/05/1990	Nữ	Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B			
1221	90	Hoàng Việt	Thắng	17/08/1994	Nam	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1222	91	Nguyễn Thị	Xuân	27/07/1994	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	DTTS	
1223	92	Nguyễn Thị Hải	Yến	13/10/1991	Nữ	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
1224	93	Nguyễn Trung	Hiếu	16/11/1994	Nam	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1225	94	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	20/11/1995	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1226	95	Nguyễn Kim	Anh	14/06/1995	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1227	96	Vũ Tuấn	Anh	21/11/1987	Nam	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh B		
1228	97	Nguyễn Thị Kim	Ánh	06/12/1979	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1229	98	Ninh Thị	Châm	03/08/1991	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh C		
1230	99	Đào Linh	Chi	09/11/1996	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1231	100	Lưu Viết	Chính	16/10/1990	Nam	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1232	101	Nguyễn Quang	Huy	08/10/1993	Nam	Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh A2		
1233	102	Nguyễn Minh	Hưng	23/10/1993	Nam	Đại Áng, Thanh Trì , Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1234	103	Đoàn Trọng Lan	Hương	30/07/1995	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1235	104	Lê Mạnh	Khỏe	08/08/1988	Nam	Khánh Hà, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 360		
1236	105	Nguyễn Anh	Vũ	16/10/1994	Nam	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1237	106	Nguyễn Phương	Anh	14/11/1993	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1238	107	Lê Thị Phương	Anh	30/03/1994	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1239	108	Nguyễn Đức	Doanh	15/08/1979	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1240	109	Nguyễn Văn	Đốc	15/08/1991	Nam	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1241	110	Nguyễn Trọng	Đức	22/07/1993	Nam	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh A2		
1242	111	Nguyễn Văn	Giang	13/01/1989	Nam	Hồng Kỳ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh B		
1243	112	La Thị Thu	Hằng	29/09/1994	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1244	113	Nguyễn Văn	Hào	05/09/1989	Nam	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản			
1245	114	Lê Xuân	Hùng	09/08/1995	Nam	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1246	115	Nguyễn Thị Bích	Hường	22/05/1992	Nữ	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1247	116	Nguyễn Thị	Lai	02/09/1991	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
1248	117	Nguyễn Tùng	Lâm	07/05/1994	Nam	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
1249	118	Nguyễn Ánh	Phượng	27/07/1995	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1250	119	Đỗ Văn	Quân	10/03/1994	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Tin học văn phòng	Anh B		
1251	120	Ngô Minh	Quân	07/10/1988	Nam	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1252	121	Đào Xuân	Quyền	22/02/1982	Nam	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1253	122	Đỗ Văn	Quyết	08/08/1990	Nam	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1254	123	Lê Văn	Thanh	05/09/1989	Nam	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1255	124	Nguyễn Việt	Tiến	19/10/1995	Nam	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1256	125	Bùi Thị	Tình	10/03/1988	Nữ	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**DTTS**	
1257	126	Hà Thị	Tình	09/01/1993	Nữ	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1258	127	Nguyễn Quang	Tuyền	02/12/1974	Nam	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1259	128	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	28/11/1993	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1260	129	Nguyễn Văn	Trọng	27/11/1990	Nam	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
1261	130	Nguyễn Anh	Tuấn	30/01/1993	Nam	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1262	131	Nguyễn Tu	Tuyến	05/09/1979	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh B		
1263	132	Hoàng Thị	Liên	23/01/1972	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ sản nhi**	TC	Y sỹ định hướng sản nhi	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1264	133	Phùng Văn	Công	04/10/1993	Nam	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1265	134	Phùng Thị	Đào	28/11/1990	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh B		
1266	135	Phùng Anh	Đức	12/11/1994	Nam	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1267	136	Nguyễn Thị	Dung	12/09/1995	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1268	137	Phùng Anh	Dũng	12/03/1988	Nam	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh A2	**HTNV**	
1269	138	Trần Thị	Dưỡng	02/07/1980	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CBB**	
1270	139	Phùng Đình	Giáp	03/04/1994	Nam	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1271	140	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	19/05/1998	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1272	141	Nguyễn Thị	Hiền	09/09/1992	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1273	142	Chu Thị	Hương	12/09/1988	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1274	143	Nguyễn Thị	Hương	22/08/1994	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh B		
1275	144	Nguyễn Viết	Huy	25/08/1992	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1276	145	Phùng Bá	Khanh	11/08/1984	Nam	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1277	146	Nguyễn Thị Thúy	Linh	06/07/1994	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1278	147	Phùng Thị	Loan	14/11/1991	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1279	148	Phùng Phương	Ly	12/05/1998	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1280	149	Lương Xuân	Mạnh	14/01/1991	Nam	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1281	150	Nguyễn Thị	Nương	17/04/1994	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1282	151	Nguyễn Duy	Phong	28/03/1986	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh B		
1283	152	Nguyễn Thúy	Phương	16/09/1994	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1284	153	Nguyễn Thị	Phượng	15/10/1993	Nữ	Thuần Mỹ, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
1285	154	Đỗ Thị	Thu	06/08/1989	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1286	155	Nguyễn Thị Hà	Thu	13/05/1994	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1287	156	Vương Thị	Thủy	27/07/1988	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1288	157	Phùng Thị Ngọc	Trâm	30/09/1995	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 235 (A2)		
1289	158	Phương Văn	Tuyên	29/12/1995	Nam	Minh Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1290	159	Lê Thị	Yến	02/06/1993	Nữ	Khánh Thượng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1291	160	Lê Văn	Đức	03/06/1998	Nam	Võng xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh B		
1292	161	Phan Thị Thúy	Hảo	12/07/1996	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1293	162	Nguyễn Thị	Hằng	16/07/1992	Nữ	Sen Chiểu, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Tin học văn phòng	Anh B		
1294	163	Lê Đức	Hòa	03/10/1995	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1295	164	Nguyễn Thị	Hồng	22/10/1990	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh B		
1296	165	Nguyễn Thị	Hồng	22/12/1995	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
1297	166	Đinh Thị	Lan	12/01/1995	Nữ	Thị Trấn, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1298	167	Đinh Thị Ngọc	Lan	14/05/1993	Nữ	Thượng Cốc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa				
1299	168	Phạm Phong	Lan	02/06/1988	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
1300	169	Hoàng Diệu	Linh	23/12/1995	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Tiếng Anh giao tiếp trình độ B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1301	170	Nguyễn Thị	Linh	29/06/1994	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 185		
1302	171	Tô Thị	Linh	06/10/1995	Nữ	Thị Trấn, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2	CBB	
1303	172	Quách Mạnh	Long	20/12/1994	Nam	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
1304	173	Vương Thị	Lương	13/11/1980	Nữ	Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1305	174	Nguyễn Thành	Nam	25/04/1995	Nam	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1306	175	Hà Thị	Ngân	08/01/1993	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa				
1307	176	Phạm Thị Kim	Ngân	07/06/1998	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1308	177	Trần Thị	Ngọc	11/04/1989	Nữ	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
1309	178	Nguyễn Thị	Phượng	06/10/1993	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1310	179	Lê Thị	Thái	07/05/1990	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	C	Anh B		
1311	180	Đinh Thị Huyền	Thanh	09/06/1998	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1312	181	Nguyễn Văn	Thanh	08/09/1988	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B	**HTNV**	
1313	182	Nguyễn Thị	Thắm	25/12/1986	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1314	183	Nguyễn Thị	Thảo	15/11/1997	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1315	184	Hà Thị Thu	Trang	09/10/1993	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1316	185	Lê Thị	Trang	11/12/1995	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
1317	186	Hoàng Thị Kim	Yến	10/02/1994	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1318	187	Nguyễn Ngọc	Anh	13/09/1995	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1319	188	Phạm Thị	Chính	02/02/1990	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		Anh A2		
1320	189	Nguyễn Duy	Gia	03/06/1990	Nam	Cần Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
1321	190	Lê Thị Thu	Hằng	08/08/1994	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1322	191	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	23/07/1976	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1323	192	Quách Thị Mỹ	Hạnh	16/04/1995	Nữ	Phú Mãn, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	**DTTS**	
1324	193	Bùi Thị	Hồng	17/02/1994	Nữ	Cần Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1325	194	Nguyễn Thị Ba	Huế	30/05/1996	Nữ	Bình Phú, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1326	195	Nguyễn Thị Việt	Hương	10/11/1991	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	**DTTS**	
1327	196	Trịnh Duy	Khánh	11/06/1997	Nam	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1328	197	Trịnh Duy	Linh	21/01/1993	Nam	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1329	198	Khuất Hoàng	Nam	25/08/1998	Nam	Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1330	199	Đỗ Thị	Phương	03/02/1991	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1331	200	Công Thị	Quyên	15/11/1991	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1332	201	Vương Thị	Quyền	06/02/1994	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1333	202	Nguyễn Thị	Thanh	21/10/1991	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1334	203	Vinh Thị	Thúy	02/04/1991	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1335	204	Kiều Doãn	Trọng	22/10/1992	Nam	Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
1336	205	Đinh Duy	Tùng	22/09/1994	Nam	Yên Trung, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	**CBB**	
1337	206	Nguyễn Thanh	Tùng	18/03/1995	Nam	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
1338	207	Nghiêm Thị	Vân	06/08/1992	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1339	208	Đinh Tuấn	Anh	07/01/1992	Nam	Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1340	209	Nguyễn Văn	Đoàn	07/07/1995	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	A			
1341	210	Hoàng Khánh	Linh	13/05/1991	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1342	211	Đỗ Thị	Lương	31/03/1995	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1343	212	Nguyễn Thị	Thơ	14/07/1994	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1344	213	Hoàng Trung	Tín	13/12/1996	Nam	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 343		
1345	214	Nguyễn Khánh Đức	Anh	16/09/1994	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1346	215	Kiều Thị	Dư	27/03/1991	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1347	216	Nguyễn Thế	Duy	11/08/1994	Nam	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1348	217	Đặng Thị	Hòa	15/07/1991	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1349	218	Nguyễn Trung	Huy	23/06/1994	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		
1350	219	Đinh Thế	Luân	23/08/1983	Nam	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh B		
1351	220	Nguyễn Mậu	Mạnh	01/08/1997	Nam	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1352	221	Nguyễn Thị	Phượng	06/11/1991	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1353	222	Đặng Đình	Quyền	05/03/1993	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1354	223	Đinh Hữu	Sang	02/03/1993	Nam	Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1355	224	Nguyễn Văn	Toàn	31/01/1993	Nam	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1356	225	Nguyễn Chí	Trung	27/09/1996	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
1357	226	Nguyễn Thị	Tuyết	06/05/1991	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1358	227	Nguyễn Thị	Vi	19/12/1991	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1359	228	Phi Thị	Vinh	03/04/1986	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1360	229	Đỗ Thị Kim	Xuyến	01/09/1990	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 420		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1361	230	Khuất Thị Hải	Yến	19/02/1995	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367		
1362	231	Dương Thanh	An	12/05/1993	Nữ	Nam Phương Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1363	232	Lê Thị	Chuyên	24/12/1996	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1364	233	Lê Thanh	Dung	30/09/1990	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh B		
1365	234	Đoàn Thái	Hà	08/10/1991	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh B	CTB	
1366	235	Nguyễn Thị	Hoàn	05/09/1990	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1367	236	Nguyễn Thị	Huế	13/04/1992	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 150		
1368	237	Lê Đức	Hùng	17/08/1996	Nam	Đồng Lạc, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 363		
1369	238	Nguyễn Văn	Hùng	09/07/1994	Nam	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 410		
1370	239	Nguyễn Minh	Huyền	09/08/1995	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1371	240	Nguyễn Quốc	Khánh	22/09/1991	Nam	Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1372	241	Nguyễn Văn	Khoa	10/10/1976	Nam	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	CTB	
1373	242	Bùi Thị Phương	Linh	20/10/1992	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1374	243	Trần Nguyệt	Linh	16/05/1995	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1375	244	Nguyễn Thị	Lừng	02/02/1980	Nữ	Đồng Lạc, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1376	245	Nguyễn Thị	Lương	05/11/1991	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1377	246	Trần Bá	Lý	28/01/1989	Nam	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1378	247	Đỗ Thị	Ngọc	05/05/1993	Nữ	Tân Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1379	248	Trần Văn	Thịnh	04/11/1997	Nam	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1380	249	Vũ Thị Thanh	Trà	15/04/1991	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh B		
1381	250	Nguyễn Đình Minh	Trung	14/07/1999	Nam	Tân Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1382	251	Đỗ Thị	Vân	04/12/1989	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh B		
1383	252	Lê Đức	Việt	06/01/1995	Nam	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
1384	253	Trần Thị Hoàng	Anh	25/12/1995	Nữ	Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 360		
1385	254	Lâm Tăng	Bình	04/09/1981	Nam	Kim Thư, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
1386	255	Phạm Thế	Giáng	19/05/1994	Nam	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1387	256	Lê Thị	Hằng	28/02/1985	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1388	257	Đỗ Thị Phương	Hậu	02/05/1980	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1389	258	Hoàng Thị Thu	Hiền	27/07/1992	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 360		
1390	259	Phạm Thị Trà	My	02/07/1998	Nữ	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 190		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1391	260	Âu Thành	Nho	04/07/1993	Nam	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1392	261	Trương Duy	Tiến	25/10/1979	Nam	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1393	262	Nguyễn Thị	Trang	30/11/1992	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
1394	263	Tô Đình	Tuân	02/02/1984	Nam	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B	HTNV	
1395	264	Phạm Thị	Riệu	24/01/1992	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Văn phòng B	Anh C		
1396	265	Vũ Thị Lan	Anh	17/03/1998	Nữ	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1397	266	Nguyễn Tuấn	Anh	21/01/1994	Nam	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1398	267	Nguyễn Thu	Giang	09/12/1992	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1399	268	Vũ Văn	Hải	16/10/1993	Nam	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1400	269	Trần Liên	Hoa	29/08/1991	Nữ	Đại Hưng, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1401	270	Nguyễn Thị	Hòa	23/04/1994	Nữ	Hùng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1402	271	Trịnh Văn	Hoàn	17/10/1991	Nam	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1403	272	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	29/04/1993	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
1404	273	Phùng Thị Mai	Khuyên	19/09/1992	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh B		
1405	274	Nguyễn Thanh	Lịch	30/12/1991	Nam	Thượng Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1406	275	Nguyễn Thị Nhật	Linh	26/02/1994	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1407	276	Nguyễn Tiến	Long	02/06/1991	Nam	Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
1408	277	Đinh Hồng	Như	07/11/1988	Nam	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 407 (A2)		
1409	278	Phạm Thị Ngọc	Oanh	01/07/1997	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1410	279	Mai Thị	Phương	23/03/1993	Nữ	Hùng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1411	280	Đỗ Thị Thanh	Sâm	25/05/1991	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1412	281	Nguyễn Xuân	Sinh	14/07/1990	Nam	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1413	282	Đào Quyết	Thắng	25/09/1994	Nam	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1414	283	Nguyễn Thị	Thảo	16/09/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1415	284	Lương Thị	Tình	05/09/1983	Nữ	Hùng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1416	285	Trương Văn	Văn	19/12/1993	Nam	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh B	**HTNV**	
1417	286	Trần Văn	Vũ	06/07/1994	Nam	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh B		
1418	287	Phạm Hùng	Duy	06/08/1995	Nam	Thắng Lợi, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1419	288	Trần Thị Thanh	Huyền	20/10/1993	Nữ	Thắng Lợi, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1420	289	Nghiêm Thị Anh	Nhung	28/10/1991	Nữ	Tiền Phong, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1421	290	Trần Ngọc	Trâm	16/06/1996	Nữ	Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1422	291	Tạ Xuân	Trường	06/01/1998	Nam	Nguyễn Trãi, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1423	292	Nguyễn Hồng	Hạnh	15/04/1993	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1424	293	Lại Thị	Hạnh	01/11/1991	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toefls 340 (A2)		
1425	294	Nguyễn Thế	Anh	30/09/1997	Nam	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1426	295	Lại Vân	Anh	30/11/1995	Nữ	Tân Dân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1427	296	Nguyễn Hùng	Anh	29/10/1990	Nam	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng A	Anh B		
1428	297	Nguyễn Xuân	Chính	06/02/1990	Nam	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2	HTNV	
1429	298	Đỗ Mạnh	Dũng	14/07/1996	Nam	Tri Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Trung cấp CNTT	Anh C		
1430	299	Trần Thu	Hà	24/10/1994	Nữ	Tân Dân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1431	300	Phạm Danh	Hải	20/03/1997	Nam	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Trung cấp quản trị CSDL	Anh A2		
1432	301	Nguyễn Trung	Hiếu	26/11/1995	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1433	302	Trần Thị Thanh	Hương	14/07/1993	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh B		
1434	303	Nguyễn Thị	Mến	14/04/1991	Nữ	Tri Thủy, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh A2		
1435	304	Bạch Thị	My	03/11/1995	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1436	305	Đặng Thanh	Ngà	12/05/1995	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1437	306	Phan Thị	Ngân	05/02/1992	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1438	307	Đào Mai	Nhi	14/05/1998	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1439	308	Nghiêm Hồng	Nhung	14/07/1997	Nữ	Hoàng Long,Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1440	309	Đào Thị	Sáng	28/09/1987	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1441	310	Hoàng Văn	Tĩnh	12/10/1979	Nam	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CLS	
1442	311	Vũ Đức	Tùng	23/10/1996	Nam	Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1443	312	Nguyễn Thị Hồng	Tuyến	24/11/1992	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1444	313	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	14/04/1993	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1445	314	Dương Thị Thanh	Trang	04/10/1990	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1446	315	Đào Hoàng Thiên	Trang	22/08/1992	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh B		
1447	316	Nguyễn Thị Mộng	Vân	26/10/1993	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Tiếng Anh giao tiếp trình độ B		
1448	317	Chu Ngọc	Anh	20/06/1995	Nam	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1449	318	Giang Công	Đảm	04/04/1995	Nam	Xuân Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	HTNV	
1450	319	Nguyễn Thị	Hằng	09/05/1994	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1451	320	Phạm Thị	Hương	13/09/1982	Nữ	Xuân Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1452	321	Vũ Văn	Thưng	05/02/1979	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB**	
1453	322	Phan Thị	Hằng	12/04/1993	Nữ	Bến Cả, Yên Lập, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1454	323	Khuất Thị Đài	Trang	19/08/1995	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1455	324	Nguyễn Thị	Thuỷ	20/07/1990	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1456	325	Nguyễn Hải	Anh	05/5/1991	Nam	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1457	326	Nguyễn Tiến	Đạo	09/05/1992	Nam	Hòa Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
1458	327	Nguyễn Thị	Dung	28/12/1989	Nữ	Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1459	328	Nguyễn Văn	Dũng	01/02/1990	Nam	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1460	329	Đặng Văn	Duy	28/02/1996	Nam	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1461	330	Nguyễn Thị	Hà	17/11/1991	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1462	331	Tạ Trọng	Hán	10/06/1997	Nam	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**HTNV**	
1463	332	Vũ Thị Thu	Hiền	02/06/1994	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1464	333	Đỗ Công	Huân	26/03/1993	Nam	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1465	334	Nguyễn Thị Mai	Hương	20/07/1991	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1466	335	Nguyễn Thị	Hương	06/06/1989	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
1467	336	Nguyễn Sỹ	Huy	26/10/1994	Nam	Cao Thành, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1468	337	Nguyễn Thị	Huyền	28/03/1995	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
1469	338	Nguyễn Thị Thu	Huyền	16/10/1994	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1470	339	Trần Huy	Khôi	16/08/1997	Nam	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1471	340	Lưu Thị Thùy	Linh	21/12/1991	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1472	341	Nguyễn Mỹ	Linh	01/10/1994	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1473	342	Chu Thị	Long	27/03/1988	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1474	343	Nguyễn Thị	Ly	09/11/1994	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
1475	344	Phạm Thị	Lý	31/07/1993	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1476	345	Nguyễn Ngọc	Sơn	27/09/1993	Nam	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1477	346	Nguyễn Khắc	Sơn	26/05/1992	Nam	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	HTNV	
1478	347	Lê Thị Thanh	Tâm	10/02/1994	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1479	348	Đoàn Văn	Thái	23/01/1990	Nam	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh B		
1480	349	Đinh Quang	Thành	20/04/1992	Nam	Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1481	350	Dương Thị Phương	Thảo	11/08/1993	Nữ	Đồng Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1482	351	Nguyễn Thị	Thảo	22/11/1992	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1483	352	Tạ Đức	Thiện	27/09/1995	Nam	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1484	353	Nguyễn Văn	Thoan	24/03/1994	Nam	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1485	354	Lê Thị	Thu	02/06/1983	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1486	355	Trịnh Thị Quỳnh	Trang	03/11/1992	Nữ	Đội Bình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1	**CTB**	
1487	356	Bùi Văn	Tùng	25/02/1994	Nam	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1488	357	Trần Trọng	Việt	25/01/1993	Nam	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1489	358	Nguyễn Bằng Lộc	Thành	13/10/1983	Nam	Đồng Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1490	359	Lê Thị Thu	Thìn	27/03/1990	Nữ	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	B	Anh B	**CTB**	
1491	360	Ngô Huy	Lượng	02/02/1993	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh B		
1492	361	Đỗ Bùi Trà	My	20/12/1994	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1493	362	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	17/07/1994	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1494	363	Nguyễn Phúc	Nguyên	09/11/1999	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1495	364	Nguyễn Thị Thu	Phương	03/06/1994	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1496	365	Nguyễn Đình	Sơn	22/01/1987	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
1497	366	Nguyễn Xuân	Trọng	05/11/1990	Nam	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1498	367	Ngô Huy	Tú	01/06/1998	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh B		
1499	368	Lê Sỹ	Đức	08/05/1988	Nam	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
1500	369	Bùi Đình	Hùng	15/01/1996	Nam	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1501	370	Nguyễn Thị	Hương	03/11/1995	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
1502	371	Hà Minh	Luân	15/01/1994	Nam	Kim Hoa, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1503	372	Lưu Thị	Mai	03/06/1990	Nữ	Hoàng Kim, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1504	373	Nguyễn Văn	Tập	04/10/1986	Nam	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Chứng chỉ tin học hệ thống thông tin VP	Anh bậc 2		
1505	374	Phạm Thị Thu	Trang	12/07/1993	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
1506	375	Nguyễn Anh	Văn	01/11/1994	Nam	Tiến Thắng, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
1507	376	Nguyễn Thị	Vui	01/06/1990	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
1508	377	Trần Thị	Xuyến	10/10/1985	Nữ	Kim Hoa, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2 (A2)		
		4. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP Y TẾ CÔNG CỘNG (HẠNG III) - V.08.04.10													
1509	1	Dương Thị	Nhương	22/04/1994	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1510	2	Phạm Anh	Tuấn	06/02/1993	Nam	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	IELTS 5.5		
1511	3	Vũ Huyền	Anh	30/09/1993	Nữ	Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Y tế công cộng (hạng III)	**Bác sỹ Y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ Y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2 (TOEIC)		Có bằng tốt nghiệp sau đại học ở nước ngoài
1512	4	Nguyễn Văn	An	20/12/1991	Nam	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**HTNV**	
1513	5	Nguyễn Thị Lan	Anh	12/01/1990	Nữ	Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
1514	6	Hán Minh	Hằng	14/11/1991	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	IELTS 5.0		
1515	7	Ngô Thị Vân	Hằng	08/06/1990	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	Ứng dụng B	Anh B		Đào tạo thạc sỹ toàn thời gian bằng Tiếng Anh
1516	8	Hồ Phương	Mai	28/12/1994	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Văn phòng B	Anh B		
1517	9	Đinh Thị	Minh	07/04/1994	Nữ	Thượng Hòa, Nho Quan, Ninh Bình	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	B	Anh B		
1518	10	Nguyễn Công	Thành	17/10/1991	Nam	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
1519	11	Nguyễn Huyền	Trang	26/02/1987	Nữ	Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Văn phòng B	Anh B		
1520	12	Vũ Thị Lan	Anh	11/05/1991	Nữ	Khu đô thị An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1521	13	Lê Xuân	Dũng	06/11/1994	Nam	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	B	Anh B		
1522	14	Hoàng Thu	Hà	05/12/1997	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1523	15	Nguyễn Văn	Hùng	04/08/1992	Nam	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	B	Anh A2		
1524	16	Lê Thị Thu	Phương	16/12/1995	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEIC)		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1525	17	Vũ Thị	Hăng	01/06/1988	Nữ	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	Ths	Xã hội học (thạc sỹ Y tế công cộng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1526	18	Hoàng Thị	Ngân	21/11/1993	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1527	19	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	28/07/1993	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 460		
1528	20	Nguyễn Thị	Hiền	25/08/1992	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1529	21	Nguyễn Thu	Huyền	29/09/1986	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
1530	22	Nguyễn Thị	Lập	27/10/1990	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BV Thận HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	B	Anh C		
1531	23	Phạm Hà	Linh	07/12/1997	Nữ	Yên Phong, Yên Mô, Ninh Bình	BV Thận HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1532	24	Đỗ Thị Thúy	Hường	25/01/1993	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 347		
1533	25	Cao Bùi Bích	Phương	23/08/1995	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1534	26	Nguyễn Thị	Hà	20/11/1995	Nữ	Thị Trấn Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1535	27	Hà Ngọc	Anh	24/11/1996	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1	ĐTTS	
1536	28	Lê Thị Quỳnh	Anh	27/11/1993	Nữ	Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	B	Anh B		
1537	29	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	24/11/1989	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1538	30	Đoàn Lê	Duyên	21/04/1994	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 400		
1539	31	Nguyễn Thiên	Đức	20/01/1997	Nam	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 565		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1540	32	Phạm Thu	Hiền	09/09/1994	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1541	33	Vũ Thị Kim	Hoàn	12/04/1996	Nữ	An Lạc, Lạc Thủy, Hòa Bình	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1542	34	Phạm Thị	Hương	26/05/1996	Nữ	Khánh Lợi, Yên Khánh, Ninh Bình	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1543	35	Nguyễn Hoài	Linh	10/11/1995	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1544	36	Nguyễn Thị	Ngân	09/01/1990	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1545	37	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	19/02/1996	Nữ	Đắc Sở, Hoài Đức, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1546	38	Trần Thị	Ngọc	25/05/1990	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
1547	39	Đỗ Duy	Phương	24/05/1991	Nam	Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1548	40	Nguyễn Viết	Sơn	06/08/1997	Nam	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 665		
1549	41	Cao Ngọc	Tân	19/05/1991	Nam	Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1550	42	Chu Anh	Tú	05/12/1991	Nam	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1551	43	Nguyễn Quang	Tuấn	19/11/1993	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1552	44	Nguyễn Hiển	Thanh	12/06/1994	Nam	Trung Nghĩa, Yên Phong, Bắc Ninh	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 413		
1553	45	Nguyễn Thị Diệu	Thu	13/10/1993	Nữ	Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1554	46	Nguyễn Thành	Trung	03/03/1993	Nam	Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2	**DTTS**	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1555	47	Nguyễn Hiền	Vương	04/04/1986	Nam	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 250		
1556	48	Đỗ Thị Hà	Linh	06/10/1994	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1557	49	Phạm Thị Thái	Hà	03/09/1994	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1558	50	Đoàn Thu	Trang	21/07/1992	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1559	51	Lê Thanh Diệu	Huyền	20/06/1995	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
1560	52	Lê Thu	Hiền	15/11/1992	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1561	53	Nguyễn Thành	Hưng	10/04/1997	Nam	Thanh Sơn, Thanh Sơn, Phú Thọ	TTYT Cầu Giấy	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1562	54	Vũ Thị Kim	Ngân	11/12/1990	Nữ	Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1563	55	Đỗ Thị Thùy	Chi	11/06/1989	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1564	56	Nguyễn Mạnh	Tiến	17/02/1996	Nam	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1565	57	Phạm Yến	Linh	23/01/1994	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1566	58	Trần Quang	Vinh	08/03/1995	Nam	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	IC 3	Anh B		
1567	59	Đỗ Thị Thu	Hà	19/09/1991	Nữ	Dịch Vọng Hậu - Cầu Giấy -Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1568	60	Ngô Thị Ngọc	Ánh	27/12/1993	Nữ	Ia Chia, Iagrai, Gia Lai	TTYT Sóc Sơn	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng B	Anh B		
1569	61	Lê Thị	Dung	05/07/1992	Nữ	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1570	62	Đỗ Thị	Hà	05/06/1994	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1571	63	Đỗ Thanh	Hoài	04/08/1995	Nữ	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1572	64	Đào Thị	Nhung	14/06/1993	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Văn phòng B	Anh C		
1573	65	Nguyễn Thị Thu	Thủy	08/07/1991	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1574	66	Đinh Hà	Trang	13/11/1996	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
1575	67	Nguyễn Văn	Chấn	25/01/1997	Nam	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1576	68	Bùi Thị	Hồng	16/03/1994	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		
1577	69	Nguyễn Thị Thu	Hường	04/03/1997	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1578	70	Nguyễn Thu	Ngân	24/01/1992	Nữ	Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1579	71	Nguyễn Thị	Bằng	10/04/1982	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	B	Anh B		
1580	72	Trịnh Thị Khánh	Trà	19/09/1994	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1581	73	Nguyễn Thị	Hiên	08/02/1994	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1582	74	Đỗ Tú	Anh	18/12/1997	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1583	75	Vũ Thị	Huyền	06/12/1992	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1584	76	Nguyễn Trần Bảo	Yến	24/07/1993	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1585	77	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	30/08/1996	Nữ	Cam Thượng, Ba vì, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1586	78	Đào Thị Lan	Phương	12/12/1993	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1587	79	Lê Thị	Liên	20/05/1997	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1588	80	Nguyễn Thu	Phương	06/09/1995	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1589	81	Triệu Hương	Quỳnh	18/07/1997	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
1590	82	Vũ Thi Bích	Trâm	15/12/1992	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 455		
1591	83	Phùng Đình	Huấn	26/12/1994	Nam	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1592	84	Nguyễn Thị	Nhung	16/01/1995	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1593	85	Nguyễn Thị	Tâm	10/02/1993	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
		5. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III - V.08.05.12													
1594	1	Nguyễn Tuấn	Anh	15/02/1988	Nam	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
1595	2	Nguyễn Thị Việt	Anh	22/02/1994	Nữ	Đông Kết, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1596	3	Phí Mạnh	Công	01/03/1997	Nam	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1597	4	Nguyễn Thị	Diệu	17/06/1987	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOFEL 370		
1598	5	Phạm Thị	Duyên	20/10/1993	Nữ	Yên Phú, Yên Mỹ, Hưng Yên	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh C		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1599	6	Lê Thị	Hằng	25/12/1985	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1600	7	Phương Thu	Hồng	20/09/1985	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1601	8	Lê Thị	Hồng	08/04/1987	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B		
1602	9	Phạm Thị	Hương	09/11/1988	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB**	
1603	10	Nguyễn Thị Thu	Hương	30/12/1983	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1604	11	Dương Thị	Loan	04/01/1986	Nữ	Bắc Cường, TP Lào Cai, Lào Cai	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B		
1605	12	Trương Thị	My	20/11/1993	Nữ	Đông Kết, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1606	13	Nguyễn Thị	Nhung	05/10/1982	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1607	14	Lương Thị	Nhung	25/11/1990	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOIEC 185	**CBB**	
1608	15	Nguyễn Thị	Tâm	18/09/1989	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1609	16	Dương Thị Vân	Anh	18/06/1988	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1610	17	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/05/1995	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
1611	18	Đặng Thu	Hằng	01/11/1994	Nữ	Đội Bình, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1612	19	Phạm Hoàng Mai	Huyền	16/11/1995	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1613	20	Phạm Tiến	Luận	16/03/1997	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1614	21	Trần Thị	Mến	10/09/1993	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2	CBB	
1615	22	Đoàn Thị	Ngoan	30/04/1994	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1616	23	Nguyễn Thị	Quyên	10/05/1992	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông,Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1617	24	Nguyễn Thị	Thảo	24/06/1993	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1618	25	Tạ Thị Phương	Thảo	28/02/1995	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1619	26	Ngô Thị	Thảo	28/03/1994	Nữ	Tân Trung, Tân Yên, Bắc Giang	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh bậc 2		
1620	27	Mai Thị Thanh	Thủy	10/03/1994	Nữ	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1621	28	Đinh Thị Kim	Chi	24/04/1992	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1622	29	Tạ Thị	Đức	29/07/1994	Nữ	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1623	30	Nguyễn Thu	Hà	21/07/1992	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1624	31	Nguyễn Thị	Huệ	22/08/1987	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1625	32	Lưu Thị	Nhung	29/10/1993	Nữ	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1626	33	Phạm Đông	Phong	20/05/1990	Nam	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1627	34	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	24/07/1993	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1628	35	Bùi Thị	Thơm	08/04/1988	Nữ	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1629	36	Đỗ Thị	Lương	22/09/1993	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1630	37	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	05/11/1979	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1631	38	Lê Thị	Hiệp	30/04/1993	Nữ	Hai Bà Trưng, Phủ Lý, Hà Nam	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	ĐH	Đại học Điều dưỡng gây mê hồi sức	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1632	39	Hoàng Thị	Thu	06/12/1992	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	ĐH	Đại học Điều dưỡng gây mê hồi sức	IC3	Anh B1		
1633	40	Chu Thị	Thúy	19/09/1995	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	ĐH	Đại học Điều dưỡng gây mê hồi sức	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1634	41	Đỗ Hoàng	Anh	30/11/1981	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1635	42	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/06/1993	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1636	43	Trần Thị Hải	Anh	07/10/1994	Nữ	Cổ Lễ, Trực Ninh, Nam Định	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1637	44	Nguyễn Thị	Cúc	17/08/1991	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 463		
1638	45	Phạm Thị	Dung	10/01/1995	Nữ	Hải Lộc, Hải Hậu, Nam Định	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
1639	46	Mã Thị	Hà	25/12/1992	Nữ	Nga Tân, Nga Sơn, Thanh Hóa	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1640	47	Nguyễn Thu	Hiếu	13/07/1985	Nữ	Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 380		
1641	48	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	09/09/1992	Nữ	Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1642	49	Trần Thị Thúy	Hồng	18/10/1969	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1643	50	Nguyễn Thị	Huê	03/07/1981	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1644	51	Hồ Thanh	Hương	12/07/1983	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1645	52	Dương Thị Lan	Hương	20/06/1995	Nữ	Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1646	53	Vũ Thị	Hường	14/10/1981	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	B	Anh B		
1647	54	Lê Thị	Huyền	14/04/1981	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1648	55	Đoàn Thị	Linh	02/09/1994	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1649	56	Trần Thị Tuyết	Mai	29/03/1976	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1650	57	Lê Thị Ngọc	Mai	07/10/1993	Nữ	Phú Lâm, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1651	58	Lã Thị Nguyệt	Minh	10/02/1994	Nữ	Thanh Miếu, Việt Trì, Phú Thọ	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1652	59	Nguyễn Thanh	Minh	13/02/1984	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1653	60	Hàn Thị	Năm	17/01/1996	Nữ	Liêm Túc, Thanh Liêm, Hà Nam	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
1654	61	Vũ Thị	Nga	09/08/1993	Nữ	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1655	62	Nguyễn Thị Thúy	Nga	10/04/1993	Nữ	Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1656	63	Ngô Thị Kim	Ngân	25/11/1986	Nữ	Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1657	64	Nguyễn Thị	Nguyệt	24/05/1985	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1658	65	Bùi Thanh	Nhàn	22/07/1981	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1659	66	Dương Thị Hồng	Nhung	15/02/1980	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1660	67	Phạm Đông	Phong	20/05/1990	Nam	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1661	68	Đỗ Thị Minh	Phương	18/01/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1662	69	Nguyễn Thị Mai	Phương	17/12/1984	Nữ	Yên Ngưu, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1663	70	Trần Hà	Quang	19/10/1994	Nam	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1664	71	Ngô Thị	Tâm	26/01/1994	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh A2		
1665	72	Nguyễn Thị	Thắm	25/02/1996	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1666	73	Phạm Minh	Thúy	29/08/1982	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1667	74	Phạm Thị	Thúy	25/10/1987	Nữ	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1668	75	Nguyễn Thị	Toan	01/05/1977	Nữ	Mễ Trì Thượng, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1669	76	Đặng Quỳnh	Trang	04/04/1997	Nữ	Quang Trung, Thành phố Nam Định, Nam Định	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1670	77	Hoàng Thị Huyền	Trang	23/04/1987	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1671	78	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	04/01/1996	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1672	79	Đào Thị Hồng	Vân	08/11/1990	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	B	Anh B		
1673	80	Ngô Văn	Vinh	18/10/1992	Nam	Yên Nhân, Ý Yên, Nam Định	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1674	81	Trần Thị	Hải	22/06/1989	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1675	82	Đào Thị Việt	Hiền	03/03/1983	Nữ	Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1676	83	Nguyễn Thị Thu	Hoa	28/10/1985	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	B	Anh bậc 2		
1677	84	Đinh Thị	Hồng	11/05/1995	Nữ	Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
1678	85	Đào Thị Thu	Hường	23/06/1982	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1679	86	Đỗ Phương	Huyền	19/04/1994	Nữ	Điền Xá, Nam Trực, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B		
1680	87	Trần Văn	Kha	18/04/1993	Nam	Văn Tự, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1681	88	Nguyễn Thị	Liên	05/09/1988	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1682	89	Phạm Thị	Liễu	16/05/1991	Nữ	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Văn phòng B	Tiếng Anh giao tiếp B		
1683	90	Lê Thị Thùy	Linh	23/02/1995	Nữ	Hợp Lý, Triệu Sơn, Thanh Hóa	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1684	91	Trần Thị	Mai	13/05/1989	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1685	92	Trương Thảo	My	27/11/1995	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	B	Anh A2		
1686	93	Nguyễn Trà	My	06/03/1983	Nữ	Ô chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	B	Anh bậc 2		
1687	94	Nguyễn Thị	Nhung	16/02/1996	Nữ	Khuyến Nông, Triệu Sơn, Thanh Hóa	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1688	95	Đỗ Thị Kim	Oanh	16/12/1996	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1689	96	Lê Thị	Phong	30/08/1990	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1690	97	Nguyễn Phương	Thảo	11/09/1994	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng		Anh bậc 2 (TOEFLS)		
1691	98	Chu Thanh	Thúy	15/01/1987	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1692	99	Phan Thị	Thúy	08/05/1997	Nữ	Xuân Phú, Xuân Trường, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1693	100	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/12/1991	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1694	101	Nguyễn Thu	Trang	14/08/1995	Nữ	Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1695	102	Nguyễn Anh	Tuấn	30/10/1994	Nam	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
1696	103	Chu Thị	Yến	30/07/1990	Nữ	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1697	104	Nguyễn Ngọc	Ánh	22/10/1997	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
1698	105	Vũ Thị Thanh	Hiền	29/07/1993	Nữ	Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1699	106	Hoàng Thị	Hợi	13/03/1995	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1700	107	Nguyễn Thị	Huề	24/01/1990	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1701	108	Phạm Thùy	Linh	14/05/1995	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1702	109	Nguyễn Thị	Mai	11/03/1995	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 460		
1703	110	Nguyễn Thị	Nga	07/02/1995	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1704	111	Dương Thị Hồng	Ngát	11/05/1993	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1705	112	Hoàng Thị	Trang	16/04/1988	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1706	113	Đỗ Linh	Trang	28/12/1994	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1707	114	Đặng Xuân	Hướng	05/07/1990	Nam	Đội Bình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1708	115	Nguyễn Thị	Hường	27/11/1995	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
1709	116	Phạm Thị	Khanh	02/03/1992	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1710	117	Đỗ Thị Kim	Liên	27/07/1995	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1711	118	Nguyễn Thị	Lua	28/04/1997	Nữ	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
1712	119	Nguyễn Thị	Miền	15/10/1991	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1713	120	Phạm Văn	Phúc	24/11/1990	Nam	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B		
1714	121	Nguyễn Thị Bích	Thảo	05/01/1993	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1715	122	Nguyễn Thị	Thúy	24/07/1993	Nữ	Xuy Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1716	123	Lưu Thị Lệ	Hằng	16/10/1987	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1717	124	Nguyễn Quỳnh	Lan	22/07/1986	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1718	125	Nguyễn Thị	Tình	08/05/1989	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1719	126	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/10/1988	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1720	127	Nguyễn Mạnh	Cường	26/06/1984	Nam	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1721	128	Hoàng Thị Thúy	Ngần	11/02/1990	Nữ	Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1722	129	Hoàng Thu	Phương	15/01/1991	Nữ	Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEIC)		
1723	130	Nguyễn Tuấn	Thanh	13/12/1976	Nam	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1724	131	Tô Thị	Thu	25/04/1989	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1725	132	Kiều Thị	Hiền	24/02/1996	Nữ	Đông yên, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1726	133	Đào Ngọc	Huỳnh	16/07/1997	Nam	Nghĩa Giang, Toàn Thắng, Kim Động, Hưng Yên	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1727	134	Cấn Thị	Liên	01/10/1997	Nữ	Bình Phú, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1728	135	Đỗ Thị	Liên	28/12/1992	Nữ	Phú Mãn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1729	136	Đỗ Thị	Linh	10/10/1997	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1730	137	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/03/1991	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1731	138	Nguyễn Thi	Thúy	27/05/1997	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1732	139	Nguyễn Thị Huyền	Trang	22/07/1988	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1733	140	Nguyễn Thị Thu	Trang	19/03/1995	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1734	141	Đỗ Thị	Mai	03/07/1993	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	ĐH	Đại học Điều dưỡng gây mê hồi sức	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1735	142	Đặng Thị	Thúy	01/03/1996	Nữ	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	ĐH	Đại học Điều dưỡng gây mê hồi sức	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1736	143	Phùng Thị	An	28/07/1995	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	B	Anh A2		
1737	144	Phùng Thị Thanh	Huyền	01/05/1997	Nữ	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	B	Anh A2		
1738	145	Trần Thị Hồng	Khuyên	10/07/1997	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1739	146	Nguyễn Thị Kim	Ngân	09/11/1992	Nữ	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1740	147	Lã Quốc	Việt	06/06/1995	Nam	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1741	148	Đỗ Thị	Nhung	02/11/1989	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1742	149	Ngô Thị Thu	Hiền	12/11/1979	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	B	TOEFLS 367		
1743	150	Nguyễn Thị Bích	Thu	24/06/1990	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1744	151	Trần Thị Thu	Trang	05/02/1993	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1745	152	Trương Thị	Tuyết	17/02/1985	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1746	153	Hoàng Ngọc	Hà	02/05/1990	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
1747	154	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	16/10/1994	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1748	155	Đỗ Thị	Lý	04/10/1997	Nữ	Tiêu Động, Bình Lục, Hà Nam	BV Bắc Thăng Long	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1749	156	Đỗ Thanh	Tâm	08/03/1996	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1750	157	Nguyễn Thị	Thảnh	09/12/1995	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1751	158	Nguyễn Ngọc	Anh	18/01/1984	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1752	159	Ngô Thị	Hoa	21/09/1995	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toefls 370 (bậc 2)		
1753	160	Nguyễn Thị Thu	Hương	03/08/1983	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1754	161	Bùi Thị Thu	Hường	30/01/1983	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3	CTB	
1755	162	Hồ Thị	Ngấn	10/08/1991	Nữ	Đức Hòa, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	DH	Đại học Điều dưỡng	B	Anh B		
1756	163	Nguyễn Xuân	Ngũ	19/05/1966	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1757	164	Phạm Phương	Nhung	12/10/1997	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1758	165	Hoàng Thị Lệ	Mỹ	01/11/1991	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh A2		
1759	166	Đào Thị	Thu	10/02/1989	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	B	Anh A2		
1760	167	Đặng Thị	Luyến	11/05/1996	Nữ	Vân Nam, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	DH	Đại học Điều dưỡng	IC 3	Anh A2		
1761	168	Nguyễn Thị	Yến	04/05/1994	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	B	Anh B		
1762	169	Nguyễn Thị	Duyên	16/12/1996	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1763	170	Đào Thị Hồng	Hạnh	17/10/1992	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1764	171	Nguyễn Thị Thúy	Hoàn	19/07/1995	Nữ	Bình Phú, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1765	172	Lê Thị	Huyên	19/04/1990	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1766	173	Nguyễn Thanh	Mai	29/12/1997	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1767	174	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	02/05/1993	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1768	175	Nguyễn Hương	Giang	23/09/1993	Nữ	Xã Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1769	176	Nguyễn Thị Thu	Hà	12/05/1988	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1770	177	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	16/11/1997	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1771	178	Đinh Thị	Hằng	31/01/1997	Nữ	Liên Hiệp -Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 195		
1772	179	Phí Thị	Lành	12/10/1997	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1773	180	Phạm Thị	Liễu	04/06/1996	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	B	Anh A2		
1774	181	Nguyễn Thị	Phúc	19/04/1989	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1775	182	Nguyễn Thị	Tâm	27/08/1994	Nữ	Liên Trung, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1776	183	Nguyễn Thị	Thảo	11/05/1997	Nữ	Thị trấn Trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
1777	184	Tạ Minh	Thơm	30/10/1996	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1778	185	Phan Thị	Thơm	11/12/1996	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1779	186	Đỗ Thị	Trang	12/10/1990	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1780	187	Trần Quỳnh	Anh	27/10/1995	Nữ	Hữu Văn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
1781	188	Nguyễn Thị Vân	Anh	05/01/1995	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
1782	189	Nguyễn Thị	Hà	14/12/1990	Nữ	Phụng Châu, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1783	190	Đỗ Thị	Hiền	12/02/1978	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1784	191	Nguyễn Thị	Hường	18/08/1990	Nữ	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1785	192	Nguyễn Thị	Hường	17/01/1993	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1786	193	Tống Thị	Kiên	25/05/1983	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1787	194	Nguyễn Thị Thúy	Nhung	05/06/1992	Nữ	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1788	195	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	17/12/1994	Nữ	Mỹ Lương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 363		
1789	196	Đào Thị	Phương	15/07/1988	Nữ	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 403		
1790	197	Vũ Thị Băng	Thanh	05/03/1991	Nữ	Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 347		
1791	198	Đỗ Duy	Thông	07/02/1987	Nam	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1792	199	Phạm Thị Kiều	Trinh	15/03/1994	Nữ	Ân Hòa, Kim Sơn, Ninh Bình	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B1		
1793	200	Phạm Thị	Hoa	30/01/1991	Nữ	Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1794	201	Nguyễn Diệu	Linh	27/06/1994	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1795	202	Phạm Thị Thanh	Vân	23/04/1996	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1796	203	Tạ Lan	Phương	28/10/1993	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1797	204	Phạm Thị	Thơm	10/08/1992	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1798	205	Lê Thúy	Quỳnh	19/11/1992	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1799	206	Vũ Thị	Ngọc	24/03/1994	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1800	207	Lê Thị	Hường	11/02/1989	Nữ	Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1801	208	Phạm Thị	Huyền	18/08/1996	Nữ	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1802	209	Tô Thị	La	14/03/1995	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
1803	210	Phạm Thị	Nguyên	03/09/1993	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1804	211	Vũ Thị Hồng	Nhung	09/09/1993	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1805	212	Nguyễn Ngọc	Bích	22/09/1993	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	IC 3	Anh A2		
1806	213	Nguyễn Thị	Châm	17/04/1993	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1807	214	Nguyễn Thị	Chinh	04/01/1990	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1808	215	Nguyễn Thị	Cúc	18/11/1991	Nữ	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1809	216	Nguyễn Thị	Hằng	27/12/1992	Nữ	Hoàng Kim, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	B	Anh bậc 2		
1810	217	Nguyễn Thị	Thu	05/10/1996	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1811	218	Hán Thị	Việt	24/06/1993	Nữ	Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1812	219	Nguyễn Thị Hồng	Huyên	11/07/1982	Nữ	Nghĩa Trụ, Văn Giang, Hưng Yên	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2	CĐCĐ	
1813	220	Trịnh Thị	Oanh	26/04/1993	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1814	221	Nguyễn Thị	Thúy	16/01/1989	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1815	222	Lê Thị Kim	Hoa	29/05/1980	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1816	223	Lý Thị	Chinh	12/02/1993	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1817	224	Mai Lý Hoài	Linh	29/06/1996	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	CĐCĐ	
1818	225	Tạ Thị Kim	Huệ	18/12/1992	Nữ	Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1819	226	Nguyễn Thị Hà	Anh	08/10/1993	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1820	227	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	26/10/1989	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1821	228	Trần Thị	Hiền	23/08/1987	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1822	229	Lê Ngọc	Anh	12/04/1990	Nữ	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1823	230	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhung	14/11/1993	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1824	231	Kim Anh	Tuấn	24/09/1992	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	IC 3	Anh B1		
1825	232	Nguyễn Thị	Hường	27/08/1992	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1826	233	Vũ Phương	Thảo	14/04/1994	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
1827	234	Nguyễn Thu	Hậu	18/11/1993	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1828	235	Đinh Thị	Duyên	20/06/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1829	236	Nguyễn Thị	Thúy	22/06/1983	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1830	237	Nguyễn Thị Thu	Thủy	10/09/1989	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1831	238	Tô Thị	Hồng	18/01/1994	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1832	239	Nguyễn Thị	Phượng	04/02/1993	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
		6. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV - V.08.05.13													
1833	1	Nguyễn Vân	Anh	17/04/1984	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	CN Tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ
1834	2	Trương Thị	Anh	22/01/1982	Nữ	Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1835	3	Lê Thị Phương	Anh	05/09/1994	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
1836	4	Nguyễn Thị	Ánh	27/08/1991	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
1837	5	Nguyễn Kim	Chung	13/06/1989	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1838	6	Nguyễn Phương	Dung	01/05/1986	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1839	7	Nhân Thị Thùy	Dung	03/03/1992	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1840	8	Nguyễn Thị Khánh	Hà	04/09/1988	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1841	9	Nguyễn Thị	Hân	27/10/1980	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh A2	CLS	
1842	10	Chu Thị Bích	Hằng	08/01/1992	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1843	11	Lê Thị	Hằng	28/02/1993	Nữ	Tân Châu, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1844	12	Nguyễn Thị	Hiền	15/11/1991	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1845	13	Lê Thị Thu	Hiền	25/11/1986	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
1846	14	Chu Thị	Hoa	30/05/1993	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1847	15	Trần Thị	Hương	23/10/1987	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng		Anh C		
1848	16	Nguyễn Thị	Huyền	04/03/1997	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 387		
1849	17	Phạm Thanh	Huyền	09/12/1985	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1850	18	Triệu Ngọc	Huyền	02/06/1996	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOFLTS)		
1851	19	Vương Hoàng	Lan	01/04/1998	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 315		
1852	20	Nguyễn Hiền	Lương	13/04/1992	Nữ	Mễ Trì Thượng, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1853	21	Nguyễn Thị	Mơ	18/02/1980	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1854	22	Nguyễn Thị	Nga	14/10/1985	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1855	23	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	04/12/1980	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1856	24	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	07/05/1989	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1857	25	Lê Thị Hồng	Ngọc	22/02/1990	Nữ	Tĩnh Hải, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	**CTB**	
1858	26	Đỗ Thị	Nhật	08/10/1992	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1859	27	Hoàng Thị Trang	Nhung	21/05/1989	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1860	28	Nguyễn Bích	Phương	20/03/1989	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	**DTTS**	
1861	29	Hoàng Thu	Thảo	11/05/1997	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1862	30	Phùng Thị	Thơ	03/09/1993	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1863	31	Bùi Thị	Thúy	25/07/1995	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1864	32	Nguyễn Thu	Trang	24/10/1990	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1865	33	Hoàng Thu	Trang	08/03/1984	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B			
1866	34	Mai Thị Quỳnh	Trang	02/09/1997	Nữ	Nga Bạch, Nga Sơn, Thanh Hóa	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
1867	35	Trần Thị Đài	Trang	22/12/1992	Nữ	Đông Kết, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1868	36	Nguyễn Thị Thúy	Trang	29/07/1990	Nữ	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
1869	37	Nguyễn Mạnh	Tuấn	20/02/1994	Nam	Thống Nhất, Thành phố Nam Định, Nam Định	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1870	38	Nguyễn Hồng	Vân	08/03/1977	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh C		
1871	39	Phạm Hải	Yến	23/11/1993	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1872	40	Phan Khánh	Duy	19/08/1993	Nam	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng Gây mê hồi sức**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng Gây mê hồi sức	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1873	41	Nguyễn Hà	My	01/10/1994	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng Gây mê hồi sức**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng Gây mê hồi sức	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1874	42	Nguyễn Hải	Bình	27/11/1995	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1875	43	Bùi Phương	Châm	31/01/1991	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1876	44	Lê Minh	Châu	25/08/1994	Nữ	Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2	CTB	
1877	45	Lê Thị	Chúc	05/08/1991	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1878	46	Cảnh Thị	Hà	23/09/1992	Nữ	Liên Trung, Đan Phượng, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 195		
1879	47	Nguyễn Thị	Hiền	18/07/1996	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1880	48	Phạm Thị	Hòa	13/08/1997	Nữ	Hóa Thượng, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 400		
1881	49	Nguyễn Thanh	Huyền	30/07/1995	Nữ	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1882	50	Bùi Thị Diệu	Linh	15/01/1996	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 380		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1883	51	Phùng Thị Minh	Lý	24/02/1992	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1884	52	Phạm Thị Bích	Ngọc	24/04/1995	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1885	53	Lê Hoa	Phương	05/05/1993	Nữ	Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1886	54	Trần Hồng	Thanh	11/03/1993	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1887	55	Đinh Thị	Thắm	30/07/1994	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1888	56	Nguyễn Mạnh	Thắng	27/08/1997	Nam	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFLS 363 (bậc A2)		
1889	57	Nguyễn Thu	Trang	19/04/1995	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1890	58	Nguyễn Văn	Trọng	15/09/1988	Nam	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1891	59	Phạm Thị	Xuân	23/07/1992	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1892	60	Nguyễn Thị Hải	Yến	18/06/1995	Nữ	Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1893	61	Đỗ Thị Mai	Anh	16/08/1995	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1894	62	Vũ Thị Ngọc	Ánh	13/10/1996	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1895	63	Phan Nữ Quý	Diệp	05/04/1993	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1896	64	Nguyễn Thị	Dịu	12/12/1994	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1897	65	Bùi Thị	Hằng	16/09/1987	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1898	66	Nguyễn Thị	Hiền	21/03/1995	Nữ	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1899	67	Nguyễn Thị	Hương	21/01/1997	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1900	68	Trương Thu	Hương	06/04/1985	Nữ	Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1901	69	Nguyễn Trọng	Long	18/12/1992	Nam	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1902	70	Nguyễn Quang	Minh	15/01/1989	Nam	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1903	71	Nguyễn Thị	Quyên	04/09/1990	Nữ	Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1904	72	Ngô Tiến	Quyết	09/08/1991	Nam	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1905	73	Nguyễn Phương	Thảo	22/06/1995	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1906	74	Hoàng Thị	Thủy	14/12/1995	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1907	75	Bùi Đăng	Toàn	28/03/1991	Nam	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1908	76	Nguyễn Chu	Toàn	17/06/1986	Nam	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1909	77	Phạm Thị Thu	Trang	20/03/1996	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1910	78	Đỗ Thị	Tú	04/03/1995	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1911	79	Đỗ Đắc	Tuyến	16/08/1994	Nam	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1912	80	Đỗ Thị Thảo	Vân	12/03/1995	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1913	81	Nguyễn Thị	Châm	27/07/1990	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB**	
1914	82	Đoàn Thị Kim	Chi	01/09/1994	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 215 (A1)		
1915	83	Phan Danh	Đạt	18/03/1994	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1916	84	Đặng Văn	Đức	24/12/1991	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1917	85	Lê Thị	Giang	23/09/1993	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1918	86	Tạ Thu	Hiền	12/05/1994	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1919	87	Nguyễn Thị	Linh	08/06/1994	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1920	88	Hoàng Xuân	Mai	28/08/1996	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 370		
1921	89	Nguyễn Thị Hương	Mơ	27/10/1995	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1922	90	Nguyễn Thị Trà	My	14/04/1997	Nữ	Phú Long, Nho Quan, Ninh Bình	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 165 (A1)	**DTTS**	
1923	91	Nguyễn Như	Ngọc	10/09/1998	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2 (TOEFLS)		
1924	92	Nguyễn Thị Bích	Nguyệt	04/02/1990	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1925	93	Đoàn Tuyết	Nhung	30/04/1984	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1926	94	Đinh Nữ Thủy	Tiên	17/05/1989	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1927	95	Đặng Đình	Tuấn	17/02/1995	Nam	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383 (A2)		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1928	96	Trần Thị	Tuyết	10/06/1986	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1929	97	Nguyễn Thị	Tuyết	13/08/1992	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1930	98	Bùi Thị Thanh	Thanh	26/04/1993	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
1931	99	Lưu Thị Phương	Thảo	30/12/1996	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1932	100	Cấn Thị	Thắng	12/03/1983	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1933	101	Phùng Thị	Thêu	26/10/1996	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1934	102	Vũ Ngọc	Thúy	16/04/1994	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1935	103	Lê Thị	Thư	17/11/1993	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1936	104	Nguyễn Thị Diệu	Thương	06/11/1994	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1937	105	Vương Huy	Thường	15/10/1991	Nam	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1938	106	Đặng Thị Tuyết	Trinh	06/09/1987	Nữ	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1939	107	Nguyễn Thị Thanh	Uyên	09/09/1993	Nữ	Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1940	108	Trần Thanh	Vân	24/05/1993	Nữ	Đồng Trúc, Thạch Thất, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1941	109	Vũ Thị	Vân	28/09/1990	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng C	Anh B		
1942	110	Nguyễn Thị Thanh Thủ	Yến	05/12/1997	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1943	111	Nguyễn Văn	Yêu	01/12/1998	Nam	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 170 (A1)		
1944	112	Thái Thu	Hương	11/12/1995	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 290		
1945	113	Trần Kim	Oanh	02/10/1995	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1946	114	Hoàng Hà	Phương	30/05/1994	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1947	115	Phùng Nhã	Phương	09/12/1984	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1948	116	Nguyễn Thị Phương	Thúy	21/12/1994	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1949	117	Đỗ Huyền	Trang	02/02/1994	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1950	118	Nguyễn Văn	Sự	13/09/1991	Nam	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1951	119	Nguyễn Thị Vân	Anh	13/01/1995	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1952	120	Chử Thị Lan	Anh	03/06/1980	Nữ	Vạn Phúc,Thanh Trì, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1953	121	Trương Thị Ngọc	Ánh	04/08/1990	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1954	122	Trần Thị Hồng	Ánh	19/12/1990	Nữ	Nhật Tân,Tây Hồ, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1955	123	Nguyễn Thị Thúy	Dung	06/07/1984	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1956	124	Chu Thị Hương	Giang	15/10/1981	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1957	125	Nguyễn Trương Ngân	Hà	24/05/1995	Nữ	Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	IC3	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1958	126	Nguyễn Thị	Hiền	23/08/1981	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1959	127	Thể Thị	Hiền	30/03/1989	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1960	128	Nguyễn Thị	Hồng	24/02/1992	Nữ	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1961	129	Phan Thị Thu	Huệ	27/06/1987	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1962	130	Lê Thị Lan	Hương	29/03/1990	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1963	131	Trần Thu	Hương	27/09/1997	Nữ	Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng		Anh A2		
1964	132	Vũ Thị Thu	Huyền	03/06/1985	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB**	
1965	133	Trần Thị Phương	Lan	22/12/1987	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1966	134	Nguyễn Thùy	Linh	19/08/1998	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1967	135	Nguyễn Thanh	Loan	26/03/1976	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1968	136	Nguyễn Phương	Nga	05/06/1976	Nữ	Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh A2		
1969	137	Lê Đăng Thảo	Nguyên	10/04/1991	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1970	138	Hoàng Thị	Nhuận	01/09/1977	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
1971	139	Đặng Thị Cẩm	Nhung	27/09/1993	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1972	140	Bùi Thị	Oanh	23/02/1984	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CBB**	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1973	141	Đặng Thị	Phương	01/02/1992	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1974	142	Phạm Thị Thu	Phương	10/12/1982	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1975	143	Nguyễn Hồng	Quân	13/03/1991	Nam	Hồng Vân, Thường Tín, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1976	144	Nguyễn Thị	Tần	04/06/1980	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1977	145	Đặng Tiến	Thịnh	06/04/1987	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1978	146	Đặng Hồng	Thu	13/09/1983	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1979	147	Nguyễn Thị	Thúy	10/01/1994	Nữ	Tứ Dân, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B		
1980	148	Nguyễn Thị	Toan	19/03/1974	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1981	149	Cao Thu	Trang	02/02/1991	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1982	150	Trần Thu	Trang	18/03/1995	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1983	151	Chử Thị	Trang	03/01/1993	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1984	152	Bùi Đức	Trung	30/01/1983	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng A	Anh A2	CBB	
1985	153	Đỗ Mạnh	Tuấn	28/09/1988	Nam	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1986	154	Lê Thị	Tươi	23/05/1987	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1987	155	Ngô Thị Kim	Tuyến	11/05/1995	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1988	156	Nghiêm Huy	Việt	09/06/1989	Nam	Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
1989	157	Nguyễn Thị Nga	Linh	18/08/1992	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1990	158	Dương Hồng	Quân	18/11/1991	Nam	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1991	159	Nguyễn Thị	Yến	30/09/1988	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
1992	160	Đặng Thị Lan	Anh	22/04/1979	Nữ	Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1993	161	Võ Thị Lan	Anh	19/08/1979	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1994	162	Nguyễn Vân	Anh	09/07/1996	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367		
1995	163	Phương Lai	Anh	15/07/1992	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 427		
1996	164	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	02/05/1994	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1997	165	Đặng Thị	Bích	25/09/1992	Nữ	Yên Bình, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
1998	166	Lê Thị Kim	Chi	24/07/1984	Nữ	Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CBB**	
1999	167	Phạm Thị Tuyết	Chinh	28/02/1987	Nữ	Vân Điển, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2000	168	Đỗ Phương	Đào	18/02/1996	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Cử nhân tin học	Anh A2		
2001	169	Nguyễn Hữu	Đồng	25/11/1997	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2002	170	Trần Bá	Đức	13/11/1995	Nam	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2003	171	Nguyễn Thắm Thủy	Dương	05/03/1981	Nữ	Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2004	172	Nguyễn Thị Thùy	Dương	13/10/1982	Nữ	Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2005	173	Lê Hương	Giang	09/02/1992	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2006	174	Hà Văn	Hải	15/08/1979	Nam	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2007	175	Đỗ Thị Thu	Hằng	16/08/1980	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2008	176	Lê Thị	Hằng	08/07/1986	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2009	177	Trần Thị	Hạnh	24/11/1983	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2010	178	Nguyễn Thị	Hạnh	30/07/1979	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2011	179	Nguyễn Thị	Hậu	28/11/1998	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
2012	180	Nguyễn Thị Thu	Hiền	26/11/1975	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2013	181	Nguyễn Văn	Hiếu	18/04/1995	Nam	Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2014	182	Phùng Thị Minh	Hiếu	25/05/1980	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2015	183	Trần Thị	Hoa	08/02/1996	Nữ	Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Tin học B1	Anh A2		
2016	184	Chu Thị	Hồng	06/11/1981	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2017	185	Đỗ Thị	Hồng	16/05/1978	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2018	186	Đinh Thị	Huệ	19/10/1998	Nữ	An Đạo, Phù Ninh, Phú Thọ	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2019	187	Nguyễn Thị	Hương	05/07/1986	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
2020	188	Nguyễn Thị Mai	Hương	29/12/1996	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2021	189	Nguyễn Thị Lan	Hương	13/09/1996	Nữ	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2022	190	Ngô Thị Mai	Hương	01/11/1979	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2023	191	Nguyễn Thu	Hương	22/12/1980	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2024	192	Đào Thị	Hương	05/05/1979	Nữ	Đồng Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2025	193	Nguyễn Thị Mai	Hương	12/07/1997	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 363		
2026	194	Đinh Thị Thu	Hường	29/10/1987	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2027	195	Chu Thị Thu	Huyền	05/12/1984	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2028	196	Nguyễn Thị Thương	Huyền	15/06/1995	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
2029	197	Nguyễn Như	Huỳnh	18/01/1981	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2030	198	Nguyễn Xuân	Kha	20/08/1996	Nam	Hồng Vân, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2031	199	Cảnh Chi	Khánh	22/11/1987	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2032	200	Lê Thị	Khiêm	23/11/1993	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2033	201	Vũ Trung	Kiên	20/07/1991	Nam	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2034	202	Bạch Hồng	Lê	06/06/1979	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2035	203	Cao Thị Mỹ	Linh	24/11/1994	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2036	204	Vũ Diệu	Linh	13/12/1995	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng		Anh A2		
2037	205	Đinh Ngọc	Linh	15/09/1994	Nam	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2038	206	Đặng Thị Hiền	Lương	19/01/1979	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2039	207	Trịnh Thị Khánh	Ly	18/08/1995	Nữ	Thanh Đa, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2040	208	Nguyễn Thúy	Ngân	02/03/1992	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
2041	209	Vương Thị	Ngát	11/06/1983	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
2042	210	Tạ Bảo	Ngọc	13/01/1996	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2043	211	Khắc Thị	Ngọc	26/09/1994	Nữ	Tây Tựu, Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		
2044	212	Nguyễn Thị	Nguyên	08/09/1984	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2045	213	Nguyễn Thị	Nhung	08/07/1985	Nữ	Phú Đô, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2046	214	Dương Mạnh	Phú	23/05/1994	Nam	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	CTB	
2047	215	Ngô Văn	Phú	09/05/1995	Nam	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2048	216	Lê Thị Thu	Phương	06/07/1994	Nữ	Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2049	217	Nguyễn Thu	Phương	17/04/1980	Nữ	Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2050	218	Nguyễn Thanh	Phương	30/06/1981	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B			
2051	219	Nguyễn Thị Minh	Phương	07/07/1992	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2052	220	Nguyễn Thị	Phượng	18/08/1990	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 420		
2053	221	Nguyễn Trọng	Quý	29/08/1993	Nam	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2054	222	Nguyễn Thị	Quý	19/09/1986	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Ngoại ngữ B		
2055	223	Hà Thị Mai	Quyên	04/06/1995	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2056	224	Nguyễn Thị Minh	Tâm	22/03/1976	Nữ	Hàng Mã, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2057	225	Đặng Thị	Tâm	10/07/1993	Nữ	Quang Lãng, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B		
2058	226	Đinh Thị	Thắm	15/08/1995	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 387		
2059	227	Đỗ Thị Thanh	Thanh	18/02/1996	Nữ	Cao Thành, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2060	228	Vũ Thị	Thơ	04/04/1975	Nữ	Ô Chợ dừa, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2061	229	Nguyễn Thị	Thoan	19/10/1997	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2062	230	Phương Thị	Thơm	06/10/1979	Nữ	Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2063	231	Đặng Thị	Thu	05/04/1996	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2064	232	Trần Thị	Thương	04/04/1987	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFLS 370 (A2)		
2065	233	Nguyễn Thị	Thương	17/05/1987	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2066	234	Bùi Thị	Thúy	08/11/1992	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2067	235	Nguyễn Thị	Thúy	08/12/1985	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2068	236	Bùi Phương	Thùy	25/11/1997	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2069	237	Ngô Văn	Tiến	08/05/1991	Nam	Phù Ủng, Ân Thi, Hưng Yên	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2070	238	Nguyễn Ngọc	Tiến	24/03/1984	Nam	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 185		
2071	239	Ngô Thu	Trà	21/10/1994	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 390		
2072	240	Lê Thị	Trang	16/07/1987	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2073	241	Vũ Thị Kim	Trang	12/10/1977	Nữ	Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2074	242	Nguyễn Thu	Trang	11/06/1991	Nữ	Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2075	243	Nguyễn Thị	Trang	07/07/1996	Nữ	Lâu Thượng, Võ Nhai, Thái Nguyên	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2076	244	Nguyễn Văn	Trọng	29/05/1990	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 387		
2077	245	Vũ Anh	Tuấn	06/09/1993	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2 (TOEFLS)		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2078	246	Nguyễn Văn	Tuấn	04/11/1993	Nam	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2079	247	Nguyễn Hồng	Tuyết	06/06/1998	Nữ	Di Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2080	248	Nguyễn Thị	Vân	26/10/1985	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2081	249	Đỗ Thị Hải	Vân	25/12/1979	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
2082	250	Nguyễn Thị	Vẻ	01/11/1993	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
2083	251	Lê Thị	Xuân	02/04/1985	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2084	252	Đặng Thị Hải	Yến	30/01/1977	Nữ	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2085	253	Lê Thị Việt	Anh	14/09/1985	Nữ	Hồng Châu, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2086	254	Lê Phương	Anh	31/10/1993	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2087	255	Phạm Thị Phương	Anh	23/09/1979	Nữ	Duyên Hà, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2088	256	Nguyễn Vân	Anh	18/11/1991	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng		Anh A2		
2089	257	Lương Thị Lan	Anh	06/12/1987	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
2090	258	Nguyễn Thị	Anh	26/09/1994	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
2091	259	Đỗ Hải	Anh	26/03/1995	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2092	260	Vương Thị Lan	Anh	30/07/1992	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2093	261	Lê Tuấn	Anh	20/10/1989	Nam	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2094	262	Nguyễn Thị Vân	Anh	08/09/1980	Nữ	Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2095	263	Vũ Ngọc	Anh	02/07/1995	Nữ	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2096	264	Nguyễn Mai	Anh	28/11/1996	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2097	265	Vũ Phương	Anh	21/12/1998	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 265		
2098	266	Nguyễn Vân	Anh	05/12/1983	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng				
2099	267	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	20/10/1993	Nữ	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2100	268	Nông Thị Ngọc	Ánh	06/05/1991	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 403	**DTTS**	
2101	269	Phạm Thị Ngọc	Ánh	21/10/1997	Nữ	Tràng An, Bình Lục, Hà Nam	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B		
2102	270	Nguyễn Trịnh Hồng	Bẩy	17/05/1996	Nữ	Thắng Lợi, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2103	271	Nguyễn Ngọc	Bích	13/03/1977	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Tin học văn phòng	Anh B		
2104	272	Đỗ Thị Thanh	Bình	18/02/1998	Nữ	Hải Phúc, Hải Hậu, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng		Anh A2		
2105	273	Trần Văn	Cảm	21/12/1989	Nam	Đan Hội, Lục Nam, Bắc Giang	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 380	**HTNV**	
2106	274	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	05/08/1993	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2107	275	Trần Thị Huyền	Chang	31/08/1993	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2108	276	Trịnh Lan	Chi	29/11/1996	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2109	277	Nguyễn Thị	Cúc	26/03/1994	Nữ	An Lão, Bình Lục, Hà Nam	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 360		
2110	278	Ngô Ngọc	Diệp	26/01/1998	Nữ	Thanh Thùy, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Anh A2		
2111	279	Ngô Thị	Điệp	01/05/1988	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2112	280	Nguyễn Thị	Điệp	01/09/1990	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2113	281	Trần Quang	Đức	08/08/1994	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2114	282	Trương Văn	Đức	04/02/1993	Nam	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
2115	283	Phạm Thị	Dung	22/01/1995	Nữ	Đông Cường, Đông Hưng, Thái Bình	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
2116	284	Trương Khánh	Dương	20/02/1988	Nam	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2117	285	Nguyễn Thị	Gấm	15/07/1989	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh bậc 2		
2118	286	Phan Thị Hương	Giang	01/09/1997	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2119	287	Hứa Thị	Hà	26/03/1992	Nữ	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2120	288	Chu Thị	Hà	31/08/1988	Nữ	Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2121	289	Nguyễn Thị	Hà	22/09/1990	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh bậc 2		
2122	290	Nguyễn Thu	Hà	10/02/1995	Nữ	Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2123	291	Nguyễn Lệ	Hằng	07/06/1995	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2124	292	Phạm Thị Thúy	Hằng	26/01/1983	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2125	293	Bùi Thanh	Hằng	16/08/1981	Nữ	Yên Phụ, Ba Đình, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2126	294	Nguyễn Thí	Hạnh	17/02/1991	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh bậc 2		
2127	295	Hoàng Thị Hồng	Hảo	10/10/1991	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
2128	296	Lê Thị Mỹ	Hảo	01/12/1996	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Tin học văn phòng			
2129	297	Nguyễn Thị Thu	Hiền	04/12/1993	Nữ	Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2130	298	Trần Trung	Hiếu	18/08/1994	Nam	Tây Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2131	299	Nguyễn Xuân	Hoa	03/03/1994	Nữ	Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2132	300	Nguyễn Thị Như	Hoa	16/05/1992	Nữ	Lâm Lợi, Hạ Hòa, Phú Thọ	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	A	Anh B	HTNV	
2133	301	Dương Thị Thanh	Hoa	07/01/1991	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Tin học văn phòng	Anh B		
2134	302	Phi Thúy	Hoài	17/05/1995	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2135	303	Lưu Thị Hải	Hoài	12/10/1997	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2136	304	Nguyễn Duy	Hoàn	01/09/1995	Nam	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2137	305	Đinh Thị	Hồng	12/07/1988	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2138	306	Nguyễn Thị Thu	Hương	01/03/1980	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2139	307	Nghiêm Thị	Hương	23/04/1994	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2140	308	Nguyễn Thị	Hương	12/04/1984	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2141	309	Nguyễn Thị Mai	Hương	20/05/1992	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2142	310	Nguyễn Thị Thu	Hương	09/11/1976	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
2143	311	Nguyễn Thị Thanh	Hương	22/10/1997	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2144	312	Nguyễn Thị	Hường	06/11/1978	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2145	313	Lê Thị	Hường	12/07/1990	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2146	314	Phạm Thị	Hường	04/07/1996	Nữ	Trần Hưng Đạo, Phủ Lý, Hà Nam	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2147	315	Đinh Thu	Hường	07/06/1985	Nữ	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2148	316	Trịnh Thị Thu	Hường	24/05/1991	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2149	317	Hoàng Quốc	Huy	02/08/1996	Nam	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2150	318	Nguyễn Quốc	Huy	09/04/1994	Nam	Tự Nhiên, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2151	319	Lê Văn	Huy	28/07/1990	Nam	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
2152	320	Trần Thị Hoa	Huyền	15/04/1996	Nữ	Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2153	321	Đào Thị Thu	Huyền	15/01/1997	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2154	322	Đỗ Ngọc	Huyền	15/05/1992	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2 (TOEFLS)		
2155	323	Bùi Công	Khanh	19/03/1969	Nam	Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2156	324	Bùi Văn	Khoa	28/02/1990	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2157	325	Trương Ngọc	Linh	04/03/1984	Nữ	Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2158	326	Ngô Thị Hà	Linh	29/06/1995	Nữ	Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
2159	327	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/11/1994	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2160	328	Nguyễn Thị	Loan	05/03/1993	Nữ	Thanh Thủy, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
2161	329	Đỗ Thị	Lương	11/07/1992	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2162	330	Nguyễn Thùy	Lương	11/10/1992	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2163	331	Nguyễn Thảo	Ly	21/04/1995	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2164	332	Nguyễn Thị Hương	Lý	16/07/1993	Nữ	Thanh Hà, Thanh Hà, Hải Dương	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2165	333	Nguyễn Ngọc	Mai	18/05/1993	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2166	334	Nguyễn Thị Thanh	Mai	30/01/1982	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng		Anh A2		
2167	335	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	12/01/1985	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2168	336	Phạm Ngọc	Mạnh	20/11/1995	Nam	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2169	337	Đỗ Hữu	Mừng	16/10/1992	Nam	Trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2170	338	Lê Thị Quỳnh	Nga	15/03/1978	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Trung cấp Tin	Anh B		
2171	339	Nguyễn Thị	Ngọc	03/12/1991	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2172	340	Nguyễn Thị	Ngọc	25/12/1991	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2173	341	Nguyễn Hồng	Ngọc	05/01/1994	Nữ	Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 410		
2174	342	Chu Thị	Nhàn	16/07/1989	Nữ	Tự Nhiên, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
2175	343	Nguyễn Thị	Nhớ	25/11/1989	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2176	344	Đinh Thị Hồng	Nhung	17/02/1981	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
2177	345	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	17/12/1994	Nữ	Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2178	346	Phạm Thị	Nhung	06/08/1988	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh bậc 2		
2179	347	Nguyễn Thị	Nhung	09/04/1995	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2180	348	Phạm Tuyết	Nhung	26/03/1988	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh C		
2181	349	Nguyễn Mạnh	Ninh	10/10/1992	Nam	Tứ Dân, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 353		
2182	350	Phạm Thị	Nữ	30/11/1992	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2183	351	Nguyễn Thị	Phương	27/04/1994	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2184	352	Nguyễn Thị Lan	Phương	25/05/1987	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh A2		
2185	353	Nguyễn Thị	Phượng	30/10/1977	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2186	354	Trần Mạnh	Quân	20/01/1994	Nam	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2187	355	Lê Thị Lệ	Sa	08/05/1993	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toefl (A2)		
2188	356	Bùi Văn	Thắng	07/10/1991	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2189	357	Trần Thị	Thanh	07/04/1991	Nữ	Thanh Hà, Thanh Liêm, Hà Nam	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2190	358	Lê Duy	Thành	13/05/1991	Nam	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh bậc 2		
2191	359	Hoàng Thị	Thảo	20/06/1995	Nữ	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2192	360	Nguyễn Phương	Thảo	05/03/1986	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2193	361	Nguyễn Thị Phương	Thảo	27/05/1996	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 393		
2194	362	Nguyễn Thị	Thoa	06/04/1997	Nữ	Toàn Thắng, Kim Động, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2195	363	Trần Thị	Thơm	04/04/1985	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Tin học văn phòng			
2196	364	Đào Hoài	Thu	26/04/1997	Nữ	Vũ Quý, Kiến Xương, Thái Bình	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2197	365	Vũ Hoài	Thu	06/09/1982	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2198	366	Nguyễn Thị	Thủy	25/11/1997	Nữ	Thuần Hưng, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2199	367	Vũ Thị Thanh	Thủy	15/11/1990	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2200	368	Từ Thị Thu	Thủy	14/12/1993	Nữ	Liên Phương, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2201	369	Trần Ngọc	Tiến	11/01/1991	Nam	Dương Hà, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh bậc 2		
2202	370	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28/09/1986	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2203	371	Nguyễn Thị	Trang	08/02/1996	Nữ	Đồng Du, Bình Lục, Hà Nam	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2204	372	Trần Thị Mai	Trang	04/02/1993	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
2205	373	Nguyễn Tuyết	Trinh	25/06/1991	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2206	374	Lê Khắc	Tú	01/12/1987	Nam	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2207	375	Nguyễn Đức	Tùng	22/03/1987	Nam	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	**CTB**	
2208	376	Vũ Thị	Tươi	20/06/1979	Nữ	Hoàng Diệu, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2209	377	Nguyễn Thị	Tuyết	17/10/1995	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
2210	378	Chu Thị Tố	Uyên	21/01/1989	Nữ	Hồng Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2211	379	Nguyễn Thị	Vân	06/11/1991	Nữ	Liên Châu, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh bậc 2		
2212	380	Nguyễn Cao	Việt	07/12/1982	Nam	Tiền Phong, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Tin học văn phòng	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2213	381	Nguyễn Hoàng	Yến	01/06/1997	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2214	382	Hồ Thị	Yến	10/03/1996	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2215	383	Nguyễn Thị	Yến	25/03/1994	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng		Anh B		
2216	384	Đỗ Thị Phương	Anh	18/08/1993	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2217	385	Nguyễn Thị	Bích	17/05/1990	Nữ	Ngã tư Sở, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2218	386	Đặng Trần	Cương	30/04/1984	Nam	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2219	387	Đặng Thị Phương	Dung	30/04/1990	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2220	388	Trịnh Thị	Giang	21/02/1995	Nữ	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2221	389	Vũ Thanh	Huyền	26/10/1987	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2222	390	Dương Thị	Lý	31/07/1991	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2223	391	Lê Thị Hoa	Mai	19/01/1991	Nữ	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2224	392	Nguyễn Quỳnh	Nga	30/10/1993	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2225	393	Lê Thị Thu	Ngân	17/08/1988	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2226	394	Nguyễn Thị	Ngân	25/10/1994	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2227	395	Đào Thị Kim	Ngân	08/02/1992	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2228	396	Trần Thị	Thắm	02/09/1985	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2229	397	Trương Đức	Thắng	28/12/1995	Nam	Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2230	398	Ngô Văn	Tình	27/09/1987	Nam	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2231	399	Nguyễn Văn	Vượng	22/09/1990	Nam	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2232	400	Nguyễn Thị Kiều	Anh	28/08/1991	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2233	401	Nguyễn Thị Kim	Anh	18/01/1993	Nữ	Hoàng Diệu, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2234	402	Nguyễn Ngọc	Anh	14/09/1993	Nam	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2235	403	Nguyễn Thị Thảo	Anh	08/10/1996	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2236	404	Nguyễn Thị	Ánh	02/09/1993	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2237	405	Lê Đình	Chiến	28/08/1997	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFLS 370		
2238	406	Nguyễn Thị Kim	Dung	02/12/1989	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2239	407	Nguyễn Thị Phương	Dung	25/11/1990	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2240	408	Kiều Thị	Dung	15/05/1987	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông,Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
2241	409	Nguyễn Văn	Dũng	11/01/1986	Nam	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2242	410	Lê Trung	Dũng	24/06/1987	Nam	Hưng Giáo, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 185		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2243	411	Phạm Tùng	Dương	20/10/1995	Nam	Biên Giang, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2244	412	Bùi Thị	Duyên	02/06/1989	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2245	413	Nguyễn Thị	Giang	04/08/1997	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2246	414	Nguyễn Đăng Ngọc	Hà	01/07/1996	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2247	415	Nguyễn Trọng Hoàng	Hà	06/10/1997	Nam	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng		Anh B		
2248	416	Nguyễn Thu	Hà	10/02/1995	Nữ	Tích Giang, Phú Thọ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2249	417	Nguyễn Bá	Hải	09/03/1993	Nam	Liên Hà, Đan Phương, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2250	418	Nguyễn Thị	Hằng	07/03/1994	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2251	419	Phạm Thị Thúy	Hằng	07/08/1994	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2252	420	Dư Thúy	Hằng	07/11/1995	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2253	421	Trần Thị Hồng	Hạnh	26/04/1995	Nữ	Liên bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2254	422	Đỗ Minh	Háo	22/03/1994	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2255	423	Đỗ Thị	Hậu	14/08/1992	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
2256	424	Nguyễn Phương	Hiên	25/05/1992	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2257	425	Nguyễn Thu	Hiền	09/06/1996	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2258	426	Hoàng Thu	Hiền	29/11/1996	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2259	427	Phạm Thị Thanh	Hiền	02/10/1990	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2260	428	Hoàng Minh	Hiếu	14/10/1995	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEIC 185 (A1)		
2261	429	Lê Thị	Hoa	29/07/1991	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2262	430	Vũ Thị Mai	Hoa	23/12/1994	Nữ	Ninh Giang, Hoa Lư, Ninh Bình	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2263	431	Bùi Văn	Hòa	16/05/1992	Nam	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2264	432	Nguyễn Thị	Hòa	03/06/1991	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2265	433	Võ Thị	Hồng	23/03/1991	Nữ	Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2266	434	Bùi Thị	Hợp	15/01/1994	Nữ	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2267	435	Nguyễn Thị	Hương	22/10/1994	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2268	436	Nguyễn Thị Thu	Hương	13/01/1993	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2269	437	Nguyễn Thị Thúy	Hường	10/12/1995	Nữ	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2270	438	Đặng Thị	Huyền	23/07/1993	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2271	439	Đào Thanh	Huyền	18/09/1994	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2272	440	Đỗ Thị	Huyền	31/08/1995	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2273	441	Lưu Thị	Huyền	09/05/1993	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2274	442	Lương Thị	Khương	27/04/1991	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2275	443	Cao Thị Thanh	Kiều	13/07/1992	Nữ	Biên Giang, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2276	444	Nguyễn Thị	Lan	14/08/1997	Nữ	Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1		
2277	445	Nguyễn Thị	Lân	30/06/1991	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2278	446	Bùi Thị Thanh	Liễu	20/10/1991	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2279	447	Trần Thị	Liễu	30/04/1990	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2280	448	Trần Thị Phương	Linh	06/01/1998	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2281	449	Nguyễn Thị Thùy	Linh	08/03/1998	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2282	450	Nguyễn Thị	Loan	22/10/1995	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh C		
2283	451	Đặng Đình	Long	01/10/1993	Nam	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2284	452	Nguyễn Văn	Lực	13/02/1995	Nam	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2285	453	Lê Thị	Lương	24/06/1993	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 370		
2286	454	Nguyễn Thị Ngọc	Lý	07/02/1995	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2287	455	Đỗ Thanh	Mai	13/09/1997	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 195		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2288	456	Trương Thị Thanh	Mai	19/05/1998	Nữ	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2289	457	Nguyễn Thị Bích	Mai	15/12/1991	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2290	458	Trịnh Thị	Mến	23/06/1998	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 550		
2291	459	Bùi Thị	Miền	08/01/1997	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2292	460	Đỗ Thị	Mơ	16/09/1992	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2293	461	Hoàng Thị	Ngân	05/10/1991	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2294	462	Trần Thị Minh	Ngọc	26/12/1996	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2295	463	Đào Bích	Nguyệt	01/01/1994	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2296	464	Nguyễn Thị	Nhung	02/03/1995	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2297	465	Tống Thị	Nhung	20/10/1997	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 357		
2298	466	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01/11/1998	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2299	467	Phạm Phương	Ninh	15/10/1997	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2300	468	Lưu Bá	Oai	11/08/1996	Nam	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2301	469	Đặng Thị Anh	Phương	18/03/1995	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2302	470	Nguyễn Thị Thu	Phương	11/10/1990	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông,Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2303	471	Nguyễn Thị Thu	Phương	26/01/1996	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2304	472	Bùi Thị	Phượng	03/06/1992	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2305	473	Phùng Thị Nguyệt	Quý	24/03/1993	Nữ	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2306	474	Nguyễn Thị	Quyên	18/10/1997	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2307	475	Nguyễn Hồng	Sơn	08/09/1993	Nam	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2308	476	Nguyễn Thị	Sứ	13/09/1992	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2309	477	Nguyễn Thị	Thảo	18/11/1991	Nữ	Nghĩa Hương, Hương, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2310	478	Vũ Phương	Thảo	10/09/1991	Nữ	Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2311	479	Lê Thị Phương	Thảo	08/12/1995	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2312	480	Nguyễn Phương	Thảo	02/05/1998	Nữ	Trần Đăng Ninh, Thành phố Nam Định, Nam Định	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2313	481	Nguyễn Thị	Thúy	19/10/1993	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2314	482	Lê Thị Thu	Thủy	06/08/1994	Nữ	Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2315	483	Nguyễn Thanh	Thủy	29/12/1991	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2316	484	Nguyễn Thị Bích	Thủy	20/11/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2317	485	Nguyễn Quang	Tôn	20/08/1990	Nam	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2318	486	Đinh Thị	Trang	07/08/1991	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2319	487	Vũ Thị Huyền	Trang	16/07/1996	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2320	488	Lê Thị Huyền	Trang	12/07/1992	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2321	489	Nguyễn Thị Huyền	Trang	26/07/1992	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2322	490	Đào Thị Thu	Trang	26/05/1991	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2323	491	Nguyễn Thu	Trang	18/09/1996	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2324	492	Nguyễn Thị	Trinh	19/05/1996	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2325	493	Nguyễn Thị	Tươi	21/10/1988	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2326	494	Lã Thị Kim	Tuyến	04/08/1985	Nữ	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2327	495	Nguyễn Thị	Tuyết	10/11/1993	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2328	496	Hoàng Thị	Út	01/05/1991	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh A2		
2329	497	Đỗ Thị	Vân	21/10/1992	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2330	498	Đặng Thị	Vân	26/01/1994	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2331	499	Nguyễn Thị Hải	Yến	05/04/1996	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2332	500	Nguyễn Thị Hải	Yến	21/07/1995	Nữ	Giao Xuân, Giao Thủy, Nam Định	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2333	501	Trần Thị	Yến	09/05/1997	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2334	502	Nguyễn Thúy	An	02/05/1998	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2335	503	Bùi Hoàng	Anh	10/01/1998	Nam	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2336	504	Mai Ngọc	Anh	11/07/1995	Nữ	Phú Yên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2337	505	Nguyễn Thị	Anh	17/09/1994	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2338	506	Quân Duy	Anh	07/04/1997	Nam	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2339	507	Nguyễn Việt	Anh	03/04/1998	Nam	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2340	508	Lương Ngọc	Ánh	22/03/1996	Nữ	Đại Cường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 305		
2341	509	Phạm Thị Ngọc	Ánh	23/06/1989	Nữ	Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2342	510	Đinh Thị	Ánh	04/01/1997	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2343	511	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/03/1998	Nữ	Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2344	512	Nguyễn Thị Kim	Chung	24/10/1998	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367		
2345	513	Nguyễn Thị	Cúc	02/11/1992	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh A2		
2346	514	Nguyễn Trung	Đạt	11/07/1998	Nam	Hòa Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2347	515	Nguyễn Thị	Đạt	06/11/1992	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2348	516	Phạm Thị	Định	26/09/1994	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 397		
2349	517	Chu Minh	Đức	06/07/1994	Nam	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2350	518	Nguyễn Linh	Duy	07/06/1991	Nam	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2351	519	Lê Thị	Duyên	08/02/1992	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	CBB	
2352	520	Nguyễn Văn	Hải	11/11/1991	Nam	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2353	521	Vũ Ngọc	Hải	12/09/1995	Nam	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2354	522	Đinh Thị	Hằng	20/4/1994	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2355	523	Bá Thị Hồng	Hạnh	30/01/1994	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2356	524	Nguyễn Thị	Hạnh	16/03/1993	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2357	525	Nguyễn Thị Thu	Hiền	08/01/1994	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2358	526	Nguyễn Thị	Hiền	23/6/1993	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2359	527	Chu Thị Nguyệt	Hoa	17/11/1994	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2360	528	Cao Thi	Hoa	18/08/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2361	529	Nguyễn Thị Lý	Hồng	26/07/1994	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2362	530	Nguyễn Thị	Hồng	11/07/1991	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2363	531	Phạm Thị Ánh	Hồng	16/01/1993	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 380		
2364	532	Dư Thanh	Hồng	14/02/1998	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
2365	533	Phạm Thị	Huệ	29/09/1992	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2366	534	Đỗ Duy	Hưng	17/02/1993	Nam	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2367	535	Nguyễn Thị	Hương	10/08/1993	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2368	536	Nguyễn Thị Thu	Hường	16/11/1991	Nữ	Hòa Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2369	537	Nguyễn Văn	Kiểm	30/05/1993	Nam	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2370	538	Vũ Thị Hoa	Lệ	18/08/1992	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2371	539	Nguyễn Thị	Liên	05/09/1992	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	C	Anh A2		
2372	540	Nguyễn Thị	Liên	22/02/1994	Nữ	Đại Hùng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 195		
2373	541	Nguyễn Thị Huyền	Linh	04/01/1990	Nữ	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CBB**	
2374	542	Vương Thị Diệu	Linh	14/03/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2375	543	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	04/10/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 410		
2376	544	Trịnh Thị	Linh	28/05/1995	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 357		
2377	545	Nguyễn Thị	Mai	21/12/1993	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2378	546	Ngô Thị	Mai	30/06/1991	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2379	547	Nguyễn Thị Bình	Minh	18/10/1983	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2380	548	Kiều Thị	Nga	02/06/1988	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
2381	549	Nguyễn Thị	Nga	22/06/1988	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2382	550	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	22/05/1995	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 393		
2383	551	Lê Thị	Ngọc	24/01/1993	Nữ	Thống Nhất, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2384	552	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	04/01/1991	Nữ	Đại Hùng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2385	553	Ngô Thị Kim	Oanh	16/8/1994	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2386	554	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	01/07/1994	Nữ	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2387	555	Đoàn Thị	Phấn	16/08/1994	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2388	556	Trần Thị Lan	Phương	04/08/1993	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2389	557	Nguyễn Thị Hà	Phương	25/05/1995	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2390	558	Nguyễn Thị Hà	Phương	25/9/1995	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2391	559	Dương Như	Quỳnh	12/12/1997	Nữ	Thị trấn Cổ Lễ, Trực Ninh, Nam Định	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2392	560	Đoàn Thị Hồng	Thắm	07/04/1993	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2393	561	Phạm Thị	Thanh	09/03/1993	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2394	562	Nguyễn Thị	Thảo	29/09/1996	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2395	563	Nguyễn Thu	Thảo	27/10/1996	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2396	564	Phùng Thị	Thảo	19/03/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2397	565	Trương Công	Thích	05/05/1992	Nam	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2398	566	Nguyễn Thị	Thoa	03/02/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2399	567	Nguyễn Thị	Thoa	26/12/1998	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2400	568	Thế Thị	Thơm	30/10/1992	Nữ	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 413		
2401	569	Vũ Thị	Thơm	15/01/1993	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 190	CBB	
2402	570	Nguyễn Thị	Thực	18/03/1993	Nữ	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2403	571	Hoàng Minh	Thúy	09/02/1998	Nữ	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
2404	572	Trịnh Thị	Thúy	01/11/1991	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2405	573	Bùi Thị	Thủy	18/09/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2406	574	Trần Thị Thủy	Tiên	21/05/1995	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2407	575	Mai Văn	Tiệp	08/03/1993	Nam	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2408	576	Nguyễn Thị Minh	Trang	11/07/1992	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 363		
2409	577	Đặng Thị Kiều	Trang	03/01/1996	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2410	578	Lê Thị	Trang	10/11/1997	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2411	579	Nguyễn Thị Minh	Trang	17/02/1996	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2412	580	Nguyễn Văn	Trung	11/06/1993	Nam	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2413	581	Nguyễn Ngọc	Tuyên	22/03/1995	Nam	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2414	582	Bạch Thị	Tuyết	29/12/1989	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2415	583	Nguyễn Thị Hải	Yến	15/10/1994	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2416	584	Vương Thị	Yến	22/12/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2417	585	Dương Thị Hà	Anh	25/03/1993	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2418	586	Đỗ Ngọc	Anh	09/02/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 357		
2419	587	Nguyễn Tuấn	Anh	19/12/1994	Nam	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2420	588	Âu Lan	Anh	26/10/1994	Nữ	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2421	589	Ngô Thị Hải	Anh	22/01/1994	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
2422	590	Chu Mai Ngọc	Anh	17/09/1998	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh toeic 255 (A2)		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2423	591	Nguyễn Ngọc	Anh	30/05/1993	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2424	592	Nguyễn Thị Vân	Anh	15/11/1991	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2425	593	Nguyễn Thị Vân	Anh	27/04/1994	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
2426	594	Lê Quang	Đại	10/11/1994	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2427	595	Nguyễn Huy	Đạt	21/07/1993	Nam	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2428	596	Nguyễn Thị Phương	Dung	17/04/1991	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2429	597	Tô Xuân	Dũng	23/03/1993	Nam	Cửu Cao, Văn Giang, Hưng Yên	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2430	598	Nguyễn Duy	Dương	08/03/1988	Nam	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2431	599	Lã Thị Thùy	Dương	29/06/1990	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2432	600	Nguyễn Thùy	Dương	13/12/1995	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2433	601	Cao Thị	Giang	03/07/1991	Nữ	Sơn Hà, Hữu Lũng, Lạng Sơn	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2434	602	Lê Thu	Hà	18/10/1996	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 393		
2435	603	Vũ Thị Thúy	Hằng	14/06/1994	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2436	604	Dương Tuấn	Hanh	14/11/1996	Nam	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2437	605	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	18/07/1980	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Trung cấp Tin học	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2438	606	Vũ Thị Thu	Hiền	21/09/1996	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2439	607	Nguyễn Thu	Hoài	22/01/1995	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2440	608	Lưu Ngọc	Hoan	06/08/1993	Nam	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2441	609	Đỗ Huy	Hoàng	18/09/1994	Nam	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2442	610	Đặng Thị	Hồng	22/11/1992	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B		
2443	611	Nguyễn Nhật	Hồng	24/05/1996	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toefl 363 (A2)		
2444	612	Đoàn Thị	Hương	11/06/1990	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2445	613	Nguyễn Thu	Hương	23/09/1987	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
2446	614	Nguyễn Thị Mai	Hương	19/09/1989	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2447	615	Bùi Thị	Huyền	24/05/1995	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2448	616	Nguyễn Thị	Liễu	24/04/1993	Nữ	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2449	617	Phạm Mạnh	Linh	20/04/1992	Nam	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2450	618	Nguyễn Diệu	Linh	04/01/1993	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2451	619	Lưu Thùy	Linh	07/06/1990	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
2452	620	Nguyễn Thị	Ly	29/12/1992	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2453	621	Hồ Thị	Mai	02/03/1991	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2454	622	Nguyễn Bảo	Ngọc	12/01/1991	Nữ	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2455	623	Nguyễn Thị	Ngọc	09/04/1993	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
2456	624	Nguyễn Hồng	Ngọc	14/08/1992	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toefl 383 (A2)		
2457	625	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	16/04/1992	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2458	626	Nguyễn Thị Thu	Phương	12/03/1991	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh bậc 2		
2459	627	Trần Thị	Phượng	02/02/1995	Nữ	Châu Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2460	628	Trương Ngọc	Quyền	22/07/1989	Nam	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2461	629	Lê Ngọc	Sơn	24/08/1995	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2462	630	Đào Thị Hồng	Thái	10/09/1994	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2463	631	Hoàng Thị Hồng	Thắm	17/07/1994	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2464	632	Ngô Thị Thu	Thảo	09/06/1996	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2465	633	Nguyễn Phương	Thảo	23/10/1992	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2466	634	Phạm Thị	Thoa	10/02/1993	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2467	635	Nguyễn Thị	Thúy	21/03/1991	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2468	636	Bùi Phương	Thúy	16/11/1993	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng		Anh A2		
2469	637	Trần Thị Thu	Thủy	16/11/1991	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2470	638	Bùi Thị Thu	Thủy	04/06/1994	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2471	639	Nguyễn Thủy	Tiên	09/12/1995	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2472	640	Phạm Thị Minh	Trang	23/02/1994	Nữ	Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2473	641	Hoàng Thị Phương	Trang	03/09/1994	Nữ	Đông Dư, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2474	642	Kiều Thị Thu	Trang	11/09/1988	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2475	643	Nguyễn Thị	Xiêm	08/08/1994	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2476	644	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	21/04/1989	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh C		
2477	645	Phạm Kiều	Anh	26/02/1994	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2478	646	Lê Thị Mai	Anh	19/04/1996	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1		
2479	647	Chu Văn	Biên	04/11/1992	Nam	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2480	648	Nguyễn Thuỳ	Dung	20/11/1996	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEIC)		
2481	649	Nguyễn Thị Thùy	Dương	03/03/1994	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2482	650	Phan Thị	Hằng	26/06/1998	Nữ	Nguyễn Uý, Kim Bảng, Hà Nam	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2483	651	Nguyễn Trung	Hiếu	07/04/1992	Nam	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2484	652	Lê Thị Bích	Hoa	01/11/1995	Nữ	Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
2485	653	Vương Thị	Hoa	28/03/1995	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEIC)		
2486	654	Nguyễn Thị Thu	Hường	28/11/1994	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1 (TOEIC)		
2487	655	Tạ Thị	Lương	27/04/1993	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEIC)		
2488	656	Đoàn Khánh	Ly	21/10/1993	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2489	657	Trần Thị	Nga	19/12/1994	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1 (TOEIC)		
2490	658	Đào Thị	Nhung	18/07/1996	Nữ	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2491	659	Lê Thị	Nhung	10/12/1994	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2492	660	Bùi Văn	Ninh	25/09/1995	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2493	661	Đỗ Thị	Phượng	08/10/1994	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1 (TOEIC)		
2494	662	Lê Thị	Thuý	15/02/1994	Nữ	Vĩnh Hùng, Vĩnh Lộc, Thanh Hoá	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2495	663	Dương Thị	Thúy	20/10/1992	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 190		
2496	664	Quàng Mai	Trinh	20/05/1996	Nữ	Thuận Châu, Thuận Châu, Sơn La	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	ĐTTS	
2497	665	Nguyễn Thị Thúy	An	23/03/1994	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2498	666	Lê Lan	Anh	08/09/1993	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2499	667	Hoàng Ngọc	Anh	16/10/1993	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2500	668	Nguyễn Thị Phương	Anh	12/07/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2501	669	Mai Thị Vân	Anh	15/06/1990	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2502	670	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	16/12/1998	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 357		
2503	671	Trần Thị Hồng	Anh	30/12/1997	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
2504	672	Tô Ngọc	Ánh	06/11/1997	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2505	673	Lê Thị Yến	Chi	08/06/1995	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2506	674	Ngô Hồng	Chiêm	02/09/1989	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2507	675	Hoàng Thị	Chiên	22/07/1989	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2508	676	Lê Thị Hồng	Chiên	15/08/1992	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2509	677	Nguyễn Thị	Diu	09/03/1985	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2510	678	Lê Thùy	Dương	17/02/1993	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2511	679	Nguyễn Thị Tân	Duyên	01/01/1992	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2512	680	Nguyễn Thị	Duyên	24/10/1994	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2513	681	Lê Thị Linh	Giang	22/03/1983	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2514	682	Phạm Thế	Giáp	23/01/1995	Nam	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2515	683	Nguyễn Thị Thu	Hà	03/12/1991	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2516	684	Trần Thị Thu	Hằng	03/08/1995	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2517	685	Nguyễn Thị	Hạnh	25/08/1991	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2518	686	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	07/05/1993	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2519	687	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	14/05/1996	Nữ	Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2520	688	Trần Thị	Hạnh	15/05/1994	Nữ	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 160		
2521	689	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	20/07/1989	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2522	690	Dương Thị	Hảo	26/12/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1		
2523	691	Nguyễn Thị	Hiền	27/12/1992	Nữ	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2524	692	Vương Thị	Hiền	29/10/1992	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 185		
2525	693	Chử Thị	Hiền	02/09/1994	Nữ	Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 185		
2526	694	Nguyễn Thị Thu	Hoài	18/01/1991	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2527	695	Đỗ Minh	Huệ	03/07/1995	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2528	696	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	02/09/1994	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2529	697	Nguyễn Thị	Hương	07/11/1992	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2530	698	Vương Thị	Hương	20/05/1993	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2531	699	Phan Thị Thu	Hường	13/12/1993	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2532	700	Nguyễn Thu	Hường	27/06/1994	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2533	701	Nguyễn Thị	Hường	14/09/1991	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2534	702	Nguyễn Thị Thu	Huyền	26/09/1991	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2535	703	Trần Thị Thu	Huyền	09/05/1993	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB**	
2536	704	Phạm Thị Thu	Huyền	18/05/1988	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 215		
2537	705	Chu Thị Phương	Lan	16/12/1990	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2538	706	Ngô Thị	Lệ	05/12/1991	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2539	707	Nguyễn Thị	Lệ	11/05/1993	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2540	708	Cao Thị	Liên	20/02/1992	Nữ	Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2541	709	Nguyễn Thị	Loan	16/04/1991	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2542	710	Nguyễn Thị	Lương	16/08/1992	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 180		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2543	711	Nguyễn Thị	Luyến	18/01/1997	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 360		
2544	712	Nguyễn Thị	Mai	20/10/1991	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2545	713	Hoàng Thị Thúy	Nga	12/07/1994	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 180		
2546	714	Dương Tuyết	Ngân	10/10/1989	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2547	715	Vũ Thị	Ngân	08/07/1986	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2548	716	Lê Thị Bích	Ngọc	12/10/1987	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2549	717	Nguyễn Thị	Nguyệt	11/12/1990	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2550	718	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	18/01/1990	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2551	719	Nguyễn Thị Phương	Nhung	08/11/1991	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2552	720	Trần Thị Hồng	Nhung	05/07/1995	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2553	721	Lê Thị	Nhung	08/06/1991	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2554	722	Lê Thị Mai	Phương	19/08/1989	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2555	723	Nguyễn Huy	Quế	03/07/1991	Nam	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2556	724	Nguyễn Khắc	Quý	18/07/1990	Nam	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2557	725	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	12/07/1990	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2558	726	Ngô Thị	Thắm	05/12/1992	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 200		
2559	727	Phạm Văn	Thắng	11/01/1995	Nam	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2560	728	Huỳnh Thị	Thanh	09/04/1993	Nữ	Tiền Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2561	729	Nguyễn Thị	Thanh	31/07/1996	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 410		
2562	730	Lê Yến	Thanh	19/06/1998	Nữ	Tàm Xá, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
2563	731	Đào Thị Thu	Thảo	22/04/1996	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2564	732	Đỗ Thị	Thơm	26/03/1991	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh B		
2565	733	Đào Thị	Thu	14/06/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2566	734	Đặng Minh	Thúy	30/05/1992	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2567	735	Nguyễn Thị Phương	Thúy	01/02/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2568	736	Nguyễn Minh	Thùy	02/04/1987	Nữ	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2569	737	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	27/10/1990	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2570	738	Trần Thị	Trang	28/03/1992	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2571	739	Nguyễn Thuỳ	Trang	09/10/1989	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 185		
2572	740	Đỗ Thị	Trang	28/11/1994	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2573	741	Nguyễn Hồng	Trang	25/10/1996	Nữ	Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2574	742	Nguyễn Thị	Trang	22/08/1991	Nữ	Hòa Tiến, Yên Phong, Bắc Ninh	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B		
2575	743	Trịnh Thị	Tươi	03/05/1994	Nữ	Đông Thọ, Yên Phong, Bắc Ninh	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2576	744	Đào Thu	Tuyên	04/01/1989	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2577	745	Đỗ Thị Tú	Uyên	04/10/1991	Nữ	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2578	746	Hoàng Thị	Xuân	21/10/1996	Nữ	Tàm Xá, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 363		
2579	747	Nguyễn Thị Hải	Yến	02/09/1990	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2580	748	Bùi Thị Hải	Yến	28/09/1991	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 235		
2581	749	Nguyễn Thị Hải	Yến	03/08/1995	Nữ	Sơn Đà, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2582	750	Nguyễn Ngọc	Anh	14/12/1996	Nữ	Phụng Châu, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2583	751	Đỗ Văn	Đức	05/9/1989	Nam	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2584	752	Kiều Văn	Dụng	02/06/1991	Nam	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2585	753	Nguyễn Thị	Duyên	21/7/1994	Nữ	Đồng quang, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2586	754	Phạm Thị	Hằng	20/9/1990	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2587	755	Nguyễn Thị	Hòa	05/06/1994	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2	**DTTS**	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2588	756	Đoàn Thị	Hợi	18/02/1996	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
2589	757	Nguyễn Bá	Hưng	07/08/1996	Nam	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2590	758	Bùi Thị Thu	Hương	18/5/1991	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2591	759	Nguyễn Thị	Lý	28/01/1992	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh C		
2592	760	Bùi Đức	Mạnh	19/05/1991	Nam	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2593	761	Hoàng Thế	Minh	19/03/1994	Nam	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2594	762	Nguyễn Công	Nguyên	11/11/1991	Nam	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2595	763	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	15/10/1993	Nữ	Phượng Cách, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEIC)		
2596	764	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	07/10/1997	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2597	765	Lê Văn	Thơm	24/11/1993	Nam	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2598	766	Đinh Công	Tín	25/12/1991	Nam	Phú Mãn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	DTTS	
2599	767	Trần Thị	Tranh	29/11/1991	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2600	768	Cao Thị	Tuyết	10/04/1993	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
2601	769	Bùi Thị	Tuyết	23/01/1991	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
2602	770	Phạm Thị	Ánh	14/06/1996	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2603	771	Kiều Thị	Hà	28/10/1998	Nữ	Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2604	772	Dương Thị Thanh	Hằng	27/10/1994	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2605	773	Trần Thị Thanh	Hương	23/05/1998	Nữ	Đồng Trúc, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2606	774	Nguyễn Văn	Huynh	14/11/1993	Nam	Đồng quang, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	HTNV	
2607	775	Nguyễn Quang	Phong	14/02/1998	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2608	776	Phạm Thảo	Phương	13/7/1996	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
2609	777	Tạ Thị Lan	Phương	08/07/1997	Nữ	Cẩn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2610	778	Vương Thị	Thảo	23/12/1992	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2611	779	Tạ Văn	Vân	28/02/1995	Nam	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	A	Anh A2		
2612	780	Phạm Thị	Xuyến	16/03/1995	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2613	781	Dương Thị Lan	Anh	31/05/1996	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (Toefl 413)		
2614	782	Phùng Trung	Anh	21/11/1997	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2615	783	Bùi Kim	Anh	22/12/1994	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2616	784	Tạ Thị Ngọc	Ánh	09/05/1995	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2617	785	Đinh Thị Ngọc	Bích	06/12/1997	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2	DTTS	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2618	786	Phan Văn	Chính	09/02/1993	Nam	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2619	787	Nguyễn Thị Kim	Dung	25/05/1997	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2620	788	Vũ Thị	Dung	20/10/1986	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh A2		
2621	789	Lê Thị Thùy	Dương	25/09/1984	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
2622	790	Phùng Thị Chà	Giang	23/10/1984	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2623	791	Lê Ngân	Hà	12/04/1983	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2624	792	Nguyễn Thu	Hà	13/07/1996	Nữ	Phan Thiết, Tuyên Quang, Tuyên Quang	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2625	793	Nguyễn Bá	Hải	14/12/1998	Nam	Cam Thượng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
2626	794	Nguyễn Thị	Hằng	15/11/1993	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 357 (A2)		
2627	795	Chu Thị Hồng	Hạnh	25/10/1998	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
2628	796	Nguyễn Thị	Hiếu	29/12/1984	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2629	797	Vũ Thị Thanh	Hương	07/07/1984	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2630	798	Nguyễn Thị	Huyền	05/02/1998	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2631	799	Lê Thị	Lan	19/11/1990	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2632	800	Phùng Thị Mai	Liên	16/01/1992	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2633	801	Ngô Thị Quỳnh	Liên	23/07/1992	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2634	802	Phạm Thị	Ly	20/02/1992	Nữ	Bắc Cường, Lào Cai, Lào Cai	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2635	803	Nguyễn Thị	Mai	14/07/1995	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB, CBB, CĐCĐ**	
2636	804	Chu Thị	Mai	13/09/1992	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2637	805	Chu Thị	Mai	14/04/1998	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2638	806	Nguyễn Thị	Nga	07/10/1992	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2639	807	Đinh Thị Bích	Ngọc	16/07/1997	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2640	808	Đỗ Thị	Nhi	14/06/1995	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2641	809	Lê Thị Thúy	Quỳnh	07/12/1996	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2642	810	Lê Hồng	Thắm	04/04/1980	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2643	811	Phùng Tiến	Thanh	27/06/1998	Nam	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2644	812	Nguyễn Thị	Thảo	18/09/1993	Nữ	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2645	813	Bùi Ngọc	Thảo	01/12/1992	Nữ	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
2646	814	Nguyễn Thị	Thới	25/08/1996	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2647	815	Phùng Thị	Thu	12/09/1993	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367 (A2)		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2648	816	Lê Văn	Thủy	09/10/1994	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B			
2649	817	Nguyễn Phương Thanh	Thủy	07/11/1994	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
2650	818	Đỗ Thị	Thủy	01/11/1994	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh bậc 2		
2651	819	Nguyễn Đình	Tiến	20/07/1992	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2652	820	Doãn Thị Huyền	Trang	12/12/1989	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2653	821	Trần Thị Tuyết	Trang	11/10/1991	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2654	822	Lê Thị Huyền	Trang	29/05/1991	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2655	823	Nguyễn Đàm	Tùng	01/04/1997	Nam	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2656	824	Trần Thị Ngọc	Vân	13/02/1995	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2657	825	Trần Thị Hồng	Dung	09/09/1997	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2658	826	Nguyễn Thị	Huyền	06/04/1977	Nữ	Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh A2	**CTB**	
2659	827	Nguyễn Thị Đào	Linh	21/01/1990	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2660	828	Kiều Thị	Nhung	01/09/1990	Nữ	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2661	829	Vũ Thanh	Thủy	25/04/1997	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2662	830	Lê Ngọc	An	17/07/1995	Nam	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2663	831	Nguyễn Thị	Duyên	01/10/1995	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2664	832	Nguyễn Thị	Giang	07/07/1993	Nữ	Cổ nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2665	833	Nguyễn Hoài	Giang	10/08/1996	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2666	834	Hoàng Thị Thu	Hà	02/04/1994	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2667	835	Phạm Ngọc	Hà	26/09/1992	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2668	836	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	19/09/1997	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2669	837	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/10/1996	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2670	838	Nguyễn Thị Hồng	Hương	18/05/1998	Nữ	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2671	839	Lê Thị	Lệ	13/10/1992	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2	CTB	
2672	840	Nguyễn Thị Thùy	Linh	07/07/1997	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2673	841	Vũ Thị	Lý	30/7/1996	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2674	842	Lã Đức	Mạnh	15/11/1995	Nam	Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2675	843	Nguyễn Bảo	Ngọc	22/12/1992	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
2676	844	Phạm Hồng	Thắm	25/11/1990	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2677	845	Tạ Quang	Thật	06/09/1993	Nam	Nguyễn Trãi, Thường Tín, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2678	846	Ngô Thị	Thu	17/11/1994	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2679	847	Nguyễn Thị Bích	Thúy	08/11/1992	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2680	848	Nguyễn Thị Việt	Hằng	22/12/1987	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2681	849	Nguyễn Thị	Liên	28/04/1984	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2682	850	Nguyễn Thị Thùy	Linh	02/08/1996	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
2683	851	Phan Thị	Lý	20/10/1993	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2684	852	Nguyễn Thi	Nết	02/08/1987	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2685	853	Nguyễn Thị	Ngà	10/01/1987	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
2686	854	Nguyễn Thị	Phương	05/06/1991	Nữ	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
2687	855	Phạm Thị Thanh	Tâm	19/05/1992	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh C		
2688	856	Nguyễn Thị	Thảo	17/10/1997	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2689	857	Bùi Thị Thanh	Thơ	12/12/1991	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh C		
2690	858	Đào Thị	Bình	15/02/1991	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2691	859	Chu Thị	Dâu	05/01/1989	Nữ	Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 347		
2692	860	Nguyễn Phương	Dung	05/01/1994	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2693	861	Nguyễn Thùy	Dung	16/07/1992	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2694	862	Nguyễn Thùy	Dung	27/09/1990	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2695	863	Dương Thị Thu	Hà	27/05/1996	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
2696	864	Lương Thu	Hà	09/05/1993	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2697	865	Nguyễn Bích	Hạnh	15/07/1984	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2698	866	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	11/11/1997	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 255		
2699	867	Đàm Minh	Hiền	14/02/1986	Nam	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2700	868	Nguyễn Thị Thu	Hồng	15/12/1994	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	TOEFLS 370		
2701	869	Đỗ Thị Phượng	Huế	04/02/1995	Nữ	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 360		
2702	870	Chu Cao	Huy	06/11/1992	Nam	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B	HTNV	
2703	871	Đặng Thị Thu	Hường	26/08/1993	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2704	872	Vũ Thị Thanh	Lam	11/05/1995	Nữ	Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2705	873	Nguyễn Thị Hồng	Lưu	24/11/1997	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
2706	874	Đặng Quế	Ngân	20/12/1989	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2707	875	Phạm Thị	Nhung	14/10/1995	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2708	876	Trần Thị Thùy	Nhung	26/05/1986	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
2709	877	Nguyễn Lan	Phương	04/01/1993	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
2710	878	Nguyễn	Sơn	18/01/1995	Nam	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2711	879	Bùi Đức	Thắng	02/12/1992	Nam	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2712	880	Nguyễn Thị	Thành	05/02/1971	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**HTNV**	
2713	881	Đỗ Thị Phương	Thúy	03/03/1994	Nữ	Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2714	882	Nguyễn Thị Bích	Thủy	21/04/1994	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2715	883	Phạm Thanh	Thủy	25/09/1985	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2716	884	Nguyễn Tiến	Vũ	13/07/1990	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2717	885	Nguyễn Thị Hải	Yến	19/10/1993	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2718	886	Kim Văn	An	27/8/1998	Nam	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2719	887	Nguyễn Lan	Anh	20/4/1996	Nữ	Cao Thành, Ứng Hòa, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2720	888	Đặng Thị Ngọc	Ánh	06/11/1998	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2721	889	Hoàng Thị Ngọc	Diệp	17/3/1993	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2722	890	Trần Thị	Diệp	11/10/1991	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2723	891	Đỗ Văn	Đức	27/11/1993	Nam	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2724	892	Trần Thị Thu	Hằng	10/03/1993	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
2725	893	Vũ Thị	Hiên	21/3/1991	Nữ	Thượng Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2726	894	Nguyễn Thị	Hiền	09/10/1993	Nữ	Đồng Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2727	895	Mai Thị	Hòa	18/3/1995	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2728	896	Nguyễn Thị	Hường	05/6/1995	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2729	897	Đinh Thị	Lệ	06/06/1992	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2730	898	Đinh Văn	Thăng	12/11/1996	Nam	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2731	899	Đào Thị	Thanh	19/9/1998	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2732	900	Vũ Thị	Thủy	13/11/1993	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2733	901	Đỗ Huyền	Trang	16/12/1997	Nữ	Đồng Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2734	902	Trần Thị	Trang	11/04/1994	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2735	903	Trần Thị	Yến	21/10/1997	Nữ	Hòa Chính, Chương Mỹ, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2736	904	Trần Thị Hải	Yến	01/6/1993	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 180 (A2)		
2737	905	Hà Huy	Điệp	02/05/1985	Nam	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2738	906	Lê Thị Thanh	Giang	22/3/1989	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2739	907	Phạm Hùng	Dũng	15/11/1993	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2740	908	Nguyễn Thị	Hương	13/02/1993	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2741	909	Vũ Tuấn	Anh	30/09/1992	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2742	910	Bùi Ngọc	Anh	05/10/1992	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2743	911	Lê Văn	Cơ	24/11/1998	Nam	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		
2744	912	Nguyễn Tấn	Dũng	30/12/1998	Nam	Hòa Chính, Chương Mỹ, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
2745	913	Nguyễn Thị Thùy	Dương	26/09/1993	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2746	914	Nguyễn Thị	Duyên	10/02/1994	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2747	915	Nguyễn Thị	Hoa	29/01/1975	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2748	916	Phạm Văn	Hoàn	03/03/1987	Nam	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh bậc 2		
2749	917	Trần Thị Mai	Hương	15/11/1997	Nữ	Hòa Chính, Chương Mỹ, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2750	918	Nguyễn Thị	Huyền	07/09/1989	Nữ	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2751	919	Nguyễn Thị Hồng	Lượng	11/11/1976	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Tin học văn phòng - Kế toán	Anh C	**CTB, HTNV**	
2752	920	Vũ Thị	Minh	04/07/1981	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2753	921	Nguyễn Thị	Nga	01/08/1995	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2754	922	Đỗ Bích	Ngọc	02/10/1995	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 403		
2755	923	Nguyễn Thị Mai	Phương	10/08/1994	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2756	924	Phan Văn	Quang	27/10/1978	Nam	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2	HTNV	
2757	925	Lê Thị	Sen	06/08/1993	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2758	926	Nguyễn Trường	Tấn	25/12/1991	Nam	Giao Xuân, Giao Thủy, Nam Định	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B		
2759	927	Nguyễn Văn	Thuận	22/04/1995	Nam	Hòa Chính, Chương Mỹ, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 363		
2760	928	Nguyễn Văn	Thương	15/10/1979	Nam	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2761	929	Nguyễn Văn	Thủy	23/02/1991	Nam	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2762	930	Lê Mạnh	Trường	16/07/1982	Nam	Khánh Hà, Thường Tín, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2763	931	Nguyễn Thị	Tuyết	01/05/1995	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 387		
2764	932	Nguyễn Thị Kim	Anh	05/11/1996	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2765	933	Đoàn Thanh	Đông	10/01/1984	Nam	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2766	934	Nguyễn Thị	Hằng	06/08/1991	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2767	935	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	20/07/1984	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2768	936	Nguyễn Thị	Luyến	12/01/1982	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CBB**	
2769	937	Ngô Thị	Mừng	10/06/1987	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2770	938	Vũ Thị Thúy	Nga	30/06/1993	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2771	939	Trương Minh	Ngọc	02/10/1997	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2772	940	Vũ Thị Thúy	Quỳnh	02/08/1987	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2773	941	Nguyễn Văn	Áng	01/01/1991	Nam	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**HTNV**	
2774	942	Bùi Thị Hoàng	Anh	18/7/1984	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB**	
2775	943	Trần Vân	Anh	18/7/1997	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2776	944	Lê Hải	Anh	01/9/1996	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 370		
2777	945	Trần Thị	Bình	19/02/1994	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 370		
2778	946	Nguyễn Thị	Chiến	10/3/1994	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2779	947	Đỗ Thị	Duyên	17/12/1996	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
2780	948	Nguyễn Thị	Duyên	31/08/1980	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2781	949	Đỗ Thị Minh	Giang	28/10/1995	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2782	950	Nguyễn Thị	Hà	16/4/1988	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2783	951	Đoàn Thị Thu	Hà	01/10/1997	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2784	952	Dương Thị	Hiên	11/3/1992	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2785	953	Nguyễn Thị Hoa	Hiên	08/12/1977	Nữ	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2786	954	Đỗ Ngọc	Hiến	21/12/1976	Nam	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
2787	955	Hoàng Trọng	Hiệp	22/9/1993	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2788	956	Nguyễn Thị	Hoa	07/7/1992	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2789	957	Đỗ Đình	Huệ	21/7/1994	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2790	958	Tạ Việt	Hùng	03/6/1996	Nam	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2791	959	Nguyễn Thanh	Hương	08/10/1996	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2792	960	Phạm Thị Thu	Hương	18/12/1991	Nữ	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2793	961	Ngô Thị	Hường	18/01/1992	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367		
2794	962	Phạm Thị	Hường	20/10/1985	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2795	963	Ngô Thị Thu	Hường	12/9/1979	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2796	964	Ngô Thị Thu	Huyền	04/9/1995	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2797	965	Đỗ Thị Thanh	Huyền	21/12/1981	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2798	966	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	24/5/1994	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2799	967	Lê Thị	Huyền	01/10/1997	Nữ	Khu Y na, Kinh Bắc, Tỉnh Bắc Ninh	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B		
2800	968	Nguyễn Thị Thu	Huyền	15/12/1987	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng A			
2801	969	Ngô Quang	Khải	20/10/1996	Nam	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2802	970	Nguyễn Thị Thanh	Lan	30/10/1981	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2803	971	Dương Ngọc	Lân	24/8/1994	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2804	972	Nguyễn Thị	Lệ	05/8/1991	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2805	973	Lê Thị	Liêm	16/12/1993	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2806	974	Lê Thị	Liên	10/5/1987	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2807	975	Nguyễn Thị	Lụa	28/8/1993	Nữ	Việt Long, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2808	976	Lâm Thị Hồng	Ly	15/3/1992	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2809	977	Trần Thị Thiên	Lý	01/3/1985	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Tiếng Anh giao tiếp B		
2810	978	Trần Thị	Mai	07/3/1993	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2811	979	Nguyễn Thị	Mai	30/4/1993	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2812	980	Lê Thị	Mến	16/3/1991	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2813	981	Chu Thị	Ngần	13/11/1991	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2814	982	Nguyễn Thị	Ngọc	13/12/1992	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2815	983	Đỗ Thị	Ngọc	24/4/1992	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2816	984	Đặng Bảo	Ngọc	12/01/1998	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367		
2817	985	Nguyễn Thị	Nhàn	11/3/1994	Nữ	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2818	986	Nguyễn Thị	Nụ	06/3/1991	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2819	987	Hoàng Thị	Phượng	27/9/1995	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2820	988	Nguyễn Thúy	Quỳnh	14/12/1995	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 350		
2821	989	Nguyễn Thị	Thanh	15/7/1986	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2822	990	Nguyễn Kim	Thao	27/5/1992	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
2823	991	Trần Phương	Thảo	15/9/1981	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CĐCĐ	
2824	992	Nguyễn Thị Hương	Thảo	06/10/1998	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
2825	993	Phạm Thị Thu	Thủy	28/9/1994	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2826	994	Phạm Thị Thanh	Thủy	11/8/1987	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2827	995	Chu Thị	Thủy	27/01/1998	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 400		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2828	996	Nguyễn Thảo	Trang	22/4/1994	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2829	997	Đặng Thị	Trang	20/7/1986	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2830	998	Nguyễn Thị	Tươi	17/10/1991	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2831	999	Nguyễn Thị Vân	Anh	30/10/1994	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2832	1000	Khuất Thị Phương	Chinh	19/3/1996	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2833	1001	Nguyễn Thị	Định	17/01/1994	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2834	1002	Trần Văn	Duy	13/8/1997	Nam	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2835	1003	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	23/01/1988	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2836	1004	Ngô Thu	Hà	11/5/1997	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng A			
2837	1005	Nguyễn Thanh	Hằng	18/7/1989	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2838	1006	Lê Thị	Hiền	06/5/1993	Nữ	Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2839	1007	Nguyễn Thị	Hồng	16/8/1992	Nữ	Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Tin học văn phòng			
2840	1008	Khuất Thị Thanh	Hương	29/11/1992	Nữ	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
2841	1009	Phùng Thị Thu	Hương	09/01/1997	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2842	1010	Trần Thu	Hương	09/11/1989	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2843	1011	Nguyễn Thị	Liên	11/11/1993	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2844	1012	Phan Ngọc	Linh	29/8/1995	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng		Anh B		
2845	1013	Cấn Thị Thu	Phương	03/10/1988	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2846	1014	Lê Hồng	Phương	28/10/1986	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2847	1015	Nguyễn Huyền	Phương	15/12/1990	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2848	1016	Đoàn Văn	Tài	12/6/1994	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2849	1017	Hoàng Thị Thu	Thắm	20/02/1991	Nữ	Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2850	1018	Nghiêm Thị	Thanh	03/02/1991	Nữ	Hải Lực, Sông Lô, Vĩnh Phúc	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2851	1019	Trịnh Tiến	Thành	06/01/1991	Nam	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2852	1020	Lê Thị Phương	Thảo	26/10/1997	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
2853	1021	Đỗ Thị	Thu	26/3/1996	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2854	1022	Phùng Thị Anh	Thư	21/8/1997	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2855	1023	Kiều Thị	Thủy	20/2/1995	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
2856	1024	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	02/8/1991	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2857	1025	Đỗ Phương Huyền	Trang	28/7/1995	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	IC 3	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2858	1026	Nguyễn Thị Huyền	Trang	17/10/1995	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
2859	1027	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/10/1996	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2860	1028	Phạm Tú	Trinh	09/7/1996	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2861	1029	Đặng Kim	Tuyến	08/02/1994	Nữ	Vận Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2862	1030	Nguyễn Thị Minh	Tuyết	22/10/1987	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2863	1031	Phan Thị	Út	22/12/1991	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B		
2864	1032	Hoàng Thị	Yến	11/6/1991	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
2865	1033	Phạm Thị	Bé	17/05/1990	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
2866	1034	Nguyễn Mạnh	Cường	26/07/1994	Nam	Đông Dư, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2867	1035	Vũ Thị	Hằng	05/12/1992	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh A2		
2868	1036	Đặng Thị	Hằng	29/12/1991	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2869	1037	Nguyễn Thị Thu	Huyền	22/12/1992	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
2870	1038	Nguyễn Thị Thu	Hương	12/11/1986	Nữ	Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 403		
2871	1039	Nguyễn Thị	Hương	18/05/1991	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
2872	1040	Trần Thị	Hường	28/08/1990	Nữ	Nguyễn Khoái, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2873	1041	Nguyễn Thị	Lan	28/09/1990	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2874	1042	Tạ Thị	Mây	26/08/1990	Nữ	Quất Động, Thường Tín, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
2875	1043	Nguyễn Thị	Mây	19/09/1993	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh B		
2876	1044	Nguyễn Thị Tuyết	Oanh	22/05/1992	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2877	1045	Bùi Thị	Tuyết	11/03/1993	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh A2		
2878	1046	Nguyễn Thị Biên	Thúy	03/03/1991	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh A2		
2879	1047	Nguyễn Thị	Chung	18/3/1996	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2880	1048	Trương Thành	Công	19/08/1995	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2881	1049	Bùi Thị	Huệ	01/8/1990	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2882	1050	Nguyễn Văn	Hưng	04/5/1997	Nam	Liên Phương, Thường Tín, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2883	1051	Trần Thị Thu	Hiền	03/5/1998	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2884	1052	Nguyễn Thị	Hiền	15/07/1992	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2885	1053	Trần Thị Thanh	Hoa	01/12/1991	Nữ	Thị trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2886	1054	Trịnh Thị Phương	Hạnh	02/7/1996	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B	CTB	
2887	1055	Bùi Thị Diệu	Linh	14/10/1995	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức , Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2888	1056	Trần Thị Phương	Mai	31/12/1994	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2889	1057	Trần Thị	Nhinh	06/01/1993	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2890	1058	Ngô Thị	Phụ	10/9/1987	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2891	1059	Nguyễn Thị Hà	Phương	17/11/1994	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2892	1060	Nguyễn Khắc	Tiến	16/09/1997	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2893	1061	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	28/2/1994	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2894	1062	Vũ Châu	Yên	14/11/1997	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
2895	1063	Hoàng Thị Hải	Yến	18/12/1994	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2896	1064	Đặng Thị Vân	Anh	08/02/1995	Nữ	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2897	1065	Đỗ Thị	Duyên	19/11/1998	Nữ	Xuân Phú. Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 155		
2898	1066	Khuất Thị Thùy	Dương	20/07/1995	Nữ	Đông Anh, Hà Nội, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
2899	1067	Nguyễn Thị	Hải	02/09/1990	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2900	1068	Đỗ Thị	Hiền	18/05/1996	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2901	1069	Kiều Lan	Hương	06/06/1994	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2902	1070	Khuất Thị	Hường	30/11/1995	Nữ	Quang Trung, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2903	1071	Nguyễn Thị Hồng	Loan	22/07/1994	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2904	1072	Nguyễn Thị	Mai	23/05/1992	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2905	1073	Đỗ Mạnh	Phú	08/05/1988	Nam	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2906	1074	Nguyễn Thị Hải	Phương	13/10/1991	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2907	1075	Dương Thị	Phương	18/04/1995	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2908	1076	Lê Thị Lan	Phương	18/08/1994	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2909	1077	Hà Cao	Sơn	12/02/1996	Nam	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2910	1078	Đoàn Văn	Tân	06/10/1994	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2911	1079	Vũ Mạnh Cường	Tươi	10/12/1995	Nam	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2912	1080	Nguyễn Thị	Thanh	13/06/1992	Nữ	Xuân Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1	CBB	
2913	1081	Hà Đức	Thành	06/02/1994	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2914	1082	Nguyễn Thị	Thảo	14/08/1997	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 347		
2915	1083	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/11/1996	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2916	1084	Nguyễn Thị	Hằng	21/12/1990	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2917	1085	Lê Thị Ngọc	Mai	21/08/1994	Nữ	Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2918	1086	Lê Hồng	Minh	27/10/1994	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2919	1087	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	11/09/1994	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh B		
2920	1088	Nguyễn Thị	Tuyết	11/09/1997	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2921	1089	Đào Thu	Uyên	27/01/1997	Nữ	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFLS 407		
2922	1090	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/02/1993	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2923	1091	Vương Ngọc	Anh	19/12/1993	Nam	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2924	1092	Nguyễn Thị Lan	Anh	20/01/1993	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2925	1093	Nguyễn Thị Vân	Anh	27/06/1993	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2926	1094	Lê Thị Hồng	Anh	10/09/1998	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2927	1095	Đào Thị Ngọc	Ánh	14/04/1991	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toefls 383 (A2)		
2928	1096	Nguyễn Thị	Bích	04/05/1993	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
2929	1097	Nguyễn Thị Kim	Dung	23/11/1995	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2930	1098	Kiều Thị	Đương	25/10/1992	Nữ	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2931	1099	Nguyễn Thu	Giang	11/02/1990	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2932	1100	Vương Thị	Giang	20/07/1993	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2933	1101	Đỗ Thị Thu	Hà	11/10/1983	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2934	1102	Phạm Thị Thu	Hà	16/02/1996	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	TOEIC 600		
2935	1103	Kiều Hồng	Hà	26/04/1994	Nữ	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
2936	1104	Trần Thị Bích	Hằng	31/10/1992	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1		
2937	1105	Nguyễn Thị Thu	Hằng	18/07/1995	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2938	1106	Phí Thị	Hiền	08/07/1994	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2939	1107	Đỗ Thị Yến	Hoa	21/07/1990	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh B		
2940	1108	Nguyễn Thị	Hồng	02/11/1995	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2941	1109	Nguyễn Thị	Huệ	27/03/1995	Nữ	Hữu Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2942	1110	Nguyễn Thị	Hương	19/06/1996	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2943	1111	Vương Thị	Huyền	30/09/1989	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
2944	1112	Nguyễn Thị	Khá	24/12/1990	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Tiếng Anh giao tiếp B		
2945	1113	Đỗ Thị	Mai	22/11/1998	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2946	1114	Nguyễn Thế	Mạnh	26/10/1990	Nam	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
2947	1115	Nguyễn Thị	Minh	21/03/1993	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2948	1116	Nguyễn Đức	Phước	08/08/1992	Nam	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2949	1117	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	23/01/1996	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2950	1118	Phí Thị	Quyết	21/09/1992	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2951	1119	Nguyễn Thị	Thảo	10/06/1990	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2952	1120	Nguyễn Thị Thu	Trang	19/09/1993	Nữ	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2953	1121	Đặng Thị	Trang	11/09/1995	Nữ	Hữu Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2954	1122	Phí Thị Hồng	Vân	13/03/1998	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2955	1123	Chu Thị Kim	Anh	17/07/1991	Nữ	Đồng Tháp, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2956	1124	Chu Thị	Duyên	14/01/1995	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2957	1125	Phạm Thị	Hằng	03/04/1993	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2958	1126	Nguyễn Thị Thu	Hiền	04/06/1993	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2959	1127	Nguyễn Thị Phương	Lan	14/08/1991	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 185		
2960	1128	Nguyễn Thị	Nguyệt	17/09/1996	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2961	1129	Nguyễn Hữu	Sâm	23/02/1996	Nam	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2962	1130	Nguyễn Mai	Trang	20/02/1996	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2963	1131	Nguyễn Thị Vân	Anh	23/07/1998	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2964	1132	Nguyễn Văn	Đức	10/04/1995	Nam	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 350		
2965	1133	Nguyễn Thị Thanh	Dung	29/10/1995	Nữ	Trung Châu, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
2966	1134	Hoàng Thị Thùy	Dung	12/10/1988	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2967	1135	Nông Tiến	Dũng	27/04/1995	Nam	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**DTTS**	
2968	1136	Nguyễn Thi	Giang	05/09/1990	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2969	1137	Nguyễn Thị Thu	Hà	17/01/1995	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh B		
2970	1138	Triệu Bích	Hải	26/06/1994	Nữ	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
2971	1139	Lê Ngọc	Hân	29/01/1998	Nam	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2972	1140	Nguyễn Thị	Hằng	29/11/1995	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 190		
2973	1141	Hoàng Thị Thu	Hằng	06/10/1994	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng,Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 380		
2974	1142	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	22/01/1994	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2975	1143	Tạ Thúy	Hiền	16/05/1997	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
2976	1144	Nguyễn Thị	Hoa	11/03/1991	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2977	1145	Quách Thị Mai	Hoa	28/03/1995	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB**	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2978	1146	Nguyễn Thị Thu	Hoài	06/12/1996	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2979	1147	Nguyễn Thị	Hương	16/04/1995	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2980	1148	Nguyễn Thị	Hường	06/02/1990	Nữ	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2981	1149	Nguyễn Thị	Huyền	10/08/1993	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
2982	1150	Đào Thị	Huyền	30/07/1997	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng				
2983	1151	Đỗ Thị Ngọc	Khanh	04/09/1992	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2984	1152	Chu Thị Hồng	Liên	16/10/1998	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 337		
2985	1153	Nguyễn Thị	Loan	07/01/1989	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2986	1154	Lê Thị Kim	Luyến	07/08/1997	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
2987	1155	Nguyễn Thị	Mai	24/03/1993	Nữ	Đồng Tháp, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2988	1156	Ngô Thu	Nga	02/02/1994	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2989	1157	Tạ Thị	Như	07/04/1994	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2990	1158	Lê Thị Hồng	Nhung	23/09/1993	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
2991	1159	Tạ Thị	Quyên	13/10/1991	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2992	1160	Trần Thị Thanh	Thu	23/09/1991	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2993	1161	Nguyễn Thị	Thủy	15/01/1991	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2994	1162	Nguyễn Thị Thu	Thủy	15/11/1995	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2995	1163	Vũ Thu	Thủy	24/03/1992	Nữ	Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2996	1164	Lệnh Thị	Thủy	30/11/1996	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2997	1165	Phan Thanh	Thủy	01/12/1991	Nữ	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	CTB	
2998	1166	Đào Thị	Thủy	15/11/1992	Nữ	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
2999	1167	Đỗ Thị Huyền	Trang	04/03/1992	Nữ	Liên Trung, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3000	1168	Nguyễn Xuân	Trường	15/06/1991	Nam	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3001	1169	Nguyễn Văn	Trường	29/01/1992	Nam	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3002	1170	Nguyễn Doãn Thị	An	20/11/1990	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3003	1171	Nguyễn Hoài	Anh	18/11/1991	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3004	1172	Hà Huệ	Anh	16/12/1995	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3005	1173	Nguyễn Thái	Bình	13/03/1998	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3006	1174	Lê Thị	Châm	19/01/1996	Nữ	Vân Canh , Hoài Đức,Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
3007	1175	Lý Thị	Chúy	30/11/1991	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3008	1176	Hữu Thị	Đào	25/07/1992	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3009	1177	Nguyễn Như	Được	03/08/1996	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3010	1178	Doãn Thị Thùy	Dương	04/04/1995	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3011	1179	Mầu Thị	Duyên	15/08/1996	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 550		
3012	1180	Nguyễn Thị Thu	Hà	10/07/1997	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3013	1181	Phạm Thị	Hà	25/06/1994	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3014	1182	Nguyễn Thị	Hải	23/11/1998	Nữ	La Phù, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3015	1183	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	11/06/1985	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3016	1184	Trần Thị Thu	Hạnh	07/09/1996	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3017	1185	Nguyễn Thị	Hoa	24/09/1992	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3018	1186	Nguyễn Tuyết	Hoa	04/05/1998	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3019	1187	Trần Thị	Hoa	15/08/1993	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3020	1188	Nguyễn Thị	Hòa	06/11/1998	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3021	1189	Nguyễn Thị	Hồng	28/11/1996	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
3022	1190	Nguyễn Kim	Hồng	10/06/1995	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3023	1191	Phi Thị	Huệ	19/08/1993	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3024	1192	Chu Thanh	Hương	16/08/1993	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3025	1193	Mầu Thị	Hương	17/09/1994	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3026	1194	Nguyễn Thị	Hương	21/10/1992	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh B		
3027	1195	Lương Thị	Hường	25/05/1994	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3028	1196	Hoàng Diệu	Huyền	02/05/1990	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3029	1197	Trần Thu	Huyền	10/09/1994	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3030	1198	Nguyễn Minh	Huyền	07/09/1993	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3031	1199	Vương Thu	Huyền	11/11/1988	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3032	1200	Nguyễn Trung Thị Thanh	Huyền	28/06/1998	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3033	1201	Nguyễn Thị	Lan	10/08/1990	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3034	1202	Phan Thị Phương	Liên	20/02/1991	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3035	1203	Nguyễn Như Thị Phương	Linh	07/02/1997	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3036	1204	Trần Thị	Linh	01/09/1998	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3037	1205	Đào Huyền	Linh	13/12/1995	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3038	1206	Hoàng Phương	Linh	24/04/1994	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3039	1207	Ngô Thị	Loan	16/10/1987	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 1		
3040	1208	Trần Thị Chi	Mai	31/03/1994	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3041	1209	Trung Thị	Mai	25/05/1992	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3042	1210	Nguyễn Thị	Mùi	02/12/1993	Nữ	Phúc Thuận, Phổ Yên, Thái Nguyên	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3043	1211	Nguyễn Thị	Nam	06/03/1997	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3044	1212	Nguyễn Như	Nam	18/03/1988	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3045	1213	Nguyễn Hoàng Thị	Nga	29/06/1993	Nữ	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3046	1214	Nguyễn Thị	Nga	19/01/1993	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3047	1215	Lê Thị	Nga	08/11/1993	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3048	1216	Nguyễn Thị	Ngân	30/10/1995	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3049	1217	Trần Thị Hồng	Nhung	22/11/1993	Nữ	Đắc Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3050	1218	Nguyễn Thị	Oanh	04/03/1992	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 413		
3051	1219	Nguyễn Phương	Oanh	19/01/1993	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3052	1220	Đỗ Thị	Oanh	27/10/1998	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3053	1221	Trần Thị Hoài	Phương	15/01/1995	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3054	1222	Hoàng Thị Thu	Phương	28/07/1988	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3055	1223	Nguyễn Thị Thu	Phương	06/04/1993	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3056	1224	Nguyễn Thị	Quyên	22/11/1992	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3057	1225	Đỗ Thị	Quỳnh	06/03/1994	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3058	1226	Nguyễn Thị	Thiệp	30/03/1991	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3059	1227	Nguyễn Thị Kim	Thoa	12/11/1995	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
3060	1228	Ngô Thị	Thoa	10/08/1992	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3061	1229	Nguyễn Thị Bích	Thủy	27/03/1994	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3062	1230	Đỗ Thị	Thúy	23/01/1990	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3063	1231	Đinh Thị	Thúy	08/03/1993	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3064	1232	Nguyễn Ngọc	Trang	20/10/1995	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3065	1233	Nguyễn Huyền	Trang	01/06/1990	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3066	1234	Nguyễn Thị Vân	Trang	04/09/1998	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3067	1235	Hoàng Thị Thùy	Trang	30/04/1993	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3068	1236	Đỗ Thị Thùy	Trang	24/10/1995	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3069	1237	Đỗ Thị	Vân	19/01/1995	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	CĐCĐ	
3070	1238	Nguyễn Thị Thúy	Vân	12/11/1989	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
3071	1239	Nguyễn Thị	Vui	27/07/1991	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3072	1240	Đào Kim	Xuân	07/10/1994	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3073	1241	Tô Thị	Yến	16/11/1998	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B		
3074	1242	Trương Thị Vân	Anh	24/04/1997	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3075	1243	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	01/05/1995	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3076	1244	Nguyễn Thị	Ánh	01/06/1992	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
3077	1245	Đỗ Thị	Dung	25/09/1998	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		
3078	1246	Trịnh Thị	Hà	10/07/1992	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3079	1247	Chu Thị	Hân	17/12/1994	Nữ	Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3080	1248	Cao Thị	Hiền	17/10/1996	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3081	1249	Vương Thị	Hoa	28/12/1993	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3082	1250	Nguyễn Minh	Hòa	19/09/1997	Nữ	Thị trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 393		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3083	1251	Trần Thị	Hòa	02/09/1996	Nữ	Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
3084	1252	Nguyễn Thị	Hương	02/01/1997	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3085	1253	Nguyễn Thanh	Hường	27/06/1990	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3086	1254	Trần Đình	Hữu	14/05/1988	Nam	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3087	1255	Nguyễn Thị Thu	Huyền	10/06/1993	Nữ	Hoàng Diệu, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3088	1256	Phạm Thị	Huyền	27/08/1987	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 380		
3089	1257	Nguyễn Thị	Khuyên	23/03/1992	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3090	1258	Đặng Thị Quỳnh	Lương	11/10/1987	Nữ	Thị trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3091	1259	Đỗ Thị	Nga	28/04/1994	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3092	1260	Nguyễn Thị	Nga	06/12/1995	Nữ	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3093	1261	Nguyễn Thúy	Nga	28/01/1990	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3094	1262	Nguyễn Như	Ngọc	24/01/1996	Nữ	Phụng Châu, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3095	1263	Nguyễn Thị Hà	Phương	15/04/1997	Nữ	Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3096	1264	Vũ Thị	Thảo	19/06/1998	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3097	1265	Phùng Thị	Thảo	06/05/1995	Nữ	Hữu Văn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3098	1266	Hoàng Thị	Thủy	17/02/1993	Nữ	Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3099	1267	Dương Huyền	Trang	04/11/1997	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3100	1268	Nguyễn Thị Huyền	Trang	13/03/1993	Nữ	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3101	1269	Tạ Thị	Vân	16/06/1990	Nữ	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Tin học văn phòng			
3102	1270	Nguyễn Thị Minh	Ánh	05/07/1996	Nữ	Bích Hòa, Thanh Oai Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3103	1271	Phạm Văn	Đạt	20/06/1998	Nam	Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3104	1272	Lê Minh	Điệp	24/06/1994	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3105	1273	Quách Thị	Hằng	06/05/1988	Nữ	Liên Châu, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
3106	1274	Đoàn Thị	Hiền	26/05/1992	Nữ	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3107	1275	Hoàng Trung	Hiếu	11/10/1990	Nam	Thanh Thùy, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3108	1276	Lê Thị Kim	Huệ	17/11/1995	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3109	1277	Đỗ Thị	Hương	24/08/1991	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3110	1278	Lê Diệu	Hương	07/12/1995	Nữ	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3111	1279	Trần Thị	Huyền	10/05/1990	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3112	1280	Nguyễn Thị	Lan	04/08/1990	Nữ	Bích Hòa, Thanh Oai Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3113	1281	Đỗ Thị Quỳnh	Mai	01/11/1995	Nữ	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3114	1282	Nguyễn Thị	Mơ	10/11/1996	Nữ	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3115	1283	Nguyễn Thị Thu	Nga	10/07/1995	Nữ	Dân Hòa, Thanh Oai Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3116	1284	Nguyễn Thị	Phượng	20/02/1983	Nữ	Thanh Cao, Thanh Oai Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3117	1285	Lê Huy	Tân	23/09/1993	Nam	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
3118	1286	Phạm Đăng	Thiều	16/05/1995	Nam	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1		
3119	1287	Phạm Thị	Thúy	28/10/1992	Nữ	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3120	1288	Nguyễn Thị Thu	Thủy	27/09/1993	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3121	1289	Phan Thị Thu	Uyên	17/02/1998	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1		
3122	1290	Nguyễn Thị	Vân	28/02/1989	Nữ	Mỹ Lương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh B		
3123	1291	Đặng Thanh	Đông	01/11/1995	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3124	1292	Vũ Thị Thu	Hà	11/04/1992	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3125	1293	Lương Thu	Hà	01/04/1994	Nữ	Chương Dương, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1		
3126	1294	Hoàng Đình	Hải	27/11/1992	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3127	1295	Hoàng Thị Ngọc	Hải	10/06/1998	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3128	1296	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	30/05/1996	Nữ	Phú Yên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
3129	1297	Lê Thị	Huế	12/03/1992	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3130	1298	Phạm Thị	Lan	23/09/1997	Nữ	Thống Nhất, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3131	1299	Nguyễn Thị	Lan	12/05/1980	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3132	1300	Nguyễn Thị	Liễu	06/12/1991	Nữ	Văn Phú, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh B		
3133	1301	Đinh Thị Thùy	Linh	19/04/1996	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3134	1302	Bùi Mỹ	Linh	17/04/1998	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3135	1303	Lê Thị Thùy	Linh	29/04/1995	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3136	1304	Nguyễn Thị	Luận	25/10/1990	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3137	1305	Nguyễn Thị	Mai	26/11/1987	Nữ	Văn Phú, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh B		
3138	1306	Hoàng Văn	Mạnh	20/05/1992	Nam	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3139	1307	Hoàng Phương	Nam	13/12/1994	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3140	1308	Dương Quang	Nhật	24/08/1995	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3141	1309	Nguyễn Thị	Như	29/12/1995	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	C	Anh C		
3142	1310	Ngô Thị	Nhung	03/10/1986	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3143	1311	Từ Thị	Oanh	24/04/1991	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3144	1312	Đào Thị	Oanh	02/05/1990	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3145	1313	Lê Thị	Oánh	27/11/1993	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3146	1314	Đỗ Trường	Quân	04/09/1993	Nam	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh C		
3147	1315	Đỗ Hồng	Thanh	08/01/1991	Nữ	Nghiêm Xuyên, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3148	1316	Hoàng Thị Phương	Thảo	20/01/1989	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB**	
3149	1317	Đàm Thị Phương	Thảo	27/11/1995	Nữ	Quất Động, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3150	1318	Lương Thị	Thoan	06/12/1994	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
3151	1319	Phạm Thị	Thư	04/11/1994	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3152	1320	Lê Thị Bích	Thuần	30/12/1991	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3153	1321	Vũ Thị Minh	Thúy	21/04/1997	Nữ	Hồng Vân, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3154	1322	Lê Thị	Thúy	15/08/1990	Nữ	Ngọc Hồi,Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3155	1323	Khúc Thị Phương	Thúy	13/11/1996	Nữ	Tự Nhiên, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB**	
3156	1324	Phạm Thị	Thúy	30/12/1993	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3157	1325	Nguyễn Thị Thu	Thúy	12/02/1992	Nữ	Vân Tảo, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3158	1326	Nguyễn Thị Huyền	Trang	27/02/1991	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3159	1327	Lê Thị Lan	Anh	03/04/1994	Nữ	Hồng Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3160	1328	Ngô Thị Vân	Anh	04/09/1992	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3161	1329	Nguyễn Vân	Anh	02/09/1989	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng A			
3162	1330	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/09/1990	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1		
3163	1331	Trần Thị Nguyệt	Cầm	15/05/1992	Nữ	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Trung cấp CNTT	Anh B		
3164	1332	Lê Thị Huyền	Cầm	09/07/1998	Nữ	Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3165	1333	Dương Văn	Đang	10/09/1996	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3166	1334	Phan Thị	Đáng	03/05/1993	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3167	1335	Đào Bích	Diệp	28/08/1991	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3168	1336	Nguyễn Tiến	Dũng	27/05/1994	Nam	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3169	1337	Cao Văn	Dũng	13/03/1993	Nam	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B	**HTNV**	
3170	1338	Vũ Thúy	Hà	22/11/1996	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3171	1339	Phạm Thị Thanh	Hằng	20/01/1996	Nữ	Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	IC 3	Anh B1		
3172	1340	Nguyễn Thị Thu	Hiền	14/01/1996	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3173	1341	Đỗ Thúy	Hồng	03/12/1996	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3174	1342	Phạm Thị	Huệ	19/09/1993	Nữ	Châu Giang, Duy Tiên, Hà Nam	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3175	1343	Nguyễn Thị	Huyền	08/06/1995	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3176	1344	Nguyễn Thị Thu	Huyền	30/03/1993	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B		
3177	1345	Hoàng Công	Liêm	30/04/1992	Nam	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3178	1346	Nguyễn Thị	Linh	29/11/1995	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3179	1347	Nguyễn Khánh	Linh	13/02/1998	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3180	1348	Đinh Xuân	Mạnh	04/04/1994	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3181	1349	Nguyễn Thị	Miền	29/01/1994	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3182	1350	Nguyễn Thị Bích	Ngoan	05/04/1995	Nữ	Văn Từ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3183	1351	Ngô Thị Bích	Ngọc	02/08/1997	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3184	1352	Nguyễn Bích	Ngọc	25/03/1997	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3185	1353	Nguyễn Thị	Nhàn	22/07/1991	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3186	1354	Nguyễn Hồng	Nhung	14/08/1998	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3187	1355	Nguyễn Thị Mai	Phương	24/07/1994	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3188	1356	Nguyễn Thị	Thanh	19/08/1991	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3189	1357	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	19/07/1993	Nữ	Văn Từ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3190	1358	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/07/1994	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Tin học văn phòng			
3191	1359	Lương Thị Thanh	Thảo	09/07/1998	Nữ	Quang Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
3192	1360	Phạm Thu	Thảo	15/06/1995	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3193	1361	Phạm Thị	Thơm	24/11/1993	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B		
3194	1362	Nguyễn Thanh	Thư	10/04/1995	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1		
3195	1363	Nguyễn Thị	Trang	09/03/1996	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3196	1364	Vũ Thị Quỳnh	Trang	26/08/1995	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3197	1365	Vũ Thị	Trang	30/09/1994	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3198	1366	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	11/11/1989	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3199	1367	Đào Thị Hồng	Vân	16/06/1997	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3200	1368	Nguyễn Thị	Viên	10/09/1989	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3201	1369	Lưu Thị Ngọc	Anh	21/11/1996	Nữ	Hoàng Kim, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3202	1370	Nguyễn Thị Kim	Anh	08/11/1997	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3203	1371	Nguyễn Thị	Hà	02/07/1989	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3204	1372	Nguyễn Thị	Hà	13/11/1984	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3205	1373	Phan Thị Thu	Hà	05/05/1995	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
3206	1374	Nguyễn Thu	Hằng	16/04/1994	Nữ	Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	A	Anh B		
3207	1375	Lê Thị	Hiền	06/04/1992	Nữ	Mê Linh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
3208	1376	Nguyễn Thu	Hiền	24/05/1990	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
3209	1377	Trần Thị	Hoa	04/04/1994	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3210	1378	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/12/1992	Nữ	Kim Hoa, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3211	1379	Nguyễn Thị Thanh	Hương	30/09/1981	Nữ	Hùng Vương, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 1		
3212	1380	Đỗ Thanh	Huyền	15/12/1997	Nữ	Cao Minh, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
3213	1381	Nguyễn Thị Hương	Lan	07/10/1994	Nữ	Mê Linh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3214	1382	Lê Thị	Liên	30/05/1994	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3215	1383	Bùi Diệu	Linh	20/08/1998	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 370 (A2)		
3216	1384	Ngô Thị Bích	Ngâm	02/01/1992	Nữ	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
3217	1385	Nguyễn Thị	Ngân	27/04/1986	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3218	1386	Nguyễn Thị Kim	Ngân	09/07/1992	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
3219	1387	Trần Thị Kim	Ngân	06/04/1990	Nữ	Hùng Vương, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
3220	1388	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	02/11/1987	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3221	1389	Nguyễn Văn	Ngọc	30/01/1994	Nam	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3222	1390	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	30/12/1988	Nữ	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
3223	1391	Phan Thị	Nhung	08/01/1989	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh bậc 2		
3224	1392	Lê Anh	Phòng	10/05/1990	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
3225	1393	Nguyễn Thị	Phương	18/02/1995	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
3226	1394	Phạm Thị	Sang	10/03/1985	Nữ	Mê Linh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh bậc 2		
3227	1395	Đỗ Thị	Thu	07/06/1988	Nữ	Vạn Yên, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3228	1396	Nguyễn Thị	Thu	08/06/1991	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
3229	1397	Nguyễn Thị	Thư	25/10/1995	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
3230	1398	Đỗ Thị Thu	Thủy	13/10/1995	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
3231	1399	Đặng Thị	Thủy	08/06/1992	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
3232	1400	Bùi Thị Huyền	Trang	26/07/1994	Nữ	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3233	1401	Đỗ Thị	Triển	05/10/1986	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
3234	1402	Đinh Thị	Vân	25/05/1988	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
3235	1403	Lê Thị Phương	Giang	10/06/1982	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh bậc 2		
3236	1404	Nguyễn Xuân	Hiền	04/07/1990	Nữ	Tiến Thắng, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B			
3237	1405	Phan Thị	Hoa	05/09/1985	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh bậc 2		
3238	1406	Đỗ Thị	Linh	06/11/1996	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3239	1407	Hoàng Thị Hằng	Nga	09/11/1983	Nữ	Đồng Xuân, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh B		
3240	1408	Nguyễn Hồng	Nguyệt	16/10/1995	Nữ	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3241	1409	Lê Thị	Thường	26/05/1988	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh bậc 2		
3242	1410	Nguyễn Thị	Châm	30/04/1996	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
3243	1411	Nguyễn Ngọc	Dương	08/09/1993	Nam	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3244	1412	Lại Xuân	Giang	25/01/1995	Nam	Đông Dư, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 357		
3245	1413	Nguyễn Thị	Hiền	19/09/1992	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3246	1414	Vũ Thị	Hoa	07/02/1993	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3247	1415	Lê Văn	Hoàng	20/06/1985	Nam	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3248	1416	Nguyễn Thị Phương	Ly	04/04/1996	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3249	1417	Nguyễn Thanh	Nhi	13/11/1997	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3250	1418	Phan Nữ Thái	Minh	05/08/1997	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
3251	1419	Bùi Thanh	Thảo	05/05/1994	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3252	1420	Đinh Thị	Thủy	13/06/1991	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3253	1421	Nguyễn Thị	Thủy	18/10/1991	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
3254	1422	Hoàng Thị	Thủy	10/12/1996	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3255	1423	Nguyễn Thị Thu	Thủy	01/09/1992	Nữ	TT Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3256	1424	Ngô Cao	Xuân	15/02/1991	Nam	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3257	1425	Ngô Thế	Anh	02/09/1996	Nam	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3258	1426	Đỗ Thị Bích	Đào	15/09/1996	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3259	1427	Cao Thị	Điệp	16/06/1988	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3260	1428	Ngô Thị	Hà	19/05/1997	Nữ	Yên Nhân, Ý Yên, Nam Định	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3261	1429	Nguyễn Thu	Hường	28/07/1991	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3262	1430	Trần Vinh	Quang	08/02/1984	Nam	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3263	1431	Nguyễn Minh	Tú	02/10/1994	Nam	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3264	1432	Nguyễn Thị	Vân	15/01/1991	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3265	1433	Đặng Hải	Yến	04/09/1990	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3266	1434	Phùng Văn	Chương	30/04/1987	Nam	Thường Tín, Thường Tín, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3267	1435	Nguyễn Minh	Đức	03/03/1995	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3268	1436	Chu Thị Kim	Hiền	01/06/1994	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3269	1437	Nguyễn Thị	Hồng	12/12/1993	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3270	1438	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	27/09/1994	Nữ	Cộng Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh giao tiếp B		
3271	1439	Vũ Thị Thu	Huyền	04/05/1994	Nữ	Nghĩa Lâm, Nghĩa Hưng, Nam Định	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh C		
3272	1440	Nguyễn Thị Trang	Linh	30/04/1993	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3273	1441	Bùi Thị Tuyết	Nhung	08/11/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3274	1442	Phan Thị	Thương	28/03/1997	Nữ	Liêm Cần, Thanh Liêm, Hà Nam	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3275	1443	Đỗ Xuân	Thường	25/05/1995	Nam	Đại Hùng, Ứng Hòa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3276	1444	Nguyễn Thị	Trang	13/09/1992	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3277	1445	Nguyễn Thị Hải	Yến	06/02/1992	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3278	1446	Đỗ Thị	Liễu	02/03/1993	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TT Giám định y khoa Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3279	1447	Nguyễn Đình	Toàn	09/11/1996	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	TT Giám định y khoa Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
3280	1448	Phạm Hương	Giang	11/07/1991	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3281	1449	Nguyễn Thị	Hằng	17/11/1991	Nữ	Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Cao đẳng Tin học	Anh A2	**CTB**	
3282	1450	Vũ Thị Hồng	Nhung	14/10/1994	Nữ	Cát Thành, Trực Ninh, Nam Định	TT Pháp y Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3283	1451	Bùi Thị	Trang	03/04/1996	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3284	1452	Đoàn Linh	Chi	18/3/1994	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
3285	1453	Đinh Công	Đoàn	01/8/1995	Nam	Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
3286	1454	Nguyễn Thị	Giang	18/8/1991	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3287	1455	Nguyễn Thu	Hằng	17/5/1994	Nữ	Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3288	1456	Hà Thị	Hạnh	07/02/1982	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB**	
3289	1457	Lê Thị	Hiền	07/12/1994	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3290	1458	Vũ Thanh	Hoa	10/11/1995	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3291	1459	Trần Thị	Huệ	09/9/1992	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3292	1460	Nguyễn Công	Hưng	17/4/1996	Nam	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3293	1461	Vũ Thị Bích	Liên	14/12/1995	Nữ	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3294	1462	Nguyễn Phương	Nhi	07/10/1995	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
3295	1463	Trịnh Thị	Oanh	12/3/1995	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3296	1464	Chí Thị	Phượng	23/02/1994	Nữ	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
3297	1465	Trịnh Thị	Phượng	28/8/1992	Nữ	Tả Thanh Oai,Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3298	1466	Lê Thị	Thư	21/01/1991	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3299	1467	Đinh Thị Ngọc	Thúy	13/9/1995	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3300	1468	Nguyễn Thị	Toàn	14/5/1989	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3301	1469	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	02/06/1995	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3302	1470	Phạm Việt	Anh	30/10/1997	Nam	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 390		
3303	1471	Hoàng Quỳnh	Giang	22/10/1995	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3304	1472	Nguyễn Minh	Hằng	03/01/1994	Nữ	Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3305	1473	Quân Thị	Liên	29/04/1988	Nữ	Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3306	1474	Nguyễn Thị	Ngọc	27/05/1994	Nữ	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3307	1475	Nguyễn Thị	Phương	10/07/1993	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3308	1476	Nguyễn Thị	Tuyết	20/03/1996	Nữ	Nghĩa Hương, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3309	1477	Nguyễn Thành	Công	05/9/1995	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3310	1478	Lê Thị	Đơn	19/5/1987	Nữ	Xuân Tảo, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh a2		
3311	1479	Đinh Thị Thùy	Dung	01/9/1995	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3312	1480	Vũ Thị Thanh	Hoa	16/5/1990	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3313	1481	Lê Thị	Hoa	05/7/1987	Nữ	Cẩm Ngọc, Cẩm Thủy, Thanh Hóa	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh B		
3314	1482	Nguyễn Thị	Hừng	27/04/1994	Nữ	Trí Quả, Thuận Thành, Bắc Ninh	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3315	1483	Nguyễn Thị Thu	Hương	09/12/1990	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3316	1484	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	18/04/1994	Nữ	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3317	1485	Nguyễn Thị Thanh	Lam	29/05/1993	Nữ	Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3318	1486	Nguyễn Thị Hồng	Liên	03/03/1992	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3319	1487	Trần Thị	Mai	01/01/1990	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3320	1488	Lê Hoài	Nam	02/10/1989	Nam	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3321	1489	Lê Thúy	Nga	15/05/1996	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3322	1490	Nhân Thị	Nga	07/01/1994	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3323	1491	Trần Thị Thanh	Nga	09/09/1994	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3324	1492	Vũ Thị	Nga	25/06/1992	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
3325	1493	Trần Thanh	Ngọc	04/09/1995	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3326	1494	Công Đinh	Nguyên	13/01/1993	Nam	Phú Thượng Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3327	1495	Kim Thị Thu	Thảo	13/03/1993	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
3328	1496	Nguyễn Cẩm	Tú	04/07/1994	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3329	1497	Đinh Thị	Tươi	26/05/1995	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3330	1498	Nguyễn Thị	Yến	14/06/1995	Nữ	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3331	1499	Vũ Minh	Anh	24/12/1997	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3332	1500	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	19/10/1990	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3333	1501	Nguyễn Thị Hương	Giang	11/09/1993	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3334	1502	Đặng Thị	Hường	11/12/1992	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3335	1503	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	21/11/1995	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3336	1504	Nguyễn Thị	Lan	12/04/1993	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3337	1505	Đặng Thị	Ngân	07/04/1991	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3338	1506	Trần Danh	Nghĩa	04/11/1990	Nam	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3339	1507	Đặng Bích	Ngọc	09/10/1993	Nữ	Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3340	1508	Hồ Thị Minh	Nguyệt	03/11/1992	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3341	1509	Nguyễn Thị Thu	Phương	06/07/1996	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3342	1510	Nguyễn Thị	Phượng	24/04/1987	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3343	1511	Trần Thị Anh	Thư	27/06/1994	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3344	1512	Hà Thị	Trang	03/01/1993	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3345	1513	Đỗ Thị Kim	Anh	11/6/1993	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh A2		
3346	1514	Trần Minh	Anh	29/12/1997	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3347	1515	Nguyễn Thị	Dung	23/8/1998	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3348	1516	Ngô Hương	Giang	28/7/1998	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3349	1517	Đức Thị	Hải	15/10/1992	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3350	1518	Nguyễn Thị Thanh	Hải	13/3/1995	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
3351	1519	Phạm Thị	Hoa	10/8/1990	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh A2	CTB	
3352	1520	Nguyễn Thị	Hoa	20/7/1996	Nữ	Đông La, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3353	1521	Ứng Thị	Hồng	24/3/1994	Nữ	Vạn Kim, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3354	1522	Nguyễn Thị	Hồng	30/11/1980	Nữ	Phù Phương, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3355	1523	Bùi Thu	Hương	04/9/1990	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng A	Anh A2		
3356	1524	Phạm Thị	Phương	17/02/1990	Nữ	Phù Lưu, Ứng hòa, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3357	1525	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	30/7/1996	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
3358	1526	Tạ Thị	Thảo	19/4/1994	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3359	1527	Nguyễn Thị	Thúy	05/01/1992	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
3360	1528	Nguyễn Thị Thu	Thủy	20/11/1998	Nữ	Đại Hùng, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 250		
3361	1529	Kim Thị	Thúy	18/10/1990	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3362	1530	Đoàn Thị	Trâm	10/11/1991	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3363	1531	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	15/5/1997	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3364	1532	Nguyễn Thanh	Hải	15/08/1993	Nam	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3365	1533	Phạm Thị	Hương	20/03/1993	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3366	1534	Lê Thị	Thúy	04/05/1991	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B	CTB	
3367	1535	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	24/05/1994	Nữ	Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3368	1536	Phạm Tuấn	Anh	04/10/1995	Nam	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3369	1537	Bùi Ngân	Hà	22/03/1996	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		
3370	1538	Nguyễn Thị	Hà	17/02/1984	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3371	1539	Trần Thị Thu	Hà	10/05/1994	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3372	1540	Cấn Thị Thanh	Hằng	01/12/1997	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3373	1541	Hoàng Thị	Hằng	10/11/1997	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3374	1542	Nguyễn Thị	Hoa	29/01/1993	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3375	1543	Nguyễn Thị	Huế	05/08/1996	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3376	1544	Hoàng Diệu	Linh	16/03/1995	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3377	1545	Trần Thị Ánh	Nguyệt	10/05/1983	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3378	1546	Nguyễn Thùy	Nhung	21/01/1998	Nữ	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		
3379	1547	Đỗ Thị	Phấn	07/05/1991	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3380	1548	Lê Thị	Thủy	06/09/1990	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3381	1549	Trần Thị	Uyên	04/11/1992	Nữ	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3382	1550	Nguyễn Hữu	Bảo	14/10/1995	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3383	1551	Ngô Thị Kim	Dung	09/07/1990	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3384	1552	Nguyễn Thị Thùy	Dương	03/09/1995	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3385	1553	Nguyễn Thị	Giang	24/12/1992	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3386	1554	Phạm Thị Thanh	Hải	10/11/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3387	1555	Phạm Thị	Hoa	02/04/1993	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3388	1556	Nguyễn Thị	Hoa	25/11/1995	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3389	1557	Hoàng Thị Diệu	Linh	22/05/1995	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3390	1558	Lê Thị Thùy	Linh	24/10/1995	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3391	1559	Đỗ Hoài	Thanh	06/04/1996	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3392	1560	Vương Thị	Thơ	17/09/1993	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3393	1561	Nguyễn Thị	Thoa	10/07/1995	Nữ	Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3394	1562	Phạm Thị	Thủy	20/09/1993	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3395	1563	Lê Thị Ngọc	Trang	13/05/1995	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3396	1564	Nguyễn Thị Linh	Anh	22/01/1994	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3397	1565	Vũ Thị Hồng	Hà	12/02/1986	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3398	1566	Nguyễn Thu	Hằng	09/12/1997	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3399	1567	Nguyễn Thị	Hường	11/01/1991	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3400	1568	Đào Văn	Khẩn	25/12/1995	Nam	Giang Biên, Long Biên	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3401	1569	Nguyễn Thị	Khoa	16/09/1985	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3402	1570	Đỗ Thị Lan	Ly	05/12/1989	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3403	1571	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	11/12/1990	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3404	1572	Nguyễn Thanh	Ngân	12/11/1983	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3405	1573	Phạm Thị Thu	Thủy	02/03/1993	Nữ	Nghĩa Lộ, Cát Hải, Hải Phòng	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3406	1574	Đỗ Thị	Thủy	10/10/1997	Nữ	Trưng Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
3407	1575	Âu Thị Thúy	Vinh	14/11/1978	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3408	1576	Nguyễn Hải	Yến	29/10/1994	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3409	1577	Đặng Thị Hồng	Hạnh	31/05/1994	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3410	1578	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	21/01/1993	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3411	1579	Nguyễn Thị Thu	Hiền	06/07/1992	Nữ	Dương Hà, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3412	1580	Ngô Xuân	Hiệp	01/01/1993	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3413	1581	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/08/1992	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3414	1582	Nguyễn Thanh	Lan	31/08/1991	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3415	1583	Ngô Thị	Lượng	15/07/1994	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3416	1584	Bùi Thị Thúy	Ngần	28/08/1989	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
3417	1585	Hồ Thị Bích	Ngọc	25/11/1997	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3418	1586	Bùi Thanh	Thư	05/05/1994	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
3419	1587	Nguyễn Ngọc	Thủy	29/12/1990	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3420	1588	Trần Thị	Đông	01/10/1985	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3421	1589	Nguyễn Thị	Dung	11/07/1991	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3422	1590	Lê Thị Thùy	Dương	22/10/1997	Nữ	Tàm Xá, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3423	1591	Nguyễn Thu	Hằng	19/08/1993	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3424	1592	Lê Thanh	Hằng	01/03/1993	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3425	1593	Đào Lan	Hương	10/06/1994	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3426	1594	Nguyễn Thị Lan	Hương	25/05/1995	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3427	1595	Nguyễn Thu	Hương	26/10/1997	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3428	1596	Lê Thanh	Huyền	08/12/1996	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3429	1597	Lê Đình	Kỳ	20/05/1990	Nam	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1	HTNV	
3430	1598	Nguyễn Thị Phương	Lan	15/01/1992	Nữ	Thị Trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3431	1599	Nguyễn Thị Phương	Thảo	31/07/1993	Nữ	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3432	1600	Nguyễn Thị Thanh	Thư	11/08/1994	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3433	1601	Nguyễn Thu	Trang	27/09/1986	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1		
3434	1602	Trần Quế	Anh	03/02/1997	Nữ	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3435	1603	Công Hồng	Ánh	14/07/1992	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Tin học văn phòng	Anh B		
3436	1604	Nguyễn Văn	Đại	15/09/1994	Nam	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3437	1605	Mai Thu	Hiền	06/03/1996	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 347		
3438	1606	Đoàn Thị Hương	Lan	12/05/1998	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3439	1607	Nguyễn Thị Diễm	Mi	30/09/1994	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3440	1608	Đinh Thi Bích	Thành	27/02/1987	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3441	1609	Nguyễn Khắc	Tú	27/05/1992	Nam	Liên Mạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3442	1610	Nguyễn Thị	Xuyến	20/07/1991	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3443	1611	Phạm Thị Hải	Yến	12/07/1990	Nữ	Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
3444	1612	Lê Thanh	Hà	22/11/1991	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3445	1613	Nguyễn Thị Thu	Hằng	24/05/1992	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3446	1614	Phan Thúy	Hằng	19/02/1995	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
3447	1615	Ngô Thị Thu	Hồng	01/11/1995	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3448	1616	Chu Thị	Huế	25/09/1992	Nữ	Bình Minh, Khoái Châu, Hưng Yên	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3449	1617	Hoàng Thị	Ly	05/10/1992	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3450	1618	Phan Thị	Mừng	26/09/1994	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3451	1619	Tuấn Thị Hoài	Phương	23/06/1991	Nữ	Di Trạch, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3452	1620	Nguyễn Thị	Quyên	03/12/1994	Nữ	Sơn Đà, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
3453	1621	Thế Thị Thu	Trang	20/09/1989	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3454	1622	Đỗ Thị	Thu	29/08/1989	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
3455	1623	Nguyễn Thị	Thủy	16/03/1990	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3456	1624	Nguyễn Thị Hải	Yến	01/09/1991	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh B		
3457	1625	Đào Kiều	Anh	29/08/1993	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai-Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 360		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3458	1626	Hoàng Thị	Liên	13/09/1993	Nữ	Ngọc Hồi-Thanh Trì-Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3459	1627	Nguyễn Thị	Phượng	26/10/1988	Nữ	Khánh Hà, Thường Tín-Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3460	1628	Lê Thị Minh	Tâm	03/09/1991	Nữ	Văn Võ -Chương Mỹ-Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3461	1629	Hoàng Thị	Thủy	09/03/1992	Nữ	Ngọc Hồi-Thanh Trì-Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 360		
3462	1630	Nguyễn Hà	Trang	08/02/1994	Nữ	Đông Mỹ -Thanh Trì-Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3463	1631	Lã Thị Huyền	Trang	13/02/1994	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì -Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3464	1632	Nguyễn Thị Bảo	Anh	11/10/1995	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3465	1633	Nguyễn Diệu	Anh	17/12/1995	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3466	1634	Nguyễn Thị Kim	Anh	12/10/1996	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3467	1635	Lê Mai	Anh	11/10/1998	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3468	1636	Nghiêm Thị Thúy	Bích	04/01/1995	Nữ	Hồng Kỳ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	C	Anh C		
3469	1637	Nguyễn Thị	Biên	22/12/1992	Nữ	Việt Long, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3470	1638	Hoàng Thị	Dung	07/10/1990	Nữ	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B		
3471	1639	Lê Thị	Dung	03/12/1993	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh B		
3472	1640	Nguyễn Thị	Dung	08/12/1995	Nữ	Phú Cường, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3473	1641	Trịnh Thị	Hà	18/10/1992	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3474	1642	Nguyễn Thị	Hà	27/09/1984	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3475	1643	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/12/1996	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3476	1644	Lê Thị	Hạnh	16/11/1991	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3477	1645	Nguyễn Thị	Hiên	06/10/1995	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3478	1646	Nguyễn Thị	Hòa	07/04/1994	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3479	1647	Hà Thị Ngọc	Huệ	31/05/1994	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
3480	1648	Cao Thị	Hương	02/12/1995	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3481	1649	Trần Thị Thanh	Huyền	13/10/1996	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3482	1650	Nguyễn Thị	Huyền	07/07/1997	Nữ	Quân Chu, Đại Từ, Thái Nguyên	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3483	1651	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	10/12/1994	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3484	1652	Nguyễn Thị	Lan	15/12/1991	Nữ	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3485	1653	Phan Thị	Lan	04/07/1997	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3486	1654	Lê Thùy	Linh	15/11/1995	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3487	1655	Ngô Thị Thúy	Loan	09/09/1990	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3488	1656	Trần Thị	Luật	29/08/1991	Nữ	Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3489	1657	Phạm Thị	Minh	09/08/1993	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
3490	1658	Nguyễn Thanh	Nga	24/12/1992	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3491	1659	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	24/08/1995	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3492	1660	Trần Kim	Ngọc	09/08/1993	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
3493	1661	Trần Thị	Nhung	13/06/1990	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3494	1662	Phạm Thị Hồng	Nhung	05/03/1994	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3495	1663	Nguyễn Thị	Oanh	01/04/1992	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3496	1664	Trần Ngọc	Quyên	29/12/1993	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3497	1665	Phạm Bảo	Quyên	07/08/1994	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh A2		
3498	1666	Nguyễn Thị	Sen	11/04/1995	Nữ	Việt Long, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3499	1667	Đào Thị	Sinh	27/01/1994	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3500	1668	Trần Thị Thu	Thanh	17/01/1995	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3501	1669	Trần Thị	Thanh	28/06/1995	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3502	1670	Nguyễn Thị	Thơm	10/02/1988	Nữ	Xuân Hòa, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3503	1671	Hoàng Thị	Thu	06/05/1992	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3504	1672	Nguyễn Thị	Trang	05/09/1990	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3505	1673	Trịnh Hồng	Vân	26/11/1984	Nữ	Đức Hòa, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3506	1674	Dương Thị	Yến	26/02/1995	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3507	1675	Nguyễn Thị	Yến	02/03/1991	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3508	1676	Trần Thị Hồng	Chiêm	27/11/1989	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3509	1677	Phạm Mạnh	Cường	07/04/1993	Nam	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3510	1678	Nguyễn Mạnh	Dũng	14/09/1991	Nam	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3511	1679	Phan Thị Hà	Giang	27/07/1995	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng		Anh A2		
3512	1680	Nguyễn Thị Bích	Hà	13/07/1985	Nữ	Tân Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh C		
3513	1681	Nguyễn Thị	Hằng	10/06/1995	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3514	1682	Trần Thị Mỹ	Hằng	26/11/1993	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3515	1683	Phan Thị Thu	Hằng	12/05/1993	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3516	1684	Trịnh Thị Bích	Hảo	15/02/1995	Nữ	Cam Thượng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều Dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3517	1685	Nguyễn Thu	Hiền	18/06/1996	Nữ	Tân Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3518	1686	Nguyễn Thị	Hiệp	14/09/1986	Nữ	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều Dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3519	1687	Phan Thị	Hương	22/11/1993	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3520	1688	Chu Thanh	Huyền	22/08/1997	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3521	1689	Phạm Thùy	Linh	30/07/1997	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3522	1690	Hứa Thị	Linh	21/05/1996	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3523	1691	Nguyễn Thị Diệu	Linh	01/12/1991	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
3524	1692	Chu Ngọc	Mây	08/09/1996	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3525	1693	Nguyễn Thị	Nga	27/07/1993	Nữ	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3526	1694	Phạm Thị	Ngọc	10/10/1982	Nữ	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 230 (A2)		
3527	1695	Khuất Phương	Nhâm	14/04/1990	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
3528	1696	Phùng Thị Thanh	Nhạn	08/09/1996	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B		
3529	1697	Lê Thị Tuyết	Nhung	19/09/1994	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3530	1698	Nguyễn Thị	Oanh	10/08/1994	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3531	1699	Nguyễn Thanh	Phương	24/09/1995	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3532	1700	Phùng Thị	Thái	03/09/1992	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3533	1701	Hoàng Thị Phương	Thanh	11/01/1985	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3534	1702	Nguyễn Thị Trung	Thành	13/08/1982	Nữ	Châu Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3535	1703	Phan Thị	Thiết	09/10/1993	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3536	1704	Đỗ Thị Hoài	Thu	06/06/1995	Nữ	Yên Bài, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B2		
3537	1705	Nguyễn Thị	Thuận	20/10/1995	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CĐCĐ**	
3538	1706	Lý Thị	Thùy	03/04/1996	Nữ	Ba Vì, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều Dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**DTTS**	
3539	1707	Dương Thị Thu	Trang	26/12/1997	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3540	1708	Vũ Thị	Trang	15/03/1989	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
3541	1709	Vũ Phương	Tú	02/05/1982	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
3542	1710	Đào Ngọc	Tuân	10/10/1993	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
3543	1711	Lê Thị Ánh	Tuyết	01/09/1990	Nữ	Tân Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
3544	1712	Lê Nguyễn Mộng	Vân	14/11/1995	Nữ	Tân Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3545	1713	Nguyễn Thị	Bích	24/05/1992	Nữ	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
3546	1714	Nguyễn Thị Kim	Chung	22/07/1995	Nữ	Bình Phú, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CBB**	
3547	1715	Bùi Thị	Hiền	01/11/1984	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3548	1716	Khuất Thị Bích	Hiên	02/12/1991	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3549	1717	Đặng Thị Thanh	Hoa	16/08/1992	Nữ	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3550	1718	Nguyễn Thị Thu	Huyền	17/04/1991	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Tiếng Anh giao tiếp B		
3551	1719	Nguyễn Thị	Lan	17/09/1983	Nữ	Sen Chiểu, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng A			
3552	1720	Kiều Thu	Ngân	19/03/1993	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3553	1721	Nguyễn Thị	Phúc	24/11/1993	Nữ	Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3554	1722	Nguyễn Thị Thu	Phương	03/11/1988	Nữ	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
3555	1723	Vũ Thị	Thu	20/08/1984	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3556	1724	Nguyễn Thị	Bích	22/05/1993	Nữ	Đồng Trúc, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3557	1725	Bùi Thị	Chuyên	24/05/1994	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3558	1726	Trần Thị Ngọc	Diệp	11/01/1997	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 180 (A2)		
3559	1727	Đỗ Thị Bích	Hằng	30/09/1995	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3560	1728	Cấn Thị	Hương	15/09/1989	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3561	1729	Nguyễn Mai	Loan	05/04/1991	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3562	1730	Nguyễn Thị Kim	Oanh	23/06/1995	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3563	1731	Trịnh Thị Bích	Phương	19/08/1996	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3564	1732	Nguyễn Thị	Thả	27/04/1996	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3565	1733	Vương Thị	Tươi	14/10/1989	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3566	1734	Đỗ Thị	Tuyết	29/08/1992	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3567	1735	Vương Thị	Cúc	10/02/1993	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3568	1736	Nguyễn Thị	Dung	20/02/1991	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
3569	1737	Phùng Hương	Giang	22/12/1993	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
3570	1738	Bùi Thị	Hải	27/10/1992	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3571	1739	Kiều Thị	Hằng	01/11/1990	Nữ	Đồng Trúc, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3572	1740	Lý Thị	Hòa	14/12/1994	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
3573	1741	Bùi Thị Thu	Hoàn	11/12/1994	Nữ	Cần Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
3574	1742	Bùi Thị	Huệ	07/06/1990	Nữ	Cần Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3575	1743	Tạ Thị	Lan	11/06/1993	Nữ	Cần Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
3576	1744	Nguyễn Thùy	Linh	27/10/1994	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
3577	1745	Đỗ Thành	Luân	09/09/1992	Nam	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3578	1746	Nguyễn Thị	Nga	26/12/1995	Nữ	An Lạc, Chí Linh, Hải Dương	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh A2		
3579	1747	Phong Thị	Nguyệt	09/11/1996	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3580	1748	Nguyễn Thị Hương	Nhài	14/08/1993	Nữ	Nghĩa Hương, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3581	1749	Nguyễn Thị	Thoa	17/12/1995	Nữ	Minh Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3582	1750	Nguyễn Bá	Thường	31/08/1994	Nam	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3583	1751	Trần Thị Minh	Thúy	10/08/1993	Nữ	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3584	1752	Nguyễn Song	Toàn	23/10/1988	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh B		
3585	1753	Nguyễn Thị Hương	Tuyền	14/10/1996	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3586	1754	Nguyễn Thị Thùy	Anh	01/10/1997	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3587	1755	Phạm Thị	Ánh	04/04/1994	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3588	1756	Nguyễn Thị	Hiền	16/04/1994	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFLS 373		
3589	1757	Nguyễn Thị	Huế	15/06/1994	Nữ	Liên Trung, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3590	1758	Phạm Thị Huyền	Nga	20/09/1996	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFLS 383		
3591	1759	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	26/10/1993	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3592	1760	Nguyễn Thị Mai	Ngọc	10/03/1995	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3593	1761	Đàm Thị	Thúy	29/04/1993	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3594	1762	Hoàng Thị	Thúy	14/09/1994	Nữ	Thanh Đa, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3595	1763	Bùi Thị	Thức	25/10/1993	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3596	1764	Nguyễn Hà	Trang	25/04/1993	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh B		
3597	1765	Đồng Thị Huyền	Trang	21/07/1993	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3598	1766	Nguyễn Thị Hoài	An	12/10/1997	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3599	1767	Trần Thị	Dung	03/12/1997	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
3600	1768	Dương Thị	Duyên	24/10/1997	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3601	1769	Phạm Văn	Điền	31/10/1992	Nam	Cổ Bì, Bình Giang, Hải Dương	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 397		
3602	1770	Phạm Thị	Hà	22/06/1990	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3603	1771	Nguyễn Thị	Hoa	14/12/1996	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3604	1772	Viết Thị	Huyền	27/11/1993	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 270 (A2)		
3605	1773	Trần Thị	Linh	27/09/1998	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 215 (A2)		
3606	1774	Nguyễn Trang	Ly	21/08/1997	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
3607	1775	Xuân Thị	Mơ	17/07/1994	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 340 (A2)		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3608	1776	Nguyễn Thị	Ngọc	28/11/1996	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3609	1777	Nguyễn Mai	Phương	09/01/1997	Nữ	Đắc Sở, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 210		
3610	1778	Doãn Thị	Phượng	30/05/1994	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3611	1779	Nguyễn Thị	Thắm	28/05/1997	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
3612	1780	Nguyễn Phương	Thúy	17/05/1994	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3613	1781	Phí Thị Huyền	Trang	17/09/1992	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3614	1782	Trung Thị	Vân	29/04/1994	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3615	1783	Đỗ Thị Lan	Anh	16/06/1994	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3616	1784	Đàm Thị	Hằng	15/09/1986	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
3617	1785	Đào Thị	Hiền	20/04/1994	Nữ	Hoàng Diệu, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3618	1786	Hà Thị	Hồng	26/11/1993	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3619	1787	Cao Thị	Huệ	29/05/1998	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3620	1788	Tạ Thị	Liên	15/07/1989	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 363		
3621	1789	Nguyễn Thị	Linh	18/07/1993	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3622	1790	Đỗ Thị Thu	Mùi	05/01/1991	Nữ	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3623	1791	Tống Thị	Nguyệt	15/03/1995	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B	CTB	
3624	1792	Phùng Thị Hồng	Nhung	21/11/1998	Nữ	Tân Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3625	1793	Đinh Thị	Nhung	10/10/1991	Nữ	Hòa Chính, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3626	1794	Nguyễn Thị	Thương	10/02/1987	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3627	1795	Đỗ Minh	Thúy	19/07/1996	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3628	1796	Trịnh Thị	Thúy	09/12/1992	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
3629	1797	Phùng Thị	Trang	07/07/1993	Nữ	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3630	1798	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	07/06/1996	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 200		
3631	1799	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	04/03/1993	Nữ	Liên Châu, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng A	Anh B		
3632	1800	Phạm Mai	Thanh	17/07/1985	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEIC 150		
3633	1801	Phùng Thị	Cúc	09/08/1987	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
3634	1802	Phạm Thị	Dung	16/07/1989	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
3635	1803	Hoàng Thị Hồng	Hà	03/10/1995	Nữ	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3636	1804	Đào Thị	Hoa	10/02/1991	Nữ	Liên Châu, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 360		
3637	1805	Nguyễn Thị Thanh	Hương	26/11/1993	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3638	1806	Đinh Thị	Hương	26/02/1992	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3639	1807	Nguyễn Thị	Khiên	04/09/1989	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3640	1808	Lưu Thị	Lan	23/07/1995	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 410		
3641	1809	Văn Thị	Loan	26/03/1991	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3642	1810	Nguyễn Thị	Luyến	30/05/1995	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3643	1811	Phạm Xuân	Ly	21/01/1996	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 360		
3644	1812	Tô Thị	Nga	19/06/1991	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3645	1813	Nguyễn Thị	Ngoan	02/05/1985	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3646	1814	Nguyễn Thanh	Phán	20/11/1985	Nam	Thượng Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3647	1815	Nguyễn Thị	Phương	27/03/1995	Nữ	Thượng Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3648	1816	Lê Thị Phương	Thảo	01/01/1994	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3649	1817	Tạ Thị	Tuyên	21/02/1991	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	CĐCĐ	
3650	1818	Nguyễn Thị	Yến	27/11/1992	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3651	1819	Phạm Thị Tuyết	Chinh	17/12/1995	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3652	1820	Nguyễn Thị	Hà	08/03/1990	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3653	1821	Lưu Thanh	Hà	02/12/1993	Nữ	Văn Tự, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B	Anh C		
3654	1822	Hà Thị Thu	Thanh	15/02/1992	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3655	1823	Nguyễn Thị	Thủy	27/05/1992	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
3656	1824	Nguyễn Thị Thùy	Vi	10/12/1979	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh A2		
3657	1825	Nguyễn Kim	Anh	05/03/1995	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFLS 360		
3658	1826	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	05/02/1988	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng B			
3659	1827	Nguyễn Thị Phương	Bích	04/06/1993	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3660	1828	Trần Thị Phương	Hà	01/01/1995	Nữ	Nguyễn Trãi, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3661	1829	Vũ Thị Thu	Hà	07/06/1996	Nữ	Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3662	1830	Phan Thị Thúy	Nga	10/04/1991	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3663	1831	Lương Thị	Nga	29/11/1993	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
3664	1832	Bùi Minh	Nhật	20/09/1994	Nữ	Thụy Phú, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3665	1833	Nguyễn Thị	Nhung	26/05/1993	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3666	1834	Đặng Thị Thu	Phương	12/10/1993	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3667	1835	Đào Thanh	Tuyền	12/12/1988	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3668	1836	Trịnh Phương	Thảo	28/03/1995	Nữ	Thao Chính, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367		
3669	1837	Trần Thị	Thảo	10/12/1988	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3670	1838	Nguyễn Nữ Hoàng	Anh	18/04/1997	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
3671	1839	Đỗ Thị Ngọc	Anh	08/04/1995	Nữ	Lê Lợi, Thường Tín, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3672	1840	Võ Tiến	Dũng	19/01/1989	Nam	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	HTNV	
3673	1841	Chu Thị	Hà	15/08/1987	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3674	1842	Khuất Thị Minh	Huyền	11/09/1996	Nữ	Ngô Quyền, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
3675	1843	Lê Ngọc	Lan	21/02/1992	Nữ	Thanh Mỹ, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3676	1844	Đặng Hồng	Nhung	15/11/1993	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	B	Anh B		
3677	1845	Phan Thị Huyền	Tâm	04/11/1982	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
3678	1846	Đặng Phương	Thảo	07/08/1995	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
3679	1847	Nguyễn Thị	Thân	06/10/1992	Nữ	Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3680	1848	Lê Thị Kiều	Trang	07/02/1994	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3681	1849	Lương Thị Minh	Trí	24/07/1992	Nữ	Sơn Đà, Ba Vì, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	B			
3682	1850	Hà Tố	Uyên	03/08/1995	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3683	1851	Nguyễn Thị	Hằng	01/3/1992	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3684	1852	Nguyễn Thị Mai	Hương	06/10/1992	Nữ	Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3685	1853	Vương Thị	Hường	11/9/1998	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3686	1854	Đoàn Thị	Lan	22/01/1990	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3687	1855	Phạm Thị Hồng	Mai	04/7/1987	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3688	1856	Nguyễn Thị Trà	My	20/8/1998	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3689	1857	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	23/7/1997	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3690	1858	Nguyễn Thị Mai	Phương	07/05/1988	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3691	1859	Ngô Văn	Tiệp	06/01/1994	Nam	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3692	1860	Lê Thị	Trang	28/3/1995	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3693	1861	Cao Huyền	Trang	17/7/1997	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3694	1862	Nguyễn Thị	Xoan	26/5/1985	Nữ	Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3695	1863	Nguyễn Thị	Hải	20/11/1988	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh B		
3696	1864	Đào Thị	Hiền	04/06/1990	Nữ	Đông La, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B	**CTB, CBB**	
3697	1865	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	08/09/1990	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3698	1866	Lê Thị	Huyền	15/03/1988	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3699	1867	Tạ Mỹ	Linh	31/12/1993	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3700	1868	Nguyễn Khánh	Linh	02/08/1996	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3701	1869	Nguyễn Thị	Ngà	23/12/1992	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Văn phòng C	Anh B		
3702	1870	Đặng Thị Thanh	Ngoan	24/12/1996	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3703	1871	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	27/06/1992	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3704	1872	Nguyễn Thư	Quỳnh	01/03/1997	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3705	1873	Nguyễn Thị	Thúy	11/04/1988	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3706	1874	Trần Đăng	Tuấn	24/10/1994	Nam	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3707	1875	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	06/01/1998	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3708	1876	Nguyễn Thị	Dung	20/07/1995	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
3709	1877	Nguyễn Thị	Lan	25/02/1994	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3710	1878	Lê Thị Thùy	Linh	20/12/1994	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3711	1879	Nguyễn Thị	Loan	07/10/1992	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
3712	1880	Nguyễn Thị Kim	Loan	28/01/1998	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3713	1881	Nguyễn Thị Minh	Phương	16/03/1984	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
3714	1882	Nguyễn Thị	Thoa	08/09/1989	Nữ	Kim Hoa, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Đại học Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CĐCĐ	
		7. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HỘ SINH HẠNG IV - V.08.06.16													
3715	1	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/08/1995	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3716	2	Lê Thị	Định	29/05/1990	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh C		
3717	3	Dương Thị	Duyến	28/01/1988	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng B	Anh A2		
3718	4	Lê Thị	Giang	25/08/1987	Nữ	Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B		
3719	5	Lưu Thị Thu	Hằng	12/05/1986	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh A2		
3720	6	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	01/02/1985	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3721	7	Trần Thị Thanh	Hảo	13/07/1988	Nữ	Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B		
3722	8	Nguyễn Thị	Hậu	02/09/1989	Nữ	Thổ Quan, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3723	9	Cao Thị	Hương	05/09/1998	Nữ	Giao An, Giao Thủy, Nam Định	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3724	10	Nguyễn Mai	Hương	30/08/1996	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3725	11	Nguyễn Thị	Khánh	30/03/1996	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh		Anh A2		
3726	12	Nguyễn Thị	Lan	04/10/1989	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3727	13	Chu Thị	Luyến	17/06/1987	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B		
3728	14	Trần Thị Xuân	Mai	14/10/1996	Nữ	Thị trấn Mỹ Lộc, Mỹ Lộc, Nam Định	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	B	Anh A2		
3729	15	Dương Ngọc	Mai	16/02/1994	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	B	Anh B		
3730	16	Bùi Trà	My	22/11/1998	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
3731	17	Nguyễn Thị Kim	Ngân	30/07/1984	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B		
3732	18	Nguyễn Thị Thu	Ngân	10/03/1991	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B		
3733	19	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	28/01/1997	Nữ	Năng Tĩnh, Nam Định, Nam Định	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3734	20	Nguyễn Minh	Phượng	26/10/1994	Nữ	Yên Phú, Yên Mỹ, Hưng Yên	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B		
3735	21	Lê Thị	Quỳnh	23/10/1990	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B		
3736	22	Phạm Hồng	Thanh	28/10/1997	Nữ	Lộc Hòa, Nam Định, Nam Định	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3737	23	Nguyễn Thị	Thanh	12/09/1993	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B		
3738	24	Hoàng Thị Thu	Thảo	08/05/1993	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B2		
3739	25	Đặng Thị Hà	Thu	20/12/1988	Nữ	Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	B	Anh B		
3740	26	Nguyễn Thị	Thuận	02/06/1989	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	B	Anh B		
3741	27	Trần Thị Phương	Thúy	08/09/1985	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3742	28	Nguyễn Thị Thu	Thủy	12/11/1986	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B		
3743	29	Vương Thị Minh	Trang	20/09/1995	Nữ	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3744	30	Vũ Huyền	Trang	14/12/1993	Nữ	Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B		
3745	31	Nguyễn Thị	Tứ	11/08/1984	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3746	32	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	24/06/1994	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3747	33	Nguyễn Thị Ninh	Anh	11/05/1996	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh		Anh A2		
3748	34	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	27/12/1995	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh		Anh bậc 2 (A2)		
3749	35	Nguyễn Thị Thu	Hà	26/03/1993	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	B	Anh B		
3750	36	Ngô Thị	Hải	26/06/1995	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		
3751	37	Nguyễn Thị	Hải	12/07/1985	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Tin học văn phòng		**CTB**	
3752	38	Đinh Thị	Hằng	21/08/1994	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3753	39	Nguyễn Thị Thu	Hiền	06/12/1996	Nữ	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3754	40	Nguyễn Thị Minh	Hiền	18/12/1973	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3755	41	Lê Thị	Huê	06/08/1990	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 385	**CTB**	
3756	42	Đặng Thúy	Huyền	21/01/1992	Nữ	Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3757	43	Nguyễn Thị Nhật	Linh	15/10/1995	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3758	44	Lê Thị	Luyến	23/10/1989	Nữ	Long Hưng, Văn Giang, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	B	Anh B		
3759	45	Lê Thanh	Nhã	19/05/1992	Nữ	Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	B	Anh B		
3760	46	Cao Thị	Phương	25/11/1993	Nữ	Gia Đông, Thuận Thành, Bắc Ninh	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh A2		
3761	47	Phạm Thị	Sao	22/08/1988	Nữ	Hồng Châu, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3762	48	Hoàng Minh	Thoa	03/11/1994	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		
3763	49	Kiều Phương	Thu	12/09/1994	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh				
3764	50	Đào Thị Hà	Thư	07/02/1994	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3765	51	Dương Hoài	Thương	10/06/1995	Nữ	Đại Cường, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3766	52	Nguyễn Thị Thu	Hiền	29/05/1987	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3767	53	Nguyễn Quỳnh	Hoa	15/11/1995	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3768	54	Vũ Thị Nụ	Hòe	04/12/1986	Nữ	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3769	55	Nguyễn Thanh	Huyền	04/01/1996	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3770	56	Hoàng Hạnh	Linh	02/03/1993	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3771	57	Đinh Thị Thu	Ngân	12/01/1994	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3772	58	Phạm Thị Lâm	Oanh	12/08/1995	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3773	59	Nguyễn Lê Tú	Uyên	01/12/1991	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3774	60	Lê Thị	Diễm	20/05/1984	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3775	61	Đinh Thị	Hà	20/04/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3776	62	Nguyễn Thị	Lan	14/05/1986	Nữ	Tri Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3777	63	Phùng Thị	Liên	02/11/1996	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		
3778	64	Bùi Thị	Linh	28/11/1996	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3779	65	Lê Thị	Nga	28/12/1992	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3780	66	Đoàn Thị	Ngân	30/10/1992	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh A2		
3781	67	Nguyễn Thị	Nhàn	13/03/1995	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 387		
3782	68	Phạm Thị	Nhàn	03/09/1991	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3783	69	Đinh Thị	Phương	08/08/1997	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		
3784	70	Đào Thị Thảo	An	27/01/1998	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toeic 240 (A2)		
3785	71	Nguyễn Thị	Duyên	09/12/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1		
3786	72	Ngô Thùy	Duyên	13/11/1995	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3787	73	Đào Thị	Hằng	24/02/1994	Nữ	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3788	74	Hoàng Thị Phương	Hoa	04/11/1994	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3789	75	Kiều Thị Thanh	Hương	13/03/1992	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3790	76	Nguyễn Thị Kim	Liên	11/02/1993	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3791	77	Lưu Ly	Linh	07/12/1992	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3792	78	Vũ Thị	Thanh	17/02/1994	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3793	79	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	07/10/1998	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3794	80	Nguyễn Thị	Thủy	07/10/1988	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3795	81	Lê Thị Thủy	Tiên	15/08/1994	Nữ	Nghi Mỹ, Nghi Lộc, Nghệ An	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B1	**CTB**	
3796	82	Trần Thu	Trang	17/03/1991	Nữ	Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3797	83	Đỗ Thị	Trang	28/10/1993	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3798	84	Dương Thị Thủy	Trang	24/12/1994	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3799	85	Tống Khánh	Linh	04/07/1994	Nữ	Nam Phương Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3800	86	Vũ Thị Hồng	Ngọc	29/04/1995	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3801	87	Trần Thị Vân	Anh	24/09/1995	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh,Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3802	88	Nguyễn Thị	Dịu	18/07/1996	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3803	89	Đào Thị	Dung	20/3/1993	Nữ	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3804	90	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/08/1995	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3805	91	Nguyễn Thị	Hiền	23/10/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1		
3806	92	Nguyễn Thị Mai	Hương	10/10/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
3807	93	Lê Thị	Ngân	12/03/1986	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Tin học văn phòng	Anh B2		
3808	94	Nguyễn Hồng	Ngọc	19/06/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3809	95	Phạm Thị Kiều	Oanh	04/09/1995	Nữ	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3810	96	Đỗ Thị Phương	Oanh	05/02/1993	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 170		
3811	97	Đặng Thị	Quyên	09/04/1992	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3812	98	Nguyễn Anh	Thư	18/05/1993	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3813	99	Đỗ Thị	Huệ	26/12/1996	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3814	100	Cấn Thị	Huyền	02/03/1997	Nữ	Cần Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3815	101	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/05/1989	Nữ	Cộng Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3816	102	Nguyễn Thị	Mai	02/10/1993	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3817	103	Nguyễn Thị	Ngọc	15/10/1987	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3818	104	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	09/11/1992	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3819	105	Bùi Thị Kiều	Thu	30/04/1997	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3820	106	Nguyễn Thị	Thu	11/02/1992	Nữ	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3821	107	Nguyễn Thị	Thu	29/08/1987	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3822	108	Khổng Thị Cẩm	Anh	10/11/1996	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3823	109	Nguyễn Thúy	Hồng	12/12/1998	Nữ	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3824	110	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	17/07/1996	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377 (A2)		
3825	111	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/01/1998	Nữ	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 380 (A2)	**CBB**	
3826	112	Dương Thị	Nhung	30/01/1997	Nữ	Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3827	113	Đoàn Thị	Tình	02/05/1990	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB**	
3828	114	Nguyễn Thị Hồng	Anh	06/10/1991	Nữ	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3829	115	Nguyễn Thị	Hằng	15/04/1995	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3830	116	Tạ Thị Lan	Hương	05/08/1998	Nữ	Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 380		
3831	117	Tào Thị	Hường	15/08/1992	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh		Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3832	118	Vũ Thị Mỹ	Dinh	02/09/1996	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 337		
3833	119	Nguyễn Thị	Trang	29/01/1996	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 170		
3834	120	Bùi Thị Phương	Anh	03/05/1995	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3835	121	Nguyễn Thị	Châm	04/02/1991	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3836	122	Nguyễn Thu	Hà	28/10/1996	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3837	123	Nguyễn Thị	Hiền	22/08/1994	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3838	124	Bá Thị	Hiền	07/10/1996	Nữ	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 340		
3839	125	Nguyễn Thị Lan	Hương	20/07/1991	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3840	126	Tạ Thị Ngọc	Mai	05/09/1996	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3841	127	Bùi Thị	Phương	05/05/1996	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3842	128	Đỗ Thị	Phượng	18/11/1998	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3843	129	Đoàn Thị Thùy	Trang	19/10/1998	Nữ	Trung Châu, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
3844	130	Trần Thị Hạ	Vân	12/06/1997	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3845	131	Đỗ Thị	Hiên	03/04/1987	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3846	132	Phạm Thị	Hồng	08/09/1992	Nữ	Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3847	133	Nguyễn Thị	Lan	01/11/1992	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3848	134	Nguyễn Thị	Thanh	04/11/1989	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3849	135	Bùi Thị	Thu	07/09/1998	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3850	136	Trịnh Thị	Vân	25/09/1995	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3851	137	Lâm Thị Thanh	Thúy	15/10/1997	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3852	138	Ngô Thị Kim	Anh	12/02/1998	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3853	139	Trần Thị Thu	Hương	24/07/1993	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3854	140	Phạm Thị	Phương	18/05/1992	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3855	141	Vũ Thị Minh	Phương	24/06/1997	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3856	142	Nguyễn Thanh	Thúy	09/10/1990	Nữ	Hồng Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Trung cấp Hộ sinh	B	Anh B		
3857	143	Phùng Thị Hương	Giang	11/02/1995	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B		
3858	144	Nguyễn Thị	Mùi	24/02/1993	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	B	Anh bậc 2		
3859	145	Ngô Thị Hồng	Phượng	13/06/1988	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	B	Anh A2		
3860	146	Nguyễn Thị	Thắm	08/01/1993	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3861	147	Trịnh Thị	Thủy	25/11/1994	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	B	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3862	148	Nguyễn Thị Minh	Tuyến	08/10/1993	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3863	149	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/05/1984	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	B	Anh A2		
3864	150	Kiều Thị	Hường	03/03/1995	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3865	151	Cù Thanh	Huyền	13/02/1996	Nữ	Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	CTB	
3866	152	Doãn Thị	Lý	26/12/1988	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3867	153	Đào Thị	Hằng	16/06/1989	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	A			
3868	154	Phạm Hồng	Anh	18/10/1993	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3869	155	Khiếu Thị Như	Ngọc	26/10/1994	Nữ	Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh A2		
3870	156	Đặng Thị	Thúy	24/9/1991	Nữ	Hồng Phong, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3871	157	Lê Thị	Trang	19/5/1995	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Văn phòng B	Anh A2		
3872	158	Ngô Mai	Anh	18/07/1996	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3873	159	Nguyễn Thị	Liễu	27/01/1993	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh , Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3874	160	Hà Thục	Anh	07/09/1996	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3875	161	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	24/09/1995	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Long Biên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3876	162	Nguyễn Thị Thu	Trang	10/08/1985	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3877	163	Vương Thị	Vui	30/06/1994	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3878	164	Nguyễn Thị	Dung	23/10/1992	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	B	Anh C		
3879	165	Phan Thị	Hoàn	11/07/1994	Nữ	Bắc Hồng, Đông Anh , Hà Nội	TTYT Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3880	166	Nguyễn Hồng	Lê	02/11/1994	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh , Hà Nội	TTYT Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	B	Anh B		
3881	167	Đỗ Thị Ánh	Tuyết	12/02/1994	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh , Hà Nội	TTYT Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3882	168	Nguyễn Thu	Cúc	23/09/1995	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3883	169	Chử Thị Thanh	Huệ	25/02/1988	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	B	Anh B		
3884	170	Nguyễn Thị	Hường	05/07/1990	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai,Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	B	Anh A2		
3885	171	Đỗ Thị Vân	Anh	11/07/1994	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3886	172	Nguyễn Thị	Dinh	25/09/1996	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3887	173	Trần Thị	Liễu	26/02/1990	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B		
3888	174	Nguyễn Thị	Ngát	14/08/1996	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3889	175	Phùng Thị	Hậu	03/06/1993	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3890	176	Lê Thị	Khuyên	06/09/1994	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng B	Anh A2		
3891	177	Nguyễn Thị Kim	Oanh	02/01/1993	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3892	178	Trần Thị	Thoa	15/11/1994	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3893	179	Vương Thị	Chinh	15/02/1998	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3894	180	Nguyễn Thị Thu	Hiền	25/09/1996	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3895	181	Nguyễn Thị	Hoa	08/11/1989	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3896	182	Nguyễn Thị Thu	Huyền	03/07/1997	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3897	183	Khương Thị Thùy	Linh	18/02/1996	Nữ	Thạch Xá, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3898	184	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	03/03/1994	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3899	185	Vương Thị Thu	Hằng	24/11/1994	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3900	186	Cấn Thị Huyền	Trang	27/08/1995	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3901	187	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/11/1996	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
3902	188	Nguyễn Thị Lan	Anh	08/12/1996	Nữ	Minh Khai, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3903	189	Nguyễn Thị	Hà	15/07/1989	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3904	190	Bùi Thị	Huyền	15/08/1994	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3905	191	Nguyễn Thu	Thủy	19/06/1995	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3906	192	Chu Thị	Yến	28/11/1995	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3907	193	Đỗ Thị	Dung	19/11/1987	Nữ	Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3908	194	Nguyễn Thị Phương	Dung	01/12/1986	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3909	195	Trịnh Thị	Gấm	16/04/1996	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3910	196	Ngô Thị	Hoa	25/10/1996	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3911	197	Nguyễn Thị	Hương	23/10/1994	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3912	198	Nguyễn Thị	Huyền	24/03/1992	Nữ	Tân Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3913	199	Trung Thị	Huyền	10/06/1996	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3914	200	Nguyễn Thị Chung	Kiên	14/03/1987	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3915	201	Nguyễn Thị	Mai	07/12/1990	Nữ	Hữu Văn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3916	202	Đặng Thị Minh	Nguyệt	10/03/1987	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3917	203	Nguyễn Thị	Nhung	01/11/1996	Nữ	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3918	204	Xuân Thị Nguyệt	Oanh	30/01/1994	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3919	205	Nguyễn Thị	Phương	17/07/1989	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3920	206	Phạm Thị	Phượng	28/02/1991	Nữ	Đồng Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3921	207	Đặng Thị	Thảo	27/08/1996	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3922	208	Trần Lệ	Thu	23/08/1998	Nữ	Đồng Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3923	209	Cấn Thị Thu	Trang	15/04/1992	Nữ	Đông Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3924	210	Vũ Thị Lan	Anh	06/4/1988	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	B	Anh B		
3925	211	Nguyễn Thị Lệ	Bình	24/12/1985	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B		
3926	212	Vũ Thị	Quỳnh	29/01/1990	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3927	213	Nguyễn Thị	Khuyến	12/10/1989	Nữ	Hùng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3928	214	Trương Thị	Điền	01/01/1993	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3929	215	Nguyễn Thị	Hoa	09/08/1991	Nữ	TT Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B		
3930	216	Vũ Thị	Toàn	02/03/1994	Nữ	Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3931	217	Ngô Hoài	Thu	27/04/1995	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3932	218	Lê Thị	Thảo	18/08/1986	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3933	219	Chu Thanh	Hằng	15/10/1995	Nữ	Phú Yên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3934	220	Nghiêm Thị Diệu	Linh	01/8/1994	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3935	221	Phạm Thị	Long	01/11/1996	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3936	222	Phạm Thị	Thúy	03/02/1996	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3937	223	Nguyễn Thị	Thúy	21/06/1988	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
3938	224	Phan Thị Huyền	Trang	03/09/1997	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Trung cấp Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
		8. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KỸ THUẬT Y HẠNG III - V.08.07.18													
3939	1	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	15/03/1996	Nữ	Yên Đồng, Ý Yên, Nam Định	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
3940	2	Trần Thị	Hằng	22/09/1996	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3941	3	Nguyễn Thị Mai	Hương	25/07/1989	Nữ	Di Trạch, Hoài Đức, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOFELTS)		
3942	4	Ngô Tuấn	Khanh	22/12/1981	Nam	Ngọc Thuỵ, Long Biên, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng B	Anh A2 (TOFELTS)		
3943	5	Bùi Thị	Nga	15/10/1992	Nữ	Sơn Dương, Lâm Thao, Phú Thọ	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOIEC)		
3944	6	Nguyễn Thị	Thức	27/04/1986	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
3945	7	Trần Thị	Thủy	06/11/1988	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3946	8	Nguyễn Hùng	Anh	26/12/1995	Nam	Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4		
3947	9	Nguyễn Thị	Hằng	10/09/1991	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3948	10	Nguyễn Tiến	Lượng	10/11/1995	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3949	11	Nguyễn Thị	Thủy	12/12/1990	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3950	12	Giang Văn	Dũng	18/05/1992	Nam	Hàng Mã, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	ĐH	Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3951	13	Hoàng Thị	Yến	12/09/1997	Nữ	An Lương, Thanh Hà, Hải Dương	BV Mắt Hà Đông	Kỹ thuật y hạng III	**Khúc xạ nhãn khoa**	ĐH	Đại học Khúc xạ nhãn khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3952	14	Nguyễn Thị Mai	Anh	08/04/1994	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Đại học Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
3953	15	Nguyễn Thị	Hường	29/01/1994	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Đại học Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
3954	16	Hà Minh	Khải	02/09/1984	Nam	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Đại học Kỹ thuật y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
3955	17	Phan Thị Thu	Thủy	06/05/1991	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Đại học Kỹ thuật y học	Văn phòng B	Anh C		
3956	18	Vũ Thị Thùy	Trang	19/05/1992	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Đại học Kỹ thuật y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 387		
3957	19	Trần Tuấn	Anh	16/10/1993	Nam	Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương, Hải Dương	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Đại học Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 353		
3958	20	Phạm Văn	Đức	10/08/1992	Nam	Văn Tố, Tứ Kỳ, Hải Dương	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Đại học Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	**CBB**	
3959	21	Nguyễn Văn	Hải	26/06/1997	Nam	Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Đại học Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
3960	22	Phạm Thế	Linh	20/12/1993	Nam	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Đại học Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3961	23	Nguyễn Quyết	Thắng	01/12/1995	Nam	Vĩnh Lộc, Chiêm Hóa, Tuyên Quang	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Đại học Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3962	24	Nguyễn Đức	Hồng	20/12/1990	Nam	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	ĐH	Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3963	25	Vũ Thi	Châm	29/03/1993	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3964	26	Lê Thị Thu	Hà	27/07/1996	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
3965	27	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	15/09/1997	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Đại học Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3966	28	Nguyễn Tiến	Long	31/10/1993	Nam	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Đại học Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3967	29	Đinh Thị	Mai	30/09/1996	Nữ	Gia Minh, Gia Viễn, Ninh Bình	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Đại học Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3968	30	Trần Thu	Trang	19/08/1993	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Đại học Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3969	31	Phạm Đình	Văn	11/02/1997	Nam	Vĩnh Lập, Thanh Hà, Hải Dương	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Đại học Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3970	32	Dương Thu	Nga	22/09/1991	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Đại học Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3971	33	Nguyễn Thị	Hằng	10/10/1996	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật Y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Đại học Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3972	34	Trịnh Văn	Long	13/10/1994	Nam	Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật Y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3973	35	Đỗ Bích	Ngọc	14/02/1996	Nữ	Phú Yên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật Y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Đại học Kỹ thuật xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3974	36	Dương Thị Thu	Hương	16/04/1994	Nữ	Hòa Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3975	37	Dương Thị	Lý	05/05/1996	Nữ	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3976	38	Nguyễn Đình Minh	Vương	14/09/1995	Nam	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
3977	39	Vũ Thị	Bắc	03/03/1979	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật Y hạng III	**Sinh học**	ĐH	Đại học Sinh học (thạc sỹ vi sinh y học)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
3978	40	Lê Thị	Dung	15/06/1991	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3979	41	Nguyễn Thị	Mùi	14/10/1991	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Kỹ thuật y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3980	42	Trần Thị Diệu	Ninh	25/10/1993	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3981	43	Nguyễn Tiến	Dũng	11/12/1994	Nam	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3982	44	Nguyễn Thị	Thúy	23/03/1991	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Văn phòng B	Anh B		
3983	45	Vũ Phương	Dung	18/6/1995	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu**	ĐH	Đại học Vật lý trị liệu/ phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3984	46	Đỗ Thị	Hằng	04/09/1990	Nữ	Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu**	ĐH	Đại học Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3985	47	Tống Duy	Văn	09/03/1988	Nam	Thanh Trì, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu**	ĐH	Đại học Kỹ thuật viên vật lý trị liệu	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3986	48	Trần Thị Lan	Phương	16/03/1991	nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Đại học Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3987	49	Nguyễn Văn	Cam	10/01/1986	Nam	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Đại học Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3988	50	Nguyễn Văn	Dương	18/11/1991	Nam	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Đại học Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3989	51	Ngụy Thị	Điệp	19/02/1987	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thận HN	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật y học**	Ths	Kỹ thuật y học (thạc sỹ y học chức năng)	B	Anh C		
3990	52	Lê Thị	Hoa	26/08/1990	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3991	53	Phạm Thị	Hương	01/08/1990	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3992	54	Cù Thanh	Tâm	12/05/1996	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	ĐH	Đại học Kỹ thuật y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
3993	55	Nguyễn Hải	Yến	08/01/1992	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3994	56	Nguyễn Thị	Hà	20/09/1992	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm Y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3995	57	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	29/05/1996	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm Y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3996	58	Trịnh Thị Diệu	Linh	12/11/1996	Nữ	TT Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Đại học Xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3997	59	Phan Thị	Nhàn	20/09/1992	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Đại học Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3998	60	Hoàng Hải	Yến	15/10/1996	Nữ	Đồng Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Đại học Xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
3999	61	Phạm Thị	Nhài	01/10/1994	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4000	62	Đào Bá	Cường	16/10/1992	Nam	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật Y hạng III	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	ĐH	Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học		Anh A2		
4001	63	Nguyễn Thị Thu	Hà	22/01/1996	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật Y hạng III	**Xét nghiệm Y học**	ĐH	Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4002	64	Nguyễn Thị	Luyến	01/01/1996	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật Y hạng III	**Xét nghiệm Y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4003	65	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	15/09/1995	Nữ	Trung Hà, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật Y hạng III	**Xét nghiệm Y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	B	Anh A2		
4004	66	Trần Thị	Dinh	06/02/1994	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kỹ thuật Y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 417		
4005	67	Nguyễn Thị Hà	Giang	05/12/1993	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kỹ thuật Y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4006	68	Khổng Thị Thúy	Kiều	01/10/1995	Nữ	Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định	BVĐK Gia Lâm	Kỹ thuật Y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm	B	Anh B		
4007	69	Đỗ Thị	Thu	12/12/1991	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kỹ thuật Y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
		9. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KỸ THUẬT Y HẠNG IV - V.08.07.19													
4008	1	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	15/12/1996	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4009	2	Đoàn Thị Hồng	Hà	17/08/1997	Nữ	Yên Lương, Ý Yên, Nam Định	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOFELTS)		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4010	3	Đoàn Sơn	Hải	11/10/1993	Nam	Yên Lương, Ý Yên, Nam Định	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOFELTS)		
4011	4	Đặng Thị	Hậu	18/11/1991	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4012	5	Phạm Thị Thanh	Huyền	11/08/1997	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng B	Anh A2		
4013	6	Vương Thị	Thảo	05/09/1993	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOFELTS)		
4014	7	Nguyễn Thị	Thúy	24/08/1994	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4015	8	Lâm Quang	Đức	24/04/1986	Nam	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng B	Anh C		
4016	9	Nguyễn Khắc	Huy	06/11/1993	Nam	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Văn phòng B	Anh B		
4017	10	Vũ Ngọc	Huyến	19/11/1981	Nam	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng B	Anh B		
4018	11	Phạm Văn	Đàn	19/07/1994	Nam	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4019	12	Nguyễn Mạnh	Hiệp	08/06/1998	Nam	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 175		
4020	13	Đàm Đình	Linh	04/10/1990	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4021	14	Cấn Đình	Phong	26/06/1990	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4022	15	Nguyễn Thị Vân	Anh	10/08/1996	Nữ	Chuyên Ngoại, Duy Tiên, Hà Nam	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng B	Anh A2		
4023	16	Nguyễn Thị	Thao	12/06/1993	Nữ	Đồng Thọ, Yên Phong, Bắc Ninh	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4024	17	Trần Thị Ngọc	Ánh	29/10/1994	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4025	18	Phạm Thị	Mí	22/11/1994	Nữ	Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4026	19	Đỗ Minh	Khương	01/09/1990	Nam	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	TC	Trung cấp Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	HTNV	
4027	20	Trần Thị	Hằng	09/09/1987	Nữ	Liên Mạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm Ký sinh trùng, Côn trùng	TC	Trung cấp Xét nghiệm Ký sinh trùng, Côn trùng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4028	21	Nghiêm Khắc	Hoàng	06/07/1990	Nam	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Văn phòng B	Anh B		
4029	22	Đỗ Thùy	Linh	02/10/1992	Nữ	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Văn phòng B	Anh B		
4030	23	Nguyễn Đình	Quang	12/02/1988	Nam	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Văn phòng B	Anh C		
4031	24	Lê Văn	Quỳnh	17/06/1993	Nam	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Văn phòng B	Anh C		
4032	25	Nguyễn Đức	Xuân	14/10/1981	Nam	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4033	26	Trần Thị	Nga	10/11/1996	Nữ	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Tin học văn phòng	Anh A2		
4034	27	Nguyễn Văn	Nghiệp	07/04/1992	Nam	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Văn phòng B	Anh B		
4035	28	Nguyễn Anh	Nguyên	18/05/1994	Nam	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Văn phòng B	Anh B		
4036	29	Phan Hồng	Quân	28/05/1995	Nam	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4037	30	Thẩm Văn	Sơn	16/05/1994	Nam	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng B1	Anh B		
4038	31	Phạm Văn	Thịnh	10/06/1995	Nam	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Cao đẳng Hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4039	32	Vũ Thị Xuân	Thu	21/05/1991	Nữ	Thắng Lợi, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Tin học văn phòng	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4040	33	Nguyễn Ngọc	Toàn	28/09/1994	Nam	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học				
4041	34	Nguyễn Mạnh	Cường	04/07/1994	Nam	Tân Hòa, Hòa Bình, Hòa Bình	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng**	CĐ	Cao đẳng Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4042	35	Hà Huy	Hiếu	12/03/1981	Nam	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng**	CĐ	Cao đẳng Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4043	36	Nguyễn Quỳnh	Anh	30/04/1991	Nữ	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 580		
4044	37	Hoàng Kim	Cương	11/03/1989	Nam	Trần Khát Chân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Ứng dụng B	Anh bậc 2	**CTB**	
4045	38	Ngô Thu	Hà	20/12/1993	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4046	39	Vũ Thị Bích	Hạnh	22/11/1996	Nữ	Thụy Phong, Thái Thụy, Thái Bình	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Văn phòng B	Anh B		
4047	40	Hoàng Thu	Hạnh	16/05/1997	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng B	Anh C		
4048	41	Vũ Lan	Hương	23/10/1998	Nữ	Hồng Thái, Kiến Xương, Thái Bình	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4049	42	Nguyễn Quang	Huy	14/06/1998	Nam	Liêm Chính, Phủ Lý, Hà Nam	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản			
4050	43	Dương Văn	Min	16/01/1991	Nam	Phú Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4051	44	Dương Hồng	Ngân	27/12/1997	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4052	45	Nguyễn Bảo	Ngọc	22/05/1990	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4053	46	Tống Phương	Nhung	08/11/1994	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4054	47	Dương Đức	Phương	20/01/1993	Nam	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4055	48	Phạm Thị Thanh	Thanh	10/04/1992	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4056	49	Nguyễn Đình	Thiên	21/07/1998	Nam	Thị trấn Thường Tín, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên xét nghiệm				
4057	50	Nguyễn Thị Thu	Thủy	08/09/1995	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4058	51	Đặng Thị Thu	Thủy	12/08/1993	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Văn phòng B	Anh B		
4059	52	Trần Đức	Trung	24/07/1994	Nam	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	B	Anh B		
4060	53	Trần Văn	Việt	10/09/1995	Nam	Phù Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4061	54	Lê Thị	Thúy	01/07/1993	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Cao đẳng Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4062	55	Nguyễn Thanh	Tuấn	31/10/1992	Nam	Đại La, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Cao đẳng Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4063	56	Nguyễn Phương	Quỳnh	31/12/1995	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4064	57	Nguyễn Khánh	Huyền	07/06/1990	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4065	58	Nguyễn Mạnh	Linh	22/02/1994	Nam	Hồng Lĩnh, Hưng Hà, Thái Bình	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4066	59	Quách Đức	Quân	23/09/1992	Nam	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4067	60	Nguyễn Đức	Cường	19/11/1994	Nam	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4068	61	Lê Ngọc	Hiển	08/03/1983	Nam	Phú Nam An, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	B	Anh B		
4069	62	Trần Trọng	Lân	09/08/1994	Nam	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4070	63	Lê Văn	Quang	07/12/1996	Nam	Thị Trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 180		
4071	64	Lã Văn	Tuyến	14/07/1995	Nam	Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
4072	65	Lưu Thị Lan	Anh	08/04/1997	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4073	66	Đỗ Tiến	Dũng	09/04/1994	Nam	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4074	67	Quản Trường	Gia	03/04/1993	Nam	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4075	68	Nguyễn Văn	Hải	05/10/1990	Nam	Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4076	69	Đào Thúy	Hạnh	03/06/1995	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4077	70	Nguyễn Ngọc	Hiến	08/05/1987	Nam	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4078	71	Nguyễn Đức	Hiếu	18/05/1989	Nam	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4079	72	Nguyễn Thị Mai	Hương	15/07/1995	Nữ	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4080	73	Đỗ Mai	Hương	22/05/1995	Nữ	Bình Phú, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 260		
4081	74	Nguyễn Thị	Khuyên	15/09/1995	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4082	75	Hoàng Thị Thùy	Linh	06/11/1995	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4083	76	Phạm Thị Trà	My	03/06/1995	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4084	77	Nguyễn Thị	Phương	22/10/1993	Nữ	Thạch Đồng, Thanh Thủy, Phú Thọ	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4085	78	Nguyễn Bá	Toàn	09/09/1995	Nam	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4086	79	Nguyễn Thị Huyền	Trang	04/05/1995	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4087	80	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/05/1994	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 387		
4088	81	Chu Thị	Doan	25/06/1992	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 205		
4089	82	Nguyễn Trung	Hiếu	09/11/1995	Nam	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4090	83	Trần Thị	Hường	10/09/1996	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4091	84	Phạm Thị Hồng	Phúc	15/07/1995	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
4092	85	Nguyễn Thị	Yến	28/10/1994	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Trung cấp Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4093	86	Nguyễn Văn	Chung	05/11/1998	Nam	Thị trấn Thứa, Lương Tài, Bắc Ninh	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toeic 190 (A1)		
4094	87	Nguyễn Văn	Dũng	04/06/1993	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4095	88	Nguyễn Đức	Phương	10/04/1980	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4096	89	Nguyễn Lâm	Sơn	26/08/1995	Nam	Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4097	90	Nguyễn Thái	Sơn	01/07/1995	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4098	91	Lê Hà Kiều	Anh	21/12/1993	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4099	92	Nguyễn Thị Thùy	Dung	09/09/1995	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4100	93	Lại Hải	Hà	12/11/1992	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4101	94	Cao Văn	Hải	10/07/1992	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4102	95	Doãn Huy	Hoàng	03/03/1992	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4103	96	Nguyễn Thị	Hương	11/03/1994	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4104	97	Nguyễn Thị Thảo	Linh	15/11/1996	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4105	98	Phạm Xuân	Nam	20/07/1993	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4106	99	Đỗ Thị	Ngọc	31/07/1995	Nữ	Tiền Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4107	100	Ngô Thị Phương	Oanh	02/04/1996	Nữ	Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
4108	101	Dương Văn	Quang	26/03/1993	Nam	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toefl 387 (A2)		
4109	102	Lương Tuấn	Anh	21/12/1993	Nam	Ngô Gia Tự, Long Biên, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4110	103	Nguyễn Huy	Hòa	14/06/1996	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 190		
4111	104	Đoàn Tuấn	Linh	18/01/1995	Nam	Hàng Bún, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 190		
4112	105	Bùi Lương	Hà	08/07/1996	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4113	106	Lưu Tiến	Sinh	06/12/1996	Nam	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	Văn phòng B	Anh B		
4114	107	Lê Thu	Trang	30/04/1994	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4115	108	Đào Văn	An	08/03/1992	Nam	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4116	109	Trần Thị Vân	Anh	07/11/1989	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4117	110	Đỗ Thị Ngọc	Diệp	17/06/1994	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4118	111	Vũ Thị Lê	Dung	28/03/1994	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4119	112	Nguyễn Thị	Giang	27/06/1990	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4120	113	Nguyễn Minh	Hoàng	13/11/1992	Nam	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng B	Anh A2		
4121	114	Phạm Thu	Huyền	28/10/1997	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4122	115	Trịnh Ngọc	Luật	16/02/1994	Nam	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	Ứng dụng B	Anh B		
4123	116	Ngô Văn	Nghĩa	25/09/1992	Nam	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4124	117	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	13/06/1990	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4125	118	Đào Thị	Nhung	20/01/1992	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 380		
4126	119	Đào Thị	Ninh	12/11/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
4127	120	Nguyễn Mai	Phương	09/10/1992	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4128	121	Nguyễn Xuân	Tài	24/06/1993	Nam	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4129	122	Trần Anh	Tuấn	30/08/1995	Nam	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Trung cấp Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4130	123	Phạm Quang	Vinh	20/02/1991	Nam	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
4131	124	Trần Quang	Xinh	29/01/1993	Nam	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4132	125	Nguyễn Thị	Bình	03/10/1989	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Cao đẳng Vật lý trị liệu/phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 337		
4133	126	Ngô Mạnh	Hùng	17/05/1994	Nam	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Cao đẳng Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4134	127	Trần Anh	Chiến	23/09/1989	Nam	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4135	128	Phạm Thị Phương	Liên	28/01/1990	Nữ	Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4136	129	Nghiêm Thị	Mai	26/11/1990	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4137	130	Nguyễn Văn	Phú	24/02/1989	Nam	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4138	131	Nguyễn Tuấn	Việt	06/07/1989	Nam	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4139	132	Đỗ Thu	Hằng	19/09/1996	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4140	133	Đỗ Thị Kim	Oanh	17/05/1998	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4141	134	Nguyễn Ngọc	Anh	23/04/1998	Nam	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4142	135	Nguyễn Văn	Đông	11/08/1993	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4143	136	Chu Ngọc	Linh	25/09/1996	Nam	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4144	137	Lê Thị Thúy	Nga	23/11/1995	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367 (A2)		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4145	138	Bùi Hồng	Thảo	21/09/1995	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	B	Anh B		
4146	139	Lương Thị	Thu	21/11/1992	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4147	140	Phùng Kim	Thịnh	01/08/1995	Nam	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Hình ảnh y học**	TC	Trung cấp Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4148	141	Phan Anh	Tuấn	05/10/1994	Nam	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4149	142	Bùi Văn	Hiếu	16/12/1990	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên phục hồi chức năng**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	Văn phòng B	Tiếng Anh giao tiếp B		
4150	143	Trần Văn	Phương	21/01/1980	Nam	Hiến Thành, Kinh Môn, Hải Dương	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên phục hồi chức năng**	TC	Trung cấp Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	B	Anh B		
4151	144	Lê Thanh	Tâm	16/03/1996	Nữ	Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên phục hồi chức năng**	TC	Trung cấp Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4152	145	Dương Thị Thu	Thủy	16/01/1998	Nữ	Phượng Cách, Quốc Oai, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên phục hồi chức năng**	CĐ	Cao đẳng Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4153	146	Dương Văn	Long	18/11/1993	Nam	Xã Phượng Cách, huyện Quốc Oai, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4154	147	Nguyễn Đình	Thành	28/11/1992	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	TC	Trung cấp Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4155	148	Nguyễn Duy	Hải	30/10/1994	Nam	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4156	149	Nguyễn Quốc	Thành	29/06/1995	Nam	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4	**HTNV**	
4157	150	Trần Văn	Tùng	30/12/1992	Nam	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4158	151	Nguyễn Thị	Khương	30/11/1989	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4159	152	Đinh Mạnh	Thắng	07/01/1991	Nam	Hạ Thái, Duyên Thái, Thường Tín	BV Phổi Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4160	153	Đoàn Đức	Thiện	20/05/1981	Nam	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4161	154	Nguyễn Anh	Đức	20/12/1996	Nam	Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên	BV Tâm thần HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
4162	155	Phan Thị	Toàn	21/10/1992	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	B	Anh B		
4163	156	Bỳ Việt	Phước	10/11/1997	Nam	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 393		
4164	157	Nguyễn Quốc	Tuấn	11/12/1989	Nam	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4165	158	Nguyễn Đức	Anh	28/11/1994	Nam	Thùy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Trung cấp Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4166	159	Nguyễn Quốc	Huy	29/12/1995	Nam	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4167	160	Nguyễn Thị Kim	Loan	19/05/1995	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4168	161	Nguyễn Thị Thu	Hà	12/03/1982	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BV 09	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	**CTB**	
4169	162	Phạm Thị Thu	Phương	03/11/1996	Nữ	Xuân Dục, Mỹ Hào, Hưng Yên	BV 09	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 180		
4170	163	Nguyễn Thị	Liên	09/08/1990	nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	**Vật lý trị liệu**	CĐ	Cao đẳng Vật lý trị liệu	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4171	164	Đỗ Minh	Anh	12/01/1994	nam	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4172	165	Lê Quang	Anh	02/01/1995	nam	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4173	166	Đỗ Hồng	Đoàn	23/11/1992	nam	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4174	167	Nguyễn Thị Thu	Hằng	02/01/1990	nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4175	168	Trần Thị Hồng	Thương	20/11/1993	nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Trung cấp Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4176	169	Thái Thị Quỳnh	Trang	29/01/1998	nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 337		
4177	170	Vũ Thị Lan	Hương	07/04/1994	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm Y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4178	171	Tạ Thị	Mùi	30/12/1990	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	B	Anh B		
4179	172	Vũ Hồng	Ngọc	30/11/1998	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		
4180	173	Nguyễn Thị	Phương	03/4/1993	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4181	174	Nguyễn Thị Thu	Phương	08/02/1998	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		
4182	175	Nguyễn Thị	Thắm	08/6/1993	Nữ	Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4183	176	Nguyễn Thị	Thảo	27/01/1997	Nữ	Tân Hưng, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4184	177	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/02/1998	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4185	178	Dương Thị	Yên	05/6/1993	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Trung cấp Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4186	179	Nguyễn Thị Thu	Hằng	30/6/1994	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	B	Anh B		
4187	180	Nguyễn Thị Anh	Thư	10/8/1991	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4188	181	Trần Thị	Chuyên	14/10/1995	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Cao đẳng Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4189	182	Khuất Thị Anh	Chinh	18/01/1993	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4190	183	Lê Thị	Phượng	12/11/1992	Nữ	Hoằng Anh, Thanh Hóa, Thanh Hóa	BVĐK Sơn Tây	Kỹ thuật y hạng IV	**Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng**	ĐH	Đại học Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4191	184	Chu Thị	Thi	17/9/1992	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng B	Anh B		
4192	185	Nguyễn Ngọc	Sơn	19/01/1992	Nam	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	BV Thận HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	B	Anh A2		
4193	186	Lê Mai	Anh	13/9/1997	Nữ	Thanh Mai,Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật y xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4194	187	Vũ Hồng	Quân	05/01/1998	Nam	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4195	188	Cấn Thị Mỹ	Linh	10/12/1993	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4196	189	Đỗ Thị	Hạnh	26/04/1997	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4197	190	Nguyễn Thị	Hằng	06/11/1997	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 407		
4198	191	Trần Thị Minh	Ánh	28/08/1998	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4199	192	Cấn Anh	Tú	18/01/1995	Nam	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	B	Anh B		
4200	193	Đỗ Việt	Hưng	08/09/1993	Nam	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4201	194	Đào Thị Kim	Anh	01/12/1998	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	B	Anh B		
4202	195	Bùi Đức	Mạnh	15/03/1995	Nam	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4203	196	Nguyễn Thị	Minh	20/08/1992	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4204	197	Hoàng Ngọc	Vương	03/09/1996	Nam	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4205	198	Đỗ Thị Kim	Ngân	24/05/1995	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Cao đẳng Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4206	199	Bùi Văn	Duy	04/12/1991	Nam	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 380		
4207	200	Đinh Gia	Huy	07/12/1996	Nam	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	TC	Trung cấp Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4208	201	Nguyễn Phú	Kiên	01/01/1979	Nam	Di Trạch, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật vật lý trị liệu Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4209	202	Nguyễn Duy	Hiếu	08/10/1994	Nam	Minh Khai, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4210	203	Nguyễn Duy	Đoàn	19/02/1989	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4211	204	Đỗ Thị Thu	Hương	07/02/1992	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	B	Anh A2		
4212	205	Xuân Thị	Huyền	17/03/1995	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4213	206	Nguyễn Khánh	Linh	27/10/1995	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4214	207	Nguyễn Đồng	Sơn	19/11/1989	Nam	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4215	208	Nguyễn Thu	Trang	02/12/1996	Nữ	Thị trấn Trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFLS 387 (A2)		
4216	209	Trương Thị	Hiền	26/12/1991	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4217	210	Nguyễn Phương	Thảo	08/09/1995	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4218	211	Nguyễn Thị	Thiêm	02/10/1992	Nữ	Phú Nam An, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Trung cấp Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
4219	212	Trịnh Thị	Thư	01/08/1993	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4220	213	Bùi Hải	Sơn	17/11/1995	Nam	TT Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4221	214	Phạm Quý	Thịnh	08/10/1995	Nam	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4222	215	Trần Thị Hoài	Phương	20/01/1995	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
4223	216	Đỗ Thị Phương	Linh	26/06/1989	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Trung cấp Xét nghiệm y học	B	Anh B		
4224	217	Trịnh Thị	Thủy	18/04/1987	Nữ	Cẩm Thịnh, Cẩm Phả, Quảng Ninh	BVĐK Thường Tín	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	B	Anh B		
4225	218	Nguyễn Thành	Công	29/10/1995	Nam	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Cao đẳng Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng	B	Anh A2		
4226	219	Nguyễn Viết	Dương	27/11/1999	Nam	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	TC	Trung cấp Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4227	220	Nguyễn Xuân	Khu	27/06/1977	Nam	Vân Tảo, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên X. Quang	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4228	221	Đặng Đình	Giang	12/11/1987	Nam	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Trung cấp Xét nghiệm	B	Anh B		
4229	222	Phạm Thúy	Hằng	05/09/1996	Nữ	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Trung cấp Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4230	223	Nguyễn Thị	My	04/12/1979	Nữ	Tân Dân, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Trung cấp Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	CTB	
4231	224	Trần Văn	Hải	04/10/1995	Nam	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh Y học	B	Anh B		
4232	225	Nguyễn Văn	Quyết	15/08/1995	Nam	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh Y học	B	Anh B		
4233	226	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	14/10/1998	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4234	227	Nguyễn Văn	Đông	23/10/1994	Nam	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	B	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4235	228	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/10/1997	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383 (A2)		
4236	229	Trần Văn	Minh	21/10/1994	Nam	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm Y học	B	Anh A2		
4237	230	Nguyễn Thị	Thư	04/07/1995	Nữ	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4238	231	Đỗ Thị	Mơ	26/06/1989	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Cao đẳng Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng	B	Anh B	CTB	
4239	232	Lê Quốc	Chí	19/08/1994	Nam	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4240	233	Lê Thanh	Phong	13/05/1995	Nam	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	TC	Trung cấp Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 190		
4241	234	Phạm Quang	Tạo	05/06/1990	Nam	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	TC	Trung cấp Kỹ thuật xét nghiệm	Cao đẳng CNTT	Anh A2		
4242	235	Nguyễn Kiều	Trang	12/02/1996	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	TC	Trung cấp Kỹ thuật xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4243	236	Nguyễn Lan	Hương	25/02/1988	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật y xét nghiệm**	ĐH	Đại học Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4244	237	Khổng Hồng	Nhung	12/11/1993	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật y xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4245	238	Nguyễn Thu	Trang	11/02/1996	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật y xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4246	239	Nguyễn Thanh	Hưng	01/11/1992	Nam	An Lạc, Chí Linh, Hải dương	TTYT Hoàn Kiếm	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật y chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4247	240	Quách Hải	Yến	04/10/1989	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Trung cấp Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4248	241	Lê Nhật	Linh	20/6/1993	Nam	Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	TC	Trung cấp Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4249	242	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/1992	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Trung cấp Kỹ thuật xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4250	243	Nguyễn Tiểu	Anh	17/9/1996	Nữ	Trung Tâm, Nghĩa Lộ, Yên Bái	TTYT Cầu Giấy	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**DTTS**	
4251	244	Nguyễn Hải	Linh	17/3/1992	Nam	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Trung cấp Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4252	245	Nguyễn Tuấn	Anh	25/11/1993	Nam	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học dự phòng**	TC	Trung cấp Kỹ thuật viên xét nghiệm y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4253	246	Nguyễn Thu	Hương	14/12/1990	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Trung cấp Kỹ thuật xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4254	247	Nguyễn Thị Thu	Ngân	16/04/1996	Nữ	Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4255	248	Trần Thị	Thúy	19/12/1994	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4256	249	Nguyễn Thị Thu	Hường	13/03/1992	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Văn phòng B	Anh B		
4257	250	Nguyễn Thị	Nhường	28/09/1995	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Trung cấp Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4258	251	Đỗ Hằng	Hà	19/11/1996	Nữ	Mỹ đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung HSK 3 (B1)		
4259	252	Trần Minh	Đức	28/06/1997	Nam	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB**	
4260	253	Đinh Trọng	Thành	10/06/1998	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4261	254	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/07/1995	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
4262	255	Lê Thị Hồng	Nhung	05/12/1993	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Trung cấp Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4263	256	Đoàn Trọng	Tuấn	13/08/1995	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4264	257	Trịnh Thị Hồng	Minh	28/06/1994	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4265	258	Nguyễn Thị Lệ	Duyên	14/04/1996	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Trung cấp Xét nghiệm	IC 3	Anh A2		
4266	259	Nguyễn Văn	Quân	12/06/1996	Nam	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm Y học**	TC	Trung cấp Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4267	260	Nguyễn Chí	Dương	14/12/1994	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm đa khoa**	TC	Trung cấp Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4268	261	Trần Thị Thu	Phương	24/01/1998	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm đa khoa**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4269	262	Hà Quang	Hảo	07/08/1995	Nam	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4270	263	Lê Văn	Quân	01/10/1995	Nam	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4271	264	Nguyễn Thị	Thắng	06/08/1994	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Trung cấp Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4272	265	Đặng Thị Ngọc	Anh	01/11/1995	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4273	266	Lê Thị Bích	Ngọc	25/11/1978	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Trung cấp Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
4274	267	Nguyễn Đức	Đông	17/07/1994	Nam	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh Y học	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
4275	268	Nguyễn Văn	Chiến	27/07/1997	Nam	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4276	269	Nguyễn Chí	Khương	08/08/1998	Nam	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm Y học -	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4277	270	Phùng Quang	Quang	06/11/1997	Nam	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Cao đẳng Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
		10. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DƯỢC SĨ (HẠNG III) - V.08.08.22													
4278	1	Nguyễn Thị Thùy	Anh	20/11/1995	Nữ	Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 795		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4279	2	Lê Thị Cẩm	Giang	05/12/1986	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4280	3	Đào Thị	Hồng	24/04/1994	Nữ	Đông Ngàn, Từ Sơn, Bắc Ninh	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4281	4	Nguyễn Phương	Linh	28/04/1996	Nữ	Đông Thọ, Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2 (IELFTS)		
4282	5	Đào Thị	Mai	12/08/1989	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4283	6	Vương Thị	Ngân	11/11/1988	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4284	7	Vũ Thị Hồng	Ngọc	14/09/1994	Nữ	Mão Điền, Thuận Thành, Bắc Ninh	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4285	8	Nông Thị Thanh	Phương	23/10/1991	Nữ	Tân Hiệp, Yên Thế, Bắc Giang	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Đại học Dược (thạc sỹ dược lý lâm sàng)	Văn phòng C	TOEIC 610	DTTS	
4286	9	Đỗ Xuân	Thi	20/06/1985	Nam	Xuân Tảo, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Văn phòng B	Anh B		
4287	10	Vũ Đăng Hoàng	Yến	03/02/1994	Nam	Mão Điền, Thuận Thành, Bắc Ninh	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Đại học Dược (thạc sỹ dược học)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4288	11	Điểu Thị Ngọc	Châu	14/01/1996	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 477		
4289	12	Bạch Văn	Dương	04/12/1994	Nam	Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4290	13	Ngụy Thị	Hằng	11/05/1992	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4291	14	Trần Ngọc	Phương	17/02/1992	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Đại học Dược (thạc sỹ dược)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4292	15	Đặng Hoài	Thu	31/10/1994	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Pháp B2		
4293	16	Nguyễn Công	Tuấn	15/11/1988	Nam	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4294	17	Nguyễn Thị	Tâm	20/11/1982	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Văn phòng B	Anh B		
4295	18	Hà Thị Thu	Thương	25/10/1991	Nữ	Phúc Thành, Vũ Thư, Thái Bình	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Đại học Dược (thạc sỹ dược)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1	CBB	
4296	19	Ngô Anh	Tuấn	29/05/1994	Nam	Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4297	20	Hoàng Thị Lan	Anh	10/01/1983	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Đại học Dược (thạc sỹ dược lý lâm sàng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Pháp Delf C1		Có bằng tốt nghiệp sau ĐH ở nước ngoài
4298	21	Nguyễn Thị	Hải	09/07/1985	Nữ	Cao Minh, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 495		
4299	22	Nguyễn Xuân	Hòa	09/10/1996	Nam	Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4300	23	Phạm Lan	Hương	20/11/1984	Nữ	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh ITP 397 (bậc 2)		
4301	24	Nguyễn Thị	Lương	28/03/1993	Nữ	Đình Cao, Phù Cừ, Hưng Yên	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 400		
4302	25	Bùi Thị Thúy	Nga	04/03/1996	Nữ	Liêm Túc, Thanh Liêm, Hà Nam	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4303	26	Ngô Thị Kiều	Ngân	15/01/1996	Nữ	Phú Khê, Cẩm Khê, Phú Thọ	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	IC3	TOEIC 630		
4304	27	Nguyễn Trường	Sơn	24/10/1990	Nam	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Đại học Dược (thạc sỹ dược)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4305	28	Nguyễn Thị Phương	Thảo	14/02/1994	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 477		
4306	29	Trần Thị Minh	Trang	11/08/1992	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Đại học Dược (thạc sỹ dược)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng THs tại nước ngoài		
4307	30	Mẫn Thị Vân	Anh	08/07/1991	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4308	31	Hứa Thị Thu	Huyền	17/07/1986	Nữ	Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Đại học Dược (thạc sỹ dược)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1	CĐCĐ	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4309	32	Vũ Hồng	Minh	12/04/1995	Nữ	Tiền Phong, Thái Bình, Thái Bình	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CĐCĐ	
4310	33	Cao Thị Hồng	Nhung	11/11/1994	Nữ	Bát Xát, Bát Xát, Lào Cai	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4311	34	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	08/03/1991	Nữ	Yên Bình, Yên Bình, Yên Bái	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 530		
4312	35	Vương Thị	Tâm	22/09/1990	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4313	36	Đỗ Thị	Thu	16/12/1996	Nữ	Thanh Bình, Thanh Liêm, Hà Nam	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toeic 680 (B2)		
4314	37	Toàn Thu	Thủy	15/10/1994	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Lạng Sơn, Lạng Sơn	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	DTTS	
4315	38	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/03/1993	Nữ	Việt Quang, Bắc Quang, Hà Giang	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4316	39	Hoàng Minh	Tú	07/07/1996	Nam	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383		
4317	40	Quách Thị Ánh	Tuyết	10/07/1988	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	DTTS	
4318	41	Nguyễn Ngọc	Yến	09/08/1995	Nữ	Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
4319	42	Đỗ Đình	Long	15/11/1995	Nam	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4320	43	Phạm Hồng	Thái	03/07/1989	Nam	Bùi Xương Trạch, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4321	44	Trần Thị Thu	Quỳnh	05/07/1988	Nữ	Trần Hưng Đạo, Nam Định, Nam Định	BVĐK Hà Đông	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4322	45	Đặng Bảo	Tuấn	02/10/1991	Nam	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4323	46	Cao	Minh	10/03/1993	Nam	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Pháp B1		Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4324	47	Lê Đình	Khoa	23/03/1990	Nam	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1	CTB	
4325	48	Trần Thị Thu	An	25/07/1991	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 387		
4326	49	Nguyễn Thanh	Hải	28/10/1986	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 353		
4327	50	Bùi Hoàng	Hải	16/04/1995	Nam	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 665		
4328	51	Nghiêm Thị	Hào	07/05/1988	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4329	52	Nguyễn Thúy	Hồng	10/09/1995	Nữ	Thanh Lâm, Lục Nam, Bắc Giang	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4330	53	Nguyễn Thị Mai	Linh	22/05/1984	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược		Anh C		
4331	54	Nguyễn Thị Ngọc	Lý	28/10/1987	Nữ	Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược (chuyên khoa I tổ chức quản lý Dược)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4332	55	Đỗ Thị Bích	Ngọc	06/03/1996	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 620	CĐCĐ	
4333	56	Dương Thanh	Tâm	23/07/1994	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4334	57	Nguyễn Văn	Tuyến	26/04/1993	Nam	Thạch Xá, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Văn phòng B	Anh A2		
4335	58	Nguyễn Thị	Mai	03/06/1989	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4336	59	Nguyễn Quang	Trường	06/11/1990	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Văn phòng B	Tiếng Anh giao tiếp B		
4337	60	Đỗ Thu	Hương	11/12/1991	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	B	Anh B		
4338	61	Trần Thị	Hiện	12/11/1992	Nữ	Nguyễn Trãi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4339	62	Nguyễn Phương	Lan	16/12/1990	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4340	63	Nguyễn Hoàng	Đạt	14/7/1995	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 380		
4341	64	Nguyễn Bích	Huệ	01/5/1982	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Văn phòng B	Anh A2		
4342	65	Dương Thị Hồng	Anh	22/5/1996	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4343	66	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	03/5/1995	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
4344	67	Bùi Thị Thu	Trang	25/6/1991	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	B	Anh B		
4345	68	Trần Thị Thu	Trang	23/5/1995	Nữ	Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	IC 3	Anh B1		
4346	69	Lê Thị	Tâm	19/03/1994	Nữ	Thụy An, Thái Thụy, Thái Bình	BV Thận HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 360		
4347	70	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	01/10/1994	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BV Thận HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 390		
4348	71	Nguyễn Tuấn	Anh	02/08/1991	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4349	72	Đỗ Thị Mai	Dung	02/12/1985	Nữ	Khương Hạ, Thanh Xuân, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4350	73	Trịnh Thị Thu	Hiền	19/10/1992	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
4351	74	Hoàng Thị	Huệ	24/02/1995	Nữ	Giao Tiến, Giao Thủy, Nam Định	BVĐK Chương Mỹ	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4352	75	Nguyễn Thu	Huyền	07/12/1995	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4353	76	Lương Thị Hải	Yến	11/07/1993	Nữ	Tử Đà, Phú Ninh, Phú Thọ	BVĐK Chương Mỹ	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Đại học Dược (thạc sỹ dược)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bằng tốt nghiệp sau ĐH ở nước ngoài		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4354	77	Hoàng Mạnh	Hùng	25/12/1983	Nam	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
4355	78	Lưu Vân	Phương	04/02/1996	Nữ	Phú Yên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
4356	79	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/09/1994	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
4357	80	Nguyễn Minh	Quý	30/09/1993	Nam	TT Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4358	81	Nguyễn Xuân	Thịnh	10/09/1986	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 280	HTNV	
4359	82	Nguyễn Thị	Loan	23/10/1988	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4360	83	Đỗ Đình	Long	15/11/1995	Nam	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4361	84	Nguyễn Thị Lý	Phương	30/11/1994	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4362	85	Nguyễn Thị Thu	Thủy	13/01/1993	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4363	86	Nguyễn Thị Việt	Anh	03/04/1991	Nữ	Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4364	87	Nguyễn Thúy	Quỳnh	16/10/1990	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4365	88	Phạm Việt	Anh	19/5/1989	Nam	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4366	89	Mai Thị Thanh	Bình	11/5/1975	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4367	90	Hoàng Hạnh	Tâm	15/10/1996	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4368	91	Nguyễn Trọng	Đồng	18/03/1974	Nam	Hà Cầu, Hà Đông,Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược (chuyên khoa cấp I tổ chức quản lý dược)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4369	92	Lưu Thị	Hương	27/10/1983	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4370	93	Nguyễn Vũ	Duy	02/10/1986	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4371	94	Lê Thu	Thủy	09/081988	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4372	95	Chu Bá	Sơn	30/03/1980	Nam	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4373	96	Trịnh Thị	Quỳnh	28/01/1987	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4374	97	Đinh Thị Thủy	Dung	01/08/1989	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	DTTS	
4375	98	Trần Thị	Nga	14/12/1995	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	IC 3	Anh B1		
4376	99	Trần Nguyên	Ngọc	06/09/1993	Nam	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng B	Anh A2		
4377	100	Nguyễn Thị	Nguyệt	22/05/1991	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4378	101	Ngô Thị	Phượng	06/04/1988	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng B	Anh A2		
4379	102	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	10/01/1993	Nữ	Thạch Xá, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
4380	103	Bùi Quốc	Kiên	23/12/1978	Nam	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4381	104	Nguyễn Kim	Ngân	29/09/1992	Nữ	Phượng Cách, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4382	105	Nguyễn Thị Kim	Hiếu	24/08/1996	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 559		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4383	106	Nguyễn Thị	Lan	01/04/1991	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4384	107	Hoàng Thị	Minh	17/08/1996	Nữ	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
4385	108	Nguyễn Thị	Tuyết	15/05/1987	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4386	109	Vũ Hồng	Loan	02/12/1992	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4387	110	Nguyễn Thị	Mai	28/02/1995	Nữ	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
		11. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23													
4388	1	Nguyễn Hoàng	Đức	09/04/1986	Nam	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh B		
4389	2	Cao Thị	Giang	02/02/1995	Nữ	Hoằng Phong, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4390	3	Nguyễn Thị	Hằng	13/08/1983	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4391	4	Đào Thị	Hòa	20/12/1990	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh B		
4392	5	Phạm Thị Thu	Hương	30/01/1986	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Văn phòng B	Anh B		
4393	6	Phạm Thu	Huyền	22/07/1996	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh B		
4394	7	Nguyễn Thị	Thêu	28/08/1990	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Văn phòng B	Anh B		
4395	8	Trần Thị	Thoan	17/11/1995	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4396	9	Trần Hồng	Vân	14/03/1990	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4397	10	Cao Hoài	Anh	16/04/1978	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4398	11	Lê Thị Huyền	Trang	03/11/1991	Nữ	Đồng Xuân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4399	12	Nguyễn Trung	Kiên	07/07/1988	Nam	Thường Tín, Thường Tín, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 450		
4400	13	Bùi Thị Lệ	Hằng	23/02/1985	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEIC 255 (Anh bậc 2)		
4401	14	Nguyễn Thị Hồng	Mai	10/01/1972	Nữ	Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4402	15	Lê Hương	Giang	06/02/1995	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4403	16	Đoàn Nguyễn Thị	Hà	04/04/1994	Nữ	Giao Tân, Giao Thủy, Nam Định	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
4404	17	Hà Thị	Hằng	27/10/1984	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
4405	18	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/03/1983	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
4406	19	Trần Hồng	Hạnh	20/10/1983	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
4407	20	Đỗ Thị	Hiền	01/07/1984	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	CBB	
4408	21	Phạm Thị	Hoàn	21/09/1985	Nữ	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 363		
4409	22	Nguyễn Thị	Liên	10/12/1984	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4410	23	Đoàn Như	Lữ	11/03/1987	Nữ	Đại Cường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh B		
4411	24	Lê Thị Thanh	Nga	07/12/1994	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4412	25	Trần Thị Bích	Ngọc	27/12/1984	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4413	26	Lê Thị	Nguyệt	23/07/1986	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
4414	27	Lã Thanh	Phương	13/11/1980	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
4415	28	Phạm Thị	Thảo	12/01/1995	Nữ	Bình Nguyên, Kiến Xương, Thái Bình	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4416	29	Nguyễn Huyền	Trang	05/09/1990	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 397		
4417	30	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	17/08/1998	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4418	31	Giang Nguyên	Dung	02/09/1984	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4419	32	Nguyễn Thị Thùy	Dung	09/01/1984	Nữ	Yên Quang, Ý Yên, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Văn phòng B	Anh B		
4420	33	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/08/1982	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh C		
4421	34	Nguyễn Hồng	Hà	08/03/1970	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4422	35	Nguyễn Minh	Hiền	27/09/1987	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Văn phòng B	Tiếng Anh Trung cấp		
4423	36	Dương Thị	Hiền	04/10/1997	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4424	37	Đỗ Thị Quỳnh	Hoa	16/10/1983	Nữ	Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4425	38	Nguyễn Thị	Hồng	22/08/1979	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược		Anh B		
4426	39	Lương Thị	Huế	12/11/1993	Nữ	Cao Thắng, Thanh Miện, Hải Dương	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFLS 377		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4427	40	Nguyễn Ngọc	Oanh	27/07/1970	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Văn phòng B	Anh B		
4428	41	Nguyễn Thị	Phương	03/11/1993	Nữ	Quang Minh, Kiến Xương, Thái Bình	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFLS 397		
4429	42	Nguyễn Hà	Thanh	23/11/1995	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4430	43	Đỗ Thị	Thêu	18/06/1988	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4431	44	Trần Thị	Thơ	06/11/1986	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4432	45	Bùi Thị	Thơm	14/09/1998	Nữ	Độc Lập, Hưng Hà, Thái Bình	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 407		
4433	46	Hoàng Thị Thanh	Thủy	21/10/1988	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4434	47	Lê Thị	Tuyết	24/12/1997	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4435	48	Trương Thị	Vân	07/01/1990	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4436	49	Lê Cẩm	Linh	16/12/1987	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4437	50	Lê Thị	Phương	27/6/1990	Nữ	Hạ Đình,Thanh Xuân,Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4438	51	Nguyễn Thị	Cúc	30/09/1996	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4439	52	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/01/1991	Nữ	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4440	53	Ngô Thị	Hòa	26/11/1990	Nữ	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4441	54	Lê Khánh	Linh	22/10/1986	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4442	55	Phạm Thị Hồng	Sơn	13/01/1980	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4443	56	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	09/06/1989	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4444	57	Nguyễn Hải	Yến	05/08/1996	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4445	58	Vương Quốc	Dũng	08/08/1989	Nam	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4446	59	Trịnh Thi	Hà	10/12/1993	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh C		
4447	60	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	29/01/1992	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 330		
4448	61	Lê Thị	Huê	06/08/1990	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 360		
4449	62	Cao Thùy	Linh	29/06/1988	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 380		
4450	63	Nguyễn Thị Thanh	Loan	12/06/1994	Nữ	Hoà Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4451	64	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	18/12/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4452	65	Lê Anh	Tuấn	19/11/1987	Nam	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4453	66	Đỗ Thị Thanh	Xuân	04/02/1997	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4454	67	Nguyễn Thị	Huyền	06/03/1995	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4455	68	Trương Thị	Vân	02/08/1990	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
4456	69	Nguyễn Tiến	Dũng	21/10/1995	Nam	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4457	70	Nguyễn Thị Phương	Hồng	15/01/1972	Nữ	Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4458	71	Nguyễn Thị	Huệ	20/03/1993	Nữ	Minh Trí, Sóc, Sơn, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEIC)		
4459	72	Nguyễn Thị	Hường	06/01/1986	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEIC)		
4460	73	Cù Thị	Nhỏ	26/10/1990	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4461	74	Nguyễn Phương	Oanh	29/09/1992	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh B		
4462	75	Phạm Thị Bích	Trà	09/10/1982	Nữ	Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	B			
4463	76	Võ Thị Thanh	Tú	22/10/1982	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	B	Anh B		
4464	77	Trương Thanh	Bình	26/08/1992	Nam	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B	CBB	
4465	78	Nguyễn Thị	Hoa	29/07/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1		
4466	79	Hoàng Thị	Huyền	16/10/1986	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4467	80	Lê Thị Hồng	Nhung	29/10/1991	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 235		
4468	81	Nguyễn Thị Kim	Thu	01/03/1993	Nữ	Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4469	82	Hoàng Thị Minh	Trang	13/7/1987	Nữ	Cộng Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	ĐTTS	
4470	83	Lê Ngọc	Hà	24/06/1986	Nam	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	B	Anh B		
4471	84	Đặng Thị	Hảo	24/08/1992	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4472	85	Trần Thị Mỹ	Huyền	08/04/1994	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4473	86	Đỗ Thị	Lý	05/02/1992	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4474	87	Vũ Thị Hồng	Nhung	11/11/1997	Nữ	Lâm Thao, Lâm Thao, Phú Thọ	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4475	88	Hoàng Minh	Phương	09/07/1994	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	B	Anh B		
4476	89	Nguyễn Thị	Thủy	18/04/1988	Nữ	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Đại học Dược	C	Anh B		
4477	90	Hoàng Thị Mai	Trang	15/02/1997	Nữ	Sơn Đà, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4478	91	Chu Thị Hải	Yến	23/10/1992	Nữ	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4479	92	Ngô Thùy	Quyên	16/08/1984	Nữ	Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4480	93	Trần Thị Thu	Thủy	18/10/1993	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4481	94	Phạm Thu	Trang	12/09/1991	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4482	95	Nguyễn Thị Vân	Anh	27/12/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4483	96	Nguyễn Thị	Năm	22/04/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4484	97	Nguyễn Thị	Hân	02/12/1993	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4485	98	Nguyễn Đăng	Dũng	30/01/1993	Nam	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4486	99	Đào Thị Thùy	Dung	26/7/1990	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4487	100	Lã Thanh	Hải	06/7/1986	Nam	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4488	101	Nguyễn Thị Mai	Hương	22/9/1986	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4489	102	Nguyễn Ánh	Huyền	27/4/1990	Nữ	Hồng Kỳ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4490	103	Trần Thị Tú	Lệ	16/6/1992	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4491	104	Nguyễn Thị Kim	Ngân	13/5/1997	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản			
4492	105	Nguyễn Thị Mỹ	Ninh	04/11/1997	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	B	Anh B		
4493	106	Nguyễn Văn	Phán	05/02/1984	Nam	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4494	107	Nguyễn Thị	Tâm	08/3/1993	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4495	108	Nguyễn Thị	Thu	06/7/1994	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh B		
4496	109	Nguyễn Thị	Thức	12/12/1990	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4497	110	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	04/02/1988	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4498	111	Nguyễn Thị Vân	Anh	08/4/1987	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4499	112	Lê Thị	Bình	18/12/1991	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh B		
4500	113	Nguyễn Văn	Hiệp	30/6/1995	Nam	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4501	114	Hà Ngọc	Tin	09/9/1981	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4502	115	Hoàng Thị Kim	Anh	02/03/1985	Nữ	Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Thận HN	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	IC 3	Anh B1		
4503	116	Phạm Thúy	Hà	29/03/1989	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Thận HN	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 390		
4504	117	Nguyễn Quỳnh	Như	06/09/1994	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4505	118	Đặng Thanh	Nhàn	10/06/1995	Nam	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4506	119	Nguyễn Trang	Nhung	15/4/1989	Nữ	Mường Thanh, Điện Biên Phủ, Điện Biên	BV YHCT Hà Đông	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4507	120	Bùi Thị Thùy	Anh	13/11/1991	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 378		
4508	121	Nguyễn Xuân	Bảo	27/08/1986	Nam	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB**	
4509	122	Nguyễn Thị	Đào	20/11/1989	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4510	123	Phạm Thị	Hoa	15/06/1989	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	B	Anh B	**CTB**	
4511	124	Thiều Thị	Hồng	01/11/1985	Nữ	Trung Châu, Huyện Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	B	Anh B		
4512	125	Nguyễn Thị	Huệ	19/08/1995	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 235		
4513	126	Vương Thị	Hường	27/10/1993	Nữ	Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4514	127	Nguyễn Thị	Miền	05/08/1996	Nữ	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4515	128	Phan Thị	Nhung	17/11/1987	Nữ	Đồng Tháp, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
4516	129	Nguyễn Thị	Thắm	07/10/1986	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4517	130	Nguyễn Thị	Thơm	03/07/1983	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	CTB	
4518	131	Tạ Thị	Thủy	25/10/1997	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4519	132	Nguyễn Thị Thu	Trang	27/08/1996	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4520	133	Nguyễn Anh	Tuấn	02/11/1983	Nam	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	HTNV	
4521	134	Thạc Thị Kim	Tuyến	14/09/1984	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 500		
4522	135	Nguyễn Thị Phương	Anh	10/09/1987	Nữ	TT Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4523	136	Trần Thị Thanh	Dung	10/12/1985	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4524	137	Lương Thị Song	Loan	09/09/1995	Nữ	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 387		
4525	138	Trịnh Thị	Thảo	23/12/1994	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 380		
4526	139	Lê Thị	Thu	12/09/1993	Nữ	TT Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 400		
4527	140	Lê Thị Hồng	Sơn	28/12/1991	Nữ	Quất Động, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4528	141	Uông Thị	Ly	14/02/1987	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4529	142	Nguyễn Thị Vân	Anh	29/05/1987	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Văn phòng B	Anh B		
4530	143	Trần Thị	Bình	27/10/1990	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4531	144	Nguyễn Thị	Dịu	18/02/1988	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4532	145	Nguyễn Thị Hương	Giang	19/06/1988	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
4533	146	Nguyễn Thị	Nhung	06/04/1995	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4534	147	Phạm Thị	Phương	08/12/1996	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng B			
4535	148	Lê Thanh	Thư	09/12/1996	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4536	149	Lê Thị	Thúy	09/08/1986	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4537	150	Vũ Thị Thanh	Thủy	21/12/1993	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4538	151	Trương Thị	Vi	10/04/1991	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4539	152	Đặng Thị	Cúc	12/03/1994	Nữ	Minh Bảo, Yên Bái, Yên Bái	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4540	153	Tạ Thị	Hảo	02/11/1988	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4541	154	Nguyễn Thị Thúy	Hiếu	12/03/1989	Nữ	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	C	Anh bậc 2		
4542	155	Nguyễn Thị	Hương	16/11/1983	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CĐCĐ	
4543	156	Phùng Thị	Phương	08/12/1996	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4544	157	Đoàn Thị Bích	Phượng	07/05/1988	Nữ	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4545	158	Hoàng Thị	Phượng	06/09/1995	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4546	159	Trần Thị	Xuân	13/01/1991	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4547	160	Nguyễn Thị	Thủy	12/05/1986	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4548	161	Nguyễn Thị	Tuyết	14/03/1991	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4549	162	Nguyễn Trường	Giang	12/12/1996	Nam	Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4550	163	Trần Thị Thu	Hà	16/02/1987	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4551	164	Nguyễn Thị	Nhung	09/12/1982	Nữ	Liên Châu, Thanh Oai, Hà Nội	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4552	165	Lê Tuấn	Việt	10/10/1990	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4553	166	Nguyễn Tiến	Mừng	20/07/1981	Nam	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Trung cấp Tin học	Anh A2		
4554	167	Trần Thị	Hương	23/6/1981	Nữ	Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4555	168	Ngô Minh	Phương	12/01/1995	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
4556	169	Cao Thanh	Tâm	27/8/1984	Nữ	Kim Liên,Đống Đa , Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4557	170	Chu Ngọc	Thủy	30/10/1981	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4558	171	Lê Hồng	Hải	16/10/1994	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 368		
4559	172	Nguyễn Thị Minh	Huệ	07/01/1998	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 363		
4560	173	Phạm Thị Minh	Phượng	13/09/1987	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4561	174	Tuấn Anh	Quân	22/04/1977	Nam	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4562	175	Lê Minh	Châu	20/12/1991	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B1		
4563	176	Trần Thị	Lập	21/11/1978	Nữ	Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4564	177	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	01/6/1998	Nữ	Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	TTYT Đống Đa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 337		
4565	178	Tạ Ánh	Tuyết	08/01/1992	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4566	179	Nguyễn Hữu	Lộc	11/12/1990	Nam	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 357	HTNV	
4567	180	Nguyễn Thanh	Tùng	12/10/1990	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4568	181	Nguyễn Thành	Trung	16/02/1980	Nam	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4569	182	Cao Như	Hoa	28/02/1994	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4570	183	Trần Thị	Hằng	29/09/1993	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4571	184	Hà Thị Bích	Hồng	09/05/1985	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3	CTB	
4572	185	Phạm Thị Thanh	Huệ	06/11/1985	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4573	186	Nguyễn Thanh	Huyền	24/12/1988	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4574	187	Kiều Thị Quỳnh	Nga	04/12/1998	Nữ	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4575	188	Nguyễn Thị	Thắm	30/03/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4576	189	Nguyễn Hương	Giang	11/06/1993	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4577	190	Nguyễn Xuân	Thắng	30/10/1978	Nam	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Long Biên	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4578	191	Lương Thị Quế	Hoa	27/10/1973	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh A2		
4579	192	Nguyễn Thị	Hương	25/04/1978	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4580	193	Dương Thị	Thuật	26/01/1986	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4581	194	Nguyễn Ngọc	Anh	07/06/1987	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4582	195	Nguyễn Trung	Dũng	17/04/1986	Nam	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4583	196	Lê Thị	Hiệp	10/07/1992	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4584	197	Đỗ Thị Mai	Hương	02/11/1992	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4585	198	Lê Thị	Lan	22/12/1985	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1		
4586	199	Lê Thị	Ninh	21/08/1995	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4587	200	Nguyễn Đức	Quí	16/10/1989	Nam	Nam hồng, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4588	201	Nguyễn Văn	Tân	18/12/1984	Nam	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4589	202	Lại Quang	Thắng	02/08/1994	Nam	Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4590	203	Vũ Thị Phương	Thảo	22/09/1995	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4591	204	Nguyễn Thị Bích	Thảo	08/03/1983	Nữ	Thị Trấn Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4592	205	Dương Kim	Tiến	04/09/1993	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4593	206	Phạm Thị	Hiền	29/06/1985	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4594	207	Nguyễn Thị	Phượng	03/12/1980	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
4595	208	Nguyễn Phương	Thảo	30/03/1991	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4596	209	Hoàng Châm	Anh	20/10/1990	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4597	210	Bùi Minh	Dương	20/09/1993	Nam	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4598	211	Vũ Thị	Mai	08/07/1998	Nữ	Kim Sơn, Thị xã Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4599	212	Nguyễn Thị	Loan	15/01/1994	Nữ	Thị trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4600	213	Đỗ Đình	Long	15/11/1995	Nam	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4601	214	Nguyễn Huyền	Trang	01/09/1994	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4602	215	Lê Thị	Bích	10/04/1990	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4603	216	Nguyễn Thị	Dưỡng	19/10/1988	Nữ	Tân Hưng, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4604	217	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	15/02/1990	Nữ	Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4605	218	Lê Thu	Hằng	14/01/1993	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4606	219	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	01/06/1979	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4607	220	Nguyễn Thị	Hiền	30/01/1985	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Văn phòng B	Anh A2		
4608	221	Trần Thị	Hương	15/12/1991	Nữ	Đức Hòa, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	Văn phòng B	Anh B		
4609	222	Nguyễn Thị	Hường	20/04/1981	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4610	223	Nguyễn Thị	Lan	10/08/1996	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4611	224	Lê Thị Diệu	Linh	24/04/1997	Nữ	Đức Hòa, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Văn phòng B	Tiếng Anh giao tiếp B		
4612	225	Chu Thị	Loan	08/03/1995	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4613	226	Nguyễn Thị Trà	My	28/12/1990	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4614	227	Nguyễn Thị	Nguyệt	29/01/1995	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4615	228	Nguyễn Thị	Phương	24/04/1988	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	Văn phòng B	Anh B	**CBB**	
4616	229	Trần Thị	Phương	10/02/1998	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4617	230	Nguyễn Thị Mai	Trang	10/09/1991	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4618	231	Hồ Thị Hồng	Trinh	08/06/1998	Nữ	Xuân Phú, Eakar, ĐăkLăk	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4619	232	Trần Thị	Tuyết	26/10/1990	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4620	233	Lê Thành	Chung	29/11/1977	Nam	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4621	234	Khất Minh	Hải	27/05/1989	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4622	235	Nguyễn Thị	Hoa	09/08/1993	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4623	236	Hoàng Thị Thanh	Huệ	13/11/1983	Nữ	Châu Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4624	237	Nguyễn Hoàng	Hưng	23/10/1994	Nam	Minh Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4625	238	Lý Thị Thanh	Huyền	11/08/1993	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh B	DTTS	
4626	239	Phạm Phong	Lan	02/06/1988	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4627	240	Nguyễn Thị	Mai	24/04/1991	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4628	241	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	18/01/1990	Nữ	Châu Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
4629	242	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	24/02/1991	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh B		
4630	243	Nguyễn Thị Thu	Phương	11/10/1994	Nữ	Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh B		
4631	244	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	19/02/1997	Nữ	Minh Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4632	245	Lê Thị	Sen	22/10/1995	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4633	246	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	14/04/1989	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	CBB	
4634	247	Mai Thị	Thủy	18/03/1988	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh A2		
4635	248	Hoàng Thị	Dung	30/08/1994	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Văn phòng B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4636	249	Đặng Thị	Liên	29/05/1992	Nữ	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
4637	250	Nguyễn Thị	Thúy	11/03/1992	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4638	251	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	02/11/1990	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4639	252	Trần Thị	Hằng	15/02/1984	Nữ	Tân Xã, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4640	253	Đỗ Thị	Hồng	11/03/1988	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4641	254	Lê Thị	Mến	14/01/1989	Nữ	Tân Xã, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4642	255	Nguyễn Thị	Nga	29/12/1991	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4643	256	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	31/12/1998	Nữ	Yên Trung, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	DTTS	
4644	257	Phí Thị	Phương	01/12/1995	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4645	258	Nguyễn Thị Hà	Trang	03/03/1996	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4646	259	Nguyễn Thị	Tuyết	09/02/1992	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	DTTS	
4647	260	Nguyễn Thị Hồng	Anh	09/11/1988	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4648	261	Hoàng Thị Quế	Anh	29/09/1989	Nữ	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4649	262	Dương Thị	Ánh	16/09/1990	Nữ	Phượng Cách, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4650	263	Ngô Thị Kim	Dung	04/12/1992	Nữ	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4651	264	Nguyễn Thị	Hà	16/02/1992	Nữ	Tân Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4652	265	Bùi Thị Thu	Hà	28/12/1994	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 325		
4653	266	Lê Thị	Hiền	28/12/1993	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4654	267	Nguyễn Thị	Hiền	26/12/1990	Nữ	Đại Thành, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4655	268	Trần Thị	Hòa	19/10/1980	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 363	CĐCĐ	
4656	269	Nguyễn Thị	Hồng	24/09/1990	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4657	270	Nguyễn Văn	Hùng	17/09/1988	Nam	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	B	Anh A2		
4658	271	Lương Thị Mỹ	Hương	18/11/1987	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4659	272	Hoàng Thị	Hương	01/03/1998	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4660	273	Dương Thị	Khánh	22/08/1997	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4661	274	Lê Thị	Loan	15/06/1994	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4662	275	Trương Thị	Long	31/12/1990	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4663	276	Phùng Thị	Luân	28/05/1989	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4664	277	Vũ Thị	Nga	14/11/1993	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4665	278	Nguyễn Thị	Ngọc	01/08/1996	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4666	279	Nguyễn Thị	Nhung	16/12/1993	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4667	280	Nguyễn Thị	Núi	20/06/1984	Nữ	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
4668	281	Đỗ Thị	Phương	22/02/1989	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4669	282	Lê Thị	Quỳnh	30/11/1991	Nữ	Nghĩa Hương, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4670	283	Nguyễn Hữu	Quỳnh	18/01/1989	Nam	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4671	284	Nguyễn Thị	Thắm	27/08/1995	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4672	285	Kiều Thị	Thao	25/01/1989	Nữ	Đồng Yên, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4673	286	Nguyễn Thị	Thảo	13/12/1994	Nữ	Cẩn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 225		
4674	287	Dương Thị	Trầm	28/06/1995	Nữ	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4675	288	Vũ Thị	Trang	17/09/1987	Nữ	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4676	289	Đặng Thị	Yến	14/07/1992	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	B	Anh B		
4677	290	Nguyễn Thị Minh	Tâm	04/03/1996	Nữ	Trung Châu , Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 362		
4678	291	Nguyễn Thị Vân	Anh	15/01/1989	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4679	292	Nguyễn Viết Thị Thu	Dung	09/04/1982	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
4680	293	Nguyễn Thị	Duyên	26/11/1976	Nữ	Đắc Sở, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4681	294	Nguyễn Thị	Đoan	26/10/1996	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 225		
4682	295	Nguyễn Thị	Hằng	01/11/1993	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4683	296	Trí Thị	Hiền	25/02/1990	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 420		
4684	297	Nguyễn Thị Khánh	Ly	27/09/1985	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4685	298	Nguyễn Thị	Tâm	26/09/1986	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
4686	299	Nguyễn Thanh	Tú	16/05/1998	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 357		
4687	300	Nguyễn Thị	Cúc	11/12/1991	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4688	301	Đặng Thị	Hà	27/01/1990	Nữ	Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	A			
4689	302	Nguyễn Thị Thu	Hằng	13/08/1996	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	B	Anh B		
4690	303	Đỗ Thị	Hay	26/09/1984	Nữ	Tân Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	B	Anh B		
4691	304	Nguyễn Thị	Hiền	13/12/1991	Nữ	Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4692	305	Đỗ Thị Nên	Hương	27/02/1991	Nữ	Trần Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4693	306	Đặng Thị	Huyền	24/08/1994	Nữ	Thanh Bình, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4694	307	Cao Thị	Loan	13/01/1988	Nữ	Mỹ Lương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	B	Anh B		
4695	308	Đặng Quỳnh	Mai	10/03/1995	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4696	309	Phạm Thị	Miền	12/09/1985	Nữ	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4697	310	Bạch Thị	Nhài	28/09/1991	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4698	311	Lê Thị	Thanh	06/02/1995	Nữ	Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4699	312	Nguyễn Thị	Thanh	21/10/1990	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4700	313	Nguyễn Phương	Thảo	15/07/1993	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	DTTS	
4701	314	Dương Thị	Thu	12/09/1995	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4702	315	Lê Thị	Thu	01/12/1995	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4703	316	Mai Thị	Thúy	28/08/1990	Nữ	Đồng Lạc, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4704	317	Nguyễn Thị	Thúy	29/12/1991	Nữ	Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4705	318	Đỗ Phương	Thúy	04/11/1995	Nữ	Tân Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4706	319	Nguyễn Thị	Tiếp	28/05/1992	Nữ	Hoàng Diệu, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A1		
4707	320	Nguyễn Thị	Tình	04/04/1990	Nữ	Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	B	Anh B		
4708	321	Nguyễn Văn	Trường	31/03/1986	Nam	Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	B	Anh B		
4709	322	Nông Thị	Bích	16/10/1994	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4710	323	Nguyễn Tiến	Hải	27/07/1989	Nam	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4711	324	Lê Thị	Hạnh	10/06/1985	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4712	325	Nguyễn Hương	Ly	18/01/1995	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4713	326	Vũ Thị	Thúy	07/08/1996	Nữ	Xuân Dương, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4714	327	Phạm Thị Thu	Trang	17/01/1993	Nữ	Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Văn phòng B	Anh C		
4715	328	Phùng Thị Minh	Anh	06/08/1998	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 363		
4716	329	Nguyễn Thị	Bảo	12/10/1985	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4717	330	Trần Thị	Bích	04/07/1987	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
4718	331	Nguyễn Thị	Đào	21/10/1990	Nữ	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4719	332	Trịnh Thu	Hiền	04/07/1979	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Văn phòng B	Anh B		
4720	333	Hoàng Thị	Huệ	13/09/1987	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4721	334	Nguyễn Thị	Hường	20/08/1981	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4722	335	Nguyễn Thị	Huyên	16/01/1994	Nữ	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4723	336	Lê Mỹ	Huyền	25/03/1987	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 430		
4724	337	Dương Thùy	Linh	18/06/1993	Nữ	Vạn Kim, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4725	338	Lê Thị Nhật	Linh	17/03/1994	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4726	339	Mai Thị	Luyến	15/05/1990	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4727	340	Bùi Thị	Mai	04/03/1989	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh B		
4728	341	Trần Thị	Mái	27/04/1989	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
4729	342	Nguyễn Thị	Nga	05/03/1990	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4730	343	Bùi Thị	Ngân	05/06/1983	Nữ	Hùng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4731	344	Trần Thị Châu	Nhí	23/02/1997	Nữ	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	DTTS	
4732	345	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	15/10/1984	Nữ	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4733	346	Lương Văn	Tài	19/06/1991	Nam	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4734	347	Nguyễn Thị	Tâm	03/05/1990	Nữ	Xuy Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4735	348	Lê Thị	Thủy	08/02/1988	Nữ	Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4736	349	Đinh Thị	Tuyết	21/04/1996	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4737	350	Chu Thị	Vân	12/12/1991	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4738	351	Bùi Thị Hải	Yến	15/07/1991	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh B		
4739	352	Mai Văn	Đúng	01/01/1988	Nam	Hồng Vân, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Đại học Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
4740	353	Đỗ Thị Thu	Hà	19/05/1985	Nữ	Hồng Vân, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4741	354	Ngô Thị	Huyền	13/05/1994	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh bậc 2		
4742	355	Nguyễn Thị Cẩm	Thạch	11/09/1996	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4743	356	Nguyễn Thị	Châm	20/03/1985	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Văn phòng B	Anh B		
4744	357	Đào Thị Hồng	Hạnh	14/04/1994	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4745	358	Trần Thị	Hằng	03/02/1993	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược		Anh B	CTB	
4746	359	Đào Thị	Hằng	01/08/1989	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Văn phòng B	Anh B1		
4747	360	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	07/12/1984	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Tin học văn phòng	Anh B		
4748	361	Nguyễn Phương	Linh	17/09/1994	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4749	362	Lê Thu	Nga	05/12/1992	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4750	363	Nguyễn Thị Hồng	Nhật	15/12/1989	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFLS 373 (A2)		
4751	364	Nguyễn Thị	Nhung	22/03/1990	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh A2		
4752	365	Nguyễn Thị	Phương	09/01/1989	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Văn phòng B	Anh B		
4753	366	Đinh Thanh	Phương	24/08/1996	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4754	367	Đào Thị	Thương	17/04/1995	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4755	368	Đoàn Thị Thu	Trang	19/04/1995	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4756	369	Đinh Thị Kiều	Trang	15/06/1990	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4757	370	Đặng Thị Tường	Vi	08/08/1984	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4758	371	Phùng Thị Thu	Huyền	11/02/1977	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4759	372	Phan Thị Thu	Minh	26/03/1989	Nữ	Phúc Hoà, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Văn phòng B	Anh B		
4760	373	Đào Thị	Cừ	10/9/1992	Nữ	Hòa Xá,Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4761	374	Nguyễn Thị	Hậu	21/7/1987	Nữ	Kim Đường,Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4762	375	Bùi Mạnh	Hùng	28/11/1994	Nam	Trầm Lộng,Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4763	376	Đỗ Thị Thu	Huyền	24/4/1990	Nữ	Vạn Thái,Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4764	377	Lưu Thanh	Lam	26/4/1994	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4765	378	Nguyễn Thị Thùy	Linh	08/6/1987	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4766	379	Nguyễn Thị	Ngọc	01/9/1998	Nữ	Liên Bạt,Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	B	Anh B		
4767	380	Phạm Thị	Nhung	11/11/1992	Nữ	Viên An,Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4768	381	Hoàng Thị Thu	Trang	01/02/1998	Nữ	Hồng Quang,Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4769	382	Nguyễn Thị Huyền	Trang	19/10/1989	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng B	Anh B		
4770	383	Lê Minh	Hiếu	16/08/1992	Nam	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4771	384	Phạm Thị	Quế	14/06/1987	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4772	385	Nguyễn Thị	Dung	16/11/1996	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
4773	386	Đỗ Viết	Hải	03/05/1994	Nam	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
4774	387	Vũ Nhật Hồng	Hoa	06/11/1994	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
4775	388	Đỗ Thị	Hòa	02/05/1992	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
4776	389	Trương Thị	Hồng	07/03/1986	Nữ	Tiến Phong, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng B	Anh B		
4777	390	Lê Ánh	Ngọc	08/11/1992	Nữ	Trưng Trắc, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Cao đẳng Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4778	391	Đỗ Thị	Vân	30/07/1997	Nữ	Tiến Thắng, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Trung cấp Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
		12. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DINH DƯỠNG (HẠNG III) - V.08.09.25													
4779	1	Lê Thị Ngọc	Anh	02/10/1994	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Dinh dưỡng (hạng III)	Dinh dưỡng	ĐH	Đại học Dinh dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4780	2	Nguyễn Thị	Yến	19/11/1995	Nữ	Xuân Hồng, Xuân Trường, Nam Định	BV Phổi Hà Nội	Dinh dưỡng (hạng III)	Dinh dưỡng	ĐH	Đại học Dinh dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
		13. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DINH DƯỠNG (HẠNG IV) - V.08.09.26													
4781	1	Lê Hoài	Thương	13/08/1989	Nữ	Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dinh dưỡng (hạng IV)	Dinh dưỡng	CĐ	Cao đẳng Dinh dưỡng tiết chế	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
		14. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DÂN SỐ VIÊN HẠNG III - V.08.10.28													
4782	1	Nghiêm Thu	Huyền	06/09/1974	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng III	**Tài chính (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Tài chính (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4783	2	Phạm Thị Tố	Nga	16/02/1989	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng III	**Bác sỹ Y học cổ truyền (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Bác sỹ Y học cổ truyền (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4784	3	Đoàn Thị	Xuân	12/02/1985	Nữ	Ô chợ dừa, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng III	**Quản trị kinh doanh (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4785	4	Nguyễn Thùy	Dương	18/10/1991	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dân số viên hạng III	**Quản lý nhà nước (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Quản lý nhà nước (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4786	5	Lý Thị Minh	Phương	27/07/1987	Nữ	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dân số viên hạng III	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4787	6	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	14/01/1989	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dân số viên hạng III	**Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4788	7	Đỗ Thúy	Hà	03/01/1982	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dân số viên hạng III	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4789	8	Hoàng Thị	Hảo	10/8/1992	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dân số viên hạng III	**Văn hóa học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Văn hóa học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4790	9	Đinh Thị	Lý	16/6/1981	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dân số viên hạng III	**Tài chính ngân hàng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4791	10	Đỗ Bích	Ngọc	25/9/1985	Nữ	Thổ Quan, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dân số viên hạng III	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4792	11	Đặng Thị	Phượng	01/12/1984	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dân số viên hạng III	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Tiếng Anh DN		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
4793	12	Đoàn Phương	Hà	18/12/1995	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Dân số viên hạng III	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Kỹ năng tin học MOS	Anh B2		
4794	13	Nguyễn Ánh	Ngọc	02/10/1984	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Dân số viên hạng III	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4795	14	Trần Thị Hải	Yến	21/02/1980	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Dân số viên hạng III	**Báo chí (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Báo chí (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Văn phòng B	Cử nhân Tiếng Anh	CTB	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
4796	15	Nguyễn Mạnh	Cường	05/01/1987	Nam	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng III	**Quản trị doanh nghiệp (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Quản trị doanh nghiệp (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Kỹ sư Tin học	Anh A2	CTB	
4797	16	Trần Thanh	Hằng	01/09/1994	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng III	**Tâm lý giáo dục (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Tâm lý giáo dục (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4798	17	Lưu Thị Thanh	Huyền	29/11/1992	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dân số viên hạng III	**Chính trị học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Chính trị học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Văn phòng B	Anh bậc 2		
4799	18	Nguyễn Thị	Vượng	10/10/1983	Nữ	Xuy Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dân số viên hạng III	**Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4800	19	Đinh Thị	Lộc	04/7/1994	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng III	**Kỹ sư hạ tầng và phát triển nông thôn (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	IC 3	Anh B1		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4801	20	Lê Thị Kim	Huệ	20/05/1985	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Dân số viên hạng III	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
4802	21	Đặng Thúy	Ngần	10/08/1989	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Dân số viên hạng III	**Y tế công cộng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Y tế công cộng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
		15. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DÂN SỐ VIÊN HẠNG IV - V.08.10.29													
4803	1	Vũ Thị Hương	Chi	17/05/1978	Nữ	Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng IV	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Văn phòng B	Anh C		
4804	2	Phạm Thu	Hương	02/06/1992	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm,Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4805	3	Đào Thu	Hà	09/04/1982	Nữ	Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
4806	4	Vũ Nhật	Phương	27/04/1991	Nữ	Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4807	5	Vũ Thị	Đinh	06/10/1982	Nữ	Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dân số viên hạng IV	**Hộ sinh (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Hộ sinh (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4808	6	Mai Thu	Hà	22/10/1995	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4809	7	Nguyễn Lệ	Thương	17/12/1990	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
4810	8	Nguyễn Thị Huyền	My	02/02/1995	Nữ	Nhân Chính,Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4811	9	Vũ Thị Thanh	Huyền	30/07/1990	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Dân số viên hạng IV	**Dân số, y tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4812	10	Nguyễn Thanh	Vân	16/01/1993	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Dân số viên hạng IV	**Dân số, y tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
4813	11	Lê Thị Thu	Hường	29/06/1979	Nữ	TT Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4814	12	Nguyễn Thị	Phấn	20/10/1972	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4815	13	Phạm Thị Ánh	Nhung	29/06/1990	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dân số viên hạng IV	**Báo chí (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Báo chí (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4816	14	Nguyễn Ngọc	Mai	03/02/1993	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Long Biên	Dân số viên hạng IV	**Y tế - Dân số (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Xã hội học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4817	15	Đặng Thị Phương	Ngân	14/12/1989	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dân số viên hạng IV	**Sư phạm mầm non (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Sư phạm mầm non (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4818	16	Nguyễn Thu	Hồng	27/10/1992	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dân số viên hạng IV	**Giáo dục tiểu học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Giáo dục tiểu học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4819	17	Phạm Thị Thùy	Linh	29/08/1996	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4820	18	Phùng Thị	Huyên	17/02/1982	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dân số viên hạng IV	**Trồng trọt (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Trồng trọt (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệ vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CBB**	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4821	19	Nguyễn Thị	Phương	24/10/1988	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dân số viên hạng IV	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4822	20	Nguyễn Thanh	Nga	21/04/1995	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dân số viên hạng IV	**Quản lý kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Quản lý kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
4823	21	Quách Thị	Ánh	06/08/1989	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4824	22	Bùi Thanh	Hằng	28/10/1981	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
4825	23	Đặng Thị Thùy	Linh	24/03/1995	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4826	24	Phạm Thị	Nga	20/02/1970	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4827	25	Nguyễn Thị	Hạnh	21/05/1970	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Tin học văn phòng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Tin học văn phòng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Trung cấp tin học văn phòng	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4828	26	Giang Thị Phương	Hoa	03/10/1993	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
4829	27	Đỗ Thị Thu	Hương	09/12/1991	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
4830	28	Nguyễn Thị	Khuyên	24/08/1991	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	B	Anh B		
4831	29	Đinh Thị	Ngà	04/02/1986	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4832	30	Phan Kiều	Anh	10/10/1974	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
4833	31	Hoàng Thu	Hà	23/05/1997	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4834	32	Phí Thị	Phương	12/07/1986	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4835	33	Đỗ Thị Thu	Vân	25/05/1988	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4836	34	Đoàn Thị Cẩm	Tú	17/02/1991	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4837	35	Nguyễn Thị Lan	Anh	26/11/1984	Nữ	Phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4838	36	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	18/04/1978	Nữ	Phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4839	37	Nguyễn Thanh	Phương	01/10/1989	Nữ	Phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4840	38	Nguyễn Tài	Trí	11/10/1978	Nam	Phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1	CBB	
4841	39	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	15/11/1993	Nữ	Xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4842	40	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	06/10/1993	Nữ	Phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4843	41	Đỗ Thị Thanh	Thủy	26/08/1993	Nữ	Phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4844	42	Nguyễn Thị	Hiên	29/03/1992	Nữ	Xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4845	43	Nguyễn Thị	Thắm	10/04/1988	Nữ	Xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4846	44	Đàm Hữu	Chung	06/06/1975	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dân số viên hạng IV	**Khai thác vận tải sắt (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Khai thác vận tải sắt (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4847	45	Đoàn Thị	Oanh	24/01/1986	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dân số viên hạng IV	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4848	46	Nguyễn Thị	Oanh	30/11/1989	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dân số viên hạng IV	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4849	47	Đỗ Thị	Thảo	27/05/1985	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dân số viên hạng IV	**Tin học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4850	48	Dương Thị Thu	Trang	24/03/1976	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dân số viên hạng IV	**Tin học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Tin học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4851	49	Đặng Thị Bích	Huệ	26/05/1979	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4852	50	Hoàng Thị Thanh	Huyền	07/08/1993	Nữ	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4853	51	Đỗ Thị Kim	Loan	24/07/1986	Nữ	Phương Độ, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4854	52	Kiều Thị	Thủy	05/07/1979	Nữ	Sen Chiểu, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4855	53	Nguyễn Thị	Thủy	10/10/1993	Nữ	Thanh Đa, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4856	54	Nguyễn Thị	Tuyết	10/06/1990	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	CTB	
4857	55	Nguyễn Đình	Môn	27/03/1990	Nam	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4858	56	Đinh Thị Thanh	Nhường	29/03/1996	Nữ	Thị Trấn, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Hành chính văn phòng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Hành chính văn phòng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4859	57	Bùi Lan	Anh	02/12/1997	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4860	58	Nguyễn Thị	Quyên	11/03/1986	Nữ	Yên Bình, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	ĐTTS	
4861	59	Lê Thị	Mến	15/01/1989	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4862	60	Nguyễn Thị	Nga	15/07/1984	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	CBB	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4863	61	Nguyễn Thị Xuân	Ngọc	16/02/1997	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4864	62	Trần Quang	Hoàn	15/02/1991	Nam	Trung Châu, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Dân số viên hạng IV	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4865	63	Nguyễn Thị	Huế	25/01/1994	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4866	64	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28/05/1987	Nữ	Phụng Châu, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4867	65	Bạch Thị Phương	Thảo	17/05/1993	Nữ	Nghiêm Xuyên, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4868	66	Bùi Thị Thanh	Hoa	04/06/1993	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4869	67	Nguyễn Thị	Lụa	30/09/1985	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4870	68	Phạm Văn	Việt	13/02/1991	Nam	Hồng Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Đại học Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Trung cấp CNTT	Anh A2		
4871	69	Phạm Thị Mỹ	Hương	09/08/1991	Nữ	Quang Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4872	70	Lê Đăng	Sang	05/10/1993	Nam	Tri Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4873	71	Đặng Thị Minh	Tuyết	28/04/1991	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Y sỹ đa khoa (Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số - Kế hoạch hoá gia đình đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4874	72	Nguyễn Trà	Giang	19/5/1993	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CBB**	
4875	73	Nguyễn Thị	Hoa	18/7/1994	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4876	74	Nguyễn Thị	Hường	10/02/1995	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4877	75	Lê Thị Hải	Yến	07/8/1989	Nữ	Đội Bình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4878	76	Ngô Minh	Hải	21/8/1994	Nam	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4879	77	Đặng Thị	Hiên	28/6/1993	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4880	78	Nguyễn Phương	Lâm	04/9/1994	Nam	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4881	79	Nguyễn Viết Ánh	Nguyệt	29/01/1991	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4882	80	Nguyễn Thị	Phương	12/01/1987	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4883	81	Bùi Thị	Mai	04/11/1989	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Dân số viên hạng IV	**Quản trị kinh doanh- Tài chính- Kế toán du lịch (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Cao đẳng Quản trị kinh doanh- Tài chính- Kế toán du lịch (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4884	82	Lưu Thị Trà	My	30/12/1992	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Dân số viên hạng IV	**Dân số - Y tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Dân số (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4885	83	Nguyễn Phú	Nam	09/11/1996	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4886	84	Nguyễn Thị	Toàn	09/08/1984	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4887	85	Lê Thị Hồng	Gấm	05/05/1987	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng B	Anh B		
4888	86	Nguyễn Thị Ly	Giang	25/09/1983	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Dân số viên hạng IV	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Pháp luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4889	87	Nguyễn Thị	Thiết	10/01/1993	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Trung cấp Y sỹ (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
		16. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CÔNG TÁC XÃ HỘI VIÊN (HẠNG III) - V.09.04.02													
4890	1	Nguyễn Thị Thùy	Dung	23/07/1993	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 383 (A2)		
4891	2	Phạm Khánh	Linh	02/09/1996	Nữ	Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Anh A2 (TOEFLS)		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4892	3	Nguyễn Quốc	Hưng	25/04/1994	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4893	4	Nguyễn Diệu	Linh	24/10/1993	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	Ths	Công tác xã hội (thạc sĩ công tác xã hội)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4894	5	Nguyễn Minh	Ngọc	14/11/1996	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4895	6	Nguyễn Thị Kim	Oanh	19/12/1977	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Ngân hàng (chứng chỉ nghiệp vụ Công tác xã hội trong bệnh viện)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 387		
4896	7	Trần Thị	Thành	21/02/1990	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4897	8	Lê Phương	Thúy	16/02/1985	Nữ	Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	Ths	Khoa học xã hội và nhân văn (thạc sĩ công tác xã hội)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4898	9	Lê Thị Quỳnh	Trang	15/10/1991	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	Ths	Công tác xã hội (thạc sĩ công tác xã hội)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 403	**DTTS**	
4899	10	Trần Thị Kim	Anh	10/07/1994	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4900	11	Bùi Thị Thanh	Mai	27/07/1994	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4901	12	Đậu Thị	Tình	04/02/1988	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4902	13	Nguyễn Ngọc	Diệp	05/10/1988	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Tâm lý xã hội**	ĐH	Đại học Tâm lý học xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4903	14	Lê Trần	Anh	08/02/1991	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Quan hệ công chúng**	ĐH	Đại học Quan hệ công chúng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4904	15	Nguyễn Thảo	Anh	05/05/1993	Nữ	Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4905	16	Đinh Thuý	Quỳnh	05/07/1995	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4906	17	Phương Thị Thanh	An	17/02/1996	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4907	18	Bùi Thu	Hằng	19/09/1995	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	IC 3	Anh B1		
4908	19	Phùng Thị Thanh	Huyền	06/03/1991	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4909	20	Phùng Thị	Ngà	13/07/1992	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4910	21	Đặng Thị Kim	Tuyến	03/09/1993	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4911	22	Cù Thị Thu	Hà	14/05/1995	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4912	23	Dương Thị Oanh	Thanh	16/07/1987	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4913	24	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	19/12/1974	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Giáo dục chính trị (chứng chỉ công tác xã hội)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4914	25	Lê Thị	Hà	10/05/1980	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Tâm lý học**	ĐH	Đại học Tâm lý học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4915	26	Hoàng Thị Thu	Hiền	26/05/1992	Nữ	Yên Lộc, Kim Sơn, Ninh Bình	BV Tâm thần HN	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Tâm lý học**	Ths	Tâm lý học (thạc sỹ tâm lý học)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4916	27	Nguyễn Thị	Khanh	08/11/1992	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Tâm lý học**	ĐH	Đại học Tâm lý học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
4917	28	Nguyễn Mậu	Thái	23/10/1994	Nam	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Tâm lý giáo dục**	ĐH	Đại học Tâm lý giáo dục	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4918	29	Tô Thị	Thanh	15/07/1985	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Tâm lý giáo dục**	Ths	SP tâm lý giáo dục (thạc sỹ Tâm lý học)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Tiếng Anh		
4919	30	Nguyễn Thị Thùy	Liên	15/11/1996	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4920	31	Phùng Thị Lan	Thương	17/12/1994	Nữ	Thanh Mỹ, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4921	32	Lý Thị Phương	Thảo	11/12/1994	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1	**DTTS**	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4922	33	Nguyễn Thị	Thúy	12/6/1993	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4923	34	Nguyễn Minh	Châu	17/03/1985	Nam	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toefl 373		
4924	35	Đào Thu	Hiền	30/11/1997	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 380		
4925	36	Nguyễn Hương	Ly	08/04/1994	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toefls 410 (A2)		
4926	37	Tống Quang	Mạnh	10/08/1985	Nam	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
		17. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI (HẠNG IV) - V.09.04.03													
4927	1	Nguyễn Thị Phương	Châm	08/10/1991	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Nhân viên công tác xã hội (hạng IV)	**Công tác xã hội**	CĐ	Cao đẳng Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4928	2	Nguyễn Thị	Hồng	29/05/1983	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Nhân viên công tác xã hội (hạng IV)	**Công tác xã hội**	CĐ	Cao đẳng Công tác xã hội	Ứng dụng B	Anh B		
		18. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KỸ SƯ (HẠNG III) - V.05.02.07													
4929	1	Trần Anh	Đức	31/08/1988	Nam	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật điện tử viễn thông**	ĐH	Đại học Kỹ thuật điện tử viễn thông	Ứng dụng B	Anh B		
4930	2	Mai Trọng	Thiên	24/11/1988	Nam	Nga Nhân, Nga Sơn, Thanh Hóa	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật điện tử viễn thông**	ĐH	Đại học Điện tử viễn thông	Văn phòng B	Anh B		
4931	3	Nguyễn Thị	Vững	20/10/1979	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật điện tử viễn thông**	ĐH	Đại học Điện tử viễn thông	B	Anh C		
4932	4	Nguyễn Tiến	Đông	04/10/1987	Nam	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh C		
4933	5	Nguyễn Quang	Hưng	24/01/1994	Nam	Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh A2		
4934	6	Lê Đào Mai	Trang	13/10/1985	Nữ	Hàm Tử Quan, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh C		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4935	7	Nguyễn Sơn	Lâm	24/04/1979	Nam	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật y sinh**	ĐH	Đại học Kỹ thuật y sinh	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh C		
4936	8	Nguyễn Chí	Đức	01/09/1992	Nam	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ sư điện công nghiệp và dân dụng**	ĐH	Đại học Điện công nghiệp và dân dụng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4937	9	Hoàng Anh	Đức	06/03/1984	Nam	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	TOEIC 200		
4938	10	Đặng Duy	Vũ	21/04/1991	Nam	Ngọc Lâm Long Biên, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh A2		
4939	11	Trần Nhật	Tân	25/07/1983	Nam	Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật điện**	Ths	Điện (bằng thạc sĩ chuyên ngành sư phạm kỹ thuật)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
4940	12	Lê Hà	Thêm	29/12/1982	Nam	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật điện**	ĐH	Đại học Kỹ thuật điện	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2 (TOEFLS)		
4941	13	Đặng Văn	Kiên	15/04/1985	Nam	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh B		
4942	14	Nguyễn Ngọc	Linh	14/06/1985	Nam	Hàng Mã, Hoàn Kiếm, HN	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh A2		
4943	15	Dương Anh	Nam	23/03/1990	Nam	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh B		
4944	16	Nguyễn Thị	Thủy	03/09/1987	Nữ	Mê Linh, Đông Hưng, Thái Bình	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	Ths	Tin học (có bằng thạc sỹ Khoa học máy tính)	Kỹ sư Tin học			
4945	17	Trần Minh	Việt	16/04/1968	Nam	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Điện tử viễn thông**	ĐH	Đại học Điện tử viễn thông	Kỹ sư Công nghệ thông tin	TOEFLS 367		
4946	18	Phi Kim	Bảo	19/12/1990	Nam	Trần Quốc Toản, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ sư (hạng III)	**Sư phạm kỹ thuật điện tử**	ĐH	Đại học Sư phạm kỹ thuật điện tử	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4947	19	Nguyễn Đình	Nhất	25/12/1987	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh A2	**HTNV**	
4948	20	Hồng Ngọc	Giang	14/12/1991	Nam	Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ sư (hạng III)	**Tin học ứng dụng**	ĐH	Đại học Tin học ứng dụng	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh A2		
4949	21	Lê Thị Tố	Uyên	25/11/1996	Nữ	Nam Thành, TP Ninh Bình, Ninh Bình	BVĐK Hà Đông	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ sinh học**	ĐH	Đại học Công nghệ sinh học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4950	22	Hoàng Thanh	Tú	13/09/1986	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ sinh học**	ĐH	Đại học Công nghệ sinh học	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 240		
4951	23	Nguyễn Minh	Tiến	19/04/1988	Nam	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ sinh học**	ĐH	Đại học Công nghệ sinh học	B	Anh B	CTB, CĐCĐ	
4952	24	Bùi Đăng	Quân	01/08/1984	Nam	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh A2	CBB	
4953	25	Bùi Hưng	Nam	15/08/1981	Nam	Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh A2		
4954	26	Lê Thị	Hường	12/02/1995	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh bậc 2		
4955	27	Lê Thị Đích	Thạo	05/03/1987	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh A2		
4956	28	Lưu Quang	Trung	25/05/1991	Nam	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh A2		
4957	29	Võ Văn	Hùng	29/03/1984	Nam	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật y sinh**	ĐH	Đại học Kỹ thuật y sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4958	30	Bùi Quang	Toàn	01/08/1992	Nam	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật y sinh**	ĐH	Đại học Kỹ thuật y sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 570		
4959	31	Lưu	Quang	18/12/1990	Nam	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh A2		
4960	32	Trần Thị	Thêu	15/08/1979	Nữ	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh bậc 2		
4961	33	Đào Đức	Tùng	09/11/1987	Nam	Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh bậc 3		
4962	34	Nguyễn Sơn	Lâm	08/05/1986	Nam	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh B		
4963	35	Quách Giang	Nam	07/03/1993	Nam	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	TOEIC 585	CTB	
4964	36	Khuất Tiến	Quân	27/5/1982	Nam	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Tin học	Cử nhân Tin học	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4965	37	Đinh Xuân	Hải	20/03/1986	Nam	Thị Trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BV 09	Kỹ sư (hạng III)	**Tin học ứng dụng**	ĐH	Đại học Tin học ứng dụng	Kỹ sư Tin học ứng dụng	Anh A2		
4966	38	Vũ Minh	Châu	29/08/1997	Nữ	Lò Đúc, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh A2		
4967	39	Phạm Bùi	Hải	19/09/1995	Nam	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh B1		
4968	40	Nguyễn Đăng	Khoa	31/12/1987	Nam	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ sư (hạng III)	**Tin học ứng dụng**	ĐH	Đại học Tin học ứng dụng	Kỹ sư Tin học ứng dụng	Anh A2		
4969	41	Nguyễn Văn	Công	07/02/1990	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ sư (hạng III)	**Điện tử viễn thông**	ĐH	Đại học Điện tử viễn thông	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4970	42	Đỗ Tuấn	Long	27/5/1985	Nam	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Anh bậc 3		
4971	43	Nguyễn Lan	Hương	03/10/1991	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4972	44	Hứa Minh	Tùng	22/11/1987	Nam	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh B		
4973	45	Đỗ Thanh	Hải	23/02/1985	Nam	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BV Thận HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	TOEFLS 387		
4974	46	Tống Thị	Hương	05/12/1995	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	**Đại học Hệ thống thông tin**	Kỹ sư Hệ thống thông tin	Anh B		
4975	47	Trần Thị Thanh	Hồng	25/09/1989	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ sư (hạng III)	**Khoa học máy tính**	ĐH	Đại học Khoa học máy tính	Cử nhân khoa học máy tính	Anh B		
4976	48	Nguyễn Sơn	Hà	28/02/1986	Nam	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ sư (hạng III)	**Khoa học máy tính**	ĐH	Đại học Khoa học máy tính	Cử nhân khoa học máy tính	Anh A2		
4977	49	Nguyễn Thanh	Tuấn	07/10/1982	Nam	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ sư (hạng III)	**Khoa học máy tính**	ĐH	Đại học Khoa học máy tính	Cử nhân khoa học máy tính	Anh A2	CTB	
4978	50	Phí Văn	Mạnh	30/09/1990	Nam	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật y sinh**	ĐH	Đại học Kỹ thuật y sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 400		
4979	51	Trần Huy	Long	03/01/1989	Nam	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh B1		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4980	52	Đỗ Hữu	Minh	04/08/1984	Nam	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh A2		
4981	53	Nguyễn Thị	Yến	30/05/1994	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh Toeic 425 (A2)		
4982	54	Nguyễn Thị Thu	Hằng	23/07/1988	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh B		
4983	55	Đặng	Hữu	25/10/1980	Nam	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh A2		
4984	56	Nguyễn Việt	Dũng	10/02/1993	Nam	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ kỹ thuật điện điện tử**	ĐH	Đại học Công nghệ kỹ thuật điện điện tử		Anh A2		
4985	57	Lỗ Thị Thanh	Xuân	30/03/1989	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh A2		
4986	58	Lê Huy	Cường	02/04/1990	Nam	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh B1		
4987	59	Nguyễn Đức	Nam	09/10/1989	Nam	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh B		
4988	60	Nguyễn Phương	Anh	26/12/1993	Nữ	Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	Ths	Công nghệ kỹ thuật môi trường (thạc sỹ Công nghệ thực phẩm)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 530		
4989	61	Trần Như	Hiếu	03/10/1994	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Đại học Công nghệ thực phẩm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh Toeic 465		
4990	62	Nguyễn Thị Hồng	Lê	06/08/1982	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Đại học Công nghệ thực phẩm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4991	63	Trần Thị Trang	Liên	08/10/1993	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Đại học Công nghệ thực phẩm	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 390		
4992	64	Phạm Thị Thanh	Lịch	02/07/1987	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	Ths	Công nghệ thực phẩm (thạc sỹ Công nghệ thực phẩm)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
4993	65	Nguyễn Thị	Tuyết	05/07/1992	Nữ	Long Hưng, Văn Giang, Hưng Yên	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	Ths	Công nghệ thực phẩm (thạc sỹ Công nghệ thực phẩm)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4		Có bằng tốt nghiệp sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng
4994	66	Đỗ Thị Thạch	Thảo	02/04/1994	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Đại học Công nghệ thực phẩm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4995	67	Phạm Thị	Trang	21/04/1989	Nữ	Vũ Lạc, Thái Bình, Thái Bình	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Đại học Công nghệ thực phẩm	B	Anh B		
4996	68	Nguyễn Trường	Giang	19/07/1980	Nam	Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Khoa học môi trường**	ĐH	Đại học Công nghệ môi trường	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4997	69	Hoàng Thị Trung	Hiếu	16/06/1980	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Khoa học môi trường**	Ths	Khoa học môi trường (có bằng thạc sỹ khoa học môi trường)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
4998	70	Mai Thị Thu	Huyền	15/03/1987	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Khoa học môi trường**	Ths	Môi trường (có bằng thạc sỹ Khoa học môi trường)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
4999	71	Vũ Quỳnh	Hương	13/11/1993	Nữ	Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Khoa học môi trường**	Ths	Địa lý (thạc sỹ Khoa học môi trường)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1	CBB	
5000	72	Nguyễn Tiến	Đạt	15/11/1990	Nam	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Sinh học**	Ths	Sư phạm sinh học (có bằng thạc sỹ Sinh học)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
5001	73	Nguyễn Thị Thu	Hiền	07/05/1990	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Sinh học**	ĐH	Đại học Công nghệ sinh học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5002	74	Lại Thị	Phượng	08/12/1989	Nữ	Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ sinh học**	ĐH	Đại học Công nghệ sinh học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5003	75	Hoàng Thị Thu	Hà	24/04/1995	Nữ	Đức Ninh Đông, Đồng Hới, Quảng Bình	TT Pháp y Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Sinh học**	ĐH	Đại học Công nghệ sinh học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5004	76	Đỗ Thị Hồng	Yến	03/01/1991	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ sinh học**	ĐH	Đại học Công nghệ sinh học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5005	77	Nguyễn Thị	Loan	02/09/1987	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin và công nghệ máy tính**	ĐH	**Đại học Công nghệ thông tin và công nghệ máy tính**	Kỹ sư Công nghệ thông tin và công nghệ máy tính	Anh bậc 2		Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng
5006	78	Tạ Thị	Thắm	09/01/1986	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Đại học Công nghệ thực phẩm		Anh C	CLS	
5007	79	Nguyễn Thị	Thúy	01/06/1991	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Long Biên	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Đại học Công nghệ thực phẩm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5008	80	Đào Đình	Quyết	23/03/1984	Nam	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Long Biên	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	Ths	Công nghệ sinh học (thạc sỹ Công nghệ thực phẩm)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5009	81	Trần Thị	Hà	02/7/1981	Nữ	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh A2		
5010	82	Lê Thị Minh	Châu	24/12/1991	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Đại học Công nghệ thực phẩm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5011	83	Nguyễn Thùy	Linh	04/03/1995	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Đại học Công nghệ thực phẩm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5012	84	Nguyễn Ngọc	Anh	15/08/1992	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ sinh học**	ĐH	Đại học Công nghệ sinh học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5013	85	Phan Thanh	Phương	10/09/1990	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ sinh học**	ĐH	Đại học Công nghệ sinh học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5014	86	Mai Trọng	Nghĩa	23/02/1989	Nam	Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ thông tin	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
		19. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KỸ THUẬT VIÊN (HẠNG IV) - V.05.02.08													
5015	1	Lê Cao	Quý	11/09/1982	Nam	Thái Hòa, Triệu Sơn, Thanh Hóa	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Điện công nghiệp**	TC	Trung cấp Điện công nghiệp	Văn phòng B	Anh B		
5016	2	Ngô Thị	Nhung	19/05/1991	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	CĐ	Cao đẳng Công nghệ thông tin	Cao đẳng Công nghệ thông tin	Anh A2		
5017	3	Vũ Mạnh	Cường	28/08/1993	Nam	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Kỹ thuật viên thiết bị điện tử y tế**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5018	4	Trương Đức	Lợi	10/07/1997	Nam	Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Kỹ thuật viên thiết bị điện tử y tế**	CĐ	Cao đẳng Điện tử y tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5019	5	Đỗ Thúy	Lệ	17/02/1996	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	CĐ	Cao đẳng Công nghệ thông tin	Cao đẳng Công nghệ thông tin	Anh B		
5020	6	Nguyễn Xuân	Quý	03/04/1985	Nam	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Điện lạnh**	CĐ	Cao đẳng Điện lạnh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
5021	7	Lê Văn	Bình	21/08/1982	Nam	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Cơ điện**	CĐ	Cao đẳng Cơ điện	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5022	8	Nguyễn Duy	Quý	13/11/1983	Nam	Phú Thọ	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	CĐ	Cao đẳng Công nghệ thông tin	Cao đẳng Công nghệ thông tin	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5023	9	Lại Duy	Tiến	24/06/1987	Nam	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	CĐ	Cao đẳng Sư phạm tin học	Cao đẳng sư phạm Tin học	Anh A2		
5024	10	Vũ Ngọc	Ánh	29/10/1987	Nam	Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Kỹ thuật điện tử viễn thông**	TC	Trung cấp Điện tử viễn thông	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5025	11	Đỗ Phương	Trường	08/10/1991	Nam	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Kĩ thuật thiết bị điện tử y tế**	CĐ	Cao đẳng KT thuật thiết bị điện tử y tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5026	12	Bùi Thị Thanh	Giang	21/11/1991	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Bảo quản và chế biến nông sản**	ĐH	Đại học Bảo quản và chế biến nông sản	B	Anh B	CTB	
5027	13	Chu Thị Minh	Hằng	27/5/1991	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Kỹ thuật môi trường**	CĐ	Cao đẳng Kỹ thuật môi trường	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5028	14	Nguyễn Văn	Tú	12/12/1989	Nam	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Lập trình máy tính**	CĐ	Cao đẳng Lập trình máy tính	Cao đẳng lập trình máy tính	Anh A2		
5029	15	Trần Thị Kim	Dung	15/08/1988	Nữ	Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Tin học	Kỹ sư công nghệ thông tin	Anh C		
5030	16	Nguyễn Thành	Long	06/08/1988	Nam	Đông Dư, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	CĐ	Cao đẳng Công nghệ thông tin	Cao đẳng Công nghệ thông tin	Anh A2		
5031	17	Nguyễn Anh	Tuấn	29/06/1993	Nam	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	TC	Trung cấp Công nghệ thông tin	Trung cấp Công nghệ thông tin	Anh A2		
5032	18	Nguyễn Bá	Bình	26/02/1969	Nam	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	CĐ	Cao đẳng Công nghệ thông tin	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
		20. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP PHÓNG VIÊN (HẠNG III) - V.11.02.06													
5033	1	Ngô Thùy	An	10/08/1993	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Phóng viên (hạng III)	**Báo chí**	Ths	Báo chí (có bằng thạc sỹ Báo chí)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5034	2	Đặng Văn	Diện	27/06/1983	Nam	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Phóng viên (hạng III)	**Báo chí**	ĐH	Đại học Báo chí	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5035	3	Tạ Duy	Tuân	13/12/1989	Nam	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Phóng viên (hạng III)	**Báo chí**	ĐH	Đại học Báo chí	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh giao tiếp B		
		21. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP LƯU TRỮ VIÊN (HẠNG III) - V.01.02.02													

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5036	1	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/09/1991	Nữ	Trưng Vương, Thành phố Uông Bí, Quảng Ninh	BVĐK Xanh Pôn	Lưu trữ viên (hạng III)	**Lưu trữ học và quản trị văn phòng**	ĐH	Đại học Lưu trữ học và quản trị văn phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
		22. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN VIÊN - 01.003													
5037	1	Phạm Thanh	Duyên	04/11/1992	Nữ	Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Chuyên viên	**Quản lý bệnh viện**	ĐH	Đại học Quản lý bệnh viện	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5038	2	Đỗ Thanh	Hải	17/09/1995	Nữ	Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Chuyên viên	**Quản lý bệnh viện**	ĐH	Đại học Quản lý bệnh viện	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5039	3	Nguyễn Phương	Nhung	05/01/1992	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Chuyên viên	**Quản lý bệnh viện**	ĐH	Đại học Quản lý bệnh viện	Ứng dụng B	Anh A2 (TOEFL 393)		
5040	4	Lê Thanh	Ngân	01/11/1991	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	Ths	Quản trị nhân lực (thạc sỹ quản trị nhân lực)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5041	5	Bùi Thị Ngọc	Bích	27/06/1992	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Chuyên viên	**Kinh tế đầu tư**	ĐH	Đại học Kinh tế đầu tư	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 370		
5042	6	Lê Thị	Đào	04/03/1984	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh		Anh B		
5043	7	Đỗ Nguyễn Thúy	Hằng	02/04/1986	Nữ	Xuy Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Văn phòng B	Anh C		
5044	8	Ngô Thị Thu	Hương	09/09/1993	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	IELTS 6.5		Có bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài
5045	9	Đặng Thị Thu	Thủy	18/09/1985	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Văn phòng B	Anh B	CTB	
5046	10	Bùi Đức	Tín	08/09/1993	Nam	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Đại học Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5047	11	Nguyễn Ngọc	Linh	14/08/1996	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5048	12	Vũ Thị	Thảo	02/08/1986	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2 (TOEFLS)		
5049	13	Trần Văn	Thuận	16/10/1980	Nam	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Chuyên viên	**Đồ họa quảng cáo**	ĐH	Đại học Đồ họa quảng cáo	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2	CĐCĐ	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5050	14	Nguyễn Thị	Hương	13/08/1992	Nữ	Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Chuyên viên	**Y tế công cộng**	ĐH	Đại học Y tế công cộng	IC3	Anh bậc 2		
5051	15	Trần Kim	Thanh	09/03/1976	Nữ	Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5052	16	Nguyễn Thị	Yên	27/09/1988	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5053	17	Hà Ngọc	Thành	20/12/1987	Nam	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Chuyên viên	**Kinh tế**	Ths	Kế toán (thạc sỹ Kinh tế)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5054	18	Trần Thị Mai	An	15/12/1974	Nữ	Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Chuyên viên	**Tài chính**	ĐH	Đại học Tài chính	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5055	19	Nguyễn Thị Minh	Châu	13/11/1991	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Chuyên viên	**Quản lý công và doanh nghiệp**	Ths	Tiếng Pháp (thạc sỹ Quản lý công và doanh nghiệp)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Tiếng Pháp		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5056	20	Vương Hoài	Anh	02/10/1991	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	IELTS 5.5		Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng
5057	21	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	19/07/1972	Nữ	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 363	**CTB**	
5058	22	Dương Hải	Yến	25/05/1991	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5059	23	Ngô Quý	Dương	11/11/1983	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Kỹ sư Kinh tế xây dựng**	ĐH	Đại học Kỹ sư Kinh tế xây dựng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2	**CTB**	
5060	24	Hoàng Thị Điệu	Thúy	05/01/1983	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Kỹ sư Kinh tế xây dựng**	ĐH	Đại học Kỹ sư Kinh tế xây dựng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**CTB**	
5061	25	Nguyễn Chí	Hiếu	02/12/1973	Nam	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản lý kinh tế**	ĐH	Đại học Quản lý kinh tế	Văn phòng B	Anh B		
5062	26	Vũ Thị	Xuân	14/06/1988	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5063	27	Đặng Thị Hương	Giang	06/05/1979	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5064	28	Trần Thị Thu	Hà	18/11/1985	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5065	29	Vượng Thị	Hậu	07/02/1980	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản lý kinh doanh	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
5066	30	Trần Thu	Hiền	07/12/1991	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản lý kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản			
5067	31	Nguyễn Thị	Hoa	26/02/1988	Nữ	Thanh Thủy, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5068	32	Nguyễn Văn	Thanh	28/06/1987	Nam	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	C	Anh C		
5069	33	Phạm Thị	Thương	15/10/1993	Nữ	Hoành Sơn, Giao Thủy, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	**CTB**	
5070	34	Phạm Minh	Tuấn	30/08/1991	Nam	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5071	35	Nguyễn Đức	Tùng	21/08/1989	Nam	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh bậc 3		
5072	36	Nguyễn Mỹ	Hạnh	16/08/1996	Nữ	Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Đại học Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5073	37	Nguyễn Thu	Trang	16/01/1995	Nữ	Hữu Nghị, Hòa Bình, Hòa Bình	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Đại học Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5074	38	Lê Thị Thúy	Hải	18/03/1972	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5075	39	Lê Việt	Hưng	28/03/1991	Nam	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
5076	40	Đỗ Minh	Phượng	19/02/1993	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5077	41	Nguyễn Thị	Phượng	12/12/1988	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5078	42	Nguyễn Kim	Phượng	13/08/1993	Nữ	Thị trấn Chũ, Lục Ngạn, Bắc Giang	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	Ths	Tài chính ngân hàng (thạc sỹ tài chính ngân hàng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
5079	43	Nguyễn Thanh	Thiệp	03/02/1993	Nam	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng B	TOEIC 545		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5080	44	Võ Thị Cẩm	Vân	28/02/1991	Nữ	Kim Lũ, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5081	45	Trương Thị Hà	Thu	18/09/1986	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Thông tin thư viện**	ĐH	Đại học Thông tin thư viện	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Ngoại ngữ		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5082	46	Nguyễn Quỳnh	Thu	27/07/1993	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5083	47	Vũ Thị Kim	Anh	20/09/1980	Nữ	hành Công, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật	B	Anh B		
5084	48	Nguyễn Đắc Tuấn	Cường	24/04/1994	Nam	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật				
5085	49	Nguyễn Thị	Duyên	14/04/1994	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5086	50	Bùi Thị Hồng	Hạnh	21/07/1988	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật	B	Anh B		
5087	51	La Thị	Lý	27/08/1988	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	**DTTS**	
5088	52	Phạm Nguyễn Bạch	Mai	11/11/1998	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
5089	53	Lê Thị	Nhớ	21/07/1984	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
5090	54	Trần Toàn	Trung	08/10/1988	Nam	Phan Thiết, Tuyên Quang, Tuyên Quang	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật	Trung cấp Tin học	Cử nhân ngôn ngữ Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5091	55	Đào Thị Thu	Hiền	02/09/1982	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Chuyên viên	**Hành chính học**	ĐH	Đại học Hành chính học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5092	56	Lê Thị	Thảo	04/12/1978	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Chuyên viên	**Quản lý kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản lý kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5093	57	Hoàng Thị Thu	Ngân	10/02/1991	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Chuyên viên	**Bảo hiểm**	ĐH	Đại học Bảo hiểm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5094	58	Đoàn Công	Hoan	02/10/1975	Nam	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Văn phòng B	Anh B1		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5095	59	Đào Mai Anh	Huy	26/05/1981	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1	HTNV	
5096	60	Lê Anh	Đức	25/01/1992	Nam	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Chuyên viên	**Tài chính kế toán**	ĐH	Đại học Tài chính và kế toán	Tin học văn phòng			Có bằng tốt nghiệp ĐH tại cơ sở bằng tiếng nước
5097	61	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/07/1991	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Chuyên viên	**Khoa học thư viện**	ĐH	Đại học Khoa học thư viện	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5098	62	Phạm Chí	Hùng	04/03/1980	Nam	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Chuyên viên	**Quan hệ quốc tế**	ĐH	Đại học Quan hệ quốc tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
5099	63	Trần Khôi	Nguyên	30/06/1989	Nam	Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Chuyên viên	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Đại học Công nghệ Thông tin	Ứng dụng B	TOEIC 340		
5100	64	Trần Hồng	Quân	10/03/1995	Nam	Hoàng Tân, Quảng Yên, Quảng Ninh	BVĐK YHCT Hà Nội	Chuyên viên	**Hành chính công**	ĐH	Đại học Quản lý nhà nước	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5101	65	Đoàn Hải	Yến	25/07/1996	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Chuyên viên	**Hành chính công**	ĐH	Đại học Quản lý nhà nước	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5102	66	Nguyễn Thị	Ánh	29/07/1992	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367		
5103	67	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	01/10/1992	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5104	68	Nguyễn Thị Thu	Phương	16/04/1992	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Chuyên viên	**Hành chính học**	Ths	Hành chính học (thạc sỹ quản lý công)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5105	69	Hoàng Thị Ngọc	Thương	20/10/1991	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Chuyên viên	**Hành chính học**	ĐH	Đại học Hành chính học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5106	70	Tô Thị Ngọc	Hà	09/12/1993	Nữ	Thị Trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5107	71	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	31/12/1995	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	IC 3	Anh A2		
5108	72	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/11/1990	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	B	Anh A2		
5109	73	Dương Tiến	Tùng	21/12/1991	Nam	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5110	74	Bùi Thùy	Linh	29/12/1997	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Đại học Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5111	75	Dương Thị	Thái	28/01/1993	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản Trị Kinh Doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
5112	76	Nguyễn Hoàng	Tú	05/12/1993	Nam	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản Trị Kinh Doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5113	77	Nguyễn Thị Quế	Vân	04/05/1987	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản Trị Kinh Doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5114	78	Phùng Thị Quỳnh	Anh	18/03/1996	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5115	79	Nguyễn Bá	Chiến	27/02/1992	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Chuyên viên	**Hành chính học**	ĐH	Đại học Hành chính học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5116	80	Nguyễn Thị Minh	Hòa	23/07/1985	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Chuyên viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh C		
5117	81	Nguyễn Thị Hồng	Sen	05/02/1985	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Chuyên viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Tài chính Kế toán	B	Anh A2		
5118	82	Nguyễn Ngọc	Anh	26/12/1993	Nữ	Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5119	83	Trần Thu	Huyền	26/10/1975	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5120	84	Bùi Thị Thùy	Linh	13/11/1989	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	B			
5121	85	Trần Thị	Nga	27/02/1985	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Chuyên viên	**Công nghệ môi trường**	ĐH	Đại học Công nghệ môi trường	Ứng dụng B	Anh B		
5122	86	Nguyễn Minh	Phước	08/04/1992	Nam	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Chuyên viên	**Công nghệ môi trường**	ĐH	Đại học Công nghệ môi trường	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5123	87	Vũ Thị	Lịch	07/07/1987	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5124	88	Nguyễn Ngọc	Hoa	27/02/1991	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Chuyên viên	**Quản lý bệnh viện**	Ths, ĐH	Quản lý bệnh viện (thạc sỹ quản lý bệnh viện)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5125	89	Nguyễn Văn	Hiếu	19/08/1995	Nam	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
5126	90	Đinh Thị Hằng	Nga	10/09/1989	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		Có bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài
5127	91	Vũ Nguyễn Nhật	Minh	21/02/1997	Nữ	Lê Chi, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Chuyên viên	**Luật quốc tế**	ĐH	Đại học Luật quốc tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 575		
5128	92	Nguyễn Thị	Nhung	01/12/1991	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 390		
5129	93	Nguyễn Thị Xuân	Phương	09/08/1995	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5130	94	Nguyễn Thị Diệu	Hương	15/10/1991	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5131	95	Dương Thị	Lợi	16/06/1983	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	BV 09	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh B		
5132	96	Phạm Thị	Thảo	28/02/1988	Nữ	Thanh Xuân Nam,Thanh Xuân, Hà Nội	BV 09	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2	CTB	
5133	97	Hồ Đại Quỳnh	Nga	18/04/1993	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Chuyên viên	**Hệ thống thông tin quản lý**	ĐH	Đại học Hệ thống thông tin quản lý	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
5134	98	Tạ Viết	Cường	24/06/1985	Nam	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật	Tin học ứng dụng văn phòng	Anh B		
5135	99	Mai Xuân	Tùng	12/09/1996	Nam	Điện Biên Phủ, Ba Đình, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
5136	100	Ngọ Hồng	Ngọc	09/11/1993	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5137	101	Dương Đức	Long	08/08/1988	Nam	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	B	Anh C		
5138	102	Mai Văn	Cương	30/06/1983	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	Ths	Kế toán (thạc sỹ Quản trị kinh doanh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5139	103	Nguyễn Thị	Hương	10/10/1991	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	CBB	

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5140	104	Quách Thị Thùy	Linh	07/11/1993	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5141	105	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	26/10/1995	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Đại học Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5142	106	Đỗ Thị	Hòa	17/9/1994	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Đại học Quản trị nhân lực	Ứng dụng B	Anh A2		
5143	107	Kiều Thị Thanh	Tâm	09/8/1993	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Đại học Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5144	108	Ngô Thị Thanh	Thảo	13/09/1988	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Thận HN	Chuyên viên	**Thương mại và kinh tế quốc tế**	ĐH	Đại học Thương mại và kinh tế quốc tế	B	Bằng tốt nghiệp ở nước ngoài		Có bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài
5145	109	Lâm Minh	Thư	10/04/1992	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BV Thận HN	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5146	110	Bùi Đức	Trọng	02/01/1990	Nam	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Đại học Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5147	111	Nguyễn Thị	Loan	21/10/1992	Nữ	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5148	112	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	01/11/1989	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5149	113	Lê Văn	Viên	20/03/1989	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Đại học Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5150	114	Chẩu Thị Vân	Anh	19/01/1986	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5151	115	Chu Thị Thu	Hà	22/05/1980	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CĐCĐ	
5152	116	Từ Đức	Thiện	02/11/1993	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5153	117	Bùi Thị	Dung	28/12/1990	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Tin học văn phòng		CBB	
5154	118	Nguyễn Thị	Thanh	12/04/1986	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5155	119	Nguyễn Phan	Dương	21/10/1996	Nam	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Đại học Quản trị nhân lực	IC 3	TOEIC 680		
5156	120	Đinh Thị Quỳnh	Nga	16/01/1993	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5157	121	Bạch Anh	Thuận	06/04/1993	Nam	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Đại học Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5158	122	Lương Minh	Ngọc	05/11/1990	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5159	123	Đào Thị	Nga	24/04/1985	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5160	124	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	05/12/1991	Nữ	Khu ĐT Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 413		Có bằng tốt nghiệp ĐH tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước
5161	125	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22/04/1991	Nữ	Đông Dư. Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 433		
5162	126	Nguyễn Thị	Luyến	26/09/1989	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Chuyên viên	**Luật kinh tế**	ĐH	Đại học Luật kinh tế	Ứng dụng B	Anh B		Có bằng tốt nghiệp ĐH tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước
5163	127	Nguyễn Hạnh	Hương	10/08/1990	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
5164	128	Nguyễn Lê Phương	Thảo	13/08/1994	Nữ	Lương Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5165	129	Vũ Thị Tuyết	Hương	01/11/1994	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	IC 3	Anh bậc 3		
5166	130	Trịnh Thị Thúy	Lan	09/09/1985	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Tin học văn phòng	Anh B		
5167	131	Trịnh Phương	Linh	10/05/1991	Nữ	Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5168	132	Hoàng Thị Như	Quỳnh	18/03/1984	Nữ	Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Đống Đa	TTYT Hoàn Kiếm	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5169	133	Ngô Thị Phương	Chi	22/02/1992	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5170	134	Trần Thị	Kiều	01/10/1990	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5171	135	Nguyễn Thị Khánh	Linh	18/12/1995	Nữ	Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5172	136	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	12/4/1995	Nữ	Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5173	137	Phạm Đức	Tâm	14/7/1987	Nam	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5174	138	Vũ Phương	Anh	19/05/1983	Nữ	Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh B		
5175	139	Nguyễn Thị Phương	Thảo	11/09/1989	Nữ	Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5176	140	Nguyễn Hà	Hải	30/11/1984	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng B	Anh B		
5177	141	Nguyễn Thị	Hiền	25/01/1988	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5178	142	Phạm Tuấn	Thắng	23/11/1992	Nam	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Chuyên viên	**Kinh tế Quốc tế**	ĐH	Đại học Kinh tế Quốc tế	C	Anh C		
5179	143	Nguyễn Việt	Hà	04/12/1992	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng
5180	144	Nguyễn Thị	Hương	12/9/1986	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân TA		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5181	145	Lưu Thùy	Linh	18/9/1996	Nữ	Chợ Mới, Chợ Mới, Bắc Kạn	TTYT Cầu Giấy	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật	IC 3	Anh A2	**DTTS**	
5182	146	Trần Thu	Huyền	22/08/1993	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5183	147	Nguyễn Thị	Hạnh	07/07/1989	Nữ	Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5184	148	Nguyễn Thị Thu	Hằng	20/10/1991	Nữ	Mỹ Đình 2- Nam Từ Liêm-Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5185	149	Tạ Thị Kim	Dung	30/10/1994	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Chuyên viên	**Hệ thống thông tin quản lý**	ĐH	Đại học Hệ thống thông tin quản lý	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5186	150	Lê Văn	Chuyển	02/06/1988	Nam	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Chuyên viên	**Kinh tế**	ĐH	Đại học Kinh tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5187	151	Ngô Thị Bích	Hằng	07/11/1992	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Chuyên viên	**Kinh tế**	ĐH	Đại học Kinh tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5188	152	Ngô Thừa	Hạo	24/03/1980	Nam	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Chuyên viên	**Kinh tế**	ĐH	Đại học Kinh tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
5189	153	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/02/1997	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Chuyên viên	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5190	154	Nguyễn Thị Hoa	Phượng	03/11/1996	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Chuyên viên	**Công tác xã hội**	ĐH	Đại học Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5191	155	Cao Thị	Thủy	31/12/1989	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5192	156	Nguyễn Thị Thu	Trang	28/09/1993	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5193	157	Nguyễn Mai	Anh	27/04/1993	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	Ths	Quản trị nhân lực (thạc sỹ quản trị nhân lực)	IC 3	Anh B1		
5194	158	Phạm Thị	Loan	11/02/1993	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Đại học Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5195	159	Nguyễn Phan Anh	Tú	08/05/1991	Nam	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5196	160	Vũ Thị	Chuyên	09/04/1991	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5197	161	Phạm Thị Thanh	Hương	04/10/1996	Nữ	Kim Thư, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Đại học Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
5198	162	Phạm Thanh	Huyền	28/09/1991	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Văn phòng B	Anh C		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5199	163	Nguyễn Thu	Hà	03/10/1992	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
5200	164	Dư Thị Hồng	Hảo	18/10/1991	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	Ths	Tài chính ngân hàng (thạc sỹ tài chính ngân hàng)	Ứng dụng B	Anh C		
5201	165	Nguyễn Thị Hồng	Linh	19/10/1992	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng
5202	166	Nguyễn Thị	Thúy	22/06/1991	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5203	167	Phạm Thu	Trang	19/07/1997	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng	IC 3	TOEIC 550		
5204	168	Mai Thu	Trang	22/05/1992	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Đại học Tài chính ngân hàng tiếng anh	Văn phòng B	Anh B		Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng
5205	169	Nguyễn Bảo	Lâm	15/08/1995	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Chuyên viên	**Quản lý nhà nước**	ĐH	Đại học Quản lý nhà nước	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5206	170	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	08/04/1997	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Chuyên viên	**Quản lý nhà nước**	ĐH	Đại học Quản lý nhà nước	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367		
5207	171	Nguyễn Thế	Duẩn	22/05/1982	Nam	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5208	172	Triệu Hương	Giang	03/08/1981	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Chuyên viên	**Quản lý kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản lý kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
		23. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CÁN SỰ - 01.004													
5209	1	Phạm Thị Mai	Hoa	20/07/1979	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Cán sự	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5210	2	Phạm Thu	Hằng	15/10/1979	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Cán sự	**Thống kê**	CĐ	Cao đẳng Thống kê	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5211	3	Nguyễn Thị	Phương	05/11/1993	Nữ	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Cán sự	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 190		
5212	4	Nguyễn Thị	Thương	16/04/1988	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Cán sự	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5213	5	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	08/11/1992	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Cán sự	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5214	6	Trần Đắc	Thành	02/09/1992	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Cán sự	**Báo chí**	CĐ	Cao đẳng Báo chí	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
		24. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VĂN THƯ - 02.007													
5215	1	Nguyễn Thị Thu	Hương	11/04/1979	Nữ	Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Văn thư	**Văn thư lưu trữ**	ĐH	Đại học Tiếng Nhật (Trung cấp Văn thư lưu trữ)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Tiếng Nhật	CTB	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại
5216	2	Lại Thị Thu	Cúc	09/08/1991	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Văn thư	**Văn thư lưu trữ**	ĐH	Đại học Thông tin thư viện (Chứng chỉ nghiệp vụ hành chính văn phòng, Văn thư	Ứng dụng B	Anh C		
5217	3	Lê Thu	Hà	02/02/1996	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Văn thư	**Văn thư lưu trữ**	ĐH	Đại học Lưu trữ học (có bằng tốt nghiệp trung cấp văn thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5218	4	Nguyễn Thị	Loan	07/07/1995	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Văn thư	**Văn thư lưu trữ**	ĐH	Đại học Lưu trữ học (chứng chỉ văn thư lưu trữ - Hành chính văn phòng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 185	DTTS	
5219	5	Lê Thị Thanh	Nga	08/11/1994	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Văn thư	**Văn thư lưu trữ**	ĐH	Đại học Lưu trữ học (chứng chỉ văn thư lưu trữ - Hành chính văn phòng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
		25. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VĂN THƯ TRUNG CẤP - 02.008													
5220	1	Doãn Thị Phương	Thảo	27/12/1994	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Văn thư trung cấp	**Văn thư - Lưu trữ**	ĐH	Đại học Lưu trữ học (chứng chỉ nghiệp vụ văn thư lưu trữ)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
		26. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KẾ TOÁN VIÊN - 06.031													
5221	1	Dương Thị Phương	Anh	07/01/1992	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng Dụng theo chuẩn IC3	Anh A2		
5222	2	Nguyễn Ngân	Anh	07/11/1994	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng B	Anh B		
5223	3	Phạm Thị Ngọc	Ánh	10/10/1988	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Trung cấp tin học ứng dụng	CN tiếng Anh	CTB	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5224	4	Nguyễn Thùy	Dương	19/05/1995	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5225	5	Nguyễn Thị Thùy	Linh	02/02/1991	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5226	6	Hồ Vĩnh	Long	28/10/1997	Nam	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	IELTS 6.0		
5227	7	Nguyễn Thị	Minh	18/04/1984	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 205		
5228	8	Đào Thị	Mỹ	24/11/1984	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng C	Anh C		
5229	9	Đỗ Thị Bích	Ngọc	22/09/1988	Nữ	Song Phượng, Hoài Đức, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng C	Anh B1	CTB	
5230	10	Nguyễn Bích	Ngọc	13/10/1983	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
5231	11	Nguyễn Thị Phương	Thảo	08/04/1980	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	CN tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5232	12	Nguyễn Huyền	Trang	07/10/1989	Nữ	Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh C		
5233	13	Nguyễn Thị	Trinh	20/11/1995	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Tin học văn phòng (MOS)	Anh B1		
5234	14	Nguyễn Thị Hiền	Anh	15/04/1994	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5235	15	Ngô Thị	Oanh	02/08/1985	Nữ	Phú Đô, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán, phân tích và kiểm toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5236	16	Nguyễn Thị Thu	Phương	26/10/1975	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 390		
5237	17	Nguyễn Phương	Linh	29/09/1989	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh A2		
5238	18	Phạm Thị	Vân	13/02/1982	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5239	19	Vương Đặng Khánh	Linh	07/09/1996	Nam	Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Kế toán viên	**Tài chính kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5240	20	Lê Phương	Ly	22/09/1989	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Kế toán viên	**Tài chính kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5241	21	Đỗ Thị Thu	Ngân	24/08/1993	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Kế toán viên	**Tài chính kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5242	22	Lê Tuấn	Ngọc	27/07/1989	Nam	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Kế toán viên	**Tài chính kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	TOEIC 570 (B1)		
5243	23	Kiều Thị Minh	Tâm	22/12/1989	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Kế toán viên	**Tài chính kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
5244	24	Vũ Thị Thu	Thanh	14/07/1982	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Kế toán viên	**Tài chính kế toán**	ĐH	Đại học Tài chính kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5245	25	Hoàng Đức	Công	15/11/1993	Nam	Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5246	26	Đặng Thị Phương	Nhiên	15/09/1987	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Tiếng Anh giao tiếp B		
5247	27	Nguyễn Thị	Lan	15/02/1977	Nữ	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5248	28	Lưu Danh	Bút	08/02/1984	Nam	Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5249	29	Trần Thị	Định	18/11/1976	Nữ	Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 370		
5250	30	Nguyễn Thị	Hải	05/02/1976	Nữ	Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 350		
5251	31	Lê Thị Thu	Hằng	26/08/1978	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
5252	32	Phan Thị Mỹ	Hạnh	27/11/1986	Nữ	Thường Tín, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán, phân tích và kiểm toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5253	33	Nguyễn Ánh	Hồng	03/11/1985	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh B	CBB	
5254	34	Dương Thị Thu	Hương	15/06/1986	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373	CTB	
5255	35	Bùi Thị Thanh	Hương	01/10/1983	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	Ths	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 410		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5256	36	Đặng Thị	Hường	10/05/1992	Nữ	Vũ Quý, Kiến Xương, Thái Bình	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5257	37	Đỗ Thị Phương	Liên	11/07/1971	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	A	Anh B		
5258	38	Nguyễn Thế Phương	Liên	28/06/1989	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	Ths	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5259	39	Trần Ngọc	Linh	26/10/1993	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5260	40	Lê Yến	Nga	19/01/1992	Nữ	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 775		
5261	41	Hà Thị	Ngân	05/11/1975	Nữ	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFLS 397		
5262	42	Bùi Quang	Nghĩa	18/09/1993	Nam	Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng
5263	43	Lê Minh	Nguyệt	09/02/1997	Nữ	Tân Bình, Hải Dương, Hải Dương	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1 (TOEIC)		
5264	44	Nguyễn Thị	Nhã	15/05/1981	Nữ	Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367 (A2)		
5265	45	Tạ Thị	Ninh	11/07/1991	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Trung cấp tin học quản lý	Anh A2		
5266	46	Nguyễn Minh	Phương	30/09/1988	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh bậc 3		
5267	47	Vũ Tuyết	Thanh	25/07/1972	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 380		
5268	48	Dương Thị	Thanh	19/09/1991	Nữ	Châu Sơn, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5269	49	Phùng Thị Sáu	Thư	28/11/1996	Nữ	Sơn Đồng, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5270	50	Nguyễn Thị Ba	Thúy	04/10/1990	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5271	51	Nguyễn Thu	Thủy	26/02/1996	Nữ	Phan Đình Phùng, Nam Định, Nam Định	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5272	52	Võ Việt	Trang	10/01/1997	Nữ	Đồng Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 685		
5273	53	Đỗ Thị	Tuyết	13/02/1988	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5274	54	Nguyễn Ngọc	Anh	24/01/1991	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5275	55	Đỗ Thúy	Dương	30/07/1993	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5276	56	Đồng Thị Hương	Giang	03/10/1989	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5277	57	Trần Thị Thu	Hà	08/08/1991	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5278	58	Nguyễn Thị	Hằng	17/01/1990	Nữ	Bích Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản			
5279	59	Phạm Thu	Hiền	16/08/1991	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5280	60	Nguyễn Thị	Hoa	01/05/1977	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5281	61	Nguyễn Thị Thu	Hoàn	13/07/1971	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán				
5282	62	Đỗ Thị	Huệ	20/06/1979	Nữ	Hà Trì, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản			
5283	63	Ngô Lan	Hương	25/12/1980	Nữ	Bùi Xương Trạch, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5284	64	Phạm Thu	Hương	13/11/1986	Nữ	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 397		
5285	65	Nguyễn Thanh	Huyền	26/08/1995	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5286	66	Phạm Thị Kiều	Khánh	02/09/1978	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh A2		
5287	67	Phan Hải	Lâm	20/02/1980	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh A2		
5288	68	Lưu Khánh	Linh	04/10/1994	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5289	69	Lê Diệu	Linh	02/11/1996	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5290	70	Nguyễn Phương	Loan	16/01/1988	Nữ	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5291	71	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	08/09/1997	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5292	72	Huỳnh Thị Kim	Nga	16/09/1974	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
5293	73	Vũ Hải	Ngân	04/09/1976	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán tổng hợp	B	Anh bậc 2		
5294	74	Lưu Tuấn	Ngọc	17/08/1994	Nam	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5295	75	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	05/11/1985	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5296	76	Hoàng Thị	Nhung	07/12/1990	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Tin học văn phòng	TOEIC 435		
5297	77	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	12/12/1989	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5298	78	Đỗ Thị	Quy	10/07/1975	Nữ	Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5299	79	Nguyễn Thanh	Quỳnh	30/11/1989	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5300	80	Nguyễn Thị	Tân	10/11/1981	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5301	81	Cao Thị	Thắm	23/10/1990	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5302	82	Hà Thị Huyền	Thanh	19/06/1983	Nữ	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5303	83	Nguyễn Mai	Thanh	25/12/1978	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh C		
5304	84	Vũ Phương	Thảo	30/12/1990	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5305	85	Phạm Thị	Thu	30/08/1987	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5306	86	Phạm Thị	Thu	04/04/1986	Nữ	Tự Nhiên, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5307	87	Đoàn Minh	Thủy	06/10/1977	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B	CTB	
5308	88	Phạm Thị Bích	Thủy	12/10/1987	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5309	89	Chu Huyền	Trang	27/06/1987	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5310	90	Nguyễn Văn	Trung	18/12/1989	Nam	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5311	91	Bùi Thị Hồng	Vân	12/03/1994	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5312	92	Vũ Thị	Vân	10/11/1989	Nữ	Hoàng Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5313	93	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/09/1980	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5314	94	Dương Thị	Yến	14/04/1991	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5315	95	Trần Thị Minh	Hà	08/09/1988	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5316	96	Nguyễn Thị	Hồng	18/10/1988	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5317	97	Trần Lê	Minh	16/11/1990	Nam	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5318	98	Đào Bá	Quân	26/01/1987	Nam	Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5319	99	Trần Thanh	Tú	23/12/1992	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên	**Kế toán**	ThS	Tài chính ngân hàng (thạc sỹ chuyên ngành Kế toán)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
5320	100	Trần Thị Lan	Anh	24/08/1985	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5321	101	Nguyễn Thị	Bích	04/01/1991	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5322	102	Đỗ Thị	Cần	12/11/1990	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5323	103	Đức Thị	Chuyên	27/04/1990	Nữ	Hoa Sơn. Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B			
5324	104	Nguyễn Thị	Dư	09/10/1976	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CLS	
5325	105	Nguyễn Thị	Dung	08/09/1980	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	DH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5326	106	Đỗ Thị Việt	Hà	28/06/1993	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
5327	107	Phạm Thị	Hằng	02/12/1988	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán		Anh B		
5328	108	Hồ Thị	Hoài	04/06/1992	Nữ	Hưng Lĩnh, Hưng Nguyễn, Nghệ An	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán				
5329	109	Trần Thị	Hồng	24/06/1991	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3	**CTB**	
5330	110	Nguyễn Thị	Hồng	07/01/1991	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán		Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5331	111	Nguyễn Thị Thu	Hường	29/10/1996	Nữ	Đồng Lạc, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5332	112	Đỗ Thị	Tuyến	22/08/1991	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng B	Anh C		
5333	113	Nguyễn Thùy	Linh	23/10/1989	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5334	114	Kiều	Linh	09/10/1983	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5335	115	Nguyễn Mỹ	Linh	23/04/1997	Nữ	Nguyễn Trãi, hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5336	116	Lê Thùy	Linh	22/12/1992	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 195		
5337	117	Cấn Thị Thùy	Linh	21/09/1997	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5338	118	Đỗ Hoàng	Minh	25/07/1993	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5339	119	Nguyễn Thị	Minh	22/11/1988	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh B		
5340	120	Nguyễn Thị	Mừng	15/04/1985	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5341	121	Trương Thị Lê	Ngân	02/01/1996	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
5342	122	Đào Thị	Nhiên	06/09/1990	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5343	123	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	23/04/1992	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5344	124	Đinh Thị	Nụ	24/12/1981	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5345	125	Lê Thị	Oanh	20/02/1987	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5346	126	Nguyễn Thị Kim	Oanh	25/10/1988	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán		Anh A2	CTB-CĐCĐ	
5347	127	Phạm Thị Minh	Tâm	05/10/1990	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5348	128	Nguyễn Đình	Thắng	24/08/1989	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh A2		
5349	129	Kiều Thị	Thơm	12/02/1992	Nữ	Đồng Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh B		
5350	130	Nguyễn Thị Kim	Thương	27/01/1991	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Cử nhân Tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5351	131	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	12/07/1993	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5352	132	Nguyễn Như	Trang	03/02/1988	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 390		
5353	133	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	05/08/1990	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5354	134	Lê Thị	Trang	15/10/1986	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5355	135	Lê Phương	Tú	08/06/1975	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5356	136	Tống Thị	Vân	09/07/1985	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CBB	
5357	137	Nguyễn Thị	Bốn	22/02/1984	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	CBB	
5358	138	Nguyễn Thị Minh	Hằng	02/09/1987	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5359	139	Nguyễn Thị	Hiên	19/10/1990	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh B		
5360	140	Đặng Thị	Hiền	05/09/1991	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 370		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5361	141	Lê Thị	Hồng	03/06/1987	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5362	142	Trần Thị Thu	Hương	08/08/1991	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5363	143	Đặng Thanh	Hương	30/07/1990	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5364	144	Lưu Thanh	Huyền	02/01/1993	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5365	145	Nguyễn Thị	Liên	16/08/1990	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5366	146	Nguyễn Thị	Linh	10/02/1989	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5367	147	Đỗ Thị Hương	Nga	01/08/1991	Nữ	Đại Hưng, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5368	148	Phạm Thị	Ngà	29/09/1988	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5369	149	Nguyễn Thị	Nguyệt	18/11/1990	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 367		
5370	150	Nguyễn Thị	Nhàn	05/11/1990	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5371	151	Nguyễn Việt	Phương	22/03/1997	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5372	152	Vũ Thị Kim	Thành	10/12/1991	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5373	153	Nguyễn Thị	Thơm	25/03/1993	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5374	154	Trịnh Thu	Trang	18/12/1993	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
5375	155	Nguyễn Tuấn	Anh	28/03/1990	Nam	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5376	156	Phạm Thị Kim	Băng	07/11/1984	Nữ	Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5377	157	Đặng Hồng	Hà	20/10/1988	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh A2		
5378	158	Lê Thị	Hiền	18/12/1979	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh C		
5379	159	Lê Thị	Phượng	09/06/1991	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5380	160	Phạm Mến	Thương	12/09/1984	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5381	161	Nguyễn Duyên	Hà	01/01/1982	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 165		
5382	162	Phạm Thu	Hằng	29/12/1984	Nữ	Liên Mạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh C		
5383	163	Bạch Minh	Hằng	02/08/1991	Nữ	Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5384	164	Vũ Thị	Lâm	27/10/1989	Nữ	Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5385	165	Trịnh Trà	My	01/12/1992	Nữ	Thọ Trường, Thọ Xuân, Thanh Hoá	BVĐK YHCT Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5386	166	Đinh Thị Thanh	Mai	14/09/1984	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5387	167	Ngô Thị Ánh	Mai	18/11/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 685		
5388	168	Phạm Thị	Mến	23/09/1985	Nữ	Thái Bình	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 265		
5389	169	Trần Thị	Thúy	06/06/1985	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5390	170	Vương Thanh	Thúy	25/11/1997	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5391	171	Ngô Thị Thúy	Vân	26/07/1989	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5392	172	Nguyễn Hải	Yến	19/07/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5393	173	Tạ Thị Ngọc	Hân	17/06/1996	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEIC 500		
5394	174	Nguyễn Thị	Huyền	20/9/1986	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5395	175	Đỗ Thị	Lan	11/02/1992	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh TOEIC 545		
5396	176	Nguyễn Thị	Nhung	10/03/1993	Nữ	Nghĩa Hương, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5397	177	Nguyễn Thị Huyền	Oanh	28/11/1982	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5398	178	Trần Thị	Thu	03/02/1991	Nữ	Phú Mãn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	DTTS	
5399	179	Nguyễn Thị Linh	Chi	19/11/1989	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5400	180	Vũ Thị Ngọc	Mai	08/09/1989	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5401	181	Vũ Việt	Anh	22/12/1994	Nam	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5402	182	Nguyễn Thị	Lụa	21/3/1983	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Trung cấp tin học	Anh B		
5403	183	Ngô Thúy	Dung	19/05/1991	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5404	184	Vũ Thị Mai	Anh	25/10/1993	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV 09	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5405	185	Nguyễn Thị	Hòe	06/05/1986	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5406	186	Nguyễn Thái	Hùng	19/04/1992	Nam	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5407	187	Phạm Thị	Lệ	25/09/1993	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5408	188	Nguyễn Thị Thúy	Nga	10/08/1989	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5409	189	Ngô Thị Thanh	Nhu	19/02/1981	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh A2		
5410	190	Nguyễn Thị	Yến	17/07/1988	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh C		
5411	191	Nguyễn Thị	Yến	10/02/1993	Nữ	Phú Cường, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5412	192	Nguyễn Thị Vân	Anh	24/10/1990	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5413	193	Đỗ Thị Thu	Giang	08/06/1989	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5414	194	Nguyễn Thị	Hà	01/06/1985	Nữ	Nghiêm Xuyên, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	văn phòng B	Tiếng Anh giao tiếp B		
5415	195	Trần Thị	Lan	19/06/1989	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5416	196	Nguyễn Phương	Thảo	12/04/1984	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5417	197	Hoàng Thị Hoài	Thu	21/10/1982	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5418	198	Đinh Thị	Thủy	20/10/1991	Nữ	Khánh Hà, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5419	199	Vũ Thị Thanh	Thủy	12/08/1982	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh B		
5420	200	Nguyễn Thị	Bích	30/6/1987	Nữ	Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán tổng hợp	Văn phòng B	Cử nhân Tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tiếng Anh Đại

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5421	201	Nguyễn Thị	Chanh	27/3/1988	Nữ	Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5422	202	Khuất Sơn	Hà	04/11/1992	Nam	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5423	203	Nguyễn Thị Thúy	Hà	18/3/1973	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	DTTS	
5424	204	Ngô Thị Bích	Hiền	16/02/1989	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Tin học văn phòng	Anh B		
5425	205	Khuất Thị	Hương	21/7/1989	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5426	206	Nguyễn Thị Thu	Huyền	08/10/1990	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5427	207	Đào Thị Bích	Nguyệt	27/11/1993	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng B	Anh B1		
5428	208	Lê Thị	Thanh	26/9/1991	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh B		
5429	209	Cát Thu	Trang	06/12/1990	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5430	210	Nguyễn Thúy	Hằng	12/05/1983	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thận HN	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5431	211	Trần Thị Thu	Hương	27/01/1976	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BV Thận HN	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5432	212	Trịnh Thị	Nga	01/10/1987	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BV Thận HN	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5433	213	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/7/1992	Nữ	Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5434	214	Nguyễn Thị Phương	Dung	22/11/1992	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5435	215	Nguyễn Thị	Yến	20/08/1991	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5436	216	Nguyễn Thị	Hằng	18/12/1994	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 337		
5437	217	Hoàng Thị	Hậu	29/09/1991	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh C		
5438	218	Nguyễn Thị	Hường	01/08/1987	Nữ	Sen Chiểu, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
5439	219	Đoàn Văn	Khoát	26/07/1983	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
5440	220	Nguyễn Thúy	Ngà	05/11/1994	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5441	221	Lê Thị Thanh	Tâm	24/08/1989	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5442	222	Kim Thị	Thanh	05/08/1995	Nữ	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5443	223	Tô Thị Lệ	Thủy	25/07/1997	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5444	224	Nguyễn Thị	Nhung	19/09/1991	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5445	225	Nguyễn Thị	Thúy	27/08/1989	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5446	226	Bùi Thu	Hà	02/02/1995	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5447	227	Nguyễn Thị Thu	Hiền	17/12/1991	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh C		
5448	228	Nguyễn Thị Thu	Thủy	08/05/1991	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Cử nhân Tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5449	229	Đỗ Thị Kim	Anh	28/09/1992	Nữ	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 350		
5450	230	Nguyễn Thị Thùy	Dung	17/12/1989	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5451	231	Nguyễn Thị Thu	Hà	30/05/1993	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5452	232	Doãn Thị	Hạnh	20/03/1991	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5453	233	Dương Thị	Hiền	15/12/1984	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5454	234	Kiều Thị	Hoa	16/01/1990	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng B	Anh A2		
5455	235	Nguyễn Thị Thu	Hường	16/10/1976	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5456	236	Phạm Thị	Hương	24/09/1989	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh A2		
5457	237	Nguyễn Thu	Hương	09/02/1982	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5458	238	Nguyễn Thị Thu	Huyền	17/02/1986	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh C		
5459	239	Lý Thị Hương	Lam	22/09/1982	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	Ths	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh A2	CTB	
5460	240	Nguyễn Thị Hương	Lan	18/11/1982	Nữ	Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	Ths	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
5461	241	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	16/12/1993	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5462	242	Nguyễn Xuân Thùy	Linh	14/10/1990	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5463	243	Vũ Thị Kiều	Loan	06/09/1997	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5464	244	Đỗ Thị Kim	Ngân	01/06/1997	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5465	245	Đặng Thị	Nhâm	22/03/1992	Nữ	Vân Nam, Phúc Thọ,Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5466	246	Lê Thị Quỳnh	Như	04/04/1996	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5467	247	Nguyễn Thị Bích	Phượng	16/02/1981	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh B		
5468	248	Nguyễn Thị	Phương	08/11/1991	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5469	249	Đức Thị	Phương	01/05/1990	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng B	Anh B1 (TOEIC)		
5470	250	Sỹ Thị	Thúy	09/02/1997	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Tin học MOS	Anh B1		
5471	251	Nguyễn Thị Trung	Thủy	06/04/1990	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5472	252	Nguyễn Thị	Yến	22/10/1996	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 375		
5473	253	Nguyễn Thị	Chinh	04/12/1984	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5474	254	Nguyễn Thị Minh	Phương	17/04/1990	Nữ	Thanh Bình, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5475	255	Nguyễn Ngọc	Mơ	10/09/1993	Nam	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5476	256	Đỗ Thị Hạnh	Hồng	17/08/1987	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	Ths	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)	Ứng dụng B	Anh B		
5477	257	Nguyễn Bá	Văn	10/05/1986	Nam	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5478	258	Nguyễn Hồng	Nhung	07/12/1994	Nữ	Thị Trấn, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5479	259	Phan Thị	Giang	31/10/1992	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	C	Anh C		
5480	260	Lê Thị Kim	Liên	20/11/1985	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5481	261	Phạm Thanh	Thủy	28/11/1985	Nữ	Thị trấn Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5482	262	Phạm Thị Thu	Uyên	24/01/1983	Nữ	Quang Lãng, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5483	263	Phùng Thị Thùy	Linh	01/06/1988	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5484	264	Nguyễn Thúy	Quỳnh	25/07/1990	Nữ	Kim Hoa, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5485	265	Phùng Thanh	Thủy	28/03/1994	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5486	266	Kiều Mạnh	Tùng	19/09/1992	Nam	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5487	267	Mai Kiều	Anh	05/08/1996	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEIC 570 (A2)		
5488	268	Nguyễn Thị Thu	Hòa	29/10/1988	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh C		
5489	269	Nguyễn Thị Khánh	Linh	15/06/1994	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5490	270	Nguyễn Thị Kim	Thoa	24/06/1988	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5491	271	Nguyễn Thị Anh	Tân	12/02/1980	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5492	272	Trần Minh	Thúy	02/03/1991	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5493	273	Phạm Hồng	Ánh	02/11/1993	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5494	274	Trần Thùy	Linh	20/4/1985	Nữ	Thụy Lương, Thái Thụy, Thái Bình	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5495	275	Nguyễn Kim	Hoa	04/06/1972	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5496	276	Cao Thị Thu	Phương	12/12/1982	Nữ	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5497	277	Lê Thị	Lan	20/04/1979	Nữ	Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
5498	278	An Thùy	Linh	01/09/1992	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5499	279	Lục Anh	Tuấn	05/02/1986	Nam	Uy Lỗ, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5500	280	Dương Thị Hà	Trang	05/09/1993	Nữ	Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5501	281	Phạm Hồng	Hạnh	24/10/1990	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 1		
5502	282	Phan Anh	Dũng	06/10/1987	Nam	Cầm Hội, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh B1		
5503	283	Trịnh Kim	Hường	19/05/1988	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5504	284	Phùng Thị Phương	Nga	26/11/1988	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5505	285	Nguyễn Quỳnh	Nga	01/04/1997	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5506	286	Đặng Thị Phương	Anh	18/07/1978	Nữ	Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Long Biên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5507	287	Phạm Tùng	Long	19/09/1992	Nam	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5508	288	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	01/08/1988	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Long Biên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh B		
5509	289	Nguyễn Đức	Kiên	10/10/1983	Nam	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5510	290	Nguyễn Thị Hải	Yến	09/09/1990	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh , Hà Nội	TTYT Đông Anh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5511	291	Vũ Thị Thùy	Linh	02/01/1989	Nữ	Dương Nội- Hà Đông-Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5512	292	Nguyễn Thị Mai	Hương	29/08/1987	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5513	293	Ngọ Thị	Khái	20/01/1987	Nữ	Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5514	294	Trần Ngọc Anh	Thư	11/11/1991	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	IC 3	Anh A2		
5515	295	Hoàng Ngọc	Châm	25/06/1991	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh B	DTTS	
5516	296	Phùng Thị	Diệu	21/04/1993	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng B	Anh C		
5517	297	Nguyễn Thị Thanh	Hợp	22/07/1991	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng B	Anh A2		
5518	298	Lương Thị	Huyền	05/10/1990	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5519	299	Nguyễn Thanh	Loan	23/09/1993	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng B	Anh C		
5520	300	Nguyễn Thị Bích	Thảo	23/09/1992	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng B	Anh C		
5521	301	Ninh Thi	Thúy	26/10/1990	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh A2		
5522	302	Phùng Thùy	Trang	29/08/1995	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 427		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5523	303	Hà Thanh	Nga	14/01/1988	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5524	304	Đào Thị	Hạnh	13/11/1993	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5525	305	Lê Thị	Thúy	07/09/1987	Nữ	Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5526	306	Nguyễn Thị Bích	Lợi	03/04/1981	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5527	307	Trần Thị	Luyến	07/01/1990	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5528	308	Nguyễn Thị Bích	Nụ	22/11/1989	Nữ	Đại Hưng, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	CBB	
5529	309	Trịnh Thị Phương	Thảo	16/05/1995	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5530	310	Vũ Thị Thu	Hoài	10/12/1994	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
5531	311	Nguyễn Thị Bích	Hồng	15/11/1988	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5532	312	Ngô Thị	Liên	18/12/1982	Nữ	TT Phú Xuyên,Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 370		
5533	313	Phạm Phương	Thoan	19/04/1986	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Trung cấp CNTT	Anh A2		
5534	314	Kiều Thị	Hường	15/10/1987	Nữ	Vân Nam, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5535	315	Phạm Nguyễn	Thành	08/08/1981	Nam	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5536	316	Đỗ Thị Vân	Anh	30/10/1992	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5537	317	Đỗ Thị Thu	Hiền	04/5/1990	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5538	318	Cao Thị Khánh	Huyền	27/01/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
5539	319	Nguyễn Thị	Trang	21/7/1986	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5540	320	Đào Thùy	Trang	03/12/1993	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5541	321	Nguyễn Thị	Vân	03/9/1986	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
		27. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KẾ TOÁN VIÊN CAO ĐẲNG - 06a.031													
5542	1	Nguyễn Ngọc	Ánh	20/11/1991	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	B	Anh B		
5543	2	Nguyễn Thị	Hiền	05/05/1983	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Văn phòng B	Anh B		
5544	3	Nguyễn Mai	Lam	30/05/1990	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	B	Anh B		
5545	4	Nguyễn Dương	Anh	27/05/1993	Nam	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Văn phòng B	Anh B		
5546	5	Hà Quốc	Hưng	26/12/1992	Nam	Quang Hưng, Phù Cừ, Hưng Yên	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	B	Anh B		
5547	6	Đàm Thị	Nga	04/10/1991	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5548	7	Nguyễn Thị	Phương	24/12/1993	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Văn phòng B	Anh B		
5549	8	Nguyễn Thị Minh	Trâm	22/10/1993	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán		Anh B		
5550	9	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	23/08/1991	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5551	10	Lê Thị	Phượng	26/09/1996	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5552	11	Phùng Thị Ngọc	Ánh	24/10/1992	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5553	12	Phan Thị Hương	Giang	24/03/1990	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5554	13	Lê Thị	Hạnh	10/03/1991	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Tin học văn phòng nâng cao	Anh B		
5555	14	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	04/07/1982	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5556	15	Trần Thị Xuân	Lành	02/09/1987	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5557	16	Nguyễn Thị Trang	Nhung	26/09/1990	Nữ	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5558	17	Lê Thị	Phương	21/10/1994	Nữ	Sơn Đà, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5559	18	Nguyễn Văn	Thanh	14/06/1991	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh C		
5560	19	Nguyễn Thanh	Tú	06/04/1979	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5561	20	Lê Thị Thanh	Yến	27/01/1984	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng B	Anh B		
5562	21	Nguyễn Thị Thu	Hương	19/01/1988	Nữ	Thổ Quan, Đống Đa, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5563	22	Đặng Xuân	Dung	27/9/1990	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5564	23	Tạ Thị	Gấm	19/02/1988	Nữ	Hồng Kỳ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5565	24	Lê Thị Mỹ	Hạnh	26/4/1983	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5566	25	Nguyễn Thị Bích	Lê	18/8/1979	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5567	26	Trần Thị	Liên	07/11/1986	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5568	27	Nguyễn Thị Thu	Luyến	05/12/1983	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Đại học Kế toán	B	C		
5569	28	Trần Ánh	Nhi	01/06/1995	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2	CBB	
5570	29	Vương Thị	Tuyến	21/8/1993	Nữ	Tân Hưng, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Cao đẳng Kế toán	B	Anh B		
5571	30	Tô Thị	Dịu	22/06/1987	Nữ	Cẩm Đình, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5572	31	Nguyễn Thị Thu	Hà	04/06/1993	Nữ	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Cao đẳng Kế toán	B	Anh B		
5573	32	Kiều Thị	Tâm	12/03/1993	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Cao đẳng Kế toán	B	Anh B		
5574	33	Dương Thị	Thơm	14/11/1985	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Cao đẳng Kế toán	B	Anh B		
5575	34	Tạ Thị Hoa	Mai	12/03/1992	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Cao đẳng Kế toán	B	Anh B		
5576	35	Phùng Thị	Tuyến	27/01/1992	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Cao đẳng Kế toán	B	Anh A2		
5577	36	Bùi Thị Thu	Dung	29/08/1989	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5578	37	Nguyễn Thị Thu	Thúy	09/10/1989	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5579	38	Âu Hồng	Vân	16/04/1993	Nữ	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5580	39	Trần Thị	Dung	13/12/1989	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng B	Anh B		
5581	40	Phan Thị Kim	Dung	21/03/1985	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5582	41	Nguyễn Thanh	Huyền	21/07/1989	Nữ	Mỹ đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
		28. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KẾ TOÁN VIÊN TRUNG CẤP - 06.032													
5583	1	Đặng Thị Thúy	Hà	26/10/1978	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh A2		
5584	2	Vũ Thị	Cửi	10/04/1977	Nữ	Tư Đình, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	**Tài chính Kế toán**	TC	Trung cấp Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 343		
5585	3	Nguyễn Thị	Duyên	25/08/1989	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	**Tài chính Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 373		
5586	4	Trần Thu	Hiền	28/07/1978	Nữ	Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	**Tài chính Kế toán**	TC	Trung cấp Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 363		
5587	5	Quách Thị Mai	Nga	29/12/1969	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 377		
5588	6	Nguyễn Thanh	Thủy	08/07/1973	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5589	7	Nguyễn Huyền	Trang	04/10/1986	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	**Tài chính Kế toán**	TC	Trung cấp Kế toán	Văn phòng B	Anh C		
5590	8	Nguyễn Thị	Vượng	27/07/1989	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
5591	9	Nguyễn Thị Hiền	Mai	10/06/1970	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Trung cấp Kế toán	B	Anh bậc 2		
5592	10	Nguyễn Minh	Phượng	06/08/1988	Nữ	Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Trung cấp Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5593	11	Đỗ Bích	Thủy	25/07/1988	Nữ	Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Trung cấp Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5594	12	Đặng Ngọc	Lan	16/03/1986	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Trung cấp Kế toán	Văn phòng B	Anh C		
5595	13	Phạm Thị Minh	Thu	07/09/1986	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5596	14	Đoàn Vân	Anh	17/03/1990	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Trung cấp Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5597	15	Đỗ Thị	Hà	18/10/1991	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5598	16	Nghiêm Thị Tuyết	Hạnh	11/08/1992	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
5599	17	Đinh Thị	Hồng	10/03/1995	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	B	Anh C		
5600	18	Lê Tuyết	Mai	22/04/1987	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Trung cấp Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5601	19	Nguyễn Văn	Minh	06/01/1981	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5602	20	Dương Thị Minh	Tâm	06/09/1987	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5603	21	Phùng Thị	Hải	15/09/1989	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5604	22	Nguyễn Thị	Hoa	07/04/1985	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5605	23	Nguyễn Thị Lan	Phương	26/12/1987	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5606	24	Ngô Văn	Hải	28/07/1988	Nam	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5607	25	Đỗ Thị Thủy	Dương	12/11/1984	Nữ	Vân Tảo, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5608	26	Đinh Minh	Đức	06/06/1991	Nam	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán tổng hợp	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
5609	27	Nguyễn Quỳnh	Hoa	18/12/1991	Nữ	Chi Thủy, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Văn phòng B	Anh B		
5610	28	Vũ Thị Ánh	Nguyệt	24/10/1994	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng B	Anh B		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5611	29	Hoàng Thị	Ánh	12/3/1988	Nữ	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Văn phòng B	Anh B		
5612	30	Nguyễn Thị Thu	Hằng	17/10/1992	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5613	31	Đào Thị Thu	Hoài	20/03/1982	Nữ	Cẩm Đình, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Trung cấp Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5614	32	Trần Thị	Hồng	09/06/1980	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Trung cấp Kế toán	B	Cử nhân Tiếng Anh		Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5615	33	Vũ Thị	Thảo	04/03/1984	Nữ	Cẩm Đình, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Trung cấp Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5616	34	Kiều Thị	Thủy	05/01/1990	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5617	35	Nguyễn Thị	Xuân	03/08/1988	Nữ	Sen Chiểu, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5618	36	Hoàng Thanh	Hằng	01/12/1995	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	B	Anh B		
5619	37	Đinh Thị	Quý	15/01/1989	Nữ	Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	**CBB**	
5620	38	Văn Thị Mai	Hoa	28/07/1986	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5621	39	Phan Thanh	Hương	24/12/1988	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5622	40	Phí Thị	Khuyên	20/04/1989	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Văn phòng B	Anh A2		
5623	41	Nguyễn Thị	Ngân	20/09/1992	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5624	42	Trần Thị	Thủy	08/05/1988	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Trung cấp Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5625	43	Nguyễn Thị	Hà	07/09/1985	Nữ	Thống Nhất, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 370		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5626	44	Nguyễn Thị	Nga	10/08/1987	Nữ	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Đại học Kế toán	B	Anh B		
5627	45	Tống Thị	Thủy	29/10/1990	Nữ	TT Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Trung cấp Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLS 350		
5628	46	Vũ Hà	Bắc	13/03/1984	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Trung cấp Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5629	47	Nguyễn Thị	Ngọc	01/03/1986	Nữ	Thị trấn Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Trung cấp Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5630	48	Lê Thùy	Dung	06/01/1982	Nữ	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Trung cấp Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5631	49	Đỗ Thị Thụy	Anh	02/12/1976	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Trung cấp Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5632	50	Nguyễn Thị	Dư	28/12/1992	Nữ	Hồng Kỳ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5633	51	Trần Thị	Hằng	23/03/1991	Nữ	Việt Long, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5634	52	Ngô Thị Xuân	Thu	12/10/1990	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Đại học Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5635	53	Ta Thị	Tuyền	02/09/1988	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	Ths	Thạc sĩ Kế toán	Văn phòng B	Anh B1	CBB	
5636	54	Trần Thị	Vân	20/09/1990	Nữ	Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5637	55	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	18/07/1992	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Cao đẳng Kế toán	B	Anh C		
5638	56	Đoàn Thị Thanh	Tào	25/09/1982	Nữ	Phúc Hoà, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Trung cấp Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		